ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH THÁI NGUYÊN

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
TỈNH THÁI NGUYÊN

TẬP II
(1965 – 2000)

XUẤT BẢN NĂM 2005

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
THÁI NGUYÊN

Hội đồng chỉ đạo:

1- LƯƠNG ĐỨC TÍNH : Chủ tịch
2- NGUYỄN BẮC SON : Phó Chủ tịch
3- NGUYỄN VĂN KIM : Uỷ viên
4- NGUYỄN VĂN VƯỢNG : Uỷ viên Thường trực
5- NGUYỄN QUỐC MINH : Uỷ viên
6- ĐỖ THỊ THÌN : Uỷ viên

Ban biên soạn:

1- TS NGUYỄN XUÂN MINH (Chủ biên):
Chương IV và Kết luận
2- NGUYỄN VĂN THẮNG : Chương I
3- VŨ THANH KHÔI: Chương II
4 - PHẠM TẤT QUYNH : Chương III
5- HÀ HUY HOÀNG : Phụ lục

Trình bầy bìa: MINH HẢI

Ảnh:

- PHÒNG LỊCH SỬ ĐẢNG - BAN TUYÊN GIÁO TỈNH UỶ
- TIẾN VỊNH
- ĐỒNG ĐĂNG

LỜI GIỚI THIỆU

Tiếp theo cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên - Tập I (1936 - 1965)*** *được biên soạn và xuất bản vào dịp kỷ niệm 73 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/2003), thực hiện Chỉ thị số 15 ngày 28/8/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chỉ thị số 17 ngày 31/12/2002 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Thái Nguyên về "Tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ các cấp, lịch sử các ngành trong tỉnh", từ đầu năm 2004, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, biên soạn cuốn sách* ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên - Tập II (1965 - 2000)***.

Cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên - Tập II (1965 - 2000)*** *được biên soạn công phu, nghiêm túc, dựng lại một cách trung thực, khách quan 35 năm xây dựng và trưởng thành của Đảng bộ tỉnh, gắn với những bước ngoặt lớn của cách mạng cả nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước cũng như trong*

sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Cuốn sách ghi lại những thành tựu to lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đạt được trong 35 năm trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - văn hoá - xã hội và an ninh quốc phòng; đồng thời cũng phản ánh những mặt chưa thành công trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ qua các thời kỳ. Do đó, cuốn sách vừa là tài liệu góp phần giáo dục truyền thống lịch sử cho các thế hệ cán bộ, đảng viên, nhân dân và chiến sỹ lực lượng vũ trang trong tỉnh, vừa là tài liệu nghiên cứu, rút kinh nghiệm cho các cấp uỷ Đảng và chính quyền trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới của cách mạng.

Trong quá trình tổ chức nghiên cứu, biên soạn, chúng tôi thường xuyên nhận được sự quan tâm chỉ đạo về chuyên môn của Viện Lịch sử Đảng - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, sự giúp đỡ của các cơ quan Trung ương và tỉnh bạn, các ban, ngành trong tỉnh, đặc biệt là sự đóng góp trí tuệ của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh trong các thời kỳ.

Thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, tôi xin chân thành cám ơn các tập thể, cá nhân đã tận tình giúp đỡ

để cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên - Tập II (1965 - 2000)*** *kịp xuất bản, phát hành nhân dịp Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVII.*

Mặc dù Ban biên soạn đã có nhiều cố gắng trong công tác sưu tầm, nghiên cứu, nhưng do nguồn tài liệu chưa thật đầy đủ, lại là thời kỳ có nhiều biến động, nhiều sự kiện lịch sử còn mang tính thời sự, nên việc biên soạn gặp khó khăn. Vì vậy, cuốn sách chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót. Rất mong các đồng chí và đông đảo bạn đọc đóng góp ý kiến phê bình, bổ sung.

Tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên - Tập II (1965 - 2000)*** *tới các đồng chí, đồng bào trong tỉnh và bạn đọc gần xa.*

THAY MẶT BAN THƯỜNG VỤ TỈNH UỶ

Bí thư

LƯƠNG ĐỨC TÍNH

Lễ đón nhận danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Thái Nguyên (17/12/2002)

Chương I

LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VỪA SẢN XUẤT, VỪA TRỰC TIẾP CHIẾN ĐẤU, PHỤC VỤ CHIẾN ĐẤU VÀ CHI VIỆN CHIẾN TRƯỜNG (7/1965 - 5/1975)

I- Lãnh đạo trực tiếp chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, giữ vững và phát triển sản xuất, chi viện chiến trường (7/1965 - 3/1968)

Thực hiện Nghị quyết số 111 NQ/TW ngày 10/4/1965 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết số 103 ngày 21/4/1965 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc hợp nhất hai tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên thành tỉnh Bắc Thái, từ ngày 4 đến ngày 6/6/1965, tại thành phố Thái Nguyên, Tỉnh uỷ Bắc Kạn và Tỉnh uỷ Thái Nguyên họp Hội nghị để quyết định một số vấn đề về hợp nhất. Hội nghị nhất trí tán thành hợp nhất hai Tỉnh uỷ lại làm một, gọi là Tỉnh uỷ Bắc

Thái[1] và bầu Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 11 đồng chí[2]. Đồng chí Lê Hoàng (Uỷ viên dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Bí thư Khu uỷ Khu Tự trị Việt Bắc, Trung ương điều động tăng cường cho Bắc Thái) được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ; các đồng chí Nguyễn Việt Vinh (nguyên Bí thư Tỉnh uỷ Bắc Kạn) được bầu làm Phó Bí thư Thường trực, Doanh Hằng (nguyên Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ Thái Nguyên), Nguyễn Thế Đạt (nguyên Phó Bí thư Tỉnh uỷ Thái Nguyên) được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Hội nghị chỉ rõ: Với diện tích hơn 8.600 km^2, dân số 60 vạn người, Bắc Thái là một tỉnh lớn, có thành phố Thái Nguyên là Thủ phủ Khu Tự trị Việt Bắc, có Khu Công nghiệp Gang thép Thái Nguyên (con chim đầu đàn của Ngành Luyện kim nước ta), có hệ thống giao thông chiến lược (cả đường sắt và đường bộ) nối liền thủ đô Hà Nội, các tỉnh đồng bằng với các tỉnh vùng Việt Bắc lên biên giới Việt - Trung. Bắc Thái cũng là tỉnh có

---

[1] Trừ đồng chí Chu Quốc Hưng nghỉ hưu và các đồng chí Lê Đức Chỉnh, Trần Đình Nghị, Hoàng Minh Chí, Hoàng Mỹ Đức, Đồng Quang Tuân, Lê Thanh Bình, Lãnh Long Tùng, Lương Chính Thắng, Nguyễn Quốc Thành chuyển công tác khác.

[2] Gồm các đồng chí: Lê Hoàng, Nguyễn Việt Vinh, Doanh Hằng, Nguyễn Thế Đạt, Lý Ngọc Tuân, Triệu Văn Tịnh, Hoàng Khải Giáp, Nguyễn Hữu Uẩn, Nguyễn Hồng An, Lê Nguyên Kính, Trần Tường.

nhiều cơ sở quốc phòng quan trọng, bao gồm hệ thống các nhà máy (Z) chuyên sản xuất, sửa chữa vũ khí, máy móc quốc phòng.

Đánh giá đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ, Hội nghị khẳng định: Đa số cán bộ, đảng viên trong tỉnh nêu cao tinh thần chiến đấu, tỏ rõ sự trung thành với sự nghiệp cách mạng, nêu cao ý thức tổ chức và kỷ luật, luôn luôn giữ được lối sống cần cù, giản dị, trong sạch của người cách mạng, nhiều cán bộ, đảng viên một lòng, một dạ vì sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Tuy nhiên, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên của tỉnh (kể cả cán bộ trung cấp và sơ cấp) còn nhiều biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân; đồng thời tư tưởng hữu khuynh vẫn còn tồn tại một cách tương đối phổ biến và những nhận thức mơ hồ về chủ nghĩa xét lại hiện đại còn chưa khắc phục hết.

Căn cứ vào vị trí, đặc điểm của tỉnh và tình hình của Đảng bộ, quán triệt nhiệm vụ trước mắt của quân và dân miền Bắc do Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 (tháng 3/1965) đề ra là: *Tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế và tăng cường quốc phòng, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại và phong toả bằng không quân và hải quân của địch, chuẩn bị sẵn sàng để đánh địch trong trường hợp chúng đưa cuộc chiến tranh phá hoại hiện nay đến một trình độ ác liệt gấp bội...*, Hội nghị ra Nghị quyết về công tác tổ chức và

công tác xây dựng Đảng trong thời gian trước mắt gồm một số nội dung chủ yếu:

- Tiếp tục hoàn thành cuộc chỉnh huấn mùa Xuân 1965 và học tập các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về tình hình, nhiệm vụ mới thật sâu rộng, nhằm nâng cao hơn nữa trình độ nhận thức tư tưởng, lập trường quan điểm giai cấp công nhân cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trên cơ sở đó, khắc phục các tư tưởng hữu khuynh, trung bình chủ nghĩa, ngại khó, ngại khổ, tự tư, tự lợi, hoà bình chủ nghĩa, mất cảnh giác cách mạng; tiếp tục nâng cao nhiệt tình cách mạng, ý chí phấn đấu vươn lên, kiên quyết hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, góp phần đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng chi bộ, đảng bộ 4 tốt, đưa tỷ lệ chi bộ, đảng bộ 4 tốt lên khoảng 50%; giảm số chi bộ kém xuống còn 4%; số đảng viên kém xuống còn 5%.

- Tích cực phát triển đảng viên mới, phấn đấu đưa số đảng viên ở nông thôn đạt tỷ lệ 4,8% so với dân số; ở cơ quan, công trường, nhà máy, xí nghiệp đạt 27,4% so với tổng số cán bộ, công nhân, viên chức. Chú ý phát triển đảng viên ở các xóm không có đảng viên, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số mà tỷ lệ đảng viên so với dân số còn thấp; đảm bảo 70% số đảng viên mới là lực lượng trẻ, 20% là nữ.

- Tiếp tục kiện toàn biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo; khẩn trương kiện toàn lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh, đáp ứng kịp thời yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Từ ngày 21 đến ngày 25/6/1965, tại Hội trường Khu Tự trị Việt Bắc, Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Thái khoá I[1] họp kỳ thứ nhất với sự có mặt của 113 trên tổng số 128 đại biểu.

Các đồng chí Ung Văn Khiêm (Bộ trưởng Nội vụ), Lê Hoàng (Uỷ viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ), Nguyễn Văn Chi (đại biểu Quốc hội tỉnh Khánh Hoà kết nghĩa) đã tham dự kỳ họp. Phát biểu tại kỳ họp, đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ nhấn mạnh *"Phải nhanh chóng ổn định tư tưởng và tổ chức các ngành của Đảng, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh, nhằm đảm bảo các hoạt động nhịp nhàng, liên tục, không để ảnh hưởng không tốt đến các mặt sản xuất và sẵn sàng chiến đấu của tỉnh"*.

Tại kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân tỉnh khoá I đã bầu đồng chí: Doanh Hằng (Phó Bí thư Tỉnh uỷ) giữ chức Chủ tịch; đồng chí Nguyễn Thế Đạt (Phó Bí thư Tỉnh uỷ) và các đồng chí: Lý Ngọc Tuân (Uỷ viên Ban

---

[1] Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Thái khoá I được bầu ngày 23/4/1965 gồm 128 đại biểu; trong đó Thái Nguyên có 75 đại biểu (Huyện Võ Nhai có 7, Đại Từ có 9, Đồng Hỷ có 9, Phú Lương có 7, Định Hoá có 7, Phổ Yên có 10, Phú Bình có 10, thành phố Thái Nguyên có 16).

Thường vụ Tỉnh uỷ), Triệu Văn Tịnh (Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ), Hoàng Thượng giữ chức Phó Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh Bắc Thái.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ lâm thời và Nghị quyết kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh khoá I, các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh đã nhanh chóng được xây dựng và kiện toàn. Từ ngày 1/7/1965, Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban hành chính và các ban, ngành, đoàn thể chính thức làm việc theo tỉnh mới.

Trước tình hình giặc Mỹ tăng cường cho máy bay hoạt động trinh sát, chuẩn bị đánh phá vào địa bàn tỉnh[1], ngày 8/7/1965, Uỷ ban hành chính tỉnh ra ***Chỉ thị về các biện pháp cơ bản của công tác phòng không nhân dân***, chia địa bàn Thái Nguyên thành 2 vùng: Vùng ở trạng thái bị uy hiếp (có thể bị địch đánh phá) gồm thành phố Thái Nguyên, các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ và các thị trấn ở các huyện. Vùng trong trạng thái phòng thủ là các huyện còn lại. Chỉ thị chỉ rõ nhiệm vụ của các huyện, thành phố, thị trấn trong vùng ở trạng thái bị uy hiếp và vùng ở trạng thái phòng thủ.

Thực hiện Chỉ thị của Uỷ ban hành chính tỉnh, đến đầu tháng 8/1965, tại thành phố Thái Nguyên, đa số cán bộ, nhân viên trong các cơ quan, đơn vị hành chính

---

[1] Năm 1964, số máy bay Mỹ trinh sát Thái Nguyên 24 lần/tốp, 9 tháng đầu năm 1965, số máy bay Mỹ trinh sát Thái Nguyên tăng lên 221 lần/tốp.

đã sơ tán cách trung tâm Thành phố từ 8 km trở lên, số còn lại cũng phân tán cách các trọng điểm có thể bị địch đánh phá ít nhất 1 km; 80% nhân dân đã đi sơ tán, trong đó có 5.600 người sơ tán lâu dài, số còn lại sáng đi, tối về; 744 nóc nhà (chiếm khoảng 50% nhà ở) trong trung tâm Thành phố đã được tháo dỡ để phòng bị cháy khi máy bay địch đánh, phá.

Cơ quan Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh sơ tán lên xã Động Đạt, huyện Phú Lương. Đồng chí Nguyễn Thế Đạt (Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh) được Thường trực Tỉnh uỷ, Thường trực Uỷ ban hành chính tỉnh phân công ở lại Thành phố trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị không thể di chuyển và sơ tán được.

Cuối tháng 8/1965, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định thành lập Ban phòng không nhân dân tỉnh làm nhiệm vụ giúp Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo công tác sơ tán, phòng tránh và đánh địch, do các đồng chí Nguyễn Thế Đạt làm Chủ nhiệm, Hoàng Khải Giáp (Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Trưởng ty Công an) làm Phó Chủ nhiệm, Nguyễn Hồng An (Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Tỉnh đội trưởng) làm Tham mưu trưởng. Sở chỉ huy Ban phòng không nhân dân tỉnh đặt tại Sở chỉ huy Tỉnh đội.

Ngành Y tế tỉnh nhanh chóng chuyển hoạt động từ thời bình sang thời chiến. Các bệnh xá huyện được bổ sung thêm trang, thiết bị đa khoa, nâng cấp thành các

bệnh viện để đáp ứng yêu cầu điều trị trong thời chiến. Bệnh viện A của tỉnh và Bệnh viện Gang thép được bổ sung thêm y, bác sỹ, y tá và dụng cụ y tế. Ban Y tế phòng không nhân dân các cấp từ tỉnh xuống các huyện, thành phố, xã, thị trấn được thành lập, đáp ứng yêu cầu điều trị, cấp cứu thương binh và người bị nạn khi bị máy bay địch đánh, phá. Ban Y tế phòng không nhân dân tỉnh mở lớp huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ cứu thương cho hơn 100 y sỹ, y tá.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh đối với lực lượng vũ trang địa phương, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định giải thể Ban cán sự Đảng, thành lập Đảng bộ Tỉnh đội trực thuộc Tỉnh uỷ, chỉ định Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ Tỉnh đội gồm 7 uỷ viên, do đồng chí Nguyễn Tâm (Chính trị viên Tỉnh đội) làm Bí thư và đồng chí Nguyễn Hồng An (Tỉnh đội trưởng) làm Phó Bí thư.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh, Ban chỉ huy Tỉnh đội thường xuyên cử nhiều đoàn cán bộ xuống thành phố Thái Nguyên và các huyện kiểm tra công tác xây dựng lực lượng và trận địa trực chiến phòng không của dân quân, tự vệ; xây dựng và củng cố hệ thống hầm, hố phòng tránh của nhân dân. Đảng bộ các huyện, thành phố nằm trên địa bàn Thái Nguyên đã lãnh đạo xây dựng được 146 trận địa trực chiến phòng không, với 1.570 cán bộ, chiến sỹ dân quân, tự vệ tham gia; đào, đắp trên 210.400

mét giao thông hào, 79.600 hầm, hố phòng tránh; chuyển được nhiều mặt hoạt động xã hội từ thời bình sang thời chiến; một số trường học, cơ quan, đơn vị, xí nghiệp... bước đầu thực hiện nếp sống quân sự hoá.

Giữa tháng 10/1965, đế quốc Mỹ mở một chiến dịch lớn cho không quân đánh phá ác liệt các tuyến giao thông phía Bắc và Đông Bắc thủ đô Hà Nội. Cầu Gia Bẩy (thành phố Thái Nguyên) là một trong những mục tiêu đánh phá chủ yếu của không quân Mỹ trong chiến dịch này.

Cầu Gia Bẩy bắc qua sông Cầu, nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 1B, có chiều dài khoảng 100 mét, được chia làm 3 nhịp, với lưu lượng xe ô tô các loại qua cầu mỗi ngày khoảng 1.000 lần chiếc. Đây là một chiếc cầu lớn nằm trên tuyến vận chuyển quan trọng, có ý nghĩa chiến lược cả về quốc phòng và kinh tế. Các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh và hàng hoá do Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em viện trợ cho nước ta từ biên giới Việt - Trung theo Quốc lộ 1B qua cầu Gia Bẩy về thành phố Thái Nguyên, xuôi theo Quốc lộ 3 về Hà Nội để chuyển tới các chiến trường.

Từ 9 giờ 55 phút đến 10 giờ 30 phút ngày 17/10/1965, giặc Mỹ huy động 29 lần chiếc máy bay, ném 116 quả bom phá xuống khu vực cầu Gia Bẩy và bắn nhiều loạt đạn tên lửa xuống trận địa pháo cao xạ của bộ đội Trung đoàn 210 ở xóm Xuân Quang (xã Gia Sàng), mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không

quân của chúng vào địa bàn Thái Nguyên. Cầu Gia Bẩy bị hỏng 2 mố, dầm chủ và dầm bên thượng lưu bị đứt 3 chỗ, dầm bên hạ lưu bị đứt 1 chỗ, giao thông hoàn toàn bị ngưng trệ; 147 người bị chết và bị thương; 45 ngôi nhà ở hai bên đầu cầu bị cháy, đổ; 3 cơ sở sản xuất thủ công nghiệp, 2 xe ô tô và 10 xe đạp bị phá hủy.

Ngày đầu tiên trực tiếp đối mặt với máy bay và bom đạn Mỹ, trong tình huống hoàn toàn bị bất ngờ, quân và dân thành phố Thái Nguyên đã chiến đấu và phục vụ chiến đấu kiên cường, dũng cảm. Hầu hết các đảng viên trong Chi bộ Khu phố Hoàng Văn Thụ đã có mặt tại trận địa đồi Két Nước và các khu vực bị máy bay địch đánh phá để lãnh đạo, chỉ đạo chiến đấu và giải quyết hậu quả. Các đồng chí Phan Văn Giao (Bí thư Chi bộ, Chính trị viên Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ kiêm Chính trị viên Trung đội tự vệ tiểu khu Gia Bẩy), Vũ Đình Đức (Đại đội phó Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ) và hầu hết cán bộ, chiến sỹ Trung đội tự vệ tiểu khu Gia Bẩy (thuộc Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ) đều có mặt tại trận địa trực chiến trên đồi Két Nước (đầu cầu Gia Bẩy phía Quốc lộ 3) làm nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Trong chiến đấu, cán bộ, chiến sỹ các đơn vị tự vệ đã tỏ rõ khí phách anh hùng. Máy bay Mỹ ném bom vào trận địa đồi Két Nước, cả khẩu đội thượng liên, do Nông Quốc Khánh chỉ huy, đều hy sinh. Cán bộ, chiến sỹ Đại

đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ không hề nao núng, vẫn tiếp tục nhằm thẳng máy bay địch mà bắn, đẩy chúng lên cao, tạo điều kiện cho đơn vị bộ đội cao xạ Trung đoàn 210 bắn rơi 1 chiếc. Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ cầu Gia Bẩy, toàn bộ 32 cán bộ, chiến sỹ Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ trên trận địa đồi Két Nước bị thương, vong (có 15 đồng chí hy sinh, được Nhà nước công nhận là liệt sỹ)[1]. Cùng thời gian trên, tại trận địa đồi Cô Kê, chiến sỹ tự vệ Hợp tác xã cơ khí Bắc Nam Đoàn Văn Bảo (16 tuổi), đã dũng cảm nhảy lên thành công sự, làm giá súng thượng liên cho đồng đội bắn máy bay Mỹ.

Trong công tác phục vụ chiến đấu đã xuất hiện nhiều tấm gương dũng cảm, kiên cường, hết lòng vì nhiệm vụ. Đó là các đồng chí Nguyễn Thừa Cơ và Vũ Văn Soái (công nhân bảo dưỡng đường dây, Phòng Bưu điện thành phố Thái Nguyên) đã có mặt ngay sau khi máy bay Mỹ đánh phá cầu Gia Bẩy lần thứ nhất để nối thông hơn 100 mét đường dây điện thoại, truyền thanh

---

[1] Gồm các đồng chí: Phan Văn Giao, Trần Văn Đương, Hoàng Văn Đương, Nông Quốc Khánh, Lê Xuân Tảo, Phạm Việt Hùng (tức Chiều), Nguyễn Văn Giống, Vũ Ngọc Thiệp, Nguyễn Thị Hợi, Phạm Văn Bổng, Vũ Xuân Trượng, Nguyễn Thị Tuyết, Bùi Thị Vân, Vũ Thị Lập, Nguyễn Văn Muối.

bị đứt tại khu vực đầu cầu, kịp thời đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ lãnh đạo, chỉ huy, chỉ đạo chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Máy bay Mỹ ném bom cầu Gia Bẩy lần thứ hai, cả hai đồng chí Nguyễn Thừa Cơ và Vũ Văn Soái đều hy sinh. Nữ đảng viên Cao Thị Vi, 50 tuổi, đang làm nhiệm vụ tìm kiếm, cứu chữa người bị nạn thì được tin con trai (là chiến sỹ tự vệ Phạm Việt Hùng) hy sinh trên đồi Két Nước. Bà lao lên trận địa, bình tĩnh vuốt mắt vĩnh biệt và đặt con mình nằm lại ngay ngắn, rồi tiếp tục động viên cán bộ, chiến sỹ tự vệ chiến đấu bảo vệ cầu. Ngay sau trận máy bay Mỹ ném bom cầu Gia Bẩy lần thứ nhất, bác sỹ Nguyễn Kim Anh (Phó ty Y tế kiêm Trưởng ban Y tế phòng không nhân dân tỉnh) cùng với một số y, bác sỹ, y tá có mặt ngay tại khu vực cầu, kịp thời cứu chữa được nhiều người bị nạn.

Chị em phụ nữ các khu phố Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Đội Cấn (thành phố Thái Nguyên) đã quyên góp, ủng hộ gạo, củi, nấu cơm, nước mang lên tận các trận địa tiếp tế cho cán bộ và chiến sỹ dân quân, tự vệ trực chiến. Công ty Vệ sinh thành phố Thái Nguyên tổ chức chôn cất những người bị chết suốt từ tối ngày 17 đến 4 giờ sáng ngày 18/10/1965...

Thành uỷ, Uỷ ban hành chính thành phố Thái Nguyên quyết định cấp bổ sung 168 kg gạo, 154 đồng cho 4 đơn vị dân quân, tự vệ trực chiến; cử đoàn đại biểu vào các bệnh viện thăm hỏi, động viên và tặng quà cho cán bộ, chiến sỹ dân quân, tự vệ và nhân dân bị thương; vận động nhân dân quyên góp được 736 đồng, ủng hộ 29 gia đình có người bị nạn; tổ chức trọng thể lễ truy điệu các cán bộ, chiến sỹ dân quân, tự vệ đã hy sinh.

Ngay đêm 17/10/1965, Khu uỷ, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc đã kịp thời gửi điện kêu gọi quân và dân thành phố Thái Nguyên "*chuẩn bị tốt hơn nữa để chiến đấu và phục vụ chiến đấu, kiên quyết bảo vệ khu công nghiệp lớn của Tổ quốc và cửa ngõ của hậu phương Căn cứ địa Việt Bắc*"[1].

Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương đã góp phần ổn định tư tưởng, củng cố niềm tin, động viên cán bộ và nhân dân Thái Nguyên tiếp tục phấn đấu, vươn lên hoàn thành tốt các nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến

[1] Tài liệu lưu tại Trung tâm lưu trữ Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

đấu, giữ vững và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, chi viện chiến trường.

Trước những tổn thất nặng nề về người và của trong trận máy bay Mỹ đánh phá cầu Gia Bẩy ngày 17/10/1965, từ ngày 6 đến ngày 8/11/1965, tại thành phố Thái Nguyên, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp Hội nghị (mở rộng) kiểm điểm, rút kinh nghiệm lãnh đạo công tác phòng không, sơ tán. Đồng chí Chu Văn Tấn (Bí thư Khu uỷ) và các đồng chí trong Ban Thường vụ Khu uỷ đã đến dự và chỉ đạo Hội nghị.

Hội nghị đã nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ: Nghị quyết 11 của Trung ương là một nghị quyết rất quan trọng, có ý nghĩa chỉ đạo đảng bộ các địa phương kịp thời chuyển hướng lãnh đạo từ thời bình sang thời chiến, nhưng Tỉnh uỷ mới chỉ phổ biến trong Ban Thường vụ, chưa tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc trong Tỉnh uỷ cũng như trong toàn Đảng bộ và quần chúng. Các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, của Khu uỷ và Uỷ ban hành chính Khu Tự trị Việt Bắc cũng chỉ ra rất rõ ràng, cụ thể về nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không sơ tán, nhưng Ban Thường vụ Tỉnh uỷ không nghiên cứu nghiêm túc và tổ chức thực hiện chu đáo.

Trong Ban Thường vụ Tỉnh uỷ "*có một số đồng chí còn cho rằng Thái Nguyên là thành phố lớn có công*

nghiệp hiện đại, là Thủ đô của Khu Tự trị Việt Bắc, nên bố phòng của ta rất dầy dủi, lại ở sâu trong nội địa... Những nhận thức không đúng đó đã sinh ra chủ quan, coi thường địch, ỷ lại vào vũ khí và lực lượng quân sự, thiếu khẩn trương lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng không nhân dân trong một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, gây cho cán bộ và nhân dân không khí chủ quan, mất cảnh giác nặng"[1].

Mặt khác, do các cấp lãnh đạo từ Khu xuống Tỉnh đều nhận định: Nếu đánh thành phố Thái Nguyên, máy bay Mỹ sẽ tập trung đánh phá Nhà máy Điện Cao Ngạn và Khu Gang thép Thái Nguyên trước, nên toàn bộ lực lượng pháo cao xạ của Trung đoàn phòng không 210 đều bố trí bảo vệ Nhà máy Điện và Khu Gang thép. Lực lượng bảo vệ cầu Gia Bẩy chỉ có Trung đội tự vệ tiểu khu Gia Bẩy thuộc Đại đội tự vệ khu phố Hoàng Văn Thụ và vũ khí chỉ có 1 khẩu súng máy thượng liên cộng với 14 khẩu súng trường, nên không đủ khả năng chiến đấu bảo vệ cầu, dẫn đến tổn thất nặng nề.

Sau Hội nghị kiểm điểm, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tăng cường lãnh đạo công tác phòng không. Đồng

---

[1]) Kết luận của đồng chí Chu Văn Tấn, Bí thư Khu uỷ Khu Tự trị Việt Bắc tại Hội nghị ngày 8/11/1965.

chí Doanh Hằng (Phó Bí thư - Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh) được phân công làm Chủ nhiệm Ban phòng không nhân dân tỉnh thay đồng chí Nguyễn Thế Đạt (Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh). Bộ phận thường trực Ban phòng không nhân dân tỉnh được kiện toàn đủ biên chế, gồm 1 chủ nhiệm, 2 cán bộ nội chính và 2 cán bộ giúp việc. Ban chỉ huy Tỉnh đội kiện toàn Sở chỉ huy trực chiến phòng không (đủ 3 kíp trực, mỗi kíp 10 người, đảm bảo thường trực 24/24 giờ trong ngày, trang bị 1 tổng đài 10 cửa và 7 máy điện thoại), do đồng chí Tỉnh đội trưởng kiêm Tham mưu trưởng Ban Phòng không nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ huy.

Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh cử nhiều đoàn cán bộ xuống thành phố Thái Nguyên và các huyện dọc các trục đường giao thông quan trọng, các huyện có nhiều kho tàng... kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng, củng cố hầm, hào trú ẩn và tổ chức nhân dân sơ tán.

Tại thành phố Thái Nguyên, Thành uỷ, Uỷ ban hành chính Thành phố phát động đợt ***Thi đua phòng không chống Mỹ, cứu nước***, thời gian 15 ngày, với 3 nội dung chính: Tổ chức vận động nhân dân đi sơ tán; củng cố tu sửa hầm, hào; củng cố các đội cứu thương, đào bới, chôn cất, tiếp tế. Thành phố huy động 24 cán bộ tổ chức thành các đoàn xuống các khu phố kiểm

tra, tuyên truyền, vận động nhân dân sơ tán. Đối với những người cố tình không đi sơ tán, Uỷ ban hành chính Thành phố kiên quyết xử lý bằng cách tạm thu phương tiện sản xuất, tạm thu sổ gạo đến khi có giấy chứng nhận đã đi sơ tán của cơ sở; tổ chức dỡ nhà, xếp gọn, nếu cần sung vào công quỹ...

Tại huyện Phổ Yên, các cơ quan Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện đã thực hiện sơ tán triệt để khỏi thị trấn Ba Hàng. Tuy nhiên, do chưa nhận thức được đầy đủ âm mưu và thủ đoạn đánh phá giao thông của địch, nên các cơ quan Huyện đội, Công an, Bưu điện, Ngân hàng... lại sơ tán về xóm Núi, xóm Trại (xã Nam Tiến), nằm dọc 2 bên Quốc lộ số 3 và đường sắt Quan Triều - Hà Nội, đều là những mục tiêu trọng điểm đánh phá của máy bay Mỹ.

Đồng Hỷ là một huyện nằm ở vị trí trung tâm của tỉnh, có nhiều đầu mối giao thông quan trọng, với nhiều kho, bãi tập kết hàng hoá chi viện chiến trường, nhiều trận địa phòng không, là một trong những trọng điểm đánh phá của máy bay địch. Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức cho cán bộ và nhân dân sơ tán triệt để ra khỏi các khu vực trọng điểm.

Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính các huyện Phú Lương, Đại Từ, Định Hoá... lãnh đạo nhân dân làm tốt

công tác tiếp nhận, giúp đỡ các cơ quan, đơn vị của Trung ương, Khu, Tỉnh và cán bộ, nhân dân thành phố Thái Nguyên đến sơ tán.

Ban Y tế phòng không nhân dân tỉnh chỉ đạo Ban Y tế phòng không nhân dân các huyện, thành phố, thị xã củng cố được 385 Đội y tế phòng không. Ban Y tế phòng không nhân dân các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ làm tốt công tác xây dựng, củng cố, huấn luyện lực lượng cấp cứu phòng không tuyến I.

Từ thực tiễn đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ trong những tháng cuối năm 1965, ngày 7/2/1966, Tỉnh uỷ họp ra Nghị quyết chỉ rõ: *Năm 1966, địch sẽ đánh phá ác liệt hơn, mục tiêu đánh phá của chúng sẽ là Khu công nghiệp Thái Nguyên và các trọng điểm giao thông nằm trên Quốc lộ 3 và Quốc lộ số 1B. Nhiệm vụ đặt ra cho quân và dân trong tỉnh là phải lấy sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu làm mục tiêu; phải tăng cường chuẩn bị để đối phó với chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ với qui mô ngày càng lớn và tính chất ngày càng ác liệt hơn.*

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh uỷ, đầu năm 1966, Đảng bộ các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Phú Lương và thành phố Thái Nguyên đã lãnh đạo xây dựng

được 7 trận địa tên lửa, đáp ứng kịp thời yêu cầu cơ động triển khai chiến đấu bảo vệ Thái Nguyên của các đơn vị bộ đội tên lửa.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ chiến đấu và chiến đấu tại chỗ, quí I năm 1966, đảng bộ các huyện, thành phố ở Thái Nguyên đã lãnh đạo phát triển thêm được 1.350 dân quân, tự vệ. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo Đảng uỷ và Ban chỉ huy Tỉnh đội tổ chức tốt việc thành lập Tiểu đoàn 19 công binh bộ đội địa phương làm nhiệm vụ cơ động đảm bảo giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thường xuyên của Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh, công tác phòng không sơ tán ở thành phố Thái Nguyên và các huyện Phổ Yên, Phú Lương có nhiều tiến bộ. Tính đến tháng 3/1966, các huyện, thành phố ở Thái Nguyên đã có 49.600 người đi sơ tán xa các trọng điểm có thể bị máy bay địch đánh phá từ 1 km đến 5 km. Nhân dân các khu vực ga Lưu Xá, cầu Gia Bẩy đã đi sơ tán triệt để 100%. Tuy nhiên, ở các thị trấn Ba Hàng (Phổ Yên) mới có 46 trên tổng số 140 hộ, Giang Tiên (Phú Lương) mới có 17 trên tổng số 28 hộ đi sơ tán. Trước tình hình đó, Tỉnh uỷ đã kịp thời chỉ đạo cấp uỷ Đảng, chính quyền hai huyện Phổ Yên và Phú Lương lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục.

Sau gần 4 tháng tạm ngừng đánh phá (kể từ ngày 24/12/1965), ngày 23/4/1966, địch cho 3 tốp gồm 12 máy bay trinh sát vũ trang vào hoạt động trên vùng trời Thái Nguyên nhằm chuẩn bị cho các cuộc đánh phá mới, ác liệt hơn. Ngày 29/4/1966, ngay sau khi nhận được điện của Văn phòng Trung ương Đảng (vào lúc 2 giờ 15 phút) thông báo có khả năng địch đánh phá lớn vào Thái Nguyên, *"phải cho dân sơ tán ra khỏi các khu vực Gang thép, Cao Ngạn, Quan Triều, Gia Bẩy, Đồng Bẩm"*, Tỉnh uỷ đã kịp thời thông báo cho Uỷ ban hành chính tỉnh, Thành uỷ Thái Nguyên, Công ty Gang thép và các cơ quan, đơn vị biết để chuẩn bị đối phó.

Đúng như dự đoán của Trung ương, chiều ngày 29/4/1966, giặc Mỹ huy động máy bay, ném 40 quả bom phá xuống các ga Lưu Xá, Lập Tàu và xóm Tiến Thành (xã Quyết Thắng, huyện Đồng Hỷ), bắn nhiều loạt đạn rốc két xuống Nhà máy điện Cao Ngạn. Các lực lượng phòng không bảo vệ Thái Nguyên đã nêu cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao, nổ súng kịp thời, bắn rơi tại chỗ 2 máy bay Mỹ; trong đó có chiếc máy bay F.105 rơi xuống cánh đồng làng Chùa, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương là chiếc máy bay Mỹ thứ 1.000 bị bắn rơi trên miền Bắc.

Tin quân và dân Thái Nguyên bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1.000 đã làm nức lòng quân và dân cả

nước. Hơn 170 tập thể và cá nhân ở trong và ngoài nước đã gửi thư và điện chúc mừng. Thư chúc mừng của Quân Khu uỷ, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc có đoạn *"...chúng tôi nhiệt liệt hoan nghênh thành tích to lớn của quân và dân Thái Nguyên. Chúc quân và dân Thái Nguyên tăng cường đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết các lực lượng vũ trang, ra sức thi đua sản xuất; đề cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu cao và chiến đấu giỏi, đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân, tổ chức tốt các trận địa bắn máy bay địch bay thấp để bắn rơi nhiều máy bay Mỹ, bảo vệ vững chắc Khu Căn cứ địa"*[1].

Tối 30/4/1966, tại thành phố Thái Nguyên, hàng nghìn cán bộ, nhân dân và chiến sỹ lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã tổ chức mít tinh mừng chiến thắng. Các đồng chí Chu Văn Tấn (Bí thư Khu uỷ, kiêm Chính uỷ Quân khu Việt Bắc), Lê Hoàng (Bí thư Tỉnh uỷ) đã đến dự, phát biểu động viên, biểu dương chiến công của quân và dân Thái Nguyên. Thành tích bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 1.000 trên miền Bắc của quân, dân Thái Nguyên đã vinh dự được Hồ Chủ tịch tặng Cờ thưởng luân lưu ***Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược***.

---

[1] Tài liệu lưu tại Trung tâm lưu trữ UBND tỉnh Thái Nguyên.

Trước tình hình đế quốc Mỹ tăng cường mở rộng chiến tranh ra cả hai miền Nam Bắc nước ta, ngày 17/7/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước: "*Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!*"[1].

Hưởng ứng lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 7/1966, nhân dân và lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã góp phần cùng với các lực lượng bộ đội phòng không của Bộ Quốc phòng và Quân khu Việt Bắc bắn rơi 18 máy bay Mỹ.

Ngày 1/8/1966, 6 cán bộ, chiến sỹ trực chiến phòng không thuộc Trung đội dân quân xã Hà Thượng (huyện Đại Từ) với 2 khẩu súng máy, 3 khẩu súng trường và 18 viên đạn súng bộ binh đã bắn rơi tại chỗ 1 máy bay phản lực RF4C của giặc Mỹ. Với thành tích này, nhân dân và lực lượng vũ trang xã Hà Thượng (huyện Đại Từ) đã

---

[1] Hồ Chí Minh - Vì độc lập tự do vì chủ nghĩa xã hội, Nxb Sự thật, 1970, trang 282

được Đảng và Chính phủ tặng thưởng ***Huân chương Chiến công hạng Nhất***.

Thành tích bắn rơi máy bay phản lực Mỹ bằng súng bộ binh của cán bộ, chiến sỹ Trung đội dân quân xã Hà Thượng (huyện Đại Từ) đã khẳng định chủ trương của Tỉnh uỷ về xây dựng trận địa phục kích, đón lõng, bắn máy bay địch bay thấp bằng súng bộ binh của lực lượng dân quân, tự vệ là hoàn toàn đúng đắn và có hiệu quả.

Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, nhiều tấm gương tiêu biểu xuất hiện. Ngày 21/7/1966, Tiểu đội nữ dân quân xã Võ Tranh (huyện Phú Lương) đã nhanh chóng lao vào dập lửa do máy bay Mỹ bắn cháy trận địa tên lửa, bảo vệ an toàn đạn và máy móc, khí tài, được Chính phủ tặng thưởng ***Huân chương Chiến công hạng Hai***. Ngày 12/8/1966, nữ dân quân Phạm Thị Ngồng (xã Văn Yên, huyện Đại Từ), trong tay chỉ có một chiếc cào làm cỏ lúa, đã xông vào bắt sống một tên giặc Mỹ lái máy bay nhảy dù xuống xóm Bầu. Ngày 12/12/1966, Xã đội trưởng Ngô Trung Liên và chiến sỹ dân quân Lê Văn Tài (xã Tân Thái, huyện Đại Từ), với một chiếc gậy gấy rơm và một chiếc đòn cân, đã bắt gọn 2 tên giặc lái máy bay Mỹ nhảy dù xuống địa bàn xã. Nữ dân quân Nguyễn Thị Hiền (xã Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên) đang làm nhiệm vụ

trên đài quan sát, bị thương nặng vẫn không rời vị trí chiến đấu. Cụ Trần Bích, lão dân quân tiểu khu Quan Triều, 62 tuổi, lên trận địa cứu chữa thương binh, đã hy sinh vì bom Mỹ. Các chị Vũ Thị Hồi, Nguyễn Thị Mùi (dân quân xóm Xuân Quang, xã Quang Vinh) có con nhỏ, Trần Thị Khay (dân quân xã Cam Giá) nhà bị cháy, vẫn xung phong lên trận địa tiếp đạn cho bộ đội, cứu chữa thương binh và tải thương, v.v...

Ba tháng đầu năm 1968, máy bay Mỹ tiếp tục đánh phá xuống 34 điểm nằm trên địa bàn Thái Nguyên. Quân và dân Thái Nguyên tiếp tục làm tốt công tác phục vụ chiến đấu và chiến đấu, góp phần cùng với quân và dân trong tỉnh bắn rơi thêm 3 máy bay Mỹ.

Do bị đòn giáng mạnh của quân và dân ta ở miền Nam trong cuộc Tập kích chiến lược Tết Mậu Thân 1968 và trước những tổn thất nặng nề của địch trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, ngày 31/3/1968, đế quốc Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ Vĩ tuyến 20 trở ra. Đây là một thắng lợi to lớn của quân, dân cả nước nói chung và quân, dân Thái Nguyên nói riêng. Trong chiến công chung này, quân và dân Thái Nguyên đã góp phần rất quan trọng cùng với các lực lượng phòng không của Bộ Quốc

Đại biểu dự Hội nghị hợp nhất hai tỉnh
Thái Nguyên – Bắc Kạn thành tỉnh Bắc Thái (tháng 6/1965)

phòng và Quân khu Việt Bắc bắn rơi 51 máy bay, tiêu diệt và bắt sống nhiều tên giặc lái máy bay của đế quốc Mỹ.

Nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ chiến đấu và phục vụ chiến đấu, Đảng bộ đặc biệt quan tâm lãnh đạo công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Hầu hết các đồng chí Bí thư hoặc Phó Bí thư đảng uỷ, chi uỷ xã đã trực tiếp làm Chính trị viên xã đội; tỷ lệ dân quân, tự vệ so với dân số vượt chỉ tiêu trên giao 2,6 %, tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân, tự vệ đạt 21,4% (gấp đôi so với yêu cầu). Lực lượng dân quân, tự vệ trực chiến phòng không ở 6 xã ngoại thành thành phố Thái Nguyên và các xã Cao Ngạn, Tích Lương (huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên), Thuận Thành (huyện Phổ Yên) và Công ty Gang thép Thái Nguyên đã sử dụng thành thạo các loại pháo cao xạ từ 37 mm đến 100 mm [1].

Công tác tuyển quân, chi viện chiến trường tuy được tiến hành trong điều kiện cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra hết sức ác liệt, nhưng vẫn đạt kết quả tốt. Trong 3 năm (1965 - 1967), được đảng bộ các huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị nằm trên địa bàn tập trung lãnh

[1] Báo cáo ngày 20/7/1968 của Tỉnh uỷ Bắc Thái, tr. 4.

đạo, Thái Nguyên đã tuyển được 10.590 người vào bộ đội, hoàn thành vượt mức 0,9% chỉ tiêu trên giao. Ngoài ra, năm 1967, Thái Nguyên còn hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển quân, xây dựng, huấn luyện một tiểu đoàn bộ binh chiến đấu (Tiểu đoàn 68) trực tiếp bổ sung cho chiến trường miền Nam.

Trong những năm chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, nhận rõ hệ thống giao thông vận tải Thái Nguyên có ý nghĩa chiến lược rất quan trọng trong Khu Tự trị Việt Bắc và cả nước, nên ngay từ ngày 21/8/1965, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ra nghị quyết nêu rõ: Đảm bảo giao thông thời chiến là một mặt trận chiến đấu, đồng thời là công tác trọng tâm, đột xuất của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh.

Thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh ra quyết định thành lập Ban đảm bảo giao thông tỉnh, do đồng chí Nguyễn thế Đạt - Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh - làm Trưởng ban, có nhiệm vụ giúp Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo toàn bộ công tác đảm bảo giao thông vận tải trong tỉnh luôn được thông suốt trong mọi tình huống; chuẩn bị mọi khả năng về nhân lực, nguyên liệu, thiết bị, phương tiện để kịp thời huy động, đối phó với sự đánh phá của địch; tổ chức các lực lượng

Lực lượng Phòng không Thái Nguyên sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ

dân quân, tự vệ, thanh niên tuần tra, canh gác, bảo vệ, sửa chữa cầu, đường, bến phà và vận chuyển hàng hoá; tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các ban đảm bảo giao thông cấp dưới...

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban Đảm bảo giao thông tỉnh, các huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên luôn luôn có đủ lực lượng ứng cứu kịp thời, nhất là ở những trọng điểm nằm trên các tuyến giao thông huyết mạch.

Chỉ một giờ sau khi máy bay Mỹ ném bom, làm hỏng cầu Gia Bẩy, Ty Giao thông đã điều 20 xe ô tô tải chở đá làm đường ngầm Sơn Cẩm. Hợp tác xã Thuyền (thành phố Thái Nguyên) ghép 3 thuyền thành 1 phà trọng tải 2,5 tấn để chở ô tô con qua sông khi cần thiết. Các đồng chí lãnh đạo Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã trực tiếp ra hiện trường, lãnh đạo, chỉ đạo huy động 1.400 dân quân, tự vệ và dân công ở thành phố Thái Nguyên và huyện Đồng Hỷ ra phối hợp với 200 cán bộ, chiến sỹ bộ đội công binh Quân khu Việt Bắc đào, phá bom nổ chậm ở khu vực cầu Gia Bẩy; làm đường ngầm và ghép phà Sơn Cẩm.

Vào lúc 16 giờ ngày 19/10/1965, đường ngầm Sơn Cẩm được khai thông; cầu phà bến Oánh được Hợp tác xã Thuyền (Thành phố) lắp ghép xong vào lúc 18 giờ.

Giao thông vận tải qua sông Cầu được khôi phục, đáp ứng kịp thời nhu cầu phục vụ chiến đấu và đi lại của nhân dân.

Tuy vậy, việc huy động lực lượng bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ ra đào, phá bom nổ chậm ở khu vực cầu Gia Bẩy còn chậm. Mặt khác, tỉnh không tự khắc phục được khó khăn về nguyên vật liệu, nên mãi tới 10 ngày sau (26/10/1965) cầu Gia Bẩy mới được sửa chữa xong. Các thiếu sót, khuyết điểm trên đã được Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính và các ngành chức năng của tỉnh nghiêm khắc kiểm điểm, rút kinh nghiệm, có biện pháp sửa chữa kịp thời, nên sau này tuy máy bay địch đánh phá rất ác liệt, nhưng Thái Nguyên vẫn đảm bảo giao thông vận tải thời chiến kịp thời, thông suốt trong mọi tình huống.

Để có đủ lực lượng sẵn sàng đáp ứng nhiệm vụ đảm bảo giao thông vận tải trong tình huống bị máy bay địch đánh phá ác liệt, theo chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, tháng 12/1965, Tỉnh uỷ lãnh đạo Ban chỉ huy Tỉnh đội thành lập 1 đại đội và 2 trung đội bộ đội công binh làm nhiệm vụ cơ động đảm bảo giao thông vận tải ở các trọng điểm giao thông trên địa bàn tỉnh.

Cũng trong tháng 12/1965, thực hiện Thông tư 71 của Thủ tướng Chính phủ, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh

uỷ, Tỉnh Đoàn Thanh niên tổ chức thành lập Đội 91 thanh niên xung phong (TNXP) chống Mỹ, cứu nước tập trung, làm nhiệm vụ xung kích phục vụ chiến đấu và đảm bảo giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh. Đội 91 TNXP có 600 cán bộ, đội viên, được biên chế thành 4 đại đội (từ Đại đội 911 đến Đại đội 914) do đồng chí Nghiêm Xuân Đạo (Phó Bí thư Tỉnh Đoàn) làm Đội trưởng và các đồng chí Nguyễn Thế Cường (cán bộ Ty Giao thông), Bùi Quế (Bí thư Thành Đoàn thành phố Thái Nguyên) làm Đội phó.

Nhằm tăng cường hệ thống giao thông vận tải ở phía Bắc và Đông Bắc thủ đô Hà Nội, theo sự thoả thuận giữa Đảng và Chính phủ 2 nước Việt Nam, Trung Quốc, từ cuối năm 1965, trên địa bàn Thái Nguyên, Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc đã cử các đơn vị C18, C19 thuộc Chi đội 4 (tương đương với sư đoàn) sang giúp ta sửa chữa, nâng cấp mặt Đường số 3 từ ngã ba Bờ Đậu (Phú Lương) lên cầu Ổ Gà (Chợ Mới); đơn vị C3 thuộc Chi đội 1 làm đường sắt 1,40 mét Kép - Lưu Xá, làm thêm đường sắt 1,40 mét Lưu Xá - Đa Phúc và làm đường hầm toa xe Lương Sơn dài 260 mét.

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định thành lập Ban Ngoại vụ tỉnh, do đồng chí Triệu Văn Tịnh (Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Uỷ ban hành

chính tỉnh) làm Trưởng ban. Những huyện có bộ đội Trung Quốc đến làm đường cũng thành lập Tổ Ngoại vụ.

Cùng thời gian trên, Uỷ ban hành chính tỉnh ra quyết định thành lập Ban Ngoại vụ đường sắt do các đồng chí Nguyễn Sĩ Đông (nguyên Phó ban Kiến thiết cơ bản tỉnh) làm Trưởng ban; Nguyễn Văn Đạc (Phó Chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện Đồng Hỷ) và La Văn Liền (Trưởng ty Lâm nghiệp) làm Phó ban.

Ban Ngoại vụ tỉnh, Ban Ngoại vụ đường sắt và Tổ Ngoại vụ các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước Uỷ ban hành chính tỉnh về công tác đối ngoại, phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội Trung Quốc hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc tế của mình; tuyên truyền, vận động cán bộ và nhân dân trong tỉnh nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, thắt chặt tình đoàn kết quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc; giáo dục cho cán bộ và nhân dân nêu cao tinh thần cảnh giác, giữ gìn bí mật về các hoạt động của bộ đội Trung Quốc, đề phòng và kịp thời chống lại các hiện tượng phản tuyên truyền của địch; bảo đảm an toàn; giải quyết tốt các yêu cầu lương thực, thực phẩm và các phương tiện làm việc, ăn ở cho Bạn; làm tốt công tác đền bù tài sản ở những nơi có tuyến đường đi qua.

Thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, sau khi được thành lập, Ban Ngoại vụ tỉnh và Ban Ngoại vụ đường sắt đã làm tốt công tác chuẩn bị đón tiếp và phục vụ Bạn. Trong những tháng cuối năm 1965, nhân dân các huyện ở Thái Nguyên đã khai thác hơn 44.000 cây vầu, 15.000 cây gỗ, hơn 30.000 cây tre, mai, gần 696.000 tầu lá cọ, 42.100 cây nứa, đan 782 lá cót và đóng góp hàng nghìn công lao động, làm được 32.565 m^2 nhà ở, hội trường, nhà kho, nhà bếp, nhà ăn... cho bộ đội Trung Quốc.

Nhờ đó, cuối tháng 11/1965, gần 4.700 cán bộ, bộ đội Trung Quốc đã nhanh chóng ổn định nơi ăn, ở, kịp thời triển khai nhiệm vụ sửa chữa, nâng cấp và làm đường theo đúng kế hoạch đã thoả thuận giữa Đảng và Chính phủ hai nước.

Để đảm bảo giao thông vận tải thời chiến kịp thời, thông suốt, trong thời gian chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ trên địa bàn Thái Nguyên (10/1965 - 3/1968), cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp đã lãnh đạo, chỉ đạo làm mới được 153 km đường ô tô, rải đá 171 km, rải nhựa 40 km mặt đường, làm 37 cầu và 12 bến phà mới. Tất cả các trọng điểm giao thông quan trọng trên 2 tuyến đường chiến lược số 3 và 1B (cầu Gia Bẩy, cầu Đa Phúc và các bến phà, bến ngầm, cầu treo...) đều có lực lượng thường trực đảm

bảo giao thông kịp thời, thông suốt trong mọi tình huống.

Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh cũng ngày càng được củng cố và mở rộng. Cuối năm 1967, toàn tỉnh có 4.895 km đường giao thông nông thôn, 2/3 số xã trong tỉnh có đường ô tô về tới trung tâm xã. Giá trị tổng sản lượng của Ngành Giao thông vận tải của tỉnh năm 1967 tăng 20,7% so với năm 1964. Trong gần 3 năm (10/1965 - 3/1968), giá trị tổng sản lượng giao thông vận tải trong tỉnh tăng bình quân hằng năm 6,4%; khối lượng vận tải hàng hoá đạt 1.495.570 tấn (trong đó vận tải thô sơ chiếm 48,3%); đáp ứng kịp thời các yêu cầu đảm bảo giao thông vận tải thời chiến.

Trước tình hình trật tự, trị an trên địa bàn tỉnh có nhiều diễn biến phức tạp, ngày 12/3/1967, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ra Nghị quyết số 39 NQ/TU về nhiệm vụ bảo vệ trật tự, trị an thời chiến. Chỉ thị nêu rõ phải kịp thời nắm vững tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn; phòng, chống có hiệu quả các hoạt động gián điệp, biệt kích của đế quốc Mỹ và tay sai; đấu tranh chống các luận điệu phản tuyên truyền của địch; cải tạo những người trước kia là tề, ngụy, phỉ, những phần tử đã tham gia các tổ chức phản động cũ;

đấu tranh chống phạm pháp hình sự và các tệ nạn xã hội, giữ gìn trật tự ở nơi công cộng...

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, lãnh đạo Ty Công an đã làm tham mưu cho Tỉnh uỷ triển khai tốt Chỉ thị của Bộ Chính trị về tăng cường giữ gìn an ninh miền Bắc trong tình hình chiến tranh phá hoại; mở hội nghị tổng kết 3 năm xây dựng lực lượng công an nhân dân; tổ chức điều tra, khám phá kịp thời các vụ trọng án ở các xã Bình Sơn (huyện Đồng Hỷ), Kim Phượng (huyện Định Hoá), Thượng Nung (huyện Võ Nhai). Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt phong trào quần chúng bảo vệ trật tự, trị an thời chiến; tổ chức kiểm điểm, giáo dục 109 phần tử chính trị trước kia là tề, ngụy, phỉ hoặc tham gia các tổ chức phản động, v.v...

Từ ngày 5/4/1967, Thường trực Tỉnh uỷ đã lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng Công an tỉnh thực hiện phá án, đập tan tổ chức phản động "*Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam*" ở huyện Định Hoá. Đây là một tổ chức phản động hình thành từ tháng 3/1963, đã mở rộng phạm vi hoạt động ra 19 xã ở huyện Định Hoá, 2 xã ở huyện Phú Lương, phát triển sang một số xã ở huyện Đại Từ và còn hướng ra các huyện khác ở ngoài tỉnh. Đầu tháng 4/1967, tổ chức phản động này đã có lực lượng lên tới 94 tên. Chúng đã may cờ

(nền xanh, sao đỏ); bầu các chức danh chủ tịch hội, ban chấp hành chiến khu, tư lệnh và tham mưu trưởng quân đội; kích động nhân dân và các phần tử lưu manh, bất mãn ở 2 xã Quy Kỳ và Bảo Cường gây rối, phá hoại cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp; đả kích lãnh tụ, cấm chông xuống ruộng hợp tác xã, đòi đất ông cha v.v... Âm mưu của chúng là bí mật, nhanh chóng phát triển tổ chức, củng cố khu căn cứ, tập hợp lực lượng nòng cốt và chuẩn bị mọi điều kiện để nổi dậy vũ trang cướp chính quyền từ cơ sở, lập chính phủ mới khi có thời cơ.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, được nhân dân giúp đỡ, ngày 9/4/1967, các lực lượng Công an tỉnh và các huyện Định Hoá, Phú Lương phối hợp với lực lượng dân quân, tự vệ trên địa bàn đã bắt gọn 9 tên cầm đầu; những ngày tiếp theo bắt thêm 7 tên. Tổ chức phản động "*Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam*" ở Định Hoá, Phú Lương bị xoá sổ. Trật tự xã hội và an ninh chính trị ở địa bàn Thái Nguyên nói chung, hai huyện Định Hoá, Phú Lương nói riêng, căn bản được giữ vững.

Sau khi dẹp tan tổ chức phản động "*Hội Nông dân liên hiệp Việt Nam*", Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thành lập Đoàn cán bộ tăng cường xuống làm công tác tuyên

truyền, vận động, xây dựng, củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân và lực lượng vũ trang ở huyện Định Hoá. Thông qua đó, các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân các cấp trong huyện được củng cố, kiện toàn, đảm bảo chất lượng tốt. Nhân dân các dân tộc Thái Nguyên nói chung, Định Hoá nói riêng phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ.

Cùng với việc lãnh đạo chiến đấu, phục vụ chiến đấu, đảm bảo giao thông vận tải thời chiến, động viên tuyển quân chi viện chiến trường, trong thời kỳ trực tiếp chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Đảng bộ các huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị ở Thái Nguyên đã lãnh đạo giữ vững và phát triển kinh tế - xã hội.

Từ cuối năm 1965, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo công tác củng cố hợp tác xã nông nghiệp. Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh đã đưa 120 cán bộ các cơ quan tỉnh và các huyện xuống trực tiếp chỉ đạo xây dựng và củng cố hợp tác xã ở những nơi có phong trào hợp tác xã yếu kém. Toàn tỉnh xây dựng mới được 105 hợp tác xã với 1.897 hộ gia đình xã viên; kết nạp thêm được 11.470 hộ nông dân vào hợp tác xã; hợp nhất 441 hợp tác xã nhỏ thành 171 hợp tác xã lớn, đưa bình quân qui

mô hợp tác xã tăng từ 38 hộ lên 46 hộ (riêng các huyện Phú Bình và Phổ Yên, qui mô bình quân mỗi hợp tác xã tăng từ 70 hộ lên 106 hộ). Đến cuối tháng 12/1965, các huyện, thành phố ở Thái Nguyên có 878 hợp tác xã, với 46.672 hộ gia đình xã viên (có 315 hợp tác xã bậc cao, với 26.122 hộ gia đình xã viên, bằng 55,97% số hộ gia đình xã viên trong các hợp tác xã). Trong số 878 hợp tác xã, có 332 hợp tác xã khá (đạt 37,81%).

Công tác *3 quản, 3 khoán*[1] trong các hợp tác xã nông nghiệp có nhiều tiến bộ, bình quân mỗi lao động trong hợp tác xã ở các huyện Phú Bình, Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên đạt từ 200 đến 280 công một năm, ở các huyện còn lại đạt từ 150 công đến 200 công.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, Tỉnh uỷ tiếp tục lãnh đạo đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã vòng 1 ở 282 hợp tác xã thuộc 4 huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đại Từ, Đồng Hỷ và thành phố Thái Nguyên. Thông qua cuộc vận động, trình độ quản lý của cán bộ hợp tác xã đã được nâng lên một

---

[1] ***3 quản:*** Quản lý lao động, quản lý tư liệu sản xuất, quản lý ngày công. ***3 khoán:*** Khoán công (lao động), khoán sản lượng, khoán chi phí.

bước, số hợp tác xã bậc cao tăng lên, qui mô hợp tác xã được mở rộng, thu hút thêm nhiều hộ nông dân tham gia.

Việc đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp bước đầu đã thu được kết quả tốt, có tác dụng nâng cao năng suất lúa. Các hợp tác xã Phù Hương (xã Tân Hương), Rẫy Vã (xã Đồng Tiến) thuộc huyện Phổ Yên; Hồng Kỳ thuộc huyện Phú Bình; Thành Công thuộc huyện Đại Từ; Xuân La, Đồng Tiến, Sông Cầu thuộc huyện Đồng Hỷ có năng suất lúa đạt bình quân từ 45 tạ đến 50 tạ/ha. Nhiều hợp tác xã đã chú ý phát triển ngành nghề phụ, trồng các loại cây công nghiệp, cây ăn quả và quản lý hoa màu. Chỉ tính riêng bốn huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên đã có 177 hợp tác xã có lò vôi, lò gạch; 50 hợp tác xã có chuồng trại chăn nuôi lợn tập thể (trong đó 15 hợp tác xã có chuồng trại chăn nuôi lợn nái sinh sản); hầu hết các hợp tác xã có sân phơi, nhà kho, quạt hòm...

Sản xuất phát triển, đời sống của cán bộ, xã viên các hợp tác xã từng bước được cải thiện. Hợp tác xã Thành Công (huyện Đại Từ) có 100% gia đình xã viên đã mua sắm được đầy đủ chăn, màn, quần, áo ấm; 80% số hộ làm được nhà gỗ mới; 51 hộ mua sắm được xe đạp (năm 1960 chỉ có 6 hộ có xe đạp). Ngoài ra, Hợp

tác xã Thành Công còn xây dựng được nhà giữ trẻ, nhà văn hoá...

Bên cạnh những bước tiến bộ và kết quả đạt được, cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã vòng 1 ở các hợp tác xã thuộc 4 huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phổ Yên, Phú Bình và thành phố Thái Nguyên cũng còn nhiều hạn chế: *"Việc phát triển ngành nghề chưa được đẩy mạnh và không cân đối; nhiều hợp tác xã còn độc canh cây lúa, chưa chú ý trồng và thâm canh tăng năng suất các loại cây trồng khác. Việc xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của các hợp tác xã còn ít. Việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp chưa được nhiều. Số hợp tác xã khá, nhất là số hợp tác xã tiên tiến còn rất ít. Số đông xã viên chưa tin vào cách làm ăn của hợp tác xã, vì vậy một số xã viên còn tình trạng chân trong, chân ngoài, ý thức làm chủ hợp tác xã còn kém, ý thức cần kiệm xây dựng hợp tác xã chưa cao, tình trạng tham ô, lãng phí trong các hợp tác xã còn khá phổ biến. Một số cán bộ hợp tác xã còn thiếu nhiệt tình, chưa thật quyết tâm xây dựng hợp tác xã, còn mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh, chưa lắng nghe ý kiến của quần chúng xã viên..."*[1] .

---

[1] Nghị quyết số 73 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái, tr. 2, 3.

Để khắc phục tình trạng trên, ngày 28/3/1966, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết lãnh đạo cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã vòng II, nêu rõ cần tập trung xây dựng cơ sở vật chất và đẩy mạnh việc đưa khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp; giải quyết tốt các vấn đề quản lý và sử dụng lao động, đảm bảo lao động để vừa phát triển sản xuất nông nghiệp với một tốc độ cao, vừa đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, trong 2 năm 1966 - 1967, mặc dù chiến tranh phá hoại diễn ra ác liệt hơn, thiên tai, hạn hán gây nhiều khó khăn hơn so với những năm trước, nhưng các đảng bộ huyện, thành phố ở Thái Nguyên đã tập trung lãnh đạo nhân dân phát huy nhiệt tình cách mạng, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và củng cố các hợp tác xã.

Đến cuối năm 1967, toàn tỉnh đã phục hồi và xây dựng thêm được 36 hợp tác xã, với 826 hộ; kết nạp thêm được 2.388 hộ xã viên, đưa tỷ lệ số hộ nông dân trong các hợp tác xã tăng từ 88,1% (đầu năm 1966), lên 90% (cuối năm 1967). Tháng 12/1967, số hộ nông dân đã vào hợp tác xã ở thành phố Thái Nguyên là 98,1% (cao nhất tỉnh), tiếp theo là huyện Phổ Yên 94,4%; thấp nhất là huyện Võ Nhai (82,5%). Đến cuối tháng 3/1968, số hợp tác xã bậc cao trong toàn tỉnh có 718

trên tổng số 1.020 hợp tác xã (70,3%). Riêng thành phố Thái Nguyên và các huyện Phổ Yên, Phú Bình có 100% số hợp tác xã đã chuyển lên bậc cao.

Việc lãnh đạo công tác tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên tham gia xây dựng và phát triển kinh tế miền núi của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Đến cuối năm 1967, toàn tỉnh đã tiếp nhận 7.119 hộ (40.270 khẩu) từ các tỉnh Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Đông... lên khai hoang, xây dựng kinh tế miền núi; trong đó có 3.941 hộ (21.753 khẩu) được xen ghép vào các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở địa phương, chiếm 53,5% tổng số người lên khai hoang, 1.828 hộ (10.270 khẩu) vào các hợp tác khai hoang độc lập trồng lúa và cây công nghiệp, chủ yếu là trồng chè. Các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã chuyên trồng cây công nghiệp của đồng bào khai hoang ở các huyện Đồng Hỷ, Định Hoá được cấp uỷ và chính quyền cơ sở quan tâm giúp đỡ, đời sống của xã viên ổn định, một số hộ đã có sản phẩm bán cho Nhà nước.

Một trong những nội dung công tác quan trọng của Đảng bộ là lãnh đạo cuộc vận động đồng bào vùng cao chuyển từ du canh, du cư sang định canh, định cư. Trong 3 năm (7/1965 - 3/1968), nhờ sự quyết tâm của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, toàn tỉnh đã có 2.690 hộ, với 14.315 nhân khẩu đồng bào vùng cao xuống núi định canh, định cư (đạt tỷ lệ 87,7% so với tổng số hộ đồng

bào vùng cao). Hợp tác xã Bản Cháo (huyện Phú Lương) của đồng bào vùng cao định canh, định cư làm tốt công tác khai thác, bảo vệ rừng và trở thành hợp tác xã tiên tiến của tỉnh.

Việc lãnh đạo phát triển, củng cố các hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng cũng được các đảng bộ quan tâm. Đến hết tháng 3/1968, 100% các xã, thị trấn nằm trên địa bàn các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Phú Lương, Định Hoá, thành phố Thái Nguyên đã có hợp tác xã mua bán. So với năm 1965, doanh số của các hợp tác xã mua bán trong năm 1967 tăng 84,8%; các mặt hàng uỷ thác mua bán (lợn, lạc, đỗ tương, chè, gà, vịt...) tăng từ 10% đến 128%, góp phần hỗ trợ đắc lực cho mậu dịch quốc doanh ở thị trường nông thôn... Năm 1967, hệ thống hợp tác xã tín dụng đã thay thế Ngân hàng Nhà nước tiến hành cho vay ngắn hạn, tăng 38% so với năm 1966; việc quản lý tiền mặt ở nông thôn có nhiều tiến bộ.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trong cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp, đảng bộ các huyện, thành phố ở Thái Nguyên tập trung lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm.

Trong những năm 1965-1967, sản xuất nông nghiệp của các huyện, thành gặp nhiều khó khăn do địch hoạ và

thiên tai gây ra. Cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ ngày càng lan rộng và ác liệt. Chỉ tính riêng năm 1967, các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Đại Từ, Đồng Hỷ, thành phố Thái Nguyên đã bị máy bay địch đánh phá làm chết và bị thương tới 584 con trâu, phá hỏng 126 ha ruộng cấy lúa. Trong khi đó, thời tiết cả 3 vụ (đông - xuân, hè - thu và vụ mùa) đều không thuận lợi, hạn hán kéo dài, sâu bệnh phát triển...

Để khắc phục tình trạng hạn hán kéo dài, các Đảng bộ tập trung lãnh đạo đẩy mạnh công tác thuỷ lợi, coi thuỷ lợi là biện pháp hàng đầu để nâng cao năng suất cây trồng. Ngay trong sáu tháng cuối năm 1965, toàn tỉnh đã tập trung trên 1.600.000 đồng, huy động trên 2.184.000 ngày công, đào, đắp trên 2.000.000 m^3 đất, 20.000 m^3 đá, làm mới 676 công trình tiểu thuỷ nông, xây dựng 2 trạm bơm điện, lắp đặt 91 máy bơm tự động, 59 máy bơm dầu, đảm bảo nước tưới cho 48.500 ha lúa, giữ độ ẩm cho 1.927 ha rau, màu, cây công nghiệp; 4.970 ha lúa mùa được tưới tiêu theo phương pháp khoa học (tăng gần gấp 5 lần so với năm 1964). Các hợp tác xã trong tỉnh xây dựng được 296 đội thuỷ lợi, với 3.037 người tham gia (riêng huyện Phú Bình đã huy động tới 17.000 ngày công đắp bờ, giữ nước chống hạn cho lúa, màu). Năm 1967, toàn tỉnh đã huy động

tới 7 triệu ngày công đắp đê, làm thuỷ lợi, đào, đắp trên 6 triệu m^3 đất, đá; làm mới và tu sửa trên 2.000 công trình thuỷ lợi lớn, nhỏ; đảm bảo nước tưới cho thêm gần 5.000 ha ruộng. Ngoài ra, trên 1.036.000 công cũng được huy động để tát nước, nạo vét mương, phai dẫn nước vào đồng.

Cùng với lãnh đạo công tác thủy lợi, Tỉnh uỷ xây dựng kế hoạch phương hướng lãnh đạo sản xuất nông nghiệp toàn diện, qui hoạch các vùng trồng cây lương thực, cây thực phẩm và cây công nghiệp. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chọn huyện Đại Từ làm điểm chỉ đạo các ngành chuyên môn phục vụ sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở kết quả công tác chỉ đạo thí điểm, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ rút ra 4 bài học kinh nghiệm để lãnh đạo các huyện, thành phố khác trong tỉnh:

- Xác định phương hướng sản xuất phù hợp với đặc điểm tình hình của huyện. Đảng bộ huyện phải có sự nhất trí và quyết tâm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo.

- Thật sự coi trọng công tác xây dựng Đảng, gắn công tác xây dựng Đảng với nhiệm vụ chính trị của huyện.

- Phải đảm bảo sự cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, giữa cây lương thực, cây thực phẩm và cây công nghiệp.

- Phải đi sâu nắm vững và áp dụng triệt để các biện pháp kỹ thuật nước, phân, giống vào sản xuất. Lãnh đạo, chỉ đạo phải có trọng tâm, trọng điểm; tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giúp đỡ cơ sở thực hiện phương hướng sản xuất; phải chống mọi biểu hiện lơi lỏng, hữu khuynh, chủ quan, thoả mãn.

Từ kinh nghiệm trên, các đảng bộ đặc biệt coi trọng lãnh đạo việc đưa các biện pháp khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. So với năm 1966, diện tích ruộng được thả bèo dâu ở các huyện Đại Từ, Phú Bình, Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên trong năm 1967 tăng 1.855 ha, diện tích cấy lúa thẳng hàng tăng 1.957 ha, ngâm mạ kỹ thuật theo lò 54°C và chọn lọc giống tăng từ 12% đến 32,1%, diện tích cấy các giống lúa mới có năng suất cao tăng 11,9 lần, lượng phân hữu cơ bón cho lúa chiêm tăng 400 kg/ha, bón cho lúa mùa tăng 610 kg/ha.

Nhờ có những biện pháp tích cực nói trên, sản xuất nông nghiệp ở Thái Nguyên trong những năm 1965 - 1967 đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần đưa tổng sản lượng lương thực qui thóc toàn tỉnh tăng từ 175.262 tấn (năm 1965), lên 176.736 tấn (năm 1967). Tổng sản lượng thóc tăng từ 84.674 tấn (năm 1965), lên 119.453 tấn (năm 1966) và 131.586 tấn (năm 1967).

Sản lượng rau xanh và đỗ các loại năm 1967 đạt 29.501 tấn, tăng 3.918 tấn (11,3%) so với năm 1966. Trên địa bàn Thái Nguyên đã có 5 xã, thị trấn, 34 hợp tác xã nông nghiệp đạt năng suất 5 tấn thóc/ha gieo trồng. Năm 1967, lần đầu tiên trong Ngành Nông nghiệp Thái Nguyên, các đội Cầu Thành (Hợp tác xã Thành Công - Đại Từ), Phù Hương (Hợp tác xã Tân Hương - Phổ Yên), Đội 5 (Hợp tác xã Tân Tiến - Định Hoá) đã đạt danh hiệu ***Đội Lao động xã hội chủ nghĩa***.

Việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trong các hợp tác xã nông nghiệp cũng có những tiến bộ rõ rệt. Toàn tỉnh đã xây dựng được 202 lò ngói, 113 lò vôi, lắp đặt 111 máy bơm nước bằng điện, 44 máy xay xát, thành lập 102 tổ sửa chữa nông cụ sản xuất, với 404 người tham gia; bình quân mỗi hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh đã có 2,2 nhà kho, 1,5 sân phơi, 2 xe cải tiến, 0,9 nhà chế biến phân, 0,8 bình bơm thuốc trừ sâu (tăng từ 3 đến 5 lần so với năm 1964). Ngoài ra, toàn tỉnh còn đào tạo được gần 700 cán bộ kỹ thuật trung, sơ cấp nông nghiệp.

Ngành Chăn nuôi ở Thái Nguyên trong thời kỳ trực tiếp chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ tiếp tục được giữ vững và phát triển. Sau khi Tỉnh uỷ ra Nghị quyết (4/1967) về lãnh đạo chăn nuôi

toàn diện, Đảng bộ các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, thành phố Thái Nguyên tập trung lãnh đạo đẩy mạnh phát triển chăn nuôi tập thể và chăn nuôi ở các hộ gia đình xã viên. Đến cuối năm 1967, toàn tỉnh có 103 hợp tác xã có chuồng, trại chăn nuôi lợn tập thể, với gần 4.500 con; 64 hợp tác xã chăn nuôi trâu, bò sinh sản, với 826 con[1]. Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lãnh đạo được 82% số hợp tác xã tổ chức chăn nuôi lợn tập thể, với hơn 1.300 con (trong đó, đàn lợn tập thể của Hợp tác xã Đại Đồng có 250 con). Đàn lợn tập thể của Hợp tác xã Hồng Kỳ (Phú Bình) luôn giữ vững trên 100 con, trong đó đàn lợn nái sinh sản thường xuyên cung cấp đủ lợn giống cho xã viên và gần 100 tấn phân bón cho trồng trọt. Trung bình mỗi năm Hợp tác xã Hồng Kỳ (Phú Bình) cung cấp cho Nhà nước 15 tấn thịt lợn hơi. Các hợp tác xã Tân Hương (Phổ Yên), Tân Tiến (Định Hoá) có phong trào chăn nuôi giỏi và bán nghĩa vụ thực phẩm cho Nhà nước vượt mức kế hoạch.

Do sản xuất lương thực, thực phẩm được giữ vững và phát triển, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên tích cực làm tốt nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Chỉ tính riêng huyện Đại Từ, trong năm 1967,

(1) Báo cáo Tổng kết năm 1967 của Tỉnh uỷ Bắc Thái, trang 11.

tổng mức 3 thu lương thực[1] đã đạt 6.474 tấn thóc, tăng 1.424 tấn so với năm 1964 và bằng 30% tổng mức 3 thu của toàn tỉnh; bán chè các loại cho Nhà nước được 33 tấn, tăng 206% so với năm 1964. Hai năm 1966, 1967, Hợp tác xã Tân Tiến (huyện Định Hoá) làm nghĩa vụ lương thực với Nhà nước bình quân mỗi hộ xã viên đạt trên, dưới 1 tấn thóc. Hợp tác xã Tân Hương (Phổ Yên) thực hiện nghĩa vụ lương thực hằng năm đều vượt kế hoạch và nhanh nhất so với các hợp tác xã trong toàn tỉnh.

Để giữ vững và phát triển sản xuất thủ công nghiệp và công nghiệp địa phương, Đảng bộ coi trọng lãnh đạo cải tạo quan hệ sản xuất. Cuối năm 1967, toàn tỉnh có 85,1% số thợ thủ công đã vào các hợp tác xã thủ công nghiệp (tăng 28,3% so với năm 1964). Tỷ lệ các mặt hàng tư liệu sản xuất tăng từ 27,7% (năm 1964), lên 58,1% (năm 1967). Trong thời gian 1965 - 1967, số vốn đầu tư cho công nghiệp địa phương tăng bình quân mỗi năm 42,1%; năm 1967 tăng 85,3% so với năm 1964. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương phục vụ nông nghiệp tăng bình quân 22,4%/năm, phục vụ giao thông vận tải tăng 6,4%/năm, chế tạo máy móc và sản phẩm kim loại tăng 19,7%, khai thác

[1] Thu thuế, thu mua nghĩa vụ, thu mua khuyến khích.

quặng và công nghiệp hoá chất tăng 25,8%. Sản xuất nông cụ thông thường (lưỡi cày, diệp cày, bừa, cuốc, xẻng, cào cỏ, xe cải tiến...) bình quân tăng từ 11,2% đến 30,1%, đáp ứng được phần lớn các nhu cầu của nhân dân trên địa bàn.

Các đảng bộ trong các xí nghiệp công nghiệp Trung ương trực thuộc Tỉnh uỷ đã lãnh đạo tốt việc giáo dục, động viên đảng viên, cán bộ, công nhân, viên chức khắc phục khó khăn để giữ vững và phát triển sản xuất, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao; nhiều đơn vị liên tục hoàn thành kế hoạch. Ngoài ra, các đảng bộ còn lãnh đạo tốt việc giúp đỡ đào tạo công nhân, cung cấp vật tư, hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng cơ bản cho công nghiệp địa phương phát triển.

Đảng bộ Nhà máy Điện Cao Ngạn lãnh đạo cán bộ, đảng viên, công nhân thực hiện tốt khẩu hiệu "***Giặc đến là bám máy, bám lò, xử lý sáng tạo. Giặc đi lại sản xuất với năng suất lao động cao hơn***". Năm 1966, qua nhiều trận đánh phá ác liệt của máy bay Mỹ, hai tầng nhà trên bị bom phá sập, Đảng bộ Nhà máy đã lãnh đạo cán bộ, công nhân dồn máy móc, thiết bị xuống tầng hầm, nhanh chóng phục hồi sản xuất, đảm bảo vận hành máy móc an toàn, kịp thời cung cấp điện cho các nhà máy, xí nghiệp đóng trên địa bàn Thái Nguyên hoạt động.

Từ giữa năm 1966, đế quốc Mỹ tập trung máy bay, bom đạn đánh phá có tính chất huỷ diệt Khu Gang thép Thái Nguyên. Đảng bộ Công ty Gang thép Thái Nguyên lãnh đạo cán bộ, công nhân thực hiện tốt lời thề *"Tổ quốc cần thép, cán bộ, công nhân gang thép sẵn sàng đổi máu lấy thép"*. Trải qua gần 2 năm trực tiếp sản xuất dưới làn bom, đạn ác liệt của giặc Mỹ (từ giữa năm 1966 đến tháng 3/1968), với tinh thần dũng cảm, kiên cường của đội ngũ cán bộ, công nhân, thép và gang vẫn tiếp tục ra lò, công suất bình quân 170 tấn một ngày. Năm 1966, Công ty Gang thép Thái Nguyên sản xuất vượt kế hoạch 5,1%; hai tháng đầu năm 1967 (trước khi sơ tán), sản xuất vượt kế hoạch từ 2% đến 5%.

Đảng bộ Mỏ than Khánh Hoà lãnh đạo cán bộ, công nhân xây dựng ý chí, quyết tâm làm nhiều, làm tốt, làm cho Khánh Hoà - Kon Tum ruột thịt, làm cho cả miền Nam anh hùng. Trong bom, đạn ác liệt của giặc Mỹ, cán bộ, công nhân Tổ 7, Công trường khai thác 1 (***Tổ Lao động xã hội chủ nghĩa***), gồm 16 cán bộ, công nhân là phụ nữ, có con nhỏ, đã liên tục phấn đấu đạt giờ công và năng suất lao động cao. Tổ Máy xúc đã nâng năng suất xúc than từ 300 m^3 lên 528 m^3 một ca. Đội Xe tải đã nâng năng suất vận chuyển từ 80 chuyến lên 126 chuyến một ngày.

Đảng bộ Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ lãnh đạo cán bộ, công nhân tháo dỡ hàng trăm tấn thiết bị, có thiết bị nặng hàng chục tấn, đưa đến nơi sơ tán lắp đặt lại để tiếp tục sản xuất. Máy bay Mỹ ném bom làm hỏng lò hơi, cán bộ, công nhân quyết tâm khôi phục lại để đảm bảo sản xuất.

Ngoài lãnh đạo giữ vững và phát triển sản xuất tiểu- thủ công nghiệp, công nghiệp địa phương, các đảng bộ ở Thái Nguyên còn lãnh đạo tốt việc thực hiện cuộc vận động 3 xây, 3 chống, bước đầu nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức làm chủ của cán bộ, công nhân, viên chức; tệ tham ô, lãng phí được phê phán nghiêm khắc; một số xí nghiệp nắm vững mục đích, yêu cầu, kiên quyết sửa chữa khuyết điểm, nên năng suất lao động tăng, giá thành hạ, ý thức trách nhiệm và tinh thần làm chủ của cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức được nâng lên. Tuy vậy, việc lãnh đạo triển khai cuộc vận động của một số cấp uỷ Đảng ở Thái Nguyên còn chậm, thiếu chiều sâu, chưa gắn với tình hình và nhiệm vụ trước mắt, chưa nhằm thẳng vào khuyết điểm của ngành mình, cấp mình mà đề ra phương hướng và các biện pháp khắc phục cụ thể.

Trong công tác đảm bảo đời sống, đảng bộ các ngành lưu thông, phân phối đã lãnh đạo cán bộ, công

nhân, viên chức vượt qua nhiều khó khăn, thách thức do chiến tranh phá hoại ác liệt, giao thông đi lại khó khăn, phương tiện vận tải thiếu, hệ thống kho tàng không đầy đủ, dân số tăng nhanh[1], đảm bảo cung cấp thường xuyên về lương thực, thực phẩm và những nhu cầu thiết yếu nhất về đời sống hằng ngày (ăn, mặc, ở, học tập, thuốc chữa bệnh) cho mọi đối tượng. Ngành Thương nghiệp có nhiều cố gắng trong việc gia công, sản xuất chế biến hàng hoá, đưa tỷ lệ hàng địa phương đạt 18% tổng số hàng công nghệ phẩm bán ra, tăng 125% so với năm 1965. Trong 3 năm trực tiếp chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1965 - 1968), thu ngân sách địa phương tăng bình quân mỗi năm 6,1%, trong đó khu vực quốc doanh tăng 8,6%, khu vực tập thể và cá thể tăng 4% (riêng khu vực nông nghiệp tăng 5,1%). Phong trào gửi tiền tiết kiệm chống Mỹ, cứu nước có nhiều tiến bộ. Cuối năm 1967, bình quân mỗi người dân trong tỉnh có số tiền gửi tiết kiệm 17 đồng, tăng gấp 4 lần so với năm 1964.

---

[1] Năm 1967, dân số của tỉnh gần 586.000 người; nếu tính cả bộ đội, công an vũ trang, các trường đại học... của Trung ương, dân số khoảng 650.000 người, trong đó, tỷ lệ dân số phi nông nghiệp là 22,3%, sức mua tăng từ 56 triệu đồng (1964) lên 108 triệu đồng (1967)

Công tác thông tin, văn hoá, giáo dục, y tế tiếp tục phát triển tốt, đời sống tinh thần của nhân dân từng bước được nâng cao. Đến tháng 3/1968, toàn tỉnh đã có có 5.000 đài thu thanh bán dẫn, hàng ngàn loa truyền thanh. Đoàn văn công tỉnh đã xuống tận đồng ruộng, lên tận trận địa biểu diễn phục vụ nhân dân và bộ đội. Đặc biệt, Đoàn đã trực tiếp vào chiến trường miền Nam biểu diễn phục vụ cán bộ, chiến sỹ Quân giải phóng thời gian 7 tháng, trở về an toàn. Phong trào thể dục, thể thao quốc phòng trong tỉnh phát triển khá, được xếp thứ nhất trong các tỉnh miền núi.

Các ngành giáo dục phổ thông, bổ túc văn hoá, đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, dạy nghề không ngừng phát triển. Số trường học trong toàn tỉnh đã tăng từ 30% đến 57% so với trước chiến tranh. Năm học 1967 - 1968, mỗi xã đã có 1 trường cấp I, hơn 2 xã có một trường cấp II, mỗi huyện đã có 1 trường cấp III. Tại thành phố Thái Nguyên, trung bình cứ 3 người dân có 1 người đi học. Toàn tỉnh có 102.100 em học sinh với trên 4.000 giáo viên phổ thông. Ngoài ra, Đảng bộ các huyện Phú Lương, Đại Từ, Định Hoá đã lãnh đạo mở được ở mỗi huyện một trường thanh niên dân tộc vừa học, vừa làm, thu hút con em của đồng bào các dân tộc HMông, Dao, Cao Lan - Sán Chí vào học tập.

Các trường cấp III Phú Lương, cấp II Hoàng Văn Thụ (thành phố Thái Nguyên), mẫu giáo Tân Thái (Đại Từ), Dân Chủ (Đồng Hỷ) có phong trào thi đua ***Dạy tốt, học tốt*** sôi nổi. Phong trào Bổ túc văn hoá được giữ vững và phát triển. Đội 91 thanh niên xung phong của tỉnh đã có 300 đội viên vừa công tác, vừa học bổ túc tốt nghiệp văn hoá cấp I, cấp II; Công ty Gang thép Thái Nguyên - một trong những trọng điểm bị máy bay Mỹ đánh phá ác liệt nhất, đã được Chính phủ tặng thưởng ***Huân chương Lao động hạng Ba*** về thành tích bổ túc văn hoá.

Mạng lưới y tế phòng không được tổ chức rộng khắp, giải quyết kịp thời các hậu quả do chiến tranh phá hoại của địch gây ra. Công tác phòng và khám, chữa bệnh cho nhân dân ngày càng được tăng cường. Đầu năm 1968, toàn tỉnh có 18 bệnh viện, 236 trạm y tế, với 1.628 giường bệnh và 2.184 cán bộ, nhân viên (có 320 bác sỹ, y sỹ), tăng 37,4% so với năm 1965. Phong trào "*3 đứt điểm*" (hố xí 2 ngăn, giếng nước, nhà tắm) được đẩy mạnh; trong đó, các xã Đồng Liên (huyện Phú Bình), Vạn Thọ (huyện Đại Từ) thực hiện tốt, được Chính phủ tặng thưởng ***Huân chương Lao động hạng Ba***. Bệnh viện A của tỉnh tuy mới được

thành lập, nhưng đã nhanh chóng đưa các hoạt động khám, chữa bệnh vào nền nếp, mạnh dạn áp dụng các phương pháp chữa bệnh tiên tiến, chữa được nhiều ca bệnh hiểm nghèo. Xí nghiệp Dược phẩm và Quốc doanh Dược phẩm 3 năm liền hoàn thành vượt mức kế hoạch, đóng góp to lớn vào việc bảo vệ sức khoẻ nhân dân, đảm bảo sản xuất và chiến đấu thắng lợi. Cán bộ, công nhân Xí nghiệp Dược phẩm nêu cao tinh thần dũng cảm, xung phong ra ga Lưu Xá bốc dỡ hàng giữa lúc máy bay Mỹ đang uy hiếp và bom nổ chậm vẫn đe doạ từng giờ.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Đảng bộ các huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị nằm trên địa bàn Thái Nguyên đã hướng công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng vào nhiệm vụ trọng tâm là chống Mỹ cứu nước và xây dựng kinh tế địa phương. Thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về công tác xây dựng Đảng: *Tất cả các cấp uỷ Đảng phải chăm lo làm công tác xây dựng Đảng cho tốt để đẩy mạnh các công tác khác*, trong hai năm (1966 - 1967) và 6 tháng đầu năm 1968, các đảng bộ huyện, thành phố, đơn vị cấp tỉnh và cơ quan Trung ương ở Thái Nguyên kết nạp được 6.063 đảng viên mới, chiếm tỷ lệ gần 85% số đảng viên mới được kết nạp trong toàn Đảng bộ tỉnh. Trong số 6.063 đảng viên mới được

kết nạp [1], tỷ lệ nữ chiếm 31,5%, dân tộc ít người 31%, lực lượng trẻ 65,6%, người trực tiếp sản xuất 29%.

Cùng với việc đẩy mạnh công tác phát triển Đảng, ngày 14/4/1966, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết 19 - NQ/BT về việc triển khai cuộc vận động bảo vệ Đảng theo tinh thần Chỉ thị 90 - CT/TW ngày 1/3/1965 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Các đồng chí Nguyễn Việt Vinh (Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ), Nguyễn Hữu Uẩn (Uỷ viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ

Số TT	Đảng bộ	Số đảng viên được kết nạp			
		Năm 1966	Năm 1967	6 tháng đầu năm 1968	Tổng cộng
1	Đinh Hóa	129	64	44	237
2	Phú Lương	115	107	81	303
3	Võ Nhai	105	67	45	217
4	Đại Từ	173	228	116	517
5	Đồng Hỷ	216	138	93	447
6	Phổ Yên	336	236	101	673
7	Phú Bình	358	252	99	709
8	Thành phố TN	151	176	76	403
9	Đơn vị trực thuộc tỉnh	407	449	116	972
10	Cơ quan, xí nghiệp TW	475	753	357	1.585

chức Tỉnh uỷ), Hoàng Khải Giáp (Thường vụ Tỉnh uỷ, Trưởng ty Công an) được phân công trực tiếp lãnh đạo và tổ chức thực hiện cuộc vận động này. 94% đảng viên trong Đảng bộ đã tham gia học tập Chỉ thị 90 của Ban Bí thư. Thông qua cuộc vận động bảo vệ Đảng, hầu hết đảng viên trong Đảng bộ tỉnh được nâng cao thêm tính tiên phong, ý thức tổ chức kỷ luật, nắm được các nguyên tắc, thủ tục trong công tác Đảng, có ý thức bảo vệ Đảng, cảnh giác với các âm mưu phá hoại Đảng của kẻ địch.

Kết hợp với cuộc vận động bảo vệ Đảng, các cấp uỷ Đảng tăng cường lãnh đạo công tác kiểm tra dân chủ và kỷ luật trong Đảng. Năm 1967, trong Đảng bộ tỉnh đã có 226 đảng viên bị thi hành kỷ luật (có 83 đảng viên bị khai trừ, 62 đảng viên bị lưu Đảng); trong số đảng viên là cán bộ thoát ly bị xử lý kỷ luật, có 12,8% sai phạm chính sách, 19,46% tham ô, 41% hủ hoá.

Cuộc vận động xây dựng đảng bộ, chi bộ, tổ đảng, đảng viên 4 tốt được các cấp uỷ Đảng triển khai sâu rộng hơn trước. Đảng uỷ Dân - Chính - Đảng tỉnh ra Nghị quyết nhấn mạnh *"Trung tâm công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ hiện nay là xây dựng Chi bộ 4 tốt. Các chi bộ phải coi việc xây dựng Chi bộ 4 tốt là nhiệm vụ phải làm và phải đạt được, vì đây là trách*

nhiệm chấp hành chỉ thị của Đảng, dù khó khăn cũng phải khắc phục để làm". Huyện uỷ Đại Từ củng cố được các cơ sở đảng kém nát ở 2 xã Tân Thái và Hùng Cường. Thành uỷ Thái Nguyên gắn cuộc vận động xây dựng Đảng với lãnh đạo thực hiện hai nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu, đưa phong trào tiến lên đồng đều, vững chắc và toàn diện. Huyện uỷ Phổ Yên gắn công tác xây dựng Đảng với việc phát động quần chúng ra quân làm thuỷ lợi. Đảng uỷ các cơ quan, xí nghiệp: Ty Công an, Đoàn Địa chất 12, Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ, Công ty Gang thép Thái Nguyên... lập kế hoạch xây dựng Đảng cụ thể, sát với thực tế nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Kết quả bình xét tổ chức Đảng và đảng viên năm 1967 so với năm 1966, số *Chi bộ 4 tốt* tăng 3%, số *Tổ Đảng 4 tốt* tăng 3%, số *Đảng viên 4 tốt* tăng 12%, số đảng viên kém giảm 1%. Cuối năm 1967, trong số 28.070 đảng viên của Đảng bộ tỉnh, có 36,3% đạt 4 tốt, 40% đảng viên khá, 3,5% đảng viên kém, còn lại là đảng viên trung bình.

Trong điều kiện cuộc chiến tranh phá hoại của của đế quốc Mỹ trên địa bàn tỉnh ngày càng lan rộng và ác liệt, các cấp uỷ Đảng tập trung lãnh đạo công tác tư tưởng xoay quanh chủ đề lớn: ***Vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội***, tập trung nhân, tài, vật lực

đáp ứng cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng địa phương giàu có, vững mạnh về mọi mặt; giáo dục sâu sắc ý chí quyết chiến, quyết thắng, tinh thần độc lập, tự chủ, ý thức tự hào dân tộc, tự lực cánh sinh và tinh thần quốc tế vô sản. Các cấp uỷ Đảng từ huyện, thành phố xuống cơ sở liên tục mở các đợt sinh hoạt chính trị học tập các chỉ thị, nghị quyết lớn của Đảng, nhất là Nghị quyết 11 NQ/TW ngày 27/3/1965, Nghị quyết 12 NQ/TW ngày 26/12/1965 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước ngày 17/7/1966 của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ và Ban Tuyên giáo các Huyện uỷ, Thành uỷ lãnh đạo công tác tuyên truyền thời sự rộng khắp; các cơ quan thông tin (Báo, Đài phát thanh) tích cực cải tiến hình thức, nội dung tuyên truyền, góp phần đắc lực động viên, cổ vũ cán bộ, đảng viên và quần chúng ra sức hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ trên các lĩnh vực công tác, chiến đấu và sản xuất, xây dựng được niềm tin vững chắc vào đường lối, chính sách của Đảng và Bác Hồ.

Nhằm kiện toàn và tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, kết thúc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (31/3/1968), hầu hết các đảng bộ huyện, thành trên địa bàn Thái Nguyên (trừ Đảng bộ huyện Định Hoá) đều tổ chức xong đại hội. Tỷ lệ nữ trong Ban Chấp hành mới đạt 11,4% (tăng gấp 2 lần so với nhiệm kỳ trước).

Đảng bộ đặc biệt coi trọng củng cố bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân các cấp. Trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh, trên 95% cử tri trong toàn tỉnh đã đi bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp tỉnh, huyện và xã. Cơ cấu Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính các cấp trong tỉnh đã thể hiện được chính sách đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo và liên minh công nông của Đảng. Hầu hết các đại biểu Hội đồng nhân dân, Uỷ ban hành chính các cấp được bầu năm 1968 đều hăng hái, nhiệt tình công tác, lãnh đạo, chỉ đạo quần chúng hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất chiến đấu, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Các đoàn thể quần chúng được các cấp uỷ Đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Tỉnh Đoàn Thanh niên giáo dục và động viên đoàn viên, thanh niên phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu và đảm bảo giao thông thời chiến; hàng vạn đoàn viên, thanh niên đã viết đơn xung phong tình nguyện ***Ba sẵn sàng***. Các tổ chức Đoàn trong tỉnh đã thành lập được 665 đội thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước, góp phần to lớn vào việc đảm bảo giao thông vận tải thông suốt trong mọi tình huống. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, lực lượng đoàn viên, thanh niên trong tỉnh đã làm được 293.493 tấn phân, chăm sóc hàng nghìn thửa

ruộng, ***cánh đồng 5 tấn***, đưa năng suất lúa tăng từ 14,4% đến 18,2%, mở ra nhiều triển vọng mới trong việc phấn đấu thực hiện 3 mục tiêu (5 tấn thóc, 2 con lợn, 1 lao động/ha gieo trồng). Qua phấn đấu, rèn luyện trong sản xuất, chiến đấu và công tác, gần 3 năm (7/1965 - 3/1968), toàn tỉnh đã có 2.181 thanh niên được kết nạp vào Đoàn, nâng số đoàn viên trong toàn tỉnh lên 43.333 người, tăng 42,1% so với năm 1965.

Các cấp Hội Phụ nữ đã tăng cường giáo dục, vận động hội viên phát huy truyền thống ***Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang***, sát cánh cùng phụ nữ Bắc Kạn giành và giữ vững Cờ thưởng thi đua xuất sắc trong phong trào ***Ba đảm đang*** và được Chính phủ trao tặng ***Huân chương Lao động hạng Ba***.

Bên cạnh các thành tựu trên, công tác lãnh đạo của Đảng bộ trong gần 3 năm (7/1965 - 3/1968) cũng còn nhiều hạn chế, khuyết điểm:

- Tốc độ xây dựng và phát triển kinh tế còn chậm và chưa vững chắc. Chỉ tiêu, kế hoạch và sản xuất nông nghiệp còn thiếu cân đối giữa các ngành trồng trọt và chăn nuôi. Phong trào thuỷ lợi chưa mạnh và chưa đều khắp. Năng suất lúa và hoa màu còn bấp bênh, chưa ổn định, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Rừng bị khai thác bừa bãi, ngày càng bị tàn phá kiệt quệ...

- Chưa thấu suốt đường lối, phương châm xây dựng Đảng trong giai đoạn cách mạng mới; còn nhiều biểu hiện hữu khuynh, bảo thủ, trì trệ; phong trào tiến bộ không đều và thiếu toàn diện.

- Công tác giáo dục chính trị tư tưởng chưa làm cho mỗi cán bộ, đảng viên quán triệt sâu sắc nhiệm vụ đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng thoả mãn với cuộc sống hiện tại, lãng quên lý tưởng của người đảng viên, công thần, địa vị, suy bì, đãi ngộ, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, thiếu gương mẫu chấp hành các chính sách của Đảng, gây mất đoàn kết nội bộ vẫn tồn tại kéo dài, có nơi nghiêm trọng.

- Hoạt động của các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ, Công đoàn có lúc chưa tập trung vào thực hiện các nhiệm vụ trung tâm do cấp uỷ đề ra. Các cấp uỷ cơ sở chưa lãnh đạo phát huy hết vai trò, chức năng của các tổ chức quần chúng và chính quyền, nhất là vai trò của thanh niên và phụ nữ.

Những mặt hạn chế, thiếu sót kể trên đòi hỏi Đảng bộ, trước hết là Ban Thường vụ Tỉnh uỷ có chủ trương, biện pháp khắc phục để đưa mọi hoạt động của tỉnh phát triển đi lên.

II- Tập trung lãnh đạo khôi phục sản xuất, đẩy mạnh động viên tuyển quân và trực tiếp chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (4/1968 - 12/1972)

Sau ngày đế quốc Mỹ buộc phải tạm ngừng ném bom, bắn phá miền Bắc từ Vĩ tuyến 20 trở ra (31/3/1968), tranh thủ thời gian hoà bình, Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo tiếp tục đẩy mạnh cuộc động viên chính trị ***Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*** theo tinh thần Nghị quyết 175 của Bộ Chính trị. Các đồng chí Lê Hoàng (Bí thư Tỉnh uỷ), Nguyễn Hữu Uẩn (Uỷ viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh uỷ) đã trực tiếp xuống cùng với đồng chí Phạm Khánh Vân, Bí thư Huyện uỷ Đại Từ lãnh đạo, chỉ đạo 2 xã Hà Thượng (xã khá) và Phú Thịnh (xã kém) làm thí điểm cuộc động viên chính trị ***Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*** để rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo ra toàn tỉnh. Sau đợt chỉ đạo thí điểm, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã rút ra 3 kinh nghiệm chủ yếu:

- Xây dựng nội dung, mục đích, yêu cầu thực hiện cuộc động viên chính trị phải thiết thực, cụ thể, phù hợp với thực tiễn ở từng huyện, thành phố và cơ sở.

- Cán bộ lãnh đạo phải có quyết tâm cao, phương pháp tốt, thật sự dân chủ, đi sâu sát cán bộ, đảng viên và quần chúng.

- Phải xây dựng được đội ngũ cán bộ cốt cán vững vàng, dám làm và dám chịu trách nhiệm.

Từ các kinh nghiệm trên, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lãnh đạo triển khai cuộc động viên chính trị ra toàn Đảng bộ. Đảng bộ các huyện Đại Từ, Phú Lương, Phổ Yên, thành phố Thái Nguyên và các ngành Thương nghiệp, Bưu điện, các đơn vị Đội 91 thanh niên xung phong, Công an nhân dân vũ trang đã tập trung lãnh đạo, thu hút trên 95% cán bộ, đảng viên, đoàn viên và quần chúng tham gia học tập. Qua học tập cán bộ, đảng viên, đoàn viên và nhân dân đã nhận rõ thắng lợi to lớn và toàn diện của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; củng cố được lòng tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng; thấy được thành tích để phát huy, thiếu sót, khuyết điểm để sửa chữa. Nhiều cán bộ, đảng viên ở các đảng bộ huyện Đại Từ, Phú Lương nằm lỳ 2, 3 năm, nay đã hối hận, tự giác xin nhận kỷ luật và đề nghị Đảng giao công tác.

Cuộc động viên chính trị ***Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*** theo tinh thần Nghị quyết 175 của Bộ Chính trị đã được Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo triển khai kịp thời, chặt chẽ nên đạt kết quả tốt trên các mặt công tác.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, từ vụ mùa năm 1968 trở đi, tuy có thuận lợi lớn do địch tạm ngừng đánh phá, nhưng lại gặp khó khăn gay gắt do trận lũ lụt (từ ngày 8 đến ngày 15/8/1968) làm úng ngập hơn 6.000 héc ta, trong đó diện tích lúa bị hỏng hoàn toàn phải cấy lại ở các huyện, thành phố nằm trên địa bàn Thái Nguyên lên tới 2.949,4 héc ta.

Với quyết tâm ***Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược***, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ một mặt ra chỉ thị nhắc các huyện, thành phố khắc phục hậu quả lũ lụt, một mặt cử các đoàn cán bộ về những nơi bị thiệt hại nặng cùng với cấp uỷ Đảng và chính quyền cơ sở tổ chức và vận động quần chúng nhanh chóng khôi phục sản xuất. Huyện uỷ Đại Từ lãnh đạo nhân dân cấy tiết kiệm mạ để ủng hộ những nơi bị lụt. Huyện uỷ các huyện Phú Bình, Phổ Yên lãnh đạo các xã không bị lụt ủng hộ mạ và nhân công cho những nơi bị lụt khôi phục diện tích cấy lúa. Thành uỷ Thái Nguyên lãnh đạo tập trung hết cán bộ các cơ quan Thành uỷ và Uỷ ban hành chính Thành phố, huy động thêm 30 cán bộ các ban, ngành trực tiếp xuống cơ sở lãnh đạo, chỉ đạo phục hồi và phát triển sản xuất. Huyện uỷ các huyện Đồng Hỷ, Định Hoá, Phú Lương lãnh đạo nhân dân nhanh chóng phục hồi sản xuất sau trận lụt, vận động các hợp tác xã để

dành mạ giúp đỡ và bán cho các huyện bị lụt nặng. Nhờ đó, chỉ trong một thời gian ngắn, đến ngày 5/9/1968, các huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên đã cấy lại được 2.943 héc ta lúa (bằng 92% diện tích lúa bị lũ lụt phá hỏng hoàn toàn), phục hồi được trên 3.000 ha lúa bị úng ngập.

Sau lụt lội là nạn sâu hại lúa phát sinh khá nghiêm trọng. Diện tích lúa bị sâu phá hoại trong tỉnh lên tới 11.711 héc ta. Trước tình hình đó, Ty Nông nghiệp cấp thuốc trừ sâu, tổ chức các đội chuyên phun thuốc trừ sâu hại lúa. Đảng bộ Đại Từ lãnh đạo mở ***Hội hoa đăng*** diệt bướm, ngăn chặn kịp thời nạn sâu cuốn lá và sâu đục thân trên diện tích hàng nghìn héc ta. Huyện uỷ Võ Nhai lãnh đạo huy động hầu hết cán bộ các cơ quan huyện xuống giúp các xã diệt trừ sâu hại lúa. Các ngành Nông nghiệp, Công nghiệp, Giao thông vận tải, Lưu thông phân phối... có nhiều cố gắng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Nạn sâu bệnh hại lúa căn bản được dập tắt.

Cùng với kết quả trong việc khắc phục hậu quả lũ lụt và diệt trừ sâu bệnh, công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất nông nghiệp của tỉnh cũng có nhiều tiến bộ. Ở các huyện, thành phố và cơ sở, cấp uỷ và chính quyền đã đi sâu lãnh đạo, chỉ đạo thâm canh, tăng vụ và coi trọng

các biện pháp kỹ thuật. Diện tích cấy giống lúa mới, có năng suất cao ở các huyện Đại Từ đạt 64%, thành phố Thái Nguyên đạt 50,4%, Định Hoá và Phú Lương đều đạt trên 40%. Diện tích lúa cấy thẳng hàng, giống mới, cắm thẻ nhận chăm sóc ruộng đạt năng suất cao đều tăng từ 1,19 lần đến 9,36 lần so với năm 1967. Nhờ đó, năng suất lúa toàn tỉnh trong các năm 1968 - 1970 đều tăng hơn trước. Nhiều địa phương (các xã Túc Duyên, Đồng Bẩm, Quang Vinh thuộc thành phố Thái Nguyên, Hùng Sơn, Yên Lãng, Tiên Hội, Cù Vân, Hà Thượng, Phục Linh... thuộc Đại Từ, v.v...) và một số hợp tác xã đều đạt trên 5 tấn thóc/héc ta. Tổng sản lượng lương thực toàn tỉnh năm 1970 đã đạt cao hơn 2 năm 1968 và 1969.

Nhờ sản xuất phát triển, thu hoạch khá, đời sống từng bước được cải thiện, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên hăng hái, phấn khởi đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước. Riêng trong năm 1968, Thái Nguyên đã đóng góp vượt chỉ tiêu 49 tấn thóc, trên 70 tấn thịt lợn hơi, gửi vào quĩ tiết kiệm gần 538.500 đồng. Ngoài ra, nhân dân Thái Nguyên còn tiết kiệm bán thêm cho Nhà nước trên 96 tấn thóc; các huyện Đại Từ, Phú Lương, Đồng Hỷ ủng hộ bộ đội hàng chục con lợn, hàng ngàn con gà, vịt và ủng hộ đồng bào miền Nam hàng nghìn đồng tiền mặt...

Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp tiếp tục được củng cố và hoàn thiện. Đến đầu năm 1970, toàn tỉnh đã có 868 hợp tác xã nông nghiệp (trong đó 90% là hợp tác xã bậc cao), thu hút 91% tổng số hộ, 89% tổng số diện tích đất canh tác vào làm ăn tập thể. Các hợp tác xã Thành Công (Hùng Sơn, Đại Từ), Tân Hương (Phổ Yên), Đại Đồng (thành phố Thái Nguyên), Tân Tiến (Định Hoá) có phương hướng sản xuất rõ ràng, chú ý phát triển chăn nuôi, trồng cây công nghiệp và tổ chức nhiều ngành nghề khác. Cơ sở vật chất, kỹ thuật của hợp tác xã có mặt tăng từ 3 đến 5 lần so với năm 1964.

Nhằm từng bước đưa chăn nuôi trở thành một ngành sản xuất chính trong nông nghiệp, ngày 26/4/1968, Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 45 - NQ/BT về ***phát triển chăn nuôi toàn diện***. Nghị quyết nêu rõ *"Ra sức đẩy mạnh phát triển chăn nuôi toàn diện (trâu, bò, ngựa, dê, lợn, gia cầm, cá...) mà chủ yếu là đẩy mạnh chăn nuôi của gia đình xã viên, đồng thời từng bước giúp đỡ các hợp tác xã nông nghiệp tổ chức chăn nuôi tập thể, tiến tới hết kế hoạch 3 năm (1968 - 1970) có thể tự túc được đàn lợn giống, đưa bình quân lên 2 con lợn trên 1 héc ta gieo trồng cả năm (với trọng lượng mỗi con từ 36 kg trở lên), và hằng năm có thể cung cấp nhiều trâu, bò cày để bổ sung sức kéo cho các tỉnh miền xuôi"*.

Nghị quyết của Tỉnh uỷ chỉ rõ các huyện Định Hoá, Võ Nhai và các xã phía bắc huyện Phú Lương, phía bắc huyện Đại Từ có nhiều đồng cỏ, bãi chăn dắt, tập trung đẩy mạnh chăn nuôi trâu, bò sinh sản và chăn nuôi lợn nái, lợn bột ở các trại tập thể của hợp tác xã; khuyến khích các hộ gia đình nuôi thêm trâu, bò, lợn sinh sản và gia cầm; khôi phục và phát triển đàn ngựa hiện có ở các gia đình; đẩy mạnh phát triển đàn dê ở những vùng thung lũng núi đá, có nhiều loài thảo mộc. Các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Thành phố và các xã nam Phú Lương, nam Đại Từ đẩy mạnh chăn nuôi trâu, bò cày kéo, trâu, bò sinh sản; đẩy mạnh phát triển đàn lợn sinh sản và đàn lợn thịt; khuyến khích các gia đình xã viên đẩy mạnh chăn nuôi lợn (cả lợn nái); ra sức phát triển các loại gia cầm vừa đẻ trứng, vừa sản xuất thịt, chú ý phát triển đàn gà, ngan, ngỗng.

Thực hiện Nghị quyết 45 của Tỉnh uỷ, chăn nuôi trong tỉnh qua các năm đều tăng lên: Năm 1968 so với năm 1967, đàn trâu tăng 1,2%, đàn lợn tăng 6,5% (trong đó đàn lợn nái tăng 35,3%, đàn lợn đực giống tăng 61,5%), đàn ngựa tăng 770 con; đàn gia cầm tăng gần 200.000 con. Năm 1970, đàn trâu tăng từ 123.972 con (năm 1968), lên 129.546 con; đàn bò tăng từ 7.739 con (năm 1968), lên 8.879 con và đàn lợn tăng từ 173.175

con (năm 1968), lên 189.274 con. Trong những năm sau, đàn gia súc tiếp tục tăng. Đến năm 1972, đàn trâu, bò toàn tỉnh có trên 132.300 con (tăng 1,1% so với năm 1971), đàn lợn có trên 196.000 con (tăng 1,7% so với năm 1971).

Sản xuất lâm nghiệp cũng có những bước chuyển biến đáng kể. Được sự giúp đỡ của Bộ Lâm nghiệp, Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo tốt việc điều tra, kết luận tài nguyên rừng. Diện tích rừng toàn tỉnh có 640.634 héc ta (chiếm 76,57% tổng diện tích tự nhiên), đã qui hoạch được 63.000 héc ta, tu bổ được 1.303 héc ta, trồng mới 2.500 héc ta (khoảng 5 triệu cây). Việc huy động lao động vào sản xuất lâm nghiệp được chú ý hơn; số lao động lâm nghiệp tăng từ 1,18% (năm 1968), lên 6% (năm 1970).

Thi đua với các ngành trong tỉnh, sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp đã có những cố gắng mới. Đảng bộ Mỏ than Khánh Hoà lãnh đạo đưa năng suất lao động tăng 40%, năng suất các sản phẩm phục vụ nông nghiệp tăng từ 2% đến 18%, giá trị sản lượng tăng 6%. Đảng bộ Mỏ than Phấn Mễ lãnh đạo nâng năng suất khai thác than từ 200 tấn lên 400 tấn một ca, năng suất bốc dỡ đất, đá tăng từ 180 m^3 lên 339 m^3 một ca; hoàn thành kế hoạch sản xuất cả năm 1968 trước 45 ngày. Đảng bộ Xí nghiệp

Cơ khí 3/2 lãnh đạo đưa năng suất đúc mũi cày từ 155 chiếc một ca lên 450 chiếc một ca.

Ngành Giao thông vận tải gặp nhiều khó khăn do trận lụt tháng 8/1968 làm sụt lở khoảng 160.000 m^3 đất, đá. Riêng đoạn Quốc lộ 3 trên địa bàn tỉnh đã sụt lở hơn 107.100 m^3. Trước tình hình đó, Tỉnh uỷ đã lãnh đạo huy động đột xuất trên 300 cán bộ, đội viên Đội 91 thanh niên xung phong, hàng trăm công nhân cầu đường và trên 17.000 dân công tập trung sửa chữa. Đến ngày 31/8/1968, giao thông vận tải Quốc lộ 3 trên địa bàn tỉnh hoàn toàn thông suốt.

Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế tiếp tục phát triển. Đầu năm 1970, toàn tỉnh đã có 455 đội văn nghệ nghiệp dư (tăng gần 200% so với năm 1964), 12 trạm truyền thanh với trên 6.100 loa, 700 km đường dây, 6.000 đài thu thanh bán dẫn. Thành phố Thái Nguyên và các huyện Phổ Yên, Đại Từ, Phú Bình, Định Hoá đã có hoạt động đèn chiếu.

Hệ thống giáo dục và đào tạo của tỉnh không ngừng được mở rộng. Số học sinh phổ thông tăng bình quân hằng năm 14,7%, các lớp mẫu giáo thu hút 65.647 cháu vào học, bình quân trong tỉnh cứ 3,3 người dân có 1 người đi học.

Mạng lưới y tế phát triển rộng khắp, bình quân 1.546 người dân trong tỉnh có 1 bác sỹ hoặc y sỹ phục

vụ. Toàn tỉnh đã căn bản hoàn thành dứt điểm *3 công trình vệ sinh*, góp phần tăng cường sức khoẻ nhân dân: giảm tỷ lệ tử vong từ 0,54% (năm 1964), xuống còn 0,33% (năm 1969).

Trong những năm 1968 - 1972, dù có những khó khăn khách quan, Thái Nguyên vẫn tích cực đẩy mạnh công tác tuyển quân chi viện chiến trường. Sau cuộc Tập kích chiến lược Tết Mậu Thân 1968, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam tiếp tục kéo dài đến ngày 23/9/1968. Tuy *"Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân và cả năm 1968 là to lớn, toàn diện, chưa có năm nào trước đó đạt tới, nhưng tổn thất của ta cũng nặng nề, nhiều đơn vị bộ đội chủ lực, bộ đội tỉnh nhuệ, biệt động bị thương, hy sinh gần hết. Cơ sở cách mạng trong một số thành phố, thị xã tan vỡ, phong trào đấu tranh chính trị bị giảm sút; ở địa bàn nông thôn ta bị mất đất, mất dân... Tổn thất này đã làm giảm sút thế và lực của cách mạng miền Nam, gây hậu quả khó khăn chồng chất kéo dài suốt năm 1969"*[1]

Tình hình đó đòi hỏi công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường của các tỉnh, thành phố miền Bắc

---

[1] Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 - 1975, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2001, trang 322.

trở nên hết sức cấp bách. Tại Hội nghị giao chỉ tiêu động viên tuyển quân cho các tỉnh, thành phố trên miền Bắc đầu năm 1968, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã chỉ thị: *Công tác động viên tuyển quân là công tác trung tâm số một, là vấn đề cấp bách phải được ưu tiên. Động viên lực lượng bổ sung cho chiến trường lúc này có tính chất quyết định.*

Năm 1968, công tác tuyển quân ở các huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thái Nguyên có nhiều khó khăn hơn so với những năm trước. Nguyên nhân dẫn đến khó khăn trước hết là do chỉ tiêu tuyển quân rất cao, bằng 91% chỉ tiêu tuyển quân 3 năm trước cộng lại. Thứ hai, qua nhiều đợt tuyển quân từ năm 1965 đến năm 1967, lực lượng dự bị của tỉnh và các huyện đã cạn dần. Thứ ba, tiêu chuẩn tuyển quân có những đòi hỏi cao hơn (hạn chế tuyển những người trên 30 tuổi, những người có từ 3 con trở lên và những người gia đình hoàn cảnh có nhiều khó khăn). Mặt khác, do chiến tranh ác liệt kéo dài, trong một bộ phận nhân dân, đặc biệt là trong thanh niên đã xuất hiện tư tưởng ngại hy sinh, gian khổ, không muốn đi bộ đội. Hiện tượng một số cán bộ, đảng viên không gương mẫu cho con, em đi bộ đội, gây suy bì, tỵ nạnh trong nhân dân cũng là những khó khăn của Đảng bộ và các cấp chính quyền đối với việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân năm 1968.

Trước tình trạng trên, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra ***Thông tri lãnh đạo công tác tuyển quân năm 1968***, chỉ rõ nhiệm vụ của Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang trong tỉnh trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng phải *"kiên quyết động viên đạt và vượt mức quân số, đảm bảo chất lượng tốt, thời gian nhanh, giao quân gọn và an toàn"*. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ giao cho Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, Ban Chấp hành Tỉnh Đoàn thanh niên, Ban chỉ huy Tỉnh đội xây dựng nội dung, kế hoạch động viên, giáo dục tình hình, nhiệm vụ mới cho nhân dân và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên; Ty Văn hoá - Thông tin, Báo Đảng và Đài Phát thanh tỉnh có các hình thức, nội dung tuyên truyền phong phú, động viên thanh niên hăng hái lên đường nhập ngũ; các ngành Y tế, Công an, Lương thực, Thực phẩm, Thương nghiệp làm tốt công tác khám tuyển, xét duyệt và đảm bảo cơ sở vật chất cho công tác tuyển quân; các cấp, các ngành trong tỉnh thực hiện tốt công tác hậu phương quân đội; công tác thương binh và gia đình liệt sỹ và làm tốt việc tiễn đưa thanh niên lên đường nhập ngũ.

Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh (do các đồng chí Doanh Hằng, Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh làm Chủ tịch, Nguyễn Hồng An, Uỷ

viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Tỉnh đội trưởng làm Phó Chủ tịch) họp, thảo luận các biện pháp chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Tuyển quân đợt 1 năm 1968 được tiến hành ở 3 huyện: Phú Lương, Phổ Yên và Đại Từ.

Nhờ có quyết tâm cao, với nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo tích cực của cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp từ tỉnh xuống cơ sở, nên kết quả tuyển quân đợt 1 năm 1968, Thái Nguyên đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu quân số trên giao (trong đó, các huyện Phổ Yên vượt 2,33%, Phú Lương vượt 0,73%). Về chất lượng, chỉ tiêu đảng viên vượt 2,2%, chỉ tiêu độ tuổi đạt 100%, chỉ tiêu đoàn viên đạt 57,1% (thấp hơn qui định 2,9%).

Phát huy kết quả tuyển quân đợt 1, trong đợt 2 năm 1968, các huyện, thành phố, cơ quan, xí nghiệp, trường học ở Thái Nguyên đã tuyển được 1.046 người vào bộ đội. Tiếp theo, ngày 20/5/1968, Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh tuyển quân đợt 3 với chỉ tiêu lớn gấp 1,5 lần chỉ tiêu cả năm 1967; riêng huyện Đại Từ gấp 2,85 lần, Phổ Yên gấp 2,58 lần, Phú Bình gấp 1,13 lần, Đồng Hỷ gấp 1,28 lần, Định Hoá gấp 1,05 lần.

Tháng 6 năm 1968, Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh tổ chức Hội nghị sơ kết công tác tuyển quân 6 tháng đầu năm 1968, bàn nội dung, biện pháp tuyển

quân đợt 3. Từ sau đó, toàn Đảng, toàn dân trong tỉnh tập trung làm tốt công tác tuyển quân. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ mở Hội nghị quán triệt nhiệm vụ lãnh đạo công tác tuyển quân đợt 3 và 6 tháng cuối năm 1968. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ biên soạn tài liệu ***Vinh dự và trách nhiệm của thanh niên đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước***. Tỉnh Đoàn thanh niên phát động, đoàn viên, thanh niên tham gia ***Ngày Hội thanh niên tòng quân chống Mỹ cứu nước***. Các Huyện Đoàn Võ Nhai, Phú Bình, Đồng Hỷ tổ chức ***Hội thanh niên tòng quân***, thu hút 7.600 đoàn viên, thanh niên tham gia, trong đó có 5.500 đoàn viên, thanh niên đã viết đơn tình nguyện nhập ngũ. Một số Huyện uỷ (Phú Bình, Đồng Hỷ...) hoãn các cuộc họp để tập trung cán bộ xuống cơ sở tuyên truyền, vận động tuyển quân. Các đồng chí Bí thư và Phó Bí thư Huyện uỷ phân công nhau trực tiếp xuống các xã nắm tình hình, chỉ đạo, giúp đỡ cơ sở tuyển quân. Các cụ phụ lão xã Phúc Trìu (huyện Đồng Hỷ, nay thuộc thành phố Thái Nguyên) tặng mỗi người lên đường nhập ngũ một chiếc gậy ***Vượt Trường Sơn đánh Mỹ***. Tại xã Khe Mo, cán bộ trong Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự phân công nhau đến từng gia đình có người nhập ngũ để động viên, giúp đỡ và giải quyết khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho những người nhập ngũ phấn khởi lên đường. Huyện

uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Đại Từ lãnh đạo, chỉ đạo làm tặng mỗi người lên đường nhập ngũ một chiếc lược bằng xác chiếc máy bay Mỹ do dân quân xã Hà Thượng bắn rơi ngày 1/8/1966, mang dòng chữ ***Con em Đại Từ ra đi là chiến thắng***.

Ngành Thương binh - Xã hội tỉnh phát động phong trào thi đua ***Toàn dân chấp hành chính sách hậu phương quân đội***, đẩy mạnh giáo dục, tuyên truyền cho nhân dân nhận thức sâu sắc "*anh em thương binh, gia đình liệt sỹ, anh em bộ đội đang trực tiếp chiến đấu ở chiến trường là những người có công với nước, với dân, không thể để gia đình và bản thân anh em gặp khó khăn mà không được giúp đỡ*".

Hưởng ứng phong trào ***Toàn dân chấp hành chính sách hậu phương quân đội***, huyện uỷ các huyện Phổ Yên, Phú Bình lãnh đạo điều hoà lương thực cho 245 gia đình thương binh, liệt sỹ, bộ đội đang chiến đấu ở chiến trường có nhiều khó khăn, mỗi gia đình từ 5 đến 10 kg gạo. Cấp uỷ, chính quyền các huyện, thành phố ở Thái Nguyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp công ăn, việc làm, đảm bảo ổn định đời sống cho vợ, con thương binh, liệt sỹ, bộ đội...

Nhờ cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp từ tỉnh xuống các huyện, thành phố làm tốt công tác lãnh

đạo, chỉ đạo, giáo dục, động viên, tuyên truyền kết hợp với toàn dân làm tốt công tác hậu phương quân đội, nên Thái Nguyên đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu tuyển quân đợt 3 năm 1968 (trong đó, thành phố Thái Nguyên vượt 16,1%, các huyện Phú Bình vượt 1,37%, Võ Nhai vượt 1,28%, Đại Từ vượt 0,72%, Đồng Hỷ vượt 0,59%, Định Hoá vượt 0,47%; các ty Lâm nghiệp vượt 5,38%, Bưu điện vượt 3,14%, Thuỷ lợi vượt 1,1%). Thành phố Thái Nguyên và huyện Phú Bình được nhận Bằng khen và Giấy khen của Thủ tướng Chính phủ; huyện Đại Từ và hai huyện Đồng Hỷ, Phổ Yên được nhận Bằng khen và Giấy khen của Chủ tịch Uỷ ban hành chính Khu Tự trị Việt Bắc; các huyện Định Hoá, Võ Nhai và các ty Lâm nghiệp, Bưu điện, Thuỷ lợi được nhận Bằng khen và Giấy khen của Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh.

Trong đợt tuyển quân thứ 4 năm 1968, Thái Nguyên tiếp tục hoàn thành vượt mức chỉ tiêu giao quân 9,3%. Năm 1969, toàn tỉnh tuyển được 1.615 người vào bộ đội (trong đó, huyện Phổ Yên giao quân vượt chỉ tiêu quân số 11,37%, thành phố Thái Nguyên và các cơ quan, xí nghiệp, trường học đều vượt chỉ tiêu quân số trên 5%; hai huyện Đồng Hỷ và Đại Từ đạt 100%).

Hai năm 1968, 1969, Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh còn hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo

Ban chỉ huy Tỉnh đội tuyển quân, xây dựng, huấn luyện 2 tiểu đoàn bộ binh chiến đấu 68B và 68C trực tiếp đưa vào chi viện cho chiến trường miền Nam.

Trong công tác xây dựng lực lượng vũ trang địa phương đảm bảo sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, năm 1968, Thái Nguyên củng cố và phát triển được 5.444 dân quân, tự vệ, đạt tỷ lệ 12,6% dân số; 98% cán bộ chỉ huy xã đội, đại đội dân quân, tự vệ là đảng viên. Năm 1969, tỷ lệ dân quân, tự vệ so với dân số ở thành phố Thái Nguyên và các huyện Phú Bình, Phú Lương, Võ Nhai, Đồng Hỷ đạt 13%, Đại Từ đạt 11,3%; 100% các Ban chỉ huy xã đội dân quân, đại đội tự vệ đều được kiện toàn đủ biên chế từ 4 đến 5 cán bộ.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Ban chỉ huy Tỉnh đội phối hợp với các ban, ngành chức năng của tỉnh tổ chức kiểm tra việc chấp hành chính sách hậu phương quân đội ở tất cả các huyện, thành phố trong tỉnh. Qua kiểm tra, đã phát hiện được một số sai sót trong việc giải quyết chính sách đối với các gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình bộ đội.

Để kịp thời khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm đó, tháng 5/1969, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phân công đồng chí Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh chủ trì Hội nghị quán triệt chính sách

hậu phương quân đội cho các đồng chí Phó Chủ tịch Uỷ ban hành chính các huyện, thành phố phụ trách nội chính, các đồng chí lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Tiếp theo, Tỉnh uỷ ra Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo công tác hậu phương quân đội chỉ rõ: Chúng ta phải nêu cao tinh thần trách nhiệm chính trị trước Đảng và quần chúng, tích cực thực hiện đầy đủ chính sách hậu phương quân đội, chủ yếu là chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sỹ, gia đình bộ đội đang chiến đấu ở chiến trường B, C.

Đầu năm 1970, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ mở tiếp cuộc vận động ***Chấp hành chính sách hậu phương quân đội***. Đây là cuộc vận động hợp lòng dân, được các tầng lớp nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, nên đã có tác động rất tích cực đối với công tác động viên, tuyển quân của tỉnh, góp phần làm cho hậu phương Thái Nguyên ổn định, vững mạnh, làm chỗ dựa vững chắc cho hàng chục nghìn cán bộ, chiến sỹ bộ đội đang chiến đấu ở các chiến trường xa, là nguồn cổ vũ động viên lớp lớp thanh niên Thái Nguyên tiếp tục lên đường đánh Mỹ.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ đã coi trọng giáo dục chính trị tư tưởng, đã vận dụng nhiều

hình thức giáo dục phong phú, phù hợp với chủ trương của Đảng, lấy cổ vũ động viên là chính; đã mạnh dạn đưa đảng viên ra tự phê bình trước quần chúng; đẩy mạnh đấu tranh, phê phán những tư tưởng và hành động trái với đường lối, chính sách của Đảng. 98% đảng viên ở các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp được học tập Chỉ thị 90 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác bảo vệ Đảng. Qua học tập, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức, kỷ luật, tính giai cấp, tính tiền phong của đảng viên được nâng cao hơn.

Nhiều địa phương đã bước đầu khắc phục được tư tưởng hữu khuynh, bảo thủ, trì trệ. Cuộc vận động xây dựng ***Đảng bộ, Chi bộ 4 tốt*** đã được triển khai sâu rộng và gắn chặt với nhiệm vụ của mỗi địa phương.

Nhờ đó, Đảng bộ tỉnh không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Năm 1969, tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh lên tới 30.769 đồng chí. Số ***Đảng bộ 4 tốt*** đạt trên 27%, số ***Đảng viên 4 tốt*** đạt 49,5%. Số đảng bộ kém chiếm 5,3% (nông thôn 7%), số đảng viên kém chiếm 3,2% (nông thôn 4,3%). Cuộc vận động xây dựng ***Huyện uỷ 4 tốt***, kiện toàn và tăng cường sự lãnh đạo của các huyện, thành phố đã có những chuyển biến mới. Công tác kiểm tra giữ gìn kỷ luật và công tác bảo vệ Đảng được lãnh đạo chặt chẽ, thu nhiều

kết quả tốt. Hoạt động của Uỷ ban Kiểm tra các cấp đã chú ý đi sâu vào những vấn đề chủ yếu (đoàn kết nội bộ, chấp hành chính sách, dân chủ trong Đảng và phẩm chất đạo đức cách mạng), góp phần đưa một số tổ chức cơ sở Đảng từ loại yếu, kém lên loại khá. Trong 5 năm (1965 - 1970), Đảng bộ đã thi hành kỷ luật 1.267 đảng viên (chiếm 4% tổng số đảng viên); trong đó, có 384 đảng viên bị khai trừ ra khỏi Đảng, 83 đảng viên bị xoá tên vì không đủ tiêu chuẩn, 270 đảng viên bị kỷ luật lưu Đảng.

Giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đang thu được nhiều thắng lợi trên cả hai miền Nam, Bắc thì vào hồi 9 giờ 47 phút ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ vô cùng kính yêu của dân tộc ta đã từ trần, để lại cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta một tổn thất vô cùng lớn lao, một đau thương thật là vô hạn. Với niềm thương tiếc và lòng biết ơn sâu sắc, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp phiên đặc biệt, ra Nghị quyết lãnh đạo tổ chức lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh ở tỉnh và các huyện, thành phố, xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị, xí nghiệp, trường học trong toàn tỉnh.

Trong niềm xúc động to lớn, tối 6/9/1969, tại thành phố Thái Nguyên, Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh cử hành trọng thể Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lời điếu của Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh tại Lễ truy điệu

đã nói lên lòng tiếc thương vô hạn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đối với Bác Hồ. Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh kêu gọi *"Đảng bộ, bộ đội và đồng bào các dân tộc trong tỉnh quyết biến đau thương thành hành động cách mạng, dũng cảm tiến lên tiếp tục sự nghiệp vĩ đại của Người; tiếp tục phấn đấu để thực hiện lý tưởng và hoài bão của Người; tăng cường đoàn kết, nhất trí, nâng cao hơn nữa tinh thần chiến đấu; nhận rõ trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên, mỗi công dân là phải ra sức thi đua góp phần hoàn thành thắng lợi sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội và mọi nhiệm vụ công tác khác..."*[1].

Ngày 15/10/1969, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Thông tri số 278 -TT/BT phát động Đảng bộ, quân, dân trong tỉnh thực hiện đợt sinh hoạt chính trị nội bộ học tập Điếu văn và Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc tại Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh ở thủ đô Hà Nội; học tập và làm theo ***Di chúc*** của Hồ Chủ tịch. Thông tri nhấn mạnh: *Trước hết, các cấp uỷ Đảng cần họp tập thể nghiên cứu, thảo luận kỹ Di chúc của Hồ Chủ tịch và tìm rõ nguyên nhân gì làm cho*

[1] Bác Hồ với Bắc Thái, tập 2, Sở Văn hoá - Thông tin Bắc Thái xuất bản, năm 1979, trang 68;

phong trào của địa phương, cơ quan hay đơn vị mình trì trệ, trên cơ sở đó mà đề ra hướng khắc phục cụ thể.

Trong khí thế thi đua học tập và làm theo ***Di chúc*** của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ ngày 21/5 đến ngày 3/6/1970, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất được tổ chức tại thành phố Thái Nguyên, với sự tham gia của 267 trên tổng số 295 đại biểu chính thức thay mặt cho 30.769 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Các đồng chí Lê Văn Lương (Bí thư Trung ương Đảng), Chu Văn Tấn và Hoàng Bắc Dũng (Bí thư và Phó Bí thư Khu uỷ Khu Tự trị Việt Bắc) đã đến dự và chỉ đạo Đại hội.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh do đồng chí Lê Hoàng (Uỷ viên dự khuyết Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ) trình bầy trước Đại hội đã khẳng định: Trong 5 năm (1965 - 1970), Đảng bộ đã kịp thời lãnh đạo chuyển hướng toàn bộ các hoạt động từ thời bình sang thời chiến, cũng như chuyển hướng mọi hoạt động sang phù hợp với tình hình mới sau khi địch ngừng đánh phá (31/3/1968), tiến hành sản xuất, chiến đấu thu nhiều thành tích to lớn; công tác tuyển quân hằng năm đều hoàn thành vượt mức kế hoạch từ 1% đến 6,7%. Toàn tỉnh có trên 2 vạn gia đình có người thân đi bộ đội đánh Mỹ; trong số đó, hàng trăm

gia đình có từ 2 đến 3 người đi chiến đấu ở các chiến trường; công tác giao thông vận tải thời chiến luôn đảm bảo thông suốt trong mọi tình huống; trật tự, an ninh trên địa bàn căn bản được giữ vững...

Báo cáo chính trị của Tỉnh uỷ cũng nghiêm khắc chỉ rõ những khuyết điểm, nhược điểm trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ. Sản xuất nông nghiệp không đáp ứng được yêu cầu, mỗi năm tỉnh phải xin Trung ương cấp thêm từ 5.000 đến 6.000 tấn lương thực. Mức đóng góp thực phẩm cũng giảm từ 1.850 tấn thịt lợn hơi (năm 1965), xuống còn 1.100 tấn (năm 1969). Lãnh đạo quản lý nền kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể (hợp tác xã) còn kém. Giá trị sản lượng thủ công nghiệp năm 1969 giảm 25,7% so với năm 1964. Trong các hợp tác xã nông nghiệp, hiện tượng tham ô, lãng phí khá phổ biến, ảnh hưởng xấu đến kết quả lãnh đạo củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Công tác xây dựng Đảng chưa gắn chặt chẽ với nhiệm vụ chính trị của địa phương một cách thường xuyên. Năng lực tổ chức thực hiện của chính quyền các cấp còn hạn chế.

Đại hội ra Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ trong những năm tới là "*tăng cường đoàn kết nhất trí, phấn đấu vươn lên nhanh hơn,*

mạnh hơn, tận dụng và phát huy tốt những khả năng, thuận lợi sẵn có, khắc phục mọi khó khăn, nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, hăng hái tham gia xây dựng phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm để phát triển kinh tế toàn diện hơn, nhằm đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội...".

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá I gồm 23 uỷ viên chính thức và 4 uỷ viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá I đã bầu Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 7 đồng chí. Đồng chí Lê Hoàng được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ, các đồng chí Doanh Hằng (Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh) được bầu làm Phó Bí thư và Nguyễn Việt Vinh được bầu làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ.

Sau Đại hội, Đảng bộ tập trung lãnh đạo tổ chức một đợt tuyên truyền, học tập, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất và học tập các nghị quyết của Trung ương về triển khai ba cuộc vận động lớn: Cuộc vận động ***Lao động sản xuất***; cuộc vận động ***Nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên "Lớp Hồ Chí Minh"*** và cuộc vận động ***Phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên ở nông thôn***.

Qua học tập, vai trò lãnh đạo của các chi bộ, tính tiền phong gương mẫu, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần

làm chủ và tác phong công tác của cán bộ, đảng viên có nhiều tiến bộ rõ rệt.

Tại Đảng bộ Dân - Chính - Đảng tỉnh, các chi bộ Chi hàng kiến thiết, Chi cục Thống kê, Báo Bắc Thái... bước đầu khắc phục được tình trạng mất đoàn kết nội bộ. Số ***Chi bộ 4 tốt*** tăng từ 59,8% (năm 1969), tăng lên 62% (năm 1970); trong đợt kết nạp đảng viên ***Lớp Hồ Chí Minh***, Đảng bộ đã kết nạp được 46 đảng viên mới (có 94,4% là đoàn viên, 43,4% là nữ, 45,6% là người trực tiếp sản xuất, 28,4% là dân tộc thiểu số, 10,8% có trình độ đại học, 13% văn hoá cấp III, 71,7% văn hoá cấp II).

Đầu năm 1971, Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đợt tuyên truyền, giáo dục nhân dân chuẩn bị tham gia bầu cử Quốc hội khoá IV và bầu cử Hội đồng nhân dân 4 cấp khu, tỉnh, huyện và xã. Toàn tỉnh đã có hơn 96% cử tri đi bầu cử Quốc hội (ngày 11/4) và Hội đồng nhân dân 4 cấp: Khu, tỉnh, huyện, xã (ngày 25/4/1971).

Quán triệt Nghị quyết (số 01/NQ - BT ngày 1/9/1970) của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về công tác phát triển Đảng *"... phải tích cực bồi dưỡng cho đảng viên, trước hết là các bí thư chi bộ hiểu rõ thủ tục và biết cách làm công tác phát triển Đảng; đồng thời rèn luyện cho quần chúng tiên tiến xuất hiện trong sản xuất,*

chiến đấu và công tác để kết nạp Đảng", sáu tháng đầu năm 1971, Đảng bộ tỉnh tiến hành 4 đợt kết nạp đảng viên mới, đưa 678 quần chúng ưu tú vào Đảng (trong đó, các đảng bộ huyện, thành phố ở Thái Nguyên kết nạp được 324 đảng viên mới). Trong số 678 đảng viên mới được kết nạp, có 31,2% là người dân tộc thiểu số; 41% là nữ (tăng 10% so với các đợt trước), 88% là đoàn viên thanh niên, 36% là công nhân trực tiếp sản xuất và 25% là xã viên hợp tác xã nông nghiệp.

Do các cấp uỷ, chi bộ tăng cường lãnh đạo công tác xây dựng Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên, nên kết quả lãnh đạo của Đảng bộ trên các mặt công tác đạt kết quả tốt hơn. Sản xuất nông nghiệp vụ đông - xuân năm 1970 - 1971 có nhiều chỉ tiêu tăng hơn so với vụ đông - xuân các năm trước. Sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp bước đầu giải quyết được một số khó khăn; sản xuất hàng tiêu dùng tiếp tục phát triển; việc tận dụng phế phẩm, phế liệu để sản xuất thêm mặt hàng mới đang được đẩy mạnh; nghĩa vụ đóng góp lương thực cho Nhà nước tăng hơn so với cùng kỳ năm trước; đời sống của nhân dân cơ bản được ổn định.

Sản xuất vụ mùa năm 1971, Thái Nguyên gặp khó khăn gay gắt do lũ lụt gây ra. Chỉ trong tháng 8/1971, các huyện, thành phố nằm trên địa bàn Thái Nguyên đã

bị hai trận lũ lụt liên tiếp, nhấn chìm 1/3 diện tích lúa mùa. Trên địa bàn toàn tỉnh, 8 cầu, cống bị hỏng, 20 vạn m^3 đất đá sụt lở tại 160 điểm trên các tuyến giao thông. Trước các khó khăn gay gắt đó, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã kịp thời đề ra chủ trương: Dốc toàn lực nhanh chóng phục hồi sản xuất nông nghiệp, đảm bảo cấy hết diện tích; sửa chữa xong toàn bộ hệ thống cầu, cống, đường sá bị hư hỏng, đảm bảo giao thông vận tải thông suốt; ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân ở những vùng bị lũ lụt.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, đảng bộ các huyện, thành phố nằm trên địa bàn Thái Nguyên đã lãnh đạo, vận động nhân dân ở những vùng không bị lũ lụt còn thừa mạ cung cấp cho nhân dân ở những vùng bị lụt; cử cán bộ các phòng Nông nghiệp xuống hướng dẫn kỹ thuật gieo mạ trên nền đất cứng và gieo thẳng một số giống lúa ngắn ngày ở những chân ruộng thích hợp; huy động đủ số nhân lực cần thiết ra cùng với cán bộ, công nhân Ngành Giao thông vận tải sửa chữa các tuyến giao thông bị hỏng. Kết quả đã hạn chế được nhiều thiệt hại do lũ lụt gây ra, góp phần đảm bảo tổng sản lượng lương thực toàn tỉnh năm 1971 đạt 87,7 % kế hoạch; tất cả các trục đường giao thông chiến lược trên địa bàn đều được khẩn trương sửa chữa,

khôi phục, thông xe đúng vào dịp Quốc khánh 2/9/1971.

Bên cạnh những thành tựu trên, trong năm 1971, phong trào hợp tác xã nông nghiệp ở các huyện Võ Nhai, Phú Lương, Phú Bình, Đồng Hỷ giảm sút nghiêm trọng. Số hợp tác xã bị vỡ hoặc xin chia nhỏ, số hộ xin ra làm ăn cá thể ngày càng nhiều[1]; số hợp tác xã tiên tiến không những không tăng mà còn giảm.

Trước tình hình đó, đầu năm 1972, Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 15 NQ/BT xác định củng cố phong trào hợp tác xã nông nghiệp là nhiệm vụ hết sức quan trọng của Đảng bộ. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Thông tư số 75, Uỷ ban hành chính tỉnh ra Chỉ thị số 86 bổ sung việc tăng cường chỉ đạo các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp giải quyết tốt chính sách đối với những hộ xã viên xin ra hợp tác xã; quản lý tốt tư liệu sản xuất trong các hợp tác xã tạm thời bị tan vỡ, chia nhỏ, nhằm từng bước củng cố, đưa phong trào hợp tác xã đi vào ổn định và phát triển đi lên.

---

[1] Huyện Phú Bình: 7 hợp tác xã bị vỡ, 13 hợp tác xã ăn chia theo từng đội; huyện Phú Lương chỉ còn lại 24 hợp tác xã ; huyện Đồng Hỷ, tất cả các hợp tác xã ở 8 xã miền núi có nguy cơ tan vỡ; huyện Võ Nhai chỉ còn 28 hợp tác xã.

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ đạo Huyện uỷ Võ Nhai tổng kết đợt chỉ đạo thí điểm ở xã Hoà Bình để rút kinh nghiệm, qui rõ trách nhiệm của từng ngành, từng cấp, trên cơ sở đó đặt kế hoạch tiến hành củng cố, kiện toàn từ huyện xuống các xã, hợp tác xã. Đối với huyện Phú Lương, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ cử cán bộ xuống giúp Huyện uỷ chỉ đạo xã Sơn Cẩm xây dựng lại các hợp tác xã đã bị tan vỡ, bước đầu rút được một số kinh nghiệm để tiếp tục chỉ đạo, củng cố một số hợp tác xã khác trong huyện. Đảng bộ các huyện Đại Từ, Định Hoá, Phổ Yên, Đồng Hỷ có nhiều cố gắng lãnh đạo củng cố và ổn định phong trào hợp tác xã. Huyện uỷ các huyện Định Hoá, Đại Từ đã cử một số Huyện uỷ viên xuống trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo các xã có phong trào hợp tác xã yếu, kém.

Nhờ có sự cố gắng và quyết tâm lãnh đạo của Tỉnh uỷ và đảng bộ các huyện, nên toàn tỉnh vẫn giữ được tỷ lệ 80,3% số hộ nông dân trong hợp tác xã[1] (có 7 huyện, thành phố tỷ lệ xã viên trong các hợp tác xã đạt trên 90% số hộ nông dân). Trong số 815 hợp tác xã của toàn tỉnh, có 144 hợp tác xã khá từng mặt hoặc

[1] Báo cáo tổng kết quý 3 và 9 tháng đầu năm 1972 của Tỉnh uỷ Bắc Thái, tr. 4.

nhiều mặt. Các hợp tác xã Thành Công, Tiến Thành (huyện Đại Từ), Ba Nhất của đồng bào Dao (huyện Võ Nhai) là những hợp tác xã điển hình tiên tiến, có tác dụng tích cực động viên phong trào, đẩy mạnh sản xuất phát triển, hoàn thành các nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước.

Tuy nhiên, phong trào hợp tác xã còn gặp rất nhiều khó khăn, tổ chức và qui mô hợp tác xã ngày càng không ổn định; phong trào ở một số huyện giảm sút nhanh chóng và rất nghiêm trọng, số hợp tác xã ở các huyện Võ Nhai chỉ còn 13%, Phú Bình 50%. Năm 1972, tỷ lệ hộ xã viên hợp tác xã giảm 11% so với năm 1970 và giảm 4% so với năm 1971. Trong các huyện, thành phố ở Thái Nguyên, số hộ cá thể tăng từ 9.000 hộ (năm 1970), lên trên 15.000 hộ (năm 1972)...

Giữa lúc nhân dân miền Bắc nói chung và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên nói riêng đang tập trung khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, thì ngày 6/4/1972, đế quốc Mỹ huy động hơn 100 lần chiếc máy bay và nhiều tàu chiến đến ném bom, bắn phá một số tỉnh thuộc Khu IV cũ. Ngày 16/4/1972, tập đoàn Níchxơn chính thức tuyên bố mở cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ 2 bằng không quân và hải quân chống miền Bắc nước ta. Cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần này của đế quốc Mỹ không chỉ lớn hơn về quy mô, tốc độ, cường độ đánh phá, mà thủ

đoạn tiến hành cũng tàn bạo, dã man hơn nhiều so với cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất.

Trước hành động leo thang mới của đế quốc Mỹ, ngày 16/4/1972, Trung ương Đảng và Chính phủ ra lời kêu gọi: *"Các lực lượng vũ trang hãy dũng cảm xông lên, liên tục chiến đấu, giết giặc, cứu nước! Mỗi công dân phải là một chiến sỹ kiên cường chống Mỹ, cứu nước! Mỗi xí nghiệp, công trường, nông trường, hợp tác xã, cơ quan, trường học, đường phố phải là một chiến hào sẵn sàng chiến đấu đập tan mọi hành động phiêu lưu quân sự của giặc Mỹ và tay sai"*[1].

Hưởng ứng lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp bất thường, phân công cán bộ đi kiểm tra, đôn đốc công tác phòng không sơ tán, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở các cơ quan, đơn vị, huyện, thành phố trong tỉnh. Ngày 19/4/1972, Uỷ ban hành chính tỉnh chỉ thị cho các huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị, phải tăng cường công tác tuyển quân, sẵn sàng chiến đấu và phòng không nhân dân.

Ngày 25/4/1972, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp, ra Nghị quyết chỉ rõ: Cần phải tiến hành gấp việc tổ chức

---

[1] Việt Nam-Những sự kiện lịch sử (1945 - 1975). Nxb Giáo dục, Hà Nội 2002, tr. 452.

sơ tán, phân tán, dãn bớt mật độ dân số quá đông ở các khu vực trọng điểm để hạn chế thiệt hại xuống mức thấp nhất nếu địch đánh phá; đồng thời vẫn phải đảm bảo sản xuất và phục vụ chiến đấu tốt. Tại cuộc họp này, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định khôi phục lại Ban phòng không nhân dân tỉnh và phân công đồng chí Lê Quảng (Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh) làm Trưởng ban.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ty Y tế tập trung củng cố, kiện toàn Ban Y tế phòng không nhân dân tỉnh do đồng chí Hoàng Ngọc (Phó Trưởng ty) làm Trưởng ban; mở Hội nghị Y tế phòng không nhân dân bàn bạc, thống nhất với lãnh đạo các bệnh viện trên địa bàn các phương án cấp cứu phòng không; phân rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tuyến 1, 2, 3; nhấn mạnh các tuyến phải chuẩn bị đầy đủ phương tiện y cụ, thuốc men, có phương án cấp cứu cụ thể trong các tình huống địch đánh phá ác liệt; thường xuyên có cán bộ trực tại các trạm và các bệnh viện, xử lý cấp cứu nạn nhân kịp thời, nhanh gọn và đảm bảo chất lượng tốt nhất.

Đến cuối tháng 4/1972, các cơ quan, trường học, bệnh viện, những người già, trẻ em, phụ nữ có thai... đã được sơ tán ra khỏi thành phố Thái Nguyên. Số cán bộ,

công nhân ở lại sản xuất tại các nhà máy, xí nghiệp được chia thành các ca, kíp phù hợp. Lực lượng trực chiến phòng không của tự vệ Nhà máy Điện Cao Ngạn và Khu Gang thép Thái Nguyên được củng cố và tăng cường.

Đêm 23/5/1972, sau khi nhận được điện của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc thông báo "*Ngày 24/5 địch có thể đánh lớn vào Thái Nguyên*", Thường trực Tỉnh uỷ và Thường trực Uỷ ban hành chính tỉnh đã họp khẩn cấp, bàn biện pháp đối phó, cử cán bộ thông báo nội dung điện của Quân khu đến các cơ quan, đơn vị trọng điểm.

9 giờ 50 phút ngày 24/5/1972, giặc Mỹ cho 5 máy bay bất ngờ lao vào ném 12 quả bom tinh khôn (bom có đầu điều khiển bằng la de) và bắn một loạt đạn rốc két xuống Nhà máy Điện Cao Ngạn, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai trên địa bàn tỉnh. Bom đạn Mỹ đã phá hỏng hai lò hơi, toàn bộ kho tạp phẩm, làm 3 người bị chết và 6 người bị thương. Trong bom đạn ác liệt của giặc Mỹ, 40 cán bộ, công nhân trực ca 2[1] Nhà máy Điện vẫn bình tĩnh, dũng cảm thao tác,

---

[1] Do được Tỉnh uỷ thông báo điện của Quân khu, nên sáng ngày 24/5/1972, lãnh đạo Nhà máy Điện Cao Ngạn đã tổ chức cho hàng trăm cán bộ và công nhân sơ tán ra khỏi Nhà máy. Trong Nhà máy chỉ còn 40 cán bộ, công nhân trực ca 2 ở lại sản xuất.

vận hành máy, giữ vững sản xuất, được Uỷ ban hành chính tỉnh tặng Bằng khen.

Tổn thất về người và của ở Nhà máy Điện Cao Ngạn trong trận máy bay địch đánh phá ngày 24/5/1972 đã chứng tỏ công tác chuẩn bị phòng, tránh và đánh địch của quân và dân Thái Nguyên tuy có cố gắng, nhưng còn nhiều thiếu sót.

Đầu tháng 6/1972, sau khi địch tiếp tục thả thuỷ lôi và bom từ trường xuống phong toả hầu hết khu vực cửa sông, bến cảng thuộc 10 tỉnh, thành phố trên miền Bắc, Thái Nguyên là một trong những địa phương được Trung ương giao nhiệm vụ tiếp nhận hàng hoá (chủ yếu là lương thực và hàng quốc phòng) từ các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn và Hà Bắc về, với khối lượng từ 30.000 đến 50.000 tấn một tháng để vừa dự trữ, vừa tiếp chuyển cho chiến trường miền Nam và các tỉnh trong khu vực; đảm bảo giao thông vận tải thông suốt trong mọi tình huống trên các trục đường, đặc biệt là các trục đường chiến lược (Quốc lộ số 3 và Quốc lộ 1B). Đây là một nhiệm vụ hết sức khó khăn và nặng nề đối với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, vì hệ thống giao thông nằm trên địa bàn tỉnh đã bị xuống cấp, hư hỏng nhiều, vật tư dự trữ để thay thế và sửa chữa cầu, cống hầu như không có gì.

Trước tình hình đó, ngày 15/6/1972, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra nghị quyết xác định nhiệm vụ của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh phải tập trung phần lớn lực lượng phục vụ giao thông vận tải; đảm bảo giao thông và các phương tiện vận tải thông suốt, kịp thời trong mọi tình huống là nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất số một.

Uỷ ban hành chính tỉnh ra quyết định trưng tập một số cán bộ các ban, ngành ở tỉnh sang làm nhiệm vụ chuyên trách giúp Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh làm nhiệm vụ tiếp nhận và trung chuyển hàng hoá. Đồng chí Doanh Hằng (Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh) trực tiếp đề nghị lãnh đạo Bộ Giao thông cử cán bộ xuống giúp đỡ tỉnh. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh thành lập Đại đội 91 công binh làm nhiệm vụ cơ động, đảm bảo giao thông vận tải ở các trọng điểm giao thông trên địa bàn tỉnh. Tỉnh Đoàn Thanh niên phát động phong trào ***Thanh niên xung kích đảm bảo giao thông, vận tải***; kiện toàn Đội 91 thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước tập trung đủ 5 đại đội với 673 cán bộ, đội viên (vượt chỉ tiêu tỉnh giao 73 đội viên). Đoàn Thanh niên các huyện, thành phố thành lập 500 đội thanh niên xung kích, đảm bảo giao thông vận tải trên các trục đường giao thông chính, thu hút gần 2 vạn đoàn viên, thanh niên tham gia.

Sau ngày bị máy bay Mỹ đánh phá hỏng nhà máy (24/6/1972), Công ty Gang thép Thái Nguyên phải tạm ngừng sản xuất. Uỷ ban hành chính tỉnh đã huy động 1.000 cán bộ, công nhân Khu Gang thép lên cùng Công ty 16 (Bộ Giao thông vận tải), Đội 91 thanh niên xung phong, Công ty Cầu - Đường (Ty Giao thông) sửa chữa, nâng cấp đoạn Quốc lộ 1B từ Đình Cả (Võ Nhai) về cầu Gia Bẩy (thành phố Thái Nguyên). Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo lực lượng dân quân, tự vệ thành lập 22 đài quan sát bom và 24 trạm gác giao thông dọc các tuyến Quốc lộ 3 và 1B. Tại trọng điểm giao thông cầu Gia Bẩy, Ty Giao thông đã gia công, dự phòng được 1 nhịp cầu dài 32 mét. Được Bộ Giao thông - Vận tải cử cán bộ[1] xuống trực tiếp giúp đỡ, chỉ đạo kỹ thuật, Đảng bộ lãnh đạo quân và dân Thái Nguyên nhanh chóng hoàn thành sửa chữa bến Văn Thánh (Đồng Bẩm), làm mới cột cáp bến phà Ngọc Lâm, sửa chữa hoàn chỉnh mặt cầu cáp và đường ngầm Sơn Cẩm (Phú Lương); hoàn thành sửa chữa một đường ngầm, một bến phà và làm mới một cầu cáp ở Đa Phúc (Phổ Yên); trang bị thêm

---

[1] Đồng chí Đặng Văn Thông, Viện trưởng Viện Khoa học kỹ thuật thuộc Bộ Giao thông - Vận tải.

cho các bến phà Điệp (Đại Từ), Cầu Mây (Phú Bình), mỗi bến có một phà trọng tải 12 tấn...

Uỷ ban hành chính tỉnh quyết định dùng toàn bộ trụ sở các cơ quan, trường học và tầng 1 của các nhà tầng ở khu vực thành phố Thái Nguyên làm kho chứa khoảng 14.000 tấn lương thực (gấp 5 lần sức chứa của tất cả các kho lương thực trên địa bàn Thái Nguyên); cấp kinh phí và huy động khai thác khoảng 20.000 cây nứa, vầu, 1.000 cây gỗ dựng lán, trại làm kho chứa tạm 20.000 tấn lương thực, hàng hoá tại các xã Lâu Thượng, Phú Thượng, La Hiên (huyện Võ Nhai).

Nhờ làm tốt công tác chuẩn bị, nên cuối tháng 7/1972, Thái Nguyên đã tiếp nhận được trên 6.260 tấn gạo và hơn 7.000 tấn ngô. Tháng 8/1972, các trạm tiếp nhận ở Thái Nguyên đã đảm bảo năng suất tiếp nhận trung bình mỗi ngày được 1.000 tấn lương thực.

Trong gần 2 tháng (8 - 9/1972), máy bay Mỹ đã ném gần 900 quả bom phá các loại xuống địa bàn 26 xã thuộc 6 huyện, thành phố ở Thái Nguyên, làm chết 138 người, bị thương 142 người, phá huỷ nhiều tài sản, hoa màu của Nhà nước và nhân dân. Trước tình hình đó, ngày 28/9/1972, Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh cử một đoàn cán bộ do đồng chí Hoàng Bắc Dũng - Bí thư

Tỉnh uỷ[1] - dẫn đầu xuống kiểm tra công tác phòng không, sơ tán và sản xuất ở các mỏ than Phấn Mễ, Khánh Hoà và Nông trường Sông Cầu. Qua kiểm tra, thay mặt Đoàn cán bộ Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh, đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ đã biểu dương Đảng bộ và Ban Giám đốc các mỏ than Phấn Mễ và Khánh Hoà đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức sản xuất phù hợp với thời chiến, có kế hoạch phòng, tránh máy bay địch đánh phá cho cán bộ và công nhân, nên đã hạn chế được nhiều thiệt hại do bom đạn địch gây ra. Đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ phê bình lãnh đạo và Ban Giám đốc Nông trường Sông Cầu đã không chấp hành nghiêm chỉnh các chỉ thị, nghị quyết của tỉnh về phòng không sơ tán; thiếu kiểm tra, đôn đốc việc phòng, tránh cho người và gia súc, nên bị thiệt hại nhiều về người và của khi địch đánh phá.

Ngày 11/10/1972, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra thông báo kết quả kiểm tra của Đoàn cán bộ Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh ở các mỏ than Phấn Mễ, Khánh Hoà và Nông trường Sông Cầu cho toàn Đảng bộ, nêu lên những bài học kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo sản

---

[1] Đồng chí Hoàng Bắc Dũng được Trung ương Đảng và Khu uỷ Việt Bắc phân công làm Bí thư Tỉnh uỷ thay đồng chí Lê Hoàng về Trung ương nhận công tác khác từ cuối tháng 4/1972.

xuất và phòng tránh trong điều kiện máy bay địch đánh phá ác liệt. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ yêu cầu các cấp, các ngành kịp thời rút kinh nghiệm, bổ sung kế hoạch phòng, tránh địch đánh phá và giữ vững sản xuất.

Từ tháng 10/1972, trên địa bàn Thái Nguyên, giặc Mỹ tăng cường sử dụng máy bay F111A đánh phá ban đêm. Chỉ trong 22 ngày (từ ngày 1 đến ngày 22/10/1972, khi Mỹ ngừng ném bom bắn phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra), máy bay địch đã đánh phá Thái Nguyên 46 trận (có 32 trận đánh đêm chủ yếu bằng máy bay F111A), ném 738 quả bom phá, bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa xuống Thái Nguyên, làm hơn 200 người bị chết và bị thương.

Trước những tổn thất đó, Uỷ ban hành chính tỉnh ra ***Chỉ thị về công tác phòng không nhân dân***, chỉ rõ phải làm thêm hầm hào trú ẩn tại các nơi nghỉ ngơi và sản xuất; các tổ cứu thương, tải thương phải diễn tập theo phương án thực hiện nhiệm vụ trong đêm tối. Tất cả các thôn, xã đều phải tổ chức đài quan sát, trực báo động phòng không suốt ngày đêm.

Ngày 27/11/1972, trên cơ sở nhận định có nhiều khả năng địch sẽ đánh phá trở lại toàn miền Bắc với mức độ ác liệt hơn, kể cả việc dùng B.52 đánh ồ ạt vào Hà Nội, Hải Phòng, Bộ Tổng Tư lệnh đã ra lệnh cho

các lực lượng vũ trang phải tăng cường các mặt chuẩn bị chiến đấu.

Đúng như ta phán đoán, sau khi trúng cử Tổng thống (8/11/1972), Níchxơn đã cho mở cuộc tập kích bằng không quân chiến lược vào Hà Nội, Hải Phòng..., bắt đầu từ ngày 18 đến hết ngày 29/12/1972. Trong cuộc tập kích này, tại Thái Nguyên, giặc Mỹ đã huy động 69 lần chiếc máy bay B52, 170 lần chiếc máy bay ném bom chiến thuật, ném 2.826 quả bom các loại xuống 61 mục tiêu, làm chết 309 người, bị thương 178 người (riêng thành phố Thái Nguyên có 264 người chết, 102 người bị thương). Hàng trăm ngôi nhà, nhiều kho tàng, trường học, xí nghiệp, bệnh viện... đã bị máy bay Mỹ phá hỏng.

Trong chiến tranh ác liệt, Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân làm tốt công tác chiến đấu và phục vụ chiến đấu, cùng với lực lượng phòng không của Quân khu bắn rơi 2 máy bay ném bom chiến lược B.52 của giặc Mỹ (đêm 24/12 và đêm 26/12/1972), góp phần nâng số máy bay B52 của giặc Mỹ bị quân và dân miền Bắc bắn rơi trong 12 ngày đêm cuối tháng 12/1972 lên 34 chiếc và nâng số máy bay Mỹ bị quân và dân Thái Nguyên bắn rơi trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mỹ lên 10 chiếc.

Ngoài thành tích chiến đấu, phục vụ chiến đấu, quân và dân Thái Nguyên còn giành được thành tựu lớn trong việc đảm bảo giao thông vận tải, giải toả kịp thời 19.923 tấn lương thực, hàng hoá tồn đọng ở 2 chân hàng ga Quan Triều và ga Lưu Xá đến nơi an toàn, tỷ lệ hao hụt chỉ xấp xỉ 0,34%, nâng số lương thực, hàng hoá của quân và dân Thái Nguyên tiếp nhận và trung chuyển từ tháng 6 đến hết tháng 12/1972 lên 70.000 tấn, góp phần đánh bại âm mưu phong toả miền Bắc của địch trên mặt trận giao thông vận tải. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giải toả hàng hoá, lương thực ở chân hàng ga Lưu Xá, đêm 24/12/1972 đã có 59 cán bộ, đội viên Đội 91 thanh niên xung phong, 2 nhân viên thủ kho lương thực Lưu Xá bị hy sinh và 8 cán bộ, đội viên Đội 91 thanh niên xung phong bị thương.

Dù bị địch đánh phá ác liệt, năm 1972, các huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị ở Thái Nguyên được giao chỉ tiêu tuyển quân gấp 1,81 lần năm 1971. Đây là năm Thái Nguyên được giao chỉ tiêu tuyển quân lớn thứ hai (sau năm 1968) trong 8 năm trực tiếp chống Mỹ, cứu nước (1965 - 1972). Để hoàn thành chỉ tiêu trên giao, ngày 9/5/1972, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra nghị quyết chỉ rõ Uỷ ban hành chính các huyện, thành cần đề cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường công tác kiểm tra, tuyển quân để đảm bảo quân số, chất lượng, chính sách công bằng và thời gian giao quân.

Triển khai Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh họp với lãnh đạo các ngành có liên quan và Uỷ ban hành chính các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Phổ Yên bàn nội dung và biện pháp thực hiện. Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh cử một số cán bộ xuống huyện Đồng Hỷ kiểm tra việc chấp hành chính sách hậu phương quân đội để hỗ trợ cho công tác tuyển quân.

Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết công tác tuyển quân 2 năm 1970 - 1971, khẳng định thành tích[1] để cổ vũ, động viên phong trào và rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo.

---

[1] Với thành tích tuyển quân 2 năm 1970 - 1971, nhân dân và lực lượng vũ trang toàn tỉnh đã được đón nhận Huân chương Kháng chiến hạng Ba; Nhân dân và lực lượng vũ trang các xã Phúc Xuân (Đồng Hỷ) Gia Sàng, Đồng Quang (thành phố Thái Nguyên) được đón nhận Huân chương Kháng chiến hạng Nhất; Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên, xã Tân Cương (huyện Đồng Hỷ), các cơ quan Ty Lâm nghiệp, Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ được đón nhận Huân chương Kháng chiến hạng Nhì; Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân các xã Cúc Đường (Võ Nhai), Trung Thành, Thuận Thành, Thắng Lợi, Tân Hương, Nam Tiến, Đại Xuân, Tân Tiến (Phổ Yên) được đón nhận Huân chương Kháng chiến hạng Ba. Các xã Tràng Xá (Võ Nhai), Cù Vân (Đại Từ) được đón nhận Bằng khen của Chính phủ.

Phát huy thành tích tuyển quân đã đạt được trong 2 năm 1970 - 1971, năm 1972, Thái Nguyên đã hoàn thành tốt 4 đợt tuyển quân, giao vượt chỉ tiêu quân số 2,42% (tăng 16% so với năm 1971)[2]. Các huyện Định Hoá, Phổ Yên, thành phố Thái Nguyên đã hoàn thành xuất sắc cả 4 đợt tuyển quân, trong đó thành phố Thái Nguyên là đơn vị đứng đầu, vượt chỉ tiêu cả năm 36%. Xã Hợp Tiến (huyện Đồng Hỷ) nhiều năm liền không có người Dao nhập ngũ, năm 1972 đã có 27 thanh niên người Dao vào bộ đội. Toàn tỉnh tuyển vào bộ đội được 489 người là con, em trong các gia đình cán bộ và nhân dân chưa có người nhập ngũ, đảm bảo tính công bằng xã hội trong công tác tuyển quân. Ngoài ra, năm 1972, cơ quan quân sự các cấp trong tỉnh còn đưa 1.329 quân nhân đào, lạc ngũ đi lao động cải tạo bắt buộc (trong số đó đã vận động trở lại quân đội được 481 người, xoá án kỷ luật cho về địa phương 434 người), nên đã có tác động tích cực đến công tác động viên tuyển quân năm 1972 và những năm sau này.

Ngày 15/6//1972, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp, ra Nghị quyết số 17/NQ - BT ***Về tình hình nhiệm vụ***

[2] Báo cáo tổng kết năm 1972 của Tỉnh uỷ Bắc Thái.

mới và những công tác cấp bách của tỉnh, xác định *"... chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ hàng đầu..., phải phấn đấu tạo ra bước đi ban đầu, đưa từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, để vừa đảm bảo đóng góp với mức cao nhất về sức người, sức của cho tiền tuyến, vừa tích luỹ vốn để tái sản xuất mở rộng và từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Phải tập trung đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng và hàng xuất khẩu..."*.

Thực hiện Nghị quyết 17 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, trong chiến tranh ác liệt, Đảng bộ tập trung lãnh đạo nhân dân thực hiện một ***Vụ mùa kiên cường thắng Mỹ***. Vượt qua các khó khăn gay gắt về địch họa, thiên tai (11.000 ha lúa bị hạn nặng), nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã cấy được 48.000 ha lúa mùa (có 70% diện tích được cấy kịp thời vụ). Các huyện Võ Nhai cấy vượt kế hoạch diện tích 2,3%, Định Hoá 0,1%, thành phố Thái Nguyên 0,3%. Huyện Phổ Yên mặc dù bị lũ lụt, phải cấy lại 400 ha trên chân ruộng trũng, nhưng so với cùng kỳ năm 1971, vẫn cấy vượt diện tích 4,2%. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đẩy mạnh chăm bón, thâm canh, nên năng suất lúa vụ mùa năm 1972 bình quân toàn tỉnh đạt 20,7 tạ/ha (đạt cao nhất kể từ năm 1960 đến lúc đó). Đặc biệt, các hợp tác xã Tiến Thành

(Đại Từ) đạt 71,8 tạ thóc/ha, Thành Công (Đại Từ) đạt 70,9 tạ/ha, Làng Mới (Định Hoá) đạt 70,3 tạ/ha cả năm... Các huyện Phú Bình, Định Hoá, Võ Nhai, Phú Lương vượt chỉ tiêu về năng suất lúa mùa từ 1,4% đến 20,7%; vượt chỉ tiêu về sản lượng lúa mùa từ 1,3% đến 20%. Tổng sản lượng lương thực (qui ra thóc) cả năm 1972 toàn tỉnh đạt 174.621 tấn (có 140.889 tấn thóc), tăng 4.840 tấn (khoảng 3,5%) so với năm 1959 là năm được mùa nhất...

Những thành tích đó là kết quả của sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Bên cạnh đó, đảng bộ các huyện, thành đã tăng cường đưa cán bộ về kiểm tra, giúp đỡ cơ sở, quyết tâm lãnh đạo đưa các giống lúa mới có năng suất cao vào canh tác.

Việc trồng cây công nghiệp và cây thực phẩm cũng phát triển hơn trước. So với năm 1971, diện tích trồng cây công nghiệp tăng 4,9%. Vùng chè các huyện Đại Từ, Định Hoá, Phú Lương được tiếp tục mở rộng, diện tích lên tới 1.831 héc ta, chiếm 81% diện tích chè toàn tỉnh. Diện tích trồng cây thực phẩm tăng 6,7%; riêng sản lượng rau thành phố Thái Nguyên đạt 2.500 tấn, cao hơn năm 1971 khoảng 15%.

Diện tích trồng rừng năm 1972 đạt 468 ha, tăng 56,6% so với năm 1971. Trong khi đó, tình hình tàn phá

Chè xanh - Đặc sản Thái Nguyên

rừng diễn ra rất nghiêm trọng. Tổng số diện tích rừng bị phá toàn tỉnh lên tới 3.783 ha, gấp khoảng 8 lần diện tích rừng được trồng trong năm. Tại các huyện Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai, diện tích rừng bị phá từ 350 ha đến 732 ha. Ban Quản trị Hợp tác xã Suối Bốc (xã Yên Ninh, Phú Lương) còn cho xã viên nghỉ việc hợp tác xã đi phá rừng để làm rẫy, trồng lúa; 90% đảng viên ở Đảng bộ xã Yên Ninh, huyện Phú Lương tham gia phá rừng, làm rẫy[1]. Đây là một trong những mặt yếu kém kéo dài nhiều năm sau mà Đảng bộ phải tập trung giải quyết.

Các ngành sản xuất công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp trên địa bàn về cơ bản được giữ vững.

Nhằm nâng cao sức chiến đấu của các cấp bộ Đảng ở địa phương, Tỉnh uỷ đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị 192 CT - TW ngày 26/10/1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Theo sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, các Huyện uỷ Đại Từ, Phổ Yên và Thành uỷ Thái Nguyên, Đảng uỷ các cơ quan Dân - Chính - Đảng, Công ty Gang thép Thái Nguyên đã làm tốt công tác chỉ đạo thí điểm thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư

[1] Báo cáo tổng kết năm 1972 của Tỉnh uỷ Bắc Thái, tr. 5.

Trung ương Đảng ở 5 điểm (Tân Hương - Phổ Yên; Hùng Sơn - Đại Từ; Đồng Quang - Thành phố; Hàn tán, Gang thép và Tài chính thuộc Đảng uỷ Dân - Chính - Đảng), rút được một số kinh nghiệm tốt cho Tỉnh uỷ lãnh đạo ra toàn Đảng bộ. Sau đợt chỉ đạo thí điểm, Đảng bộ các huyện Phổ Yên, Đại Từ, Phú Bình, Phú Lương, Thành phố và Công ty Gang thép Thái Nguyên đã mở rộng việc thực hiện Chỉ thị 192 ra 17 chi, đảng bộ cơ sở. Kết quả, năm 1992, toàn Đảng bộ tỉnh đã xử lý kỷ luật 340 đảng viên (tăng 9,2% so với năm 1971), có 246 đảng viên bị khai trừ khỏi Đảng hoặc lưu Đảng; 16 đảng viên bị cách chức, 60 đảng viên bị cảnh cáo.

Việc xử lý kỷ luật đảng viên của các Đảng bộ đảm bảo được tính chính xác, nghiêm minh, kiên quyết và thận trọng, khắc phục được nhiều hiện tượng buông lỏng, khắt khe hoặc tuỳ tiện, nên đã góp phần nâng cao được chất lượng của đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ.

III- Lãnh đạo khôi phục và phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, dốc sức chi viện chiến trường, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1973 - 5/1975)

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ trên không tại Hà Nội 12 ngày đêm cuối tháng 12/1972 của quân và dân ta, đế quốc Mỹ buộc phải ký ***Hiệp định Pari về chấm***

dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam *(27/1/1973)*; cam kết công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, rút hết quân đội viễn chinh, quân chư hầu và các nhân viên, cố vấn quân sự Mỹ ra khỏi miền Nam nước ta. Hoà bình được lập lại trên miền Bắc.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên bước vào thời kỳ khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, cùng cả nước dồn sức chi viện chiến trường để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Mặc dù đã phải rút hết quân đội viễn chinh, quân chư hầu về nước, nhưng đế quốc Mỹ vẫn ngoan cố theo đuổi cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam nước ta. Chúng tiếp tục duy trì ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu để tiến hành chiến lược *Việt Nam hoá chiến tranh*.

Hiểu rõ bản chất của kẻ thù, ngày 28/1/1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ra lời kêu gọi: *Toàn quân, toàn dân tăng cường đoàn kết, luôn luôn đề cao cảnh giác, ra sức phấn đấu để củng cố những thắng lợi đã giành được, giữ vững hoà bình lâu dài, hoàn thành độc lập dân tộc, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hoà bình, thống nhất Tổ quốc.*

Đúng như Đảng ta đã dự đoán, ngay sau khi ký Hiệp định Pari, đế quốc Mỹ và tay sai ra sức phá hoại, ngăn cản con đường hoà hợp dân tộc, thống nhất đất nước. Được Mỹ giúp sức và trang bị, ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu liên tiếp vi phạm lệnh ngừng bắn, hô hào *Tràn ngập lãnh thổ*, tập trung lực lượng tổ chức các cuộc hành quân càn quét, lấn chiếm vùng giải phóng.

Nắm vững tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong hoàn cảnh mới, hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ triệu tập Hội nghị bồi dưỡng 327 báo cáo viên cho cơ sở; đồng thời phân công các uỷ viên Ban Thường vụ và Tỉnh uỷ viên xuống các ngành, các cấp truyền đạt lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tuyên truyền cho quân, dân các dân tộc trong tỉnh thấy rõ thắng lợi to lớn của Hiệp định Pari, động viên mọi người phấn khởi, tin tưởng, ra sức thi đua sản xuất và công tác.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã thực hiện tốt các đợt sinh hoạt chính trị, học tập Lời kêu gọi ngày 28/1/1973 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các Nghị quyết Trung ương lần thứ 21 (7/1973) về đường

lối hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, Nghị quyết 22 (12/1973) về kế hoạch khôi phục, phát triển kinh tế miền Bắc trong 2 năm (1974 - 1975) và Nghị quyết 33 (1973) của Tỉnh uỷ Về xây dựng và củng cố phong trào hợp tác hoá nông nghiệp; đồng thời thi đua lập thành tích chào mừng các ngày thành lập Đảng 3/2, Quốc tế lao động 1/5. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ phối hợp với Ban Thường vụ Đảng uỷ Dân - Chính - Đảng tỉnh tổ chức quán triệt, học tập Nghị quyết 21 và Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương cho trên 3.500 lượt cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ Dân - Chính - Đảng tỉnh. Các đợt sinh hoạt chính trị này đều gắn với nhiệm vụ chính trị của mỗi ngành, mỗi cấp, đặc biệt là gắn với phong trào lao động sản xuất, củng cố hợp tác xã và thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước.

Thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, nhận thức về tình hình, nhiệm vụ cách mạng cũng như về ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ được nâng lên một bước.

Sau ngày Hiệp định Pari được ký kết, Đảng bộ thành phố Thái Nguyên và đảng bộ các huyện Đồng Hỷ, Phổ Yên lãnh đạo nhân dân san lấp trên 300 hố bom với khối lượng hơn 3 vạn m^3 đất, đưa hàng trăm thửa ruộng vào sản xuất.

Đảng bộ các huyện Phú Bình, Phổ Yên và Đảng bộ thành phố Thái Nguyên lãnh đạo nhân dân tập trung sửa chữa, khôi phục hệ thống đê, kè dọc sông Cầu do chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và lũ lụt làm hư hại. Huyện uỷ Phổ Yên lãnh đạo huy động dân quân, tự vệ kết hợp huấn luyện quân sự với đào đắt, đắp được 13.000 m^3 đê. Sáu tháng đầu năm 1973, nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên chủ động chuẩn bị dự trữ được 1.500 đôi quang gánh, 1.150 cây tre, 6.000 bao tải, 11.900 m^3 đất đóng bao sẵn, 878 rọ sắt, 4.192 m^3 đá hộc, để phòng lũ lụt xảy ra, nên đã hạn chế được nhiều thiệt hại trong trận lũ lụt cuối tháng 6 đầu tháng 7.

Trong trận lũ lụt cuối tháng 6 đầu tháng 7/1973, Đội 91 thanh niên xung phong, các Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc, Trung học Sư phạm miền núi và Công ty vận tải ô tô đã kịp thời huy động lực lượng và phương tiện ra đóng gói, bốc xếp, vận chuyển gần 1.896 tấn lương thực từ nơi ngập lụt đến nơi an toàn.

Cùng với việc đắp đê phòng, chống lũ lụt, Đảng bộ các huyện Định Hoá, Võ Nhai, Phú Lương, Đồng Hỷ lãnh đạo nhân dân làm được 5 công trình thuỷ lợi để cung cấp nước tưới cho đồng ruộng. Đảng bộ các huyện và thành phố Thái Nguyên tập trung lãnh đạo

đẩy mạnh sản xuất lương thực và chăn nuôi. Năm 1973, diện tích cấy, trồng cây lương thực toàn tỉnh đạt 90.916 ha, vượt 4,3% kế hoạch, tổng sản lượng lương thực qui thóc đạt 178.049 tấn (có 144.908 tấn thóc). Đây là năm được mùa và đạt sản lượng lương thực cao nhất so với tất cả các năm trước, kể từ năm 1960. Các loại cây công nghiệp (lạc, chè) năm 1973 so với năm 1972 cũng đều tăng cả về diện tích và sản lượng.

Đầu năm 1974, thời tiết không thuận lợi do rét đậm, lúa chiêm phát triển chậm, có nhiều nơi bị chết lụi, các đảng bộ huyện, thành phố lãnh đạo phát triển lúa xuân có năng suất cao và đẩy mạnh việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật để tăng năng suất lúa. Trong các hợp tác xã ở Thái Nguyên, diện tích cấy lúa xuân chiếm 83,2%, lượng phân bón trung bình mỗi héc ta lúa xuân đạt 7 tấn phân hữu cơ và 135 kg phân vô cơ. Năng suất lúa xuân năm 1974 tăng 3,3% so với năng suất lúa xuân năm 1973. Hai huyện Đại Từ, Định Hoá và hàng chục các hợp tác xã khác trong tỉnh đạt 5 tấn thóc/ha cả năm.

Các cấp uỷ Đảng còn lãnh đạo đẩy mạnh gieo, trồng các loại cây hoa màu lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp. Hai năm 1973, 1974, toàn tỉnh đạt sản lượng gần 5.750 tấn ngô, 81.130 tấn sắn, 53 tấn đỗ tương, 2.439 tấn lạc, 31.463 tấn mía cây, 542 tấn chè búp khô.

Chăn nuôi gia súc trong những năm 1973, 1974 có chiều hướng giảm sút. Bên cạnh đàn bò tăng hơn 1.200 con, thì đàn trâu giảm gần 6.000 con, đàn lợn giảm gần 24.000 con (từ 1/10/1973 đến 1/4/1974).

Ngành Lâm nghiệp có nhiều cố gắng trong việc trồng rừng, đồng thời tăng cường các biện pháp ngăn chặn tình trạng phá rừng. Tính riêng trong năm 1973, diện tích trồng rừng tăng 13%, diện tích rừng bị phá giảm 33% so với năm 1972. Công tác khoanh, nuôi rừng tiếp tục được triển khai ở các xã Phú Tiến, Phượng Tiến, Trung Hội, Bộc Nhiêu thuộc huyện Định Hoá.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cũng được Tỉnh uỷ và các đảng bộ tập trung lãnh đạo, từng bước đi vào thế ổn định. Công ty Gang thép Thái Nguyên và các nhà máy Luyện cán thép Gia Sàng, Giấy Hoàng Văn Thụ, Điện Thái Nguyên; các xưởng Hợp kim sắt, Luyện thép Lưu Xá và Mỏ sắt Trại Cau đã được khôi phục và đi vào sản xuất.

Các cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp địa phương từng bước được phục hồi. Sáu tháng cuối năm 1973, các xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp địa phương đã "*tích cực sắp xếp, quản lý,*

ổn định sản xuất, đưa giá trị tổng sản lượng công nghiệp đạt và vượt kế hoạch so với cùng kỳ năm 1972"[1]

Từ năm 1974, Ngành Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp Thái Nguyên đã được ổn định tổ chức, quản lý và sản xuất; số lượng và chất lượng sản phẩm đều tăng, giá trị tổng sản lượng đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch. So với chỉ tiêu kế hoạch, Xí nghiệp Gỗ Tháng Tám vượt 1,32%, Công nghiệp khai thác than vượt 4,76%, Công ty Gang thép Thái Nguyên vượt 7,8%, v.v...

Trong quá trình đẩy mạnh sản xuất, Đảng bộ rất quan tâm lãnh đạo việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, ngày 3/10/1973, Uỷ ban hành chính tỉnh tổ chức Đại hội các hợp tác xã tiên tiến và khá. Đại hội tổng kết và nhấn mạnh thành công của các hợp tác xã điển hình tiên tiến; biểu dương Hợp tác xã Thành Công (xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ) và các hợp tác xã ở xã Phú Lạc, huyện Đại Từ. Phú Lạc trước khi triển khai Nghị quyết 33 của Tỉnh uỷ là một xã có rất nhiều mặt yếu kém. Trong Đảng bộ xã, có chi bộ 4, 5 tháng không sinh

---

[1] Báo cáo tổng kết năm 1973 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái.

hoạt: 1/3 đảng viên trong Đảng bộ không hoạt động. Trong xã có 2 xóm bị vỡ hợp tác xã, cá nhân lấn chiếm ruộng của hợp tác xã tới 160 mẫu, kinh tế tập thể suy yếu, đời sống nhân dân giảm sút. Nhiều năm Đảng bộ xã không hoàn thành nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân thực hiện nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước. Sau 9 tháng thực hiện Nghị quyết 33 của Tỉnh uỷ, các tổ chức Đảng ở xã Phú Lạc được củng cố, các hợp tác xã tan vỡ được khôi phục, thu nhập của xã viên bình quân theo đầu người từ 12 kg, lên 22 kg thóc một tháng. Ngoài việc hoàn thành nghĩa vụ đóng góp 125 tấn lương thực cho Nhà nước, các hợp tác xã trong xã còn bán thêm cho Nhà nước 40 tấn lương thực giá cao.

Từ những kinh nghiệm được tổng kết trong Đại hội các hợp tác xã điển hình tiên tiến và khá, Ban Nông nghiệp Tỉnh uỷ đã hướng dẫn 239 hợp tác xã trong toàn tỉnh áp dụng kinh nghiệm 3 khoán của Hợp tác xã Thành Công (xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ); trong đó có 110 hợp tác xã thực hiện khoán có định mức, đúng tiêu chuẩn tính công. Cấp uỷ Đảng, chính quyền từ tỉnh xuống các huyện, thành phố quan tâm hơn đến việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và cán bộ tài vụ trong các hợp tác xã. Năm 1973, toàn tỉnh đã tập huấn nghiệp vụ được 119 cán bộ

kế toán cũ, đào tạo được 123 cán bộ kế toán mới, bồi dưỡng được gần 200 cán bộ quản lý hợp tác xã...

Để hỗ trợ phong trào hợp tác hoá, Đảng bộ Ngành Thương nghiệp tập trung lãnh đạo tổ chức thu mua, cung cấp tư liệu sản xuất cho các hợp tác xã nông nghiệp. Cấp uỷ Đảng các công ty Điện máy, Nông sản - Thực phẩm, Bách hoá... lãnh đạo cơ quan đưa đầu máy xát, cây, con giống... về cung cấp trực tiếp cho các hợp tác xã; Đảng bộ cơ quan Tài chính - Vật giá lãnh đạo nghiên cứu xây dựng hợp lý giá cả các mặt hàng phân bón, nông cụ cải tiến, máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp...

Tỉnh uỷ đặc biệt quan tâm đến phong trào hợp tác hoá ở huyện Võ Nhai. Tháng 12/1973, Huyện uỷ Võ Nhai mở Hội nghị toàn Đảng bộ bàn về củng cố, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Các đồng chí Chu Văn Tấn (Bí thư Khu uỷ Khu Tự trị Việt Bắc), Hoàng Bắc Dũng (Bí thư Tỉnh uỷ), Nguyễn Việt Vinh (Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ) đã đến dự và chỉ đạo Hội nghị. Hội nghị đã nghe đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ trực tiếp phổ biến Nghị quyết của Tỉnh uỷ về củng cố phong trào Võ Nhai, nêu rõ nhiệm vụ của Đảng bộ và 7 yêu cầu của đảng viên ở Võ Nhai đối với việc củng cố và xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Mặc dù các cấp Đảng bộ và chính quyền có nhiều cố gắng để củng cố phong trào, đến cuối năm 1973, toàn tỉnh cũng chỉ còn 79,1% số hộ nông dân tham gia hợp tác xã. Phong trào hợp tác xã ở Võ Nhai tiếp tục giảm sút nghiêm trọng; số hộ nông dân trong các hợp tác xã giảm từ 19,5% (năm 1972) xuống còn 6,2% (năm 1973).

Trước tình hình trên, đầu năm 1974, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chủ trương phân loại hợp tác xã để có kế hoạch củng cố, giúp đỡ từng loại, từng vùng khác nhau cho phù hợp. Trên cơ sở đó, tiếp tục đưa cán bộ xuống giúp đỡ, củng cố phong trào hợp tác xã, kể cả việc cử một số cán bộ xuống trực tiếp giữ các trọng trách ở các hợp tác xã; cử một đội ngũ cán bộ, nhân viên cần thiết, có nghiệp vụ kế toán xuống giúp hợp tác xã trong thời gian khoảng nửa năm để thanh toán dứt điểm khâu quản lý tài chính, giải quyết các vụ nợ nần, tham ô.

Tại các huyện Phú Lương, Đồng Hỷ, Phú Bình, sau khi Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh tập trung đưa hơn 200 cán bộ xuống trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo củng cố phong trào hợp tác xã thì tình trạng các hợp tác xã tan vỡ từng mảng đã được ngăn chặn. Riêng phong trào hợp tác hoá ở huyện Võ Nhai mặc dù được các cấp uỷ Đảng từ Trung ương xuống Khu uỷ, Tỉnh uỷ quan tâm

lãnh đạo, vẫn tiếp tục giảm sút; số hộ nông dân tham gia hợp tác xã trong năm 1974 chỉ còn 5,5% và đến năm 1975, xuống còn 5,1%.

Việc đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, văn hoá đòi hỏi phải củng cố, mở rộng hệ thống giao thông vận tải. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã có chủ trương nâng cấp những tuyến có lượng xe chạy nhiều; tiếp tục đẩy mạnh củng cố và phát triển giao thông nông thôn, đặc biệt chú ý những xã chưa có đường lớn. Thực hiện chủ trương này, các Đảng bộ Đội 91 thanh niên xung phong, Ty Giao thông đã lãnh đạo tốt việc tu sửa, nâng cấp các đoạn đường trọng yếu trên Quốc lộ 3, Đường 13A và các đường ngầm Sơn Cẩm (Phú Lương), Bến Tượng (thành phố Thái Nguyên). Giao thông nông thôn được quan tâm phát triển (riêng huyện Định Hoá đã làm được 920 km đường liên thôn, liên xã). Cuối năm 1974, trên địa bàn Thái Nguyên đã có trên 80% số xã ô tô có thể đi đến trung tâm xã trong mùa khô. Toàn tỉnh làm mới và sửa chữa 223 chiếc cầu lớn, nhỏ; 3.481 cống các loại, đóng mới và sửa chữa 4.555 phương tiện vận tải thô sơ. Giao thông vận tải phát triển nhanh đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế, văn hoá, xã hội của Thái Nguyên đi lên, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất, quốc phòng và đảm bảo đời sống nhân dân trên địa bàn.

Các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế có thêm những điều kiện mới để tiếp tục phát triển đi lên. Công tác thông tin, tuyên truyền tập trung động viên nhân dân hăng hái lao động sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh và tích cực đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến.

Từ sau ngày Hiệp định Pari được ký kết, hầu hết các trường, lớp từ nơi sơ tán chuyển về chỗ cũ, khẩn trương tu sửa hoặc xây dựng lại cơ sở vật chất, nhanh chóng ổn định hoạt động dạy và học. Cùng với việc giữ vững chất lượng, sự nghiệp giáo dục của Thái Nguyên không ngừng tăng nhanh về số lượng. Số học sinh phổ thông năm học 1973 - 1974 tăng 4,5% so với năm học 1972 - 1973; năm học 1974 - 1975, tăng 6,5% so với năm học 1973 - 1974. Số học sinh thi đỗ tốt nghiệp các trường phổ thông cấp I, II, III ở các huyện Phú Lương, Võ Nhai và thành phố Thái Nguyên đạt tỷ lệ từ 90% trở lên.

Công tác y tế cũng được các cấp bộ Đảng lãnh đạo khôi phục, phát triển và tổ chức lại phù hợp với điều kiện thời bình. Các bệnh viện, trạm xá được sửa chữa, nâng cấp, xây dựng lại; các trang thiết bị được bổ sung; đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường. Tính riêng trong năm 1973, đã có 25 trạm xá được củng cố và trở lại hoạt

động bình thường, nâng số trạm xá nằm trên địa bàn Thái Nguyên lên trên 150 cơ sở (có gần 100 trạm xá được trang bị tương đối hoàn chỉnh); số người đến khám bệnh tăng từ 100% (năm 1972), lên 140% (năm 1973), số người được vào điều trị tại các bệnh viện, bệnh xá cũng tăng từ 100% (năm 1972), lên 130% (năm 1973). Sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền kết hợp với sự cố gắng của cán bộ, nhân viên Ngành Y tế Thái Nguyên đã góp phần chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ cho cán bộ và nhân dân các dân tộc, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ cho lực lượng dự bị và khám tuyển nghĩa vụ quân sự. Trong hơn 2 năm (1/1973 - 5/1975), các cơ sở y tế ở Thái Nguyên đã khám, tuyển chọn được gần 1 vạn người đủ sức khoẻ vào bộ đội.

Trên mặt trận trị an, lợi dụng các mặt sơ hở trong quản lý kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành trên địa bàn, bọn tội phạm hình sự, lưu manh, trộm cướp đã gia tăng hoạt động. Năm 1973, trên địa bàn Thái Nguyên đã xảy ra 11 vụ giết người để cướp của, 683 vụ trộm cắp, 179 vụ tai nạn giao thông. Năm 1974, số vụ trộm cắp xảy ra tăng 40% so với năm 1973, nghiêm trọng nhất là vụ mất trộm 2.000 kíp mìn và 100 mét dây cháy chậm tại công trường xây dựng hồ Núi Cốc. Một số

phần tử trong các tổ chức phản động *"Đảng nông dân cứu quốc"*, *"Liên đoàn người Cộng sản"* ở các huyện Võ Nhai, Định Hoá... cũng lén lút hoạt động chống đối chính quyền, tuyên truyền chiến tranh tâm lý, phá rối trị an xã hội.

Trước tình hình trên, Tỉnh uỷ họp, xác định nguyên nhân dẫn đến tình trạng gia tăng các vụ vi phạm pháp luật, có nơi nghiêm trọng là do công tác trị an còn nhiều biểu hiện chủ quan, thiếu nhạy bén trước những diễn biến phức tạp nảy sinh sau khi chấm dứt chiến tranh; các ngành Công an, Toà án, Kiểm sát từ tỉnh xuống các huyện, thành phố còn biểu hiện nhiều mặt hữu khuynh; việc lập các hồ sơ, xét xử các vụ vi phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, gây rối trật tự, trị an, vi phạm Luật Hôn nhân và Gia đình làm quá chậm, thiếu kịp thời; sự kết hợp giữa tuyên truyền giáo dục với các biện pháp kinh tế, hành chính kém...

Trên cơ sở đó, Tỉnh uỷ đề ra chủ trương tiếp tục đẩy mạnh việc tuyên truyền, học tập Chỉ thị 192 và Nghị quyết 195 của Trung ương Đảng, nhằm giáo dục và ngăn chặn các hành động phi pháp, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, giữ vững kỷ cương xã hội.

Ngày 29/5/1974, Tỉnh uỷ ra Chỉ thị (Số 38/CT - BT) chỉ đạo các ngành, các địa phương thực hiện nghiêm

túc Nghị quyết 228/NQ - TW ngày 12/1/1974 của Bộ Chính trị *Về chống lấy cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, chống làm ăn phi pháp, tăng cường quản lý lao động, quản lý thị trường, giữ vững trật tự trị an*, nêu rõ nhiệm vụ tấn công mạnh mẽ vào bọn tội phạm để ngăn chặn tình trạng tiêu cực đang phát triển; kiên quyết chặn đứng những hoạt động của chúng nhằm căn bản ổn định tình hình trật tự xã hội; đánh trúng, đánh mạnh, đánh đúng, đánh liên tục vào bọn tội phạm, thu hồi tài sản cho Nhà nước và đề cao uy thế cách mạng.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, Đảng bộ Công an tỉnh lãnh đạo cán bộ, chiến sỹ làm rõ âm mưu, thủ đoạn chiến tranh tâm lý của các phần tử phản động trong Công giáo ở huyện Đồng Hỷ và thành phố Thái Nguyên. Thành uỷ Thái Nguyên lãnh đạo huy động gần 100 cán bộ, chiến sỹ công an và cán bộ các cơ quan của Thành phố, tổ chức 2 đợt kiểm tra hành chính ở tất cả các xã, khu phố trên địa bàn, phát hiện được 321 vụ phạm pháp để xử lý; bắt giữ được một số tên giả danh bộ đội, công an, thương binh, cán bộ thuế vụ để lừa đảo, trộm cắp, trấn lột và gây rối trật tự công cộng. Chỉ tính riêng đợt công tác đột xuất ***Tăng cường bảo vệ an ninh thành phố Thái Nguyên*** tháng 7/1974, lực lượng công an Thành phố đã lập hồ sơ đưa đi cải tạo tập trung hàng trăm đối tượng xấu;

lập danh sách và đưa 94 thiếu niên hư đi học tập kết hợp với lao động cải tạo tập trung theo lứa tuổi để giáo dục các em trở thành người công dân tốt. Được nhân dân giúp đỡ, lực lượng Công an thành phố Thái Nguyên đã triệt phá một ổ lưu manh, trộm cướp gồm 7 tên có nhiều tiền án, tiền sự.

Công an huyện Võ Nhai phát hiện và triệt phá các tổ chức phản động "*Đảng nông dân cứu quốc*" và Đảng "*Liên đoàn người cộng sản*" chuyên tuyên truyền, nói xấu chế độ xã hội chủ nghĩa, đả kích lãnh tụ, phá hoại phong trào hợp tác xã; bắt giữ các tên cầm đầu (các tháng 3 và 4/1974). Công an huyện Đại Từ đã phối hợp với các ngành chức năng giải toả kịp thời 10 tên giả danh bộ đội và thương binh bao vây Phòng Tài chính huyện, bắt 4 tên chuyên buôn lậu (tháng 8/1974).

Đảng bộ các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ lãnh đạo chính quyền tổ chức các hội nghị chuyên đề về công tác trị an xã hội, củng cố quốc phòng và phòng, chống bạo loạn.

Nhờ có sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp ở Thái Nguyên đối với công tác trật tự trị an, nên tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn luôn được giữ vững và ổn định.

Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, giải phóng miền Nam đòi hỏi ngày càng cao đối với nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang. Nhận rõ điều đó, Tỉnh uỷ ra Chỉ thị ***Tăng cường lãnh đạo công tác tuyển quân năm 1973***, nhấn mạnh: Bất kỳ tình huống nào Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh cũng kiên quyết hoàn thành tốt công tác tuyển quân đạt và vượt chỉ tiêu về số lượng, đảm bảo chất lượng tốt, giao quân đúng thời gian, góp phần chi viện cho tiền tuyến với tinh thần tích cực, khẩn trương và đầy đủ nhất. Các cấp uỷ Đảng cần quan tâm đúng mức tới công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong nhân dân nhất là đối với lực lượng thanh niên nhằm thực hiện tốt nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Các cơ sở phải thực hiện tốt chính sách điều hoà lương thực và tổ chức giúp đỡ những gia đình bộ đội, gia đình thương binh liệt sỹ, tử sỹ.

Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết công tác tuyển quân năm 1972, đồng thời bàn biện pháp thực hiện nhiệm vụ tuyển quân năm 1973; huy động 60 cán bộ các ngành từ Trưởng, Phó ty trở xuống trực tiếp xuống các huyện, thành phố lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân. Trong đợt I năm 1973, Đảng bộ hai huyện Đại Từ, Phú Bình tập trung lãnh đạo các xã

yếu, vùng yếu, tuyển được gần 400 tân binh, giao cho Quân khu Việt Bắc và các quân, binh chủng.

Tháng 8/1973, chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, toàn tỉnh tiến hành tuyển quân đợt 2 trong vòng 1 tuần. Do yêu cầu tuyển quân đợt 2 rất gấp, nên Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh phải tạm gác việc triển khai nhiều công tác khác để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân. Với quyết tâm ***Phất cao ngọn cờ tháng Tám, giao quân vượt mức kế hoạch, vì đồng bào miền Nam ruột thịt***, Đảng bộ đã lãnh đạo động viên được 2.353 thanh niên vào bộ đội, vượt chỉ tiêu trên giao 0,07%. Thành phố Thái Nguyên giao quân vượt chỉ tiêu 1,4%, trở thành đơn vị dẫn đầu các huyện, thành phố trong tỉnh về công tác tuyển quân đợt 2 năm 1973. Các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ đều giao quân vượt mức kế hoạch chỉ tiêu trên giao.

Sang năm 1974, Thái Nguyên tiến hành 2 đợt tuyển quân. Trong đợt 1, các huyện, thành phố ở Thái Nguyên tuyển được 928 người vào bộ đội (có 116 nữ), đạt 80,95% chỉ tiêu tuyển quân nam và 74,35% chỉ tiêu tuyển quân nữ; tỷ lệ chống lệnh gọi nhập ngũ có huyện lên tới 47,64%, tỷ lệ quân số đảo ngũ so với quân số nhập ngũ 27,6%. Nhằm khắc phục tình trạng

này, ngày 28/8/1974, Uỷ ban hành chính tỉnh ra chỉ thị giao cho các huyện, thành phố phải chuẩn bị thật tốt công tác khám tuyển và xét duyệt hồ sơ nhập ngũ trong tháng 9, để tháng 10 tiến hành giao quân đợt 2.

Thực hiện chỉ thị của Uỷ ban hành chính tỉnh, các đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch Uỷ ban hành chính các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phổ Yên đã trực tiếp xuống các xã chỉ đạo công tác tuyển quân, tạo được bước chuyển biến mới về nhận thức cho cán bộ, nhân dân ở cơ sở và mang lại kết quả tuyển quân cao.

Do làm tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nên các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Định Hoá, Phú Lương đều vượt chỉ tiêu giao quân. Riêng thành phố Thái Nguyên, kết quả tuyển quân đợt 2 năm 1974 vượt chỉ tiêu trên giao 32% (185/140), giữ vững truyền thống đơn vị lá cờ đầu trong công tác tuyển quân của tỉnh.

Kết thúc công tác tuyển quân năm 1974, các huyện, thành phố ở Thái Nguyên đã động viên được 1.775 người vào bộ đội (có 126 nữ), vượt chỉ tiêu trên giao 1,5%. Trong đó, tỷ lệ giao quân trên chỉ tiêu được giao của thành phố Thái Nguyên là 330/290 (vượt 13,8%), các huyện Đại Từ 324/300 (vượt 8%), Định Hoá 233/215 (vượt 7,9%), Phú Lương 238/232

(vượt 2,6%), Đồng Hỷ 275/310 (đạt 87,4%), Phổ Yên 265/272 (đạt 97,4%), Phú Bình 271/310 (đạt 87,4%), Võ Nhai 64/66 (đạt 97%).

Bước vào năm 1975, yêu cầu dồn sức chi viện cho chiến trường miền Nam được đặt ra cấp bách hơn bao giờ hết. Đón trước nhiệm vụ tuyển quân năm 1975, ngay từ cuối năm 1974, Tỉnh uỷ đã lãnh đạo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh mở hội nghị bàn phương hướng, nhiệm vụ và sơ bộ giao chỉ tiêu tuyển quân năm 1975 cho các huyện, thành phố trong tỉnh. Hội nghị đề ra nhiều biện pháp động viên, tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân thấy được thắng lợi của cách mạng miền Nam. Hội nghị đề ra biện pháp phải kết hợp chặt chẽ công tác kiểm tra với việc giúp đỡ cơ sở giải quyết khó khăn trong công tác tuyển quân.

Tình hình cách mạng miền Nam chuyển biến nhanh, yêu cầu hậu phương miền Bắc phải chi viện rất khẩn trương. Ngày 18/2/1975, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc ra chỉ thị cho tỉnh phải hoàn thành tuyển quân đợt 1 năm 1975 ngay trong tháng 2, hoàn thành tuyển quân đợt 2 vào ngày 15/3 và hoàn thành tuyển quân đợt 3 vào ngày 15/4/1975. Chỉ thị của Quân khu chỉ rõ nơi nào có điều kiện thuận lợi thì giao quân đợt 2 cùng một lúc với đợt 1.

Thực hiện chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, với tinh thần ***Miền Nam gọi, miền Bắc trả lời, Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người***, Đảng bộ các cấp trong tỉnh đã lãnh đạo thực hiện thắng lợi 3 chiến dịch động viên tuyển quân. Chiến dịch thứ nhất, động viên được 998 người vào bộ đội, vượt chỉ tiêu trên giao 9,7%. Chiến dịch thứ hai, giao được 2.886 tân binh, vượt chỉ tiêu được giao gần 3,5%. Chiến dịch thứ ba, động viên được 219 người là cán bộ, công nhân, sinh viên... đang công tác, học tập ở các cơ quan, xí nghiệp, các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trên địa bàn vào bộ đội. Kết thúc 3 chiến dịch động viên tuyển quân trong 4 tháng đầu năm 1975, Thái Nguyên đã tuyển được 4.103 người vào bộ đội, đảm bảo chất lượng tốt, giao quân gọn, đúng thời gian, vượt chỉ tiêu quân số trên giao 1,8%. Thành phố Thái Nguyên tiếp tục là đơn vị dẫn đầu tỉnh về công tác tuyển quân (vượt 39%), tiếp đó là huyện Đại Từ vượt 19%.

Qua hơn 2 năm (1/1973 - 4/1975) phấn đấu gian khổ, Đảng bộ các huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị, nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn tỉnh đã lãnh đạo động viên được trên 8.600 người vào bộ đội. Con em nhân dân các dân tộc Thái Nguyên vào bộ đội đã có mặt

chiến đấu trên khắp các chiến trường 3 nước Đông Dương, chủ yếu ở chiến trường miền Nam, góp phần to lớn cùng với quân và dân cả nước làm nên ***Đại thắng mùa Xuân năm 1975 lịch sử***, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước bước sang một kỷ nguyên mới: *Kỷ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.*

Trải qua gần 10 năm trực tiếp kháng chiến chống Mỹ cứu nước (7/1965 - 5/1975), dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ và Uỷ ban hành chính tỉnh, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ vừa sản xuất, công tác để giữ vững và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, vừa phục vụ chiến đấu tốt và chiến đấu dũng cảm, góp phần quan trọng đánh thắng 2 cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ trên địa bàn; đảm bảo giao thông vận tải thời chiến thông suốt; chi viện kịp thời, đầy đủ sức người, sức của cho các chiến trường đánh Mỹ.

Trong 2 cuộc chiến tranh phá hoại ở Thái Nguyên, giặc Mỹ đã huy động gần 4.000 lần chiếc máy bay (có 69 lần chiếc B52), đánh phá trên 1.900 trận, ném xuống địa bàn gần 15.000 quả bom phá (tương đương gần

5.000 tấn thuốc nổ TNT), gây cho nhân dân các dân tộc Thái Nguyên nhiều tổn thất về người và của.

Quân và dân Thái Nguyên đã trực tiếp chiến đấu trên 400 trận, bắn rơi 61 máy bay Mỹ (có 2 máy bay ném bom chiến lược B52 và 1 máy bay trinh sát điện tử EB66), tiêu diệt và bắt sống nhiều tên giặc Mỹ lái máy bay. Trải qua gần 40 chiến dịch động viên tuyển quân lớn, nhỏ, Thái Nguyên đã huy động được 48.278 người vào bộ đội; trong đó có hơn 7.790 người đã vĩnh viễn nằm lại ở các chiến trường, được công nhận là liệt sỹ, gần 7.800 người để lại một phần xương máu ngoài mặt trận, được công nhận là thương binh...

Với tinh thần ***Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược***, trung bình mỗi năm nhân dân Thái Nguyên đóng góp cho Nhà nước 20.000 tấn lương thực. Trong bom đạn ác liệt của cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, các mặt sản xuất, đời sống, văn hoá, xã hội ở Thái Nguyên tiếp tục được giữ vững và phát triển, đáp ứng kịp thời mọi yêu cầu của tiền tuyến. Tổ chức Đảng các cấp được xây dựng, củng cố ngày càng vững mạnh; đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ ngày một trưởng thành.

Nhờ có những công hiến to lớn vào thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của

dân tộc, quân và dân Thái Nguyên đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 1 ***Huân chương Sao vàng***, 1 ***Huân chương Độc lập***, 54 ***Huân chương Kháng chiến***, 2 ***Huân chương Chiến công***; 8 đơn vị và 7 cá nhân được tuyên dương danh hiệu cao quí: ***Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*** và 3 cá nhân được phong tặng danh hiệu ***Anh hùng Lao động*** thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Với những thành tích đã đạt được trong sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên phấn khởi bước sang thời kỳ thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Chương II

LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (5/1975 - 12/1986)

I- Tiếp tục khôi phục và phát triển kinh tế, góp phần cùng cả nước khắc phục hậu quả chiến tranh (5/1975 - 12/1976)

Sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta kéo dài trên 20 năm, đã kết thúc thắng lợi hoàn toàn bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Nhân dân hai miền Nam - Bắc được sum họp một nhà. Cách mạng nước ta chuyển sang thời kỳ mới với hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Hoà cùng với niềm vui chung của cả nước, trong 6 tháng cuối năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng

bộ các cấp, nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã tập trung sức lực, trí tuệ giành được kết quả lớn trên mặt trận phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

Ngày 5/5/1975, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Nghị quyết số 40 phát động đợt thi đua ngắn ngày ***Mừng đất nước Việt Nam hoàn toàn giải phóng*** (từ tháng 5 đến tháng 9/1975). Hưởng ứng đợt thi đua, các cơ quan, đơn vị, trường học, đoàn thể đã động viên cán bộ, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc tổ chức lao động xã hội chủ nghĩa để lấy tiền mua tư liệu sản xuất gửi tặng đồng bào miền Nam nói chung và hai tỉnh kết nghĩa (Kon Tum, Khánh Hoà) nói riêng, được 377 con trâu và trên 100.000 đồng cùng nhiều phương tiện, vật tư thiết bị, văn hoá phẩm.

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả. Diện tích lúa cấy cả năm 1975 đạt 65.310 ha, tăng 3.200 ha so với năm 1970. Do tập trung đẩy mạnh thâm canh, đưa giống mới vào sản xuất, bước đầu xác định được cơ cấu giống thích nghi với khí hậu từng vùng, từng loại đất nên năng suất lúa cả năm 1975 đạt 44 tạ/ha. Hai huyện Đại Từ, Định Hoá, 37 xã, 87 hợp tác xã trong các huyện khác đạt mục tiêu 5 tấn thóc/ha một năm. Có những hợp tác xã

đạt trên 7 tấn thóc/ha một năm. Sản lượng lúa năm 1975 đạt 132.583 tấn, tăng 24.815 tấn so với năm 1970. Kết quả phát triển các loại cây mầu, rau, đậu cũng tăng từ 3 đến 10%. Sản xuất lương thực phát triển đã góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng chăn nuôi gia súc, gia cầm. Năm 1975, tổng đàn lợn trên địa bàn Thái Nguyên có 167.300 con, tăng 52.000 con so với năm 1970.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, phong trào hợp tác xã sản xuất nông nghiệp trong tỉnh đã có những biến đổi căn bản. Đến năm 1975, toàn tỉnh có 71,1% số hộ nông dân lao động đi vào con đường làm ăn tập thể; quy mô hợp tác xã ngày càng mở rộng, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường, đội ngũ cán bộ nông nghiệp từ tỉnh đến cơ sở ngày càng trưởng thành trong quản lý kinh tế và khoa học - kỹ thuật. Nhờ đó, kết quả sản xuất ngày càng cao. Trên địa bàn tỉnh đã hình thành một số vùng kinh tế chuyên canh (rau, chè) và bước đầu phát triển mạnh nghề rừng, chăn nuôi.

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp Thái Nguyên phát triển còn chậm, không đều và cơ bản vẫn độc canh cây lúa, mang nặng tính chất tự túc, tự cấp của nền sản xuất nhỏ. Việc bố trí cơ cấu cây trồng, vật nuôi chưa hợp lý, dẫn đến lãng phí đất đai, năng suất không ổn định. Sản

phẩm hàng hoá làm ra còn quá ít nên chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân về lương thực, thực phẩm và cũng không đủ nguyên liệu cung cấp cho các ngành tiểu, thủ công nghiệp. Tổ chức hợp tác xã nông nghiệp mặc dù thường xuyên được củng cố, nhưng vẫn bộc lộ những mặt hạn chế, yếu kém: Công tác quản lý bị buông lỏng, tình trạng tham ô, lãng phí, nợ nần, lấn chiếm ruộng đất tập thể, phân phối không công bằng... diễn ra khá phổ biến. Những yếu kém, tiêu cực này cùng với sự phát triển ngày càng nhanh của kinh tế cá thể từng bước lấn át kinh tế tập thể, phá vỡ quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Tình hình sản xuất và công tác quản lý như trên đã biến các đội sản xuất như một hợp tác xã nhỏ và Ban Quản trị hợp tác xã như một cơ quan quản lý hành chính.

Tình hình cung cấp lương thực cả nước nói chung và trong tỉnh nói riêng hết sức khó khăn do dân số tăng nhanh, sản xuất phát triển chậm, nguồn nhập khẩu lương thực của Nhà nước giảm sút do một số nước cắt, giảm viện trợ cho ta khi chiến tranh kết thúc. Trong khi đó, việc quản lý, sử dụng lương thực lại thiếu chặt chẽ, sai đối tượng, gây thất thoát lớn. Đối với Thái Nguyên, phần lương thực do Nhà nước cung cấp cho các đối tượng (theo sổ gạo) chiếm trên 60%, nên càng khó

khăn hơn. Tình trạng mất cân đối giữa cung và cầu lương thực ngày càng nghiêm trọng.

Sản xuất lâm nghiệp chủ yếu là khai thác, nhưng do công tác quản lý yếu, rừng bị khai thác bừa bãi, không được chú ý chăm sóc, bảo vệ và trồng mới, nên tài nguyên rừng bị tàn phá nặng nề, diện tích rừng nhanh chóng bị thu hẹp.

Quán triệt các chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ về đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tăng cường quản lý, sử dụng tiết kiệm lương thực, thực phẩm, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, ngày 8 tháng 3 năm 1976, Uỷ ban hành chính tỉnh ban hành Chỉ thị số 18 về: ***Đẩy mạnh sản xuất, thực hành triệt để tiết kiệm, tăng cường quản lý chặt chẽ việc cung cấp và sử dụng lương thực, thực phẩm Nhà nước***. Chỉ thị yêu cầu các huyện, thành bằng mọi biện pháp đẩy mạnh sản xuất, thâm canh lúa và hoa màu vụ đông - xuân 1975 - 1976, chuẩn bị điều kiện thật tốt cho sản xuất vụ mùa năm 1976; đồng thời đẩy mạnh sản xuất rau, màu ngắn ngày để chống đói trong kỳ giáp hạt và làm tốt nghĩa vụ lương thực với Nhà nước. Các cơ quan, xí nghiệp, công, nông, lâm trường, đơn vị quân đội tận dụng triệt để diện tích đất của đơn vị mình và khu vực lân cận để

sản xuất rau, màu bảo đảm trong năm 1976, bình quân mỗi người tự túc tối thiểu 3 kg màu quy gạo. Chỉ thị cũng yêu cầu Uỷ ban kế hoạch tỉnh cùng với các ngành hữu quan rà soát lại số người sử dụng lương thực do Nhà nước cung cấp, để bảo đảm việc cung cấp đúng đối tượng, đúng chỉ tiêu, mang lại hiệu quả thiết thực; yêu cầu các ngành, các địa phương chỉ đạo bảo quản tốt lương thực, kiên quyết khắc phục tình trạng lãng phí, hư hao, thất thoát, tham ô lương thực của Nhà nước và tập thể.

Tiếp theo, thực hiện Nghị quyết số 61 ngày 5/4/1976 của Hội đồng Chính phủ, nhằm thúc đẩy mạnh mẽ phong trào sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, ngày 8/6/1976, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 46, Uỷ ban hành chính tỉnh ban hành Nghị quyết số 02 về ***Tiếp tục thực hiện cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý nông, lâm nghiệp từ cơ sở***. Đây là một cuộc vận động lớn trong toàn Đảng, toàn dân nói chung, nhân dân các dân tộc trong tỉnh nói riêng, nhằm từng bước đưa nền sản xuất nông - lâm nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện hai cuộc vận động nói trên cũng là thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1976, năm đầu của kế

Đại biểu dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái
lần thứ II (vòng II) tháng 4/1977

hoạch 5 năm (1976 - 1980). Để đạt được mục tiêu của cuộc vận động, Đảng bộ tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành trong tỉnh củng cố, khôi phục, cải tiến công tác quản lý trong các hợp tác xã nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất, tăng nhanh sản lượng lương thực, thực phẩm, đáp ứng nhu cầu cấp bách của xã hội. Mặc dù vậy, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn hết sức khó khăn. Những yếu kém trong chỉ đạo, quản lý sản xuất ở các hợp tác xã chưa được khắc phục. Sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc phần lớn vào thiên nhiên mà thời tiết lại không thuận lợi, vụ đông - xuân giá rét kéo dài, vụ mùa nắng hạn gay gắt gây ảnh hưởng lớn đến diện tích, năng suất, sản lượng lúa và hoa màu. Sản lượng lương thực quy thóc cả năm 1976 chỉ đạt 132.181 tấn, trong đó sản lượng lúa đạt 115.360 tấn, giảm 17.023 tấn so với năm 1975. Kết quả thu hoạch thấp, phần lương thực Nhà nước cung cấp cho tỉnh cũng giảm sút và không kịp thời. Tình trạng đói giáp hạt đã xảy ra ở một số nơi.

Công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển chậm so với yêu cầu của sản xuất và đời sống, nhất là nhiệm vụ phục vụ nông nghiệp. Năm 1975, công nghiệp chế biến, sửa chữa cơ khí và sản xuất nông cụ giảm khoảng

9% so với năm 1969. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do máy móc thiết bị hầu hết đều cũ, thường xuyên hỏng hóc, lại thiếu phụ tùng thay thế, vật tư, nguyên liệu cho sản xuất cũng thường xuyên thiếu hụt và không đồng bộ, nhưng với tinh thần tự lực, tự cường, cán bộ công nhân viên trong các xí nghiệp, xã viên trong các hợp tác xã thủ công nghiệp vẫn giữ vững và nâng cao kết quả lao động sản xuất. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp toàn tỉnh năm 1976 đạt 31,5 triệu đồng (99% kế hoạch), tăng 7,9% so với năm 1975. Một số ngành (khai thác và chế biến lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng...) đạt tốc độ phát triển khá cao.

Mặc dù điều kiện kinh tế hết sức khó khăn, nhưng công tác chăm sóc và sắp xếp việc làm cho thương binh, bộ đội phục viên, xuất ngũ, tìm kiếm, giải quyết những trường hợp quân nhân tham gia chiến đấu ở các chiến trường không có tin tức, bảo đảm quyền lợi cho những đối tượng chính sách ở các địa phương... được các cấp uỷ Đảng, chính quyền đặc biệt quan tâm, góp phần giải quyết tốt những vấn đề xã hội, làm dịu bớt những đau thương, mất mát trong chiến tranh.

II- Lãnh đạo thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980) và chi viện các tỉnh biên giới phía Bắc chiến đấu bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc

Để góp ý kiến vào các văn kiện chuẩn bị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, từ ngày 11/11 đến ngày 18/11/1976, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II (vòng 1) được tổ chức với sự tham gia của 500 đại biểu chính thức, 23 đại biểu dự khuyết đại diện cho gần 4 vạn đảng viên trong Đảng bộ.

Đông đảo các tầng lớp nhân dân, cán bộ công nhân viên chức, xã viên hợp tác xã, lực lượng vũ trang, các ngành, đoàn thể quần chúng phấn khởi, tin tưởng hướng về Đại hội thông qua các phong trào thi đua lập công dâng Đảng, thi đua hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1976. Đồng chí Xuân Thuỷ, Bí thư Trung ương Đảng, tới dự và chỉ đạo. Đại hội đã thảo luận và tham gia nhiều ý kiến vào Báo cáo Chính trị và bản dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) của Ban Chấp hành Trung ương dự kiến trình trong Đại hội IV của Đảng. Đại hội bầu 21 đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV.

Tiếp theo đại hội đảng bộ các địa phương, từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976, Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV được tổ chức tại Hà Nội. Báo cáo

chính trị của Ban Chấp hành Trung ương (khoá III) trình bày tại Đại hội đã đánh giá một cách toàn diện, sâu sắc những thắng lợi vĩ đại mang tầm vóc thời đại của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Trên cơ sở phân tích những đặc điểm của đất nước, Đại hội đề ra đường lối chung và đường lối phát triển kinh tế của cả thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội; đồng thời thông qua phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980) nhằm hai mục tiêu cơ bản và cấp bách là bảo đảm nhu cầu của đời sống nhân dân, tích luỹ để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Để quán triệt nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, xây dựng phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ mới, từ ngày 16 đến ngày 24/4/1977, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II (vòng 2) được tổ chức.

Đại hội đánh giá những thành tích, ưu điểm và những hạn chế, thiếu sót trong công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị từ sau Đại hội Đảng bộ lần thứ I (1970), đồng thời phân tích đặc điểm tình hình, nêu rõ khó khăn và thuận lợi của địa phương trong thời kỳ quá

độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội xác định: "*Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của tỉnh ta cũng nằm trong tình hình khó khăn chung của cả nước*" (nền kinh tế mất cân đối, tình trạng thiếu lương thực, nhiên, nguyên liệu, nguồn vốn để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội...). Bên cạnh đó, Thái Nguyên cũng có những thuận lợi rất cơ bản: Nguồn tài nguyên thiên nhiên, lao động khá phong phú, tiềm năng khoa học - kỹ thuật to lớn do tập trung nhiều trường đại học và cơ quan nghiên cứu, được Trung ương đầu tư xây dựng các cơ sở công nghiệp lớn, đặc biệt là công nghiệp luyện kim và cơ khí...

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình, vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và kế hoạch Nhà nước 5 năm, Đại hội Đảng bộ tỉnh đã thông qua phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong kế hoạch 5 năm (1976 - 1980):

"*Phát huy mọi khả năng lao động, mọi nguồn tài nguyên và cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, thông qua việc tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý nông, lâm nghiệp trên địa bàn theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ xây dựng cấp huyện thành đơn vị kinh tế nông - lâm - công nghiệp hoàn chỉnh, phấn đấu xây dựng tỉnh ta trở*

thành tỉnh công - nông - lâm nghiệp phát triển toàn diện, vững mạnh, bảo đảm tính thống nhất giữa xây dựng kinh tế Trung ương và phát triển kinh tế địa phương, giải quyết những nhu cầu lương thực, thực phẩm cho toàn tỉnh; đáp ứng ngày càng nhiều các yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, từng bước cải thiện đời sống vật chất, văn hoá, học tập, chữa bệnh cho nhân dân lao động các dân tộc trong tỉnh".

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá II gồm 35 uỷ viên chính thức, 4 uỷ viên dự khuyết. Ban Chấp hành Đảng bộ khoá II bầu Ban Thường vụ, gồm 11 đồng chí, các đồng chí Vũ Ngọc Linh làm Bí thư, Doanh Hằng làm Phó Bí thư, Nguyễn Duy An là Uỷ viên Thường trực Tỉnh uỷ.

Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, trước hết là phát triển lương thực theo phương hướng Đại hội Đảng bộ lần thứ II đã đề ra, để bù đắp sự thiếu hụt sản lượng lương thực năm 1976, từ đầu năm 1977, cùng với việc tiếp tục chỉ đạo sát sao các huyện, thành cấy hết diện tích, đúng thời vụ và dầy mạnh chăm sóc lúa sau khi cấy, Đảng bộ chú trọng chỉ đạo tăng cường trồng mầu lương thực. Bên cạnh việc mở rộng diện tích gieo trồng các loại cây mầu ngắn ngày (khoai lang, ngô, đậu), ngày

1/3/1977, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 49 phát động một chiến dịch trồng sắn rộng rãi trong toàn tỉnh. Được sự hưởng ứng của đông đảo cán bộ, đảng viên, các ngành, các cấp, lực lượng vũ trang và nhân dân, sau hơn 2 tháng triển khai thực hiện, toàn tỉnh đã trồng được hơn 5.000 ha sắn. Ba huyện có diện tích trồng sắn lớn là Phú Lương (738 ha), Đồng Hỷ (752 ha), Phổ Yên (760 ha). Do chăm sóc tốt, sản lượng sắn thu hoạch được đã bổ sung lượng lương thực tương đối lớn cho tỉnh vào cuối năm 1977 đầu năm 1978.

Thực hiện chủ trương đầu tư xây dựng lớn cơ sở vật chất phục vụ cho sản xuất nói chung, sản xuất nông nghiệp nói riêng, trong 3 năm (1977 - 1979), toàn tỉnh đã phát động được phong trào thi đua sôi nổi, huy động được sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp và quần chúng nhân dân, góp hơn 6 triệu ngày công, tập trung hoàn thành các công trình thuỷ lợi, giao thông. Trong đó, trọng tâm là công trình thuỷ lợi hồ Núi Cốc.

Được sự quan tâm và trợ giúp của Trung ương, từ năm 1973, công trình thuỷ lợi hồ Núi Cốc được khởi công xây dựng. Với diện tích mặt hồ rộng 2.500 ha, dung tích chứa nước là 175 triệu m^3, hồ Núi Cốc là một trong những công trình thuỷ lợi lớn của miền Bắc, là công trình lớn nhất trên địa bàn tỉnh và là một trong

những công trình trọng điểm của Nhà nước trong giai đoạn này. Công trình thuỷ lợi hồ Núi Cốc hoàn thành sẽ cung cấp nước phục vụ cho sản xuất của Khu công nghiệp Gang thép Thái Nguyên, Khu công nghiệp Gò Đầm và nước tưới cho 12.000 ha lúa hai vụ thuộc các huyện Đồng Hỷ, Phổ Yên, Phú Bình, cho phát triển cây công nghiệp và chăn nuôi, góp phần chống lũ lụt, tạo điều kiện để thúc đẩy nền nông nghiệp Thái Nguyên phát triển theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, hồ Núi Cốc còn cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đời sống nhân dân, tạo nên một vùng sinh thái có phong cảnh đẹp, khí hậu trong lành, có khả năng phát triển du lịch.

Sau khi các đơn vị thi công của Trung ương hoàn thành xây dựng đập chính và các đập phụ, được phân công đảm nhiệm thi công hệ thống kênh mương (cấp I, II, III) dài 250 km, với tổng kinh phí 14 triệu đồng, liên tiếp trong 3 năm (1977 - 1979), với 3 chiến dịch lớn, Thái Nguyên đã huy động hàng triệu ngày công, lúc cao điểm có tới 18.000 người cùng lao động trên công trường, hoàn thành căn bản hệ thống kênh mương cấp I, II, một phần hệ thống kênh cấp III, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế và đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân.

Hồ Núi Cốc

Ngoài hệ thống kênh, mương Núi Cốc, cũng trong thời gian trên, Thái Nguyên còn đầu tư cho các công trình của Ngành Nông nghiệp 11,4 triệu đồng, cho lâm nghiệp 7,8 triệu đồng, cho giao thông 10,9 triệu đồng. Nhà máy cơ khí 3 - 2, Mỏ than Quang Vinh, Xí nghiệp sửa chữa ô tô, Xí nghiệp liên hiệp dược, Công ty sản xuất vật liệu xây dựng...được đầu tư thêm thiết bị. Các trại lợn giống ở Đắc Sơn (Phổ Yên), Tân Kim (Phú Bình), Trại trâu Mura ở Tân Cương (Đồng Hỷ) được xây dựng. Một số nông, lâm trường, vùng kinh tế mới, vùng chè, vùng rau được mở rộng. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh còn tự đầu tư công lao động sửa chữa và làm mới hàng trăm ki lô mét đường giao thông nông thôn, 350 công trình thuỷ lợi vừa và nhỏ được đưa vào sử dụng phục vụ sản xuất và sinh hoạt cộng đồng.

Kết quả đầu tư đã tạo điều kiện cho nông, lâm nghiệp phát triển, mở rộng diện tích cây lương thực, đẩy mạnh thâm canh cây trồng, tạo vùng cây tập trung và chuyên canh (chủ yếu là cây chè) cho xuất khẩu; cây thực phẩm phục vụ đời sống nhân dân, cán bộ công nhân viên khu công nghiệp, thành phố, thị trấn.

Mặc dù thiên tai diễn ra khắc nghiệt (lũ lụt, hạn hán, giá rét kéo dài), nhưng nhân dân các dân tộc trong

tỉnh vẫn kiên trì phấn đấu, vượt qua khó khăn, mở rộng diện tích gieo trồng từ 65.000 ha (năm 1977), lên 72.000 ha (năm 1979), trong đó diện tích lúa tăng gần 5.000 ha, màu tăng hơn 2.000 ha. Các giải pháp kỹ thuật cải tạo đồng ruộng, chọn lọc giống, chế biến phân, chăm bón lúa và cây trồng được tăng cường. Do đó, tổng sản lượng lương thực tăng bình quân trong ba năm (1977 - 1979) là 1,7%.

Cùng với kết quả về lương thực, một số vùng cây tập trung và chuyên canh được củng cố và tiếp tục phát triển. Nổi bật là vùng chè ở các huyện Đại Từ, Định Hoá, Phú Lương và Đồng Hỷ. Trong 3 năm (1977 - 1979), diện tích chè tăng 2.000 ha, đưa tổng diện tích chè lên 4.900 ha; sản lượng tăng 2.159 tấn. Một trong những yếu tố tạo được các vùng chè tập trung là do có thêm nhân lực của đồng bào các tỉnh miền xuôi lên tham gia phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh. Các đội chuyên canh chè ở huyện Định Hoá, Đại Từ, Phú Lương sản xuất đạt kết quả cao, góp phần tăng sản lượng chè xuất khẩu và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nhân dân.

Ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm trong những năm 1977 - 1979 cũng phát triển khá ổn định. Một số hợp tác xã và nông trường quốc doanh áp dụng

phương pháp chăn nuôi lợn tăng trọng đạt kết quả bước đầu. Phong trào chăn nuôi lợn, gà trong cán bộ, công nhân viên chức ở các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp, trường học có chuyển biến tốt, giải quyết được một phần khó khăn về thực phẩm.

Ngành Lâm nghiệp có những bước chuyển biến tích cực. Trong 3 năm (1977 - 1979), toàn tỉnh trồng được trên 3.000 ha rừng. Việc giao đất, giao rừng cũng được chú trọng hơn. Đến năm 1978, đã có 55 hợp tác xã thuộc 5 huyện nhận quản lý chăm sóc hơn 30.000 ha rừng. Nhiều hợp tác xã đã tổ chức chăm sóc, tu bổ và khai thác rừng có kết quả tốt.

Cùng thời gian trên, toàn tỉnh đã vận động được hơn 300 hộ đồng bào vùng cao định canh, định cư, khai phá 80 ha đất canh tác, đời sống đồng bào ở một số nơi bước đầu ổn định.

Qua các đợt củng cố và tổ chức lại sản xuất, về cơ bản, trong 3 năm, phong trào hợp tác xã phát triển ổn định. Đến năm 1980, toàn tỉnh có 88.329 hộ nông dân vào làm ăn tập thể, với gần 500 hợp tác xã bậc cao. Một số hợp tác xã phát triển khá toàn diện, nổi bật là Hợp tác xã Hùng Sơn (Đại Từ). Các hợp tác xã Quang Vinh (thành phố Thái Nguyên), Hà Thượng (Đại Từ), Nam Hà (Phú Bình), Xuân Phú (Phú Lương), Phúc

Chu (Định Hoá)... là những đơn vị sản xuất phát triển tốt từng mặt. Phong trào hợp tác xã ở Võ Nhai cũng có sự chuyển biến tích cực, từ 9 hợp tác xã (năm 1976), phát triển lên 29 hợp tác xã (năm 1979), với 39% số hộ nông dân trong huyện tham gia. Trong các hợp tác xã tiên tiến và khá, công tác quản lý có nhiều tiến bộ, sản xuất phát triển nhanh và tương đối vững chắc, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, có tích luỹ, đời sống xã viên ổn định, các công trình phúc lợi được mở rộng.

Kết quả trên chứng tỏ, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền các cấp, giai cấp nông dân tập thể Thái Nguyên đã kiên trì phấn đấu, vượt qua khó khăn trong lao động sản xuất, nên đã giành được những thành tích, tiến bộ nhất định.

Cùng với sản xuất nông, lâm nghiệp, các ngành Công nghiệp, Giao thông vận tải và Xây dựng cơ bản cũng có những bước tiến mới. Từ năm 1977 đến năm 1979, giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương tăng bình quân hằng năm 6,6% (riêng tiểu thủ công nghiệp tăng 11%). Tổng giá trị sản lượng công nghiệp năm 1979 đạt hơn 38 triệu đồng. Trong 3 năm (1977 - 1979), công nghiệp địa phương đã cung cấp cho nông nghiệp gần 300.000 nông cụ các loại, sản xuất và cung cấp ra thị trường gần 3.000 xe cải

tiến và nhiều sản phẩm xây dựng; cung cấp cho thương nghiệp bán lẻ hàng tiêu dùng trị giá khoảng 20 triệu đồng mỗi năm, góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương. Các đơn vị đạt kết quả cao trong sản xuất là Nhà máy cơ khí 3 - 2, Hợp tác xã Cộng Lực, đã được Hội đồng Chính phủ tặng thưởng ***Huân chương Lao động hạng Ba***.

Các ngành Xây dựng cơ bản, Giao thông vận tải và Bưu điện tiếp tục phát triển và đã thu được một số kết quả tốt. Lực lượng xây dựng cơ bản tăng nhanh, trình độ kỹ thuật được nâng cao, đã đảm đương được phần lớn những công trình xây dựng của tỉnh, với tổng giá trị xây dựng trong 3 năm là 71 triệu đồng.

Từ 1977 đến 1979, Ngành Giao thông vận tải đã vận chuyển được gần một triệu tấn hàng hoá (khoảng gần 40 triệu tấn/km) phục vụ các chương trình phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Đặc biệt, trong giai đoạn này, Ngành Giao thông vận tải đã có đóng góp lớn, đáp ứng yêu cầu đột xuất phục vụ nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc.

Mạng lưới thông tin bưu điện cũng được củng cố, mở rộng phục vụ ngày càng tốt hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế, quốc phòng an ninh trên địa bàn.

Hoạt động của các ngành tài chính, ngân hàng cũng có nhiều cố gắng, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, đẩy mạnh lưu thông phân phối, làm giảm bớt được một phần khó khăn của nhân dân. Mặc dù sản xuất tăng chậm đã hạn chế nhiều đến việc thu mua hàng hoá, nhưng giá trị thu mua nông sản năm 1978 vẫn tăng hơn năm 1976 là 35,1%. Thu mua hàng xuất khẩu hai năm 1978, 1979 tăng 8,2% mỗi năm.

Điểm nổi bật trong công tác lưu thông phân phối ở giai đoạn này là việc ký kết hợp đồng kinh tế hai chiều giữa Nhà nước và nông dân được đẩy mạnh và đi vào nền nếp. Số đơn vị ký kết hợp đồng đổi lưu hàng hoá với các hợp tác xã, tổ, đội sản xuất ngày càng mở rộng. Một số nhà máy, trường dạy nghề đã tận dụng năng lực sản xuất dư thừa, tổ chức phân xưởng phụ, sản xuất nhiều mặt hàng cung cấp cho địa phương. Riêng năm 1979, các đơn vị trên đã cung cấp cho tỉnh số lượng hàng hoá trị giá 1,8 triệu đồng.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (8/1979), phong trào tăng gia sản xuất không chỉ ở nông thôn mà ở thành phố, thị trấn cũng phát triển khá mạnh. Cùng với sự cố gắng của Nhà nước, một số đơn vị đã có nhiều biện pháp tích cực chăm lo đời sống cán bộ, công nhân viên chức

bằng việc tổ chức sản xuất lúa, màu, chăn nuôi, trồng thêm rau xanh tự cải thiện. Năm 1979, toàn tỉnh có 170 đơn vị cơ sở tổ chức tăng gia tập trung, nuôi trên 3.500 con lợn, trồng hàng chục ha rau màu cung cấp cho nhà ăn tập thể.

Vấn đề nhà ở cũng được chú ý giải quyết tốt hơn. Trong 3 năm, tỉnh đã đầu tư trên 9 triệu đồng, xây dựng hơn 60.000 m^2 nhà ở. Bình quân mỗi cán bộ, công nhân, viên chức khu vực thành phố và khu công nghiệp đã được sử dụng 3,1 m^2 nhà. Một số nhà máy, xí nghiệp trợ giúp các hộ gia đình đơn vị mình bằng việc bán khung nhà lắp ghép bằng sắt, hoặc bán vật liệu xây dựng để các hộ gia đình tự làm lấy, giải quyết được một phần khó khăn về nhà ở.

Những việc làm trên đã góp phần giảm bớt khó khăn về đời sống cho cán bộ, công nhân viên trong tình hình giá cả thị trường tăng cao, tiền lương thực tế giảm sút. Đời sống của nhân dân tuy chưa thật đầy đủ, nhưng nói chung đã ổn định, có mặt được cải thiện.

Ngành Văn hoá - Thông tin, Thể dục - Thể thao đã có những hoạt động thiết thực, đạt kết quả khá, góp phần quan trọng vào việc nâng cao đời sống tinh thần, động viên phong trào cách mạng của quần

chúng và xây dựng nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.

Vượt qua những khó khăn về kinh tế, sự thiếu thốn về cơ sở vật chất, sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển. Số học sinh phổ thông các cấp tăng bình quân 5% mỗi năm. Học viên bổ túc văn hoá duy trì ở mức 20.000 người (cả tập trung và tại chức)

Mạng lưới y tế được củng cố và phát triển đến hầu hết các xã. Công tác vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch được chú trọng hơn. Nhiệm vụ chăm sóc sức khoẻ nhân dân và kế hoạch hoá gia đình cơ bản phát triển tốt. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên trong tỉnh giảm từ 3,15% năm 1978, xuống 2,5% năm 1979.

Tuy vậy, nhìn lại một cách tổng quát, tình hình kinh tế - xã hội của Thái Nguyên trong giai đoạn 1976 - 1980 vẫn hết sức khó khăn. Sản xuất nông nghiệp còn nhiều yếu kém, khuyết điểm, có khuyết điểm kéo dài trong nhiều năm. Các mục tiêu lớn về sản xuất, thu mua, xuất khẩu các mặt hàng nông nghiệp do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đề ra đều không đạt được. Tổng sản phẩm tăng chậm (1,7%). Cây mầu lương thực chưa được coi trọng từ khâu sản xuất, chế biến đến lưu thông phân phối, trong khi dân số tăng nhanh, càng làm cho những khó khăn về lương thực thêm gay gắt. Giải quyết nhu cầu về lương thực luôn

là mối quan tâm hàng đầu của các cấp uỷ Đảng, chính quyền trong thời gian này.

Một trong những nguyên nhân dẫn đến những khó khăn trên là do chưa thực hiện tốt việc áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, sử dụng chưa có hiệu quả tiềm năng lao động và đất đai. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết 12 của Tỉnh uỷ về vấn đề xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho thâm canh, tăng vụ, thực hiện cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp không được tiến hành một cách đồng bộ trong các ngành từ tỉnh xuống đến cơ sở. Từ nhận thức đến chỉ đạo thực hiện cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật có sự chênh lệch lớn giữa các vùng trong tỉnh. Nhiều biện pháp kỹ thuật liên hoàn, từ khâu dắp bờ giữ nước, làm đất, cải tạo đồng ruộng, ngâm, ủ, gieo mạ, chỉ đạo thời vụ, chăm sóc, bảo vệ lúa và hoa mầu đều chưa được thực hiện đầy đủ và đúng cách. Đặc biệt, khâu chọn giống chưa được coi trọng đúng mức. Đến năm 1979, toàn tỉnh mới có một cơ sở chọn lọc, nhân giống lúa. Hệ thống chọn lọc giống ở cơ sở đều yếu và thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu tăng năng suất cây trồng. Các loại giống cây trồng bị thoái hoá nhiều, khả năng chịu hạn kém và thường bị sâu bệnh phá hoại nên năng suất thấp. Trong khi đó, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp chưa được sử dụng tốt và bản thân

số cán bộ này cũng chưa phát huy tốt tính chủ động phục vụ cơ sở.

Phong trào làm phân bón ruộng tuy được phát động, nhưng nhìn chung kết quả chưa cao. Bình quân một ha lúa một vụ mới được bón 6 tấn phân. Phong trào nuôi, thả bèo hoa dâu làm phân và cải tạo đất mỗi năm mới được khoảng 500 đến 700 ha trong số gần 2.000 ha lúa đông - xuân. Các đội chế biến phân trong các hợp tác xã hoạt động chưa thường xuyên. Tình trạng quảng canh còn khá lớn. Năng suất cây lương thực có xu hướng giảm dần. Năng suất lúa cả năm 1976 là 20,11 tạ/ha, đến năm 1979 còn 19,66 tạ/ha.

Cơ cấu giữa trồng trọt và chăn nuôi trên địa bàn tỉnh vẫn còn mất cân đối. Thế mạnh về chăn nuôi đại gia súc chưa được phát huy. Việc dự trữ thức ăn, chống rét và phòng chống dịch bệnh cho trâu, bò chưa được quan tâm đầy đủ. Hiện tượng trâu, bò chết vì đói, rét và dịch bệnh diễn ra khá phổ biến. Tình trạng giết mổ trâu, bò bừa bãi vẫn chưa chấm dứt. Phần đất dành cho chăn nuôi (chủ yếu là nuôi lợn) chưa được giải quyết và sử dụng có hiệu quả, công tác quản lý và chăm sóc kém, nên đàn lợn tập thể ngày càng sa sút. Năm 1976, đàn lợn tập thể chiếm 3,4% tổng đàn lợn trong tỉnh; đến năm 1979, giảm xuống chỉ còn 2,7% (5.000 con). Một số nông trường kết hợp giữa trồng trọt và chăn

nuôi nhưng kết quả cũng không cao. Tổng đàn trâu của các nông trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh tăng từ 109 con (năm 1970), lên hơn 600 con (năm 1979); nhưng đàn lợn lại giảm từ 3.400 con (năm 1976), xuống 1.800 con (năm 1979). Dịch bệnh phát triển, nhiều cơ sở chăn nuôi lợn tập thể trong các hợp tác xã nông nghiệp ở Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên bị thua lỗ nên phải giải thể. Do tình trạng khan hiếm thức ăn, việc phát triển đàn lợn nái sinh sản để cung cấp giống tốt và ổn định cho các hợp tác xã và nhân dân đã được chú ý đầu tư, nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu, tình trạng thiếu giống lợn con vẫn diễn ra ở nhiều nơi. Do đó, đàn lợn toàn tỉnh năm 1979 chỉ còn 150.000 con, giảm 9% so với năm 1976.

Một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng sa sút của nền kinh tế trong những năm này là do trong quá trình lãnh đạo củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất, Đảng bộ chưa quan tâm kết hợp chặt chẽ giữa cải tạo và xây dựng. Việc tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý ở cơ sở chưa chú ý đầy đủ đến các điều kiện kinh tế, kỹ thuật. Tổ chức và quản lý của các ngành kinh tế ở cơ sở chậm được cải tiến theo hướng tăng cường thực hiện chế độ hạch toán kinh tế. Công tác quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật chưa tốt. Vai trò làm chủ tập thể của quần chúng chưa được phát huy. Tư

liệu sản xuất và sức lao động chưa được tận dụng tốt để phát triển sản xuất nông, công nghiệp.

Quá trình củng cố hợp tác xã, tổ chức lại sản xuất thường chú trọng mở rộng quy mô hợp tác xã theo địa giới hành chính, nhưng nội dung chủ yếu của tổ chức lại sản xuất là xác định phương hướng, phân công lao động chưa được xây dựng và thực hiện tốt, nên sự chuyển biến của phong trào và hiệu quả sản xuất không cao. Mặc dù tỉnh, huyện đã tập trung nhiều tiền của và trí tuệ của đội ngũ cán bộ các ngành, các cấp để chỉ đạo thí điểm 20 xã tổ chức lại sản xuất, nhưng kết quả đạt được vẫn hết sức hạn chế. Các bước đi cụ thể của một quy trình sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa vẫn chưa rõ ràng.

Thực hiện chủ trương xây dựng mỗi huyện thành một đơn vị quản lý hành chính - kinh tế, nhưng bộ máy quản lý chưa được tăng cường; việc phân cấp quản lý cho huyện chưa được chỉ đạo chặt chẽ, thực hiện thiếu đồng bộ. Hơn nữa, việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật còn dàn trải, không dứt điểm, nhất là việc xây dựng cơ sở trạm, trại nhân, lai giống cây, con..., nên chưa có huyện nào hoàn toàn chủ động trong việc thực hiện kế hoạch, không đủ năng lực giải quyết những vấn đề lớn do yêu cầu sản xuất đặt ra.

Trong lãnh đạo và chỉ đạo phát triển kinh tế, một vấn đề quan trọng là chỉ đạo theo vùng, điều hành theo kế hoạch. Nhưng do chưa điều tra khảo sát kỹ tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, nên việc xác định phương hướng sản xuất với đầu tư chưa thật tập trung và đồng bộ, nhất là đối với các huyện, các vùng trọng điểm lúa, thực phẩm, vùng nguyên liệu. Cũng do đó, hiệu quả đầu tư chậm được phát huy, năng lực sản xuất của các nông, lâm trường chậm được nâng lên. Công tác kế hoạch chậm được đổi mới và nâng cao. Tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào cấp trên còn nặng nề và phổ biến. Mục tiêu đề ra thường căn cứ vào nhận thức chủ quan mà thiếu cơ sở thực tiễn và những biện pháp có hiệu quả. Việc thực hiện kế hoạch hoá trong sản xuất chưa gắn liền với thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý kinh tế khác, định mức kinh tế - kỹ thuật chưa được tổ chức xây dựng và thực hiện tốt ở cơ sở. Các phương án kinh tế - kỹ thuật về sản phẩm, cây, con của các vùng (lúa nước), các ngành chưa được xây dựng kịp thời và đưa vào kế hoạch phát triển hằng năm. Bởi vậy, hầu hết các chỉ tiêu phát triển nông nghiệp trong giai đoạn này đều không đạt được.

Thực hiện Nghị quyết 08 (12/4/1978) của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về công tác quản lý tư liệu sản

xuất, chủ yếu là đất đai, nhằm hạn chế hoạt động kinh tế cá thể của nông dân, tập trung lực lượng lao động cho sản xuất của các hợp tác xã, nhiều diện tích ruộng đất, ao, hồ, soi bãi do tư nhân quản lý, canh tác được thu hồi đưa vào tập thể. Song, phần lớn số đất thu hồi này không được đưa ngay vào sản xuất, hoặc đưa vào sản xuất nhưng hiệu quả không cao. Trong khi đó, các hộ gia đình không còn đất để phát triển kinh tế phụ, phần thu nhập từ hợp tác xã chưa được cải thiện, đời sống nông dân càng thêm khó khăn.

Công tác tổ chức và quản lý kinh tế tuy đã có một số tiến bộ, nhưng chưa có sự chuyển biến tích cực. Sự trì trệ trong quản lý chậm được khắc phục, nên còn nhiều sai sót: Hệ thống cơ sở sản xuất chưa được quy hoạch và phân công một cách chặt chẽ giữa các ngành, nhất là giữa quốc doanh và tiểu thủ công nghiệp. Khả năng sản xuất nông cụ thông thường, vật liệu xây dựng, chế biến lâm sản... tiểu thủ công nghiệp chưa được khai thác triệt để. Chế độ hạch toán kinh tế, khoán công việc, chế độ thưởng, phạt, các định mức kinh tế - kỹ thuật chưa được thực hiện chặt chẽ, nên vật tư, lao động, tiền vốn còn lãng phí khá lớn. Các trạm, trại của ngành nông nghiệp chậm chuyển sang hạch toán kinh doanh. Một số đơn vị sản xuất công nghiệp lỗ vốn kéo dài nhiều năm, nhưng chưa có biện pháp

giải quyết tích cực. Hiện tượng "dong công phóng điểm" trong các hợp tác xã còn khá phổ biến, công tác quản lý, phân phối sản phẩm chưa thật sự dân chủ, công khai, tạo nên những sơ hở, là một trong những nguyên nhân dẫn đến những hiện tượng tiêu cực trong các hợp tác xã, gây bất bình cho xã viên và làm cho phong trào hợp tác xã thường xuyên không ổn định.

Mô hình quản lý phát triển kinh tế trong các hợp tác xã đến giai đoạn này thực sự không còn phù hợp. Nhưng do chưa nhận thức đầy đủ, nên không những không có sự điều chỉnh cho phù hợp, mà ngược lại, chúng ta vẫn dồn sức củng cố, xây dựng hợp tác xã, thậm chí còn đẩy mạnh việc xây dựng hợp tác xã quy mô lớn (toàn xã), trong khi công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất, phân phối sản phẩm ở những hợp tác xã nhỏ còn nhiều khó khăn, vướng mắc chưa được tháo gỡ. Vì vậy, đến cuối năm 1979, có tới 2/3 trong số 86 hợp tác xã quy mô toàn xã của tỉnh làm ăn không hiệu quả. Trong số 45 hợp tác xã phải tổ chức lại sản xuất, sau 2 năm chỉ có 19 hợp tác xã chuyển biến, 26 hợp tác xã còn lại vẫn ở trong tình trạng yếu kém[1].

---

[1] Báo cáo tình hình cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý nông, lâm nghiệp từ cơ sở của Tỉnh uỷ, ngày 22/10/1979.

Phong trào hợp tác xã sút kém, sản xuất lương thực tăng chậm, nên phần đóng góp nghĩa vụ lương thực với Nhà nước cũng đạt thấp. Năm 1980, lượng lương thực huy động nhập kho được 13.442 tấn, trong khi tổng lương thực Nhà nước bán ra cho các đối tượng ăn gạo sổ lên tới 58.000 tấn (gấp hơn 5 lần số huy động của tỉnh).

Công tác đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong quản lý kinh tế và xã hội chưa mạnh mẽ và kiên quyết. Nhiều hiện tượng tiêu cực chưa được ngăn chặn, thậm chí có mặt còn nghiêm trọng hơn. Đây cũng là một trong những nguyên nhân gây khó khăn cho nền kinh tế Thái Nguyên trong giai đoạn này[1].

Trong lúc nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đang sát cánh cùng nhân dân cả nước tiếp tục tập trung hàn gắn vết thương chiến tranh, đẩy mạnh công cuộc xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, thì các thế lực thù địch quốc tế thường xuyên có nhiều hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc chủ trương đường lối, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của đất nước ta.

---

(1) Điển hình là vụ tiêu cực về tem phiếu ở huyện Phổ Yên có tới 20 tòng phạm

Đầu năm 1978, tập đoàn thống trị ở Campuchia do Pôn Pốt, Iêng Xary, Khiêu Xamphon cầm đầu, đã đẩy mạnh các hoạt động xâm lấn biên giới Tây Nam Tổ quốc ta. Từ giữa năm 1978, tình hình biên giới phía Bắc cũng diễn biến hết sức phức tạp.

Trên địa bàn Thái Nguyên, cộng đồng người Hoa từng sinh sống, gắn bó từ lâu đời, đã bị kẻ xấu lừa gạt, ép buộc 282 hộ (1.534 nhân khẩu), trong đó có nhiều cán bộ, đảng viên, thợ kỹ thuật, bỏ lại nhà cửa, ruộng vườn, kéo nhau về Trung Quốc.

Trước tình hình trên, Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp, các đoàn thể tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, khẳng định đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, làm cho nhân dân ta, nhất là bà con người Hoa cảnh giác, nhận rõ đúng, sai, không nghe lời kẻ xấu, yên tâm ở lại làm ăn sinh sống, góp phần cùng nhân dân Việt Nam tiếp tục vun đắp tình hữu nghị lâu đời giữa hai dân tộc Việt - Hoa ngày thêm bền vững.

Tuy nhiên, trước những diễn biến ngày càng xấu của tình hình, Tỉnh uỷ tăng cường lãnh đạo công tác quân sự địa phương. Ngày 5/8/1978, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp và ra Nghị quyết thành lập Bộ chỉ huy

quân sự thống nhất tỉnh. Các Ban chỉ huy quân sự thống nhất từ huyện xuống xã cũng lần lượt ra đời.

Thực hiện chủ trương của Bộ Quốc phòng và Bộ Tư lệnh Quân khu I về xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng vũ trang địa phương, sẵn sàng chiến đấu đánh bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, ngày 15/7/1978, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh thành lập Trung đoàn 179 gồm 2 tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn huấn luyện và 8 đại đội trực thuộc. Ngày 14/9/1978, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh thành lập tiếp 2 tiểu đoàn bộ binh và 8 đại đội binh chủng với 3.680 cán bộ, chiến sỹ. Đến tháng 11/1978, toàn tỉnh đã huy động gần 15% dân số tham gia lực lượng dân quân, tự vệ, được biên chế thành 1 sư đoàn, 4 trung đoàn tự vệ, 21 tiểu đoàn, 255 đại đội dân quân, tự vệ chiến đấu tại chỗ; 182 đại đội dân quân, tự vệ chiến đấu cơ động.

Cùng với việc tăng cường về quân số, để đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ mới, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo các cơ quan đơn vị đẩy mạnh công tác huấn luyện chính trị, quân sự làm cho cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang nhân dân trong tỉnh

nhận rõ âm mưu, thủ đoạn thâm độc của kẻ thù, tích cực xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang vững mạnh về tư tưởng, tinh thông về kỹ, chiến thuật, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng.

Góp sức cùng lực lượng vũ trang sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, chỉ sau hơn 20 ngày (từ ngày 17 đến ngày 30/9/1978), nhân dân các dân tộc trong tỉnh hoàn thành việc sản xuất một triệu chông tre, 4.350 bàn chông và quả chông dứa bằng sắt, chi viện cho hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn, xây dựng phòng tuyến bảo vệ biên giới.

Ngày 17/2/1979, địch huy động lực lượng lớn gồm 32 sư đoàn bộ binh, mở cuộc tiến công nước ta trên toàn tuyến biên giới từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu). Quân và dân ta, trực tiếp là quân và dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc, đã đứng lên chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Liên tiếp trong 10 ngày cuối tháng 2 và nửa đầu tháng 3/1979, lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã chi viện cho hai tỉnh Cao Bằng và Lạng sơn 8 tiểu đoàn chiến đấu (4 tiểu đoàn bộ đội địa phương và 4 tiểu đoàn dân quân, tự vệ), trong đó có 5 tiểu đoàn đã trực tiếp chiến đấu.

Vấp phải cuộc chiến đấu ngoan cường vì độc lập tự do của nhân dân ta, cùng với sự phản đối mạnh

mẽ của dư luận trong nước và thế giới, từ ngày 5/3/1979, địch buộc phải rút quân về nước. Ghi nhận thành tích chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc, lực lượng vũ trang nhân dân Thái Nguyên đã có 5 đơn vị, 44 cán bộ và chiến sỹ được tặng thưởng Huân chương, hàng trăm đơn vị và cá nhân khác được tặng thưởng Bằng khen, Giấy khen của các cấp.

Sát cánh cùng lực lượng vũ trang chiến đấu, từ 10/3 đến 24/4/1979, Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh đã chỉ đạo các ban, ngành chức năng thành lập 11 trung đoàn dân quân, tự vệ với 21.364 cán bộ, chiến sỹ tham gia xây dựng các công trình phòng thủ biên giới phía Bắc. Sau hơn một tháng lao động, lực lượng dân quân, tự vệ nói trên đã xây dựng được một hệ thống công sự phòng ngự vững chắc với gần nửa triệu mét chiến hào, 10.000 hố bắn, 1.000 hầm chiến đấu, 15 trận địa phòng ngự cấp trung đoàn, 2 trận địa phòng ngự cấp tiểu đoàn trên dọc tuyến Quốc lộ 1B và Quốc lộ số 3[1].

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh còn chỉ đạo huy động 38.700 lượt cán bộ,

---

[1] Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Thái Nguyên (1975 - 2000), Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên xuất bản, 2004.

chiến sỹ dân quân, tự vệ và nhân dân đào, đắp hơn 200.000 m^3 đất, đá, xây dựng hoàn chỉnh các công trình phòng thủ trọng điểm trên địa bàn các huyện Định Hoá, Phú Lương, Đồng Hỷ, Võ Nhai và thành phố Thái Nguyên.

Để kịp thời động viên cả về tinh thần và vật chất đối với cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang trong tỉnh đang chiến đấu tại Mặt trận Biên giới, ngay từ đầu tháng 3/1979, một phong trào quyên góp lương thực, thực phẩm ủng hộ bộ đội được phát động trong toàn tỉnh. Được các tầng lớp nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, chỉ trong một thời gian ngắn, hàng trăm ngàn đồng, hàng trăm tấn gạo... đã được gửi lên biên giới. Cùng thời gian đó, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, cùng các ban, ngành, đoàn thể tổ chức nhiều đoàn đại biểu mang thư, quà lên Cao Bằng, Lạng Sơn thăm hỏi, động viên, khích lệ cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang Thái Nguyên đang chiến đấu ở phía trước hăng hái, quyết tâm bảo vệ biên cương Tổ quốc. Tỉnh uỷ cũng kịp thời lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, các địa phương đón tiếp, giúp đỡ, ủng hộ lương thực, thực phẩm bảo đảm đời sống cho hơn 25.000 đồng bào từ hai tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng sơ tán về Thái Nguyên.

Với tất cả tình cảm, nghĩa vụ và trách nhiệm của tỉnh hậu phương trực tiếp, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chủ trương mở *Cuộc vận động ủng hộ Cao Bằng* khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục, phát triển kinh tế, ổn định đời sống. Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ và quyết định của Uỷ ban nhân dân tỉnh, sau hơn một tháng phát động, cán bộ, đảng viên và nhân dân Thái Nguyên đã khai thác, sản xuất, vận chuyển và xây dựng hoàn chỉnh 1.000 m^2 nhà cho các cơ quan tỉnh Cao Bằng sử dụng; ủng hộ gần 10.000 bộ quần áo, cùng nhiều bát, đĩa, xoong, nồi, chăn, chiếu, 200 tấn thóc, đỗ tương, khoai lang giống, 434 con trâu, bò, 47 con lợn, hàng ngàn cuốc, xẻng, hàng chục tấn phân hoá học cùng nhiều vật tư khác giúp đồng bào Cao Bằng ổn định cuộc sống, khôi phục sản xuất.

Tuy còn một số thiếu sót, khuyết điểm trong công tác giáo dục cho cán bộ, nhân dân, lực lượng vũ trang nhận thức về âm mưu, thủ đoạn thâm độc của địch, nhưng về căn bản nhân dân và lực lượng vũ trang Thái Nguyên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của một tỉnh hậu phương trực tiếp đối với các tỉnh biên giới trong cuộc chiến đấu bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Kết quả phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng trong những năm 1976 - 1979 trước hết là do

Đảng bộ đã quan tâm làm tốt công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Thông qua công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh, các tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ từng bước lớn mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng từ tỉnh, huyện đến cơ sở được kiện toàn.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng triển khai tương đối toàn diện, bao gồm cả giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ trương chính sách, tình hình nhiệm vụ mới, giáo dục đạo đức cách mạng. Bằng nhiều hình thức, biện pháp giáo dục tích cực cả ở trường, lớp, hoặc thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, cán bộ, đảng viên và quần chúng được nâng cao thêm nhận thức về mọi mặt, luôn vững vàng trong mọi hoàn cảnh. Tinh thần tự lực, tự cường, ý thức làm chủ tập thể được nâng cao ở mọi cấp, mọi ngành, tăng cường sức mạnh đoàn kết, khắc phục khó khăn đẩy mạnh sản xuất, xây dựng cuộc sống.

Những biểu hiện lệch lạc về tư tưởng, trong sinh hoạt và trong việc chấp hành chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước, như dao động trước khó khăn, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, lấn chiếm đất đai,

không làm nghĩa vụ lương thực, thực phẩm... đã được kịp thời uốn nắn, ngăn chặn.

Cùng với nhiệm vụ giáo dục chính trị tư tưởng, công tác củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng cũng được Đảng bộ thường xuyên quan tâm. Thông qua việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 72 của Ban Bí thư về ***Tăng cường công tác phát triển Đảng, củng cố kiện toàn tổ chức Đảng***, toàn Đảng bộ đã tiến hành những đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong Đảng, tổ chức đánh giá lại đội ngũ đảng viên bằng việc nêu cao ý thức đấu tranh tự phê bình và phê bình. Nhờ đó, chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng từng bước được nâng cao.

Qua mỗi kỳ đại hội, các cơ sở đảng đã chú ý đưa vào cấp uỷ những cán bộ trẻ, có trình độ văn hoá, khoa học. Đội ngũ cán bộ chủ chốt của các cấp chính quyền, đoàn thể từng bước được kiện toàn, tạo thêm sức chiến đấu cho các đảng bộ. Trong số gần 70 đảng bộ xã yếu, kém, đã có hơn 30 đảng bộ bước đầu chuyển biến tích cực, lãnh đạo khôi phục phong trào hợp tác xã, phát triển sản xuất, làm nghĩa vụ tốt hơn, tiêu biểu là Đảng bộ Minh Lập (Đồng Hỷ), Phú Thượng (Võ Nhai).

Sau các đợt củng cố, xây dựng Đảng theo tinh thần Chỉ thị 72, đặc biệt là thông qua việc tổ chức thực hiện

Thông tri 22 của Trung ương về việc ***Đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng***, Đảng bộ đã sàng lọc, xử lý kỷ luật hơn 1.700 đảng viên, trong đó khai trừ và đưa ra khỏi Đảng 881 người không còn đủ tư cách, làm cho Đảng thêm trong sạch, vững mạnh.

Trong hai năm 1977 - 1978, công tác phát triển Đảng nhìn chung còn yếu, toàn Đảng bộ chỉ kết nạp được 607 đảng viên. Năm 1979, công tác phát triển Đảng có nhiều chuyển biến, kết nạp được 878 đồng chí; trong đó có 40% là công nhân, 68,7% là đoàn viên thanh niên và 20% thuộc thành phần dân tộc ít người; 70% trong số 1.485 đảng viên mới có trình độ văn hoá từ cấp III trở lên.

Thực hiện các Nghị quyết 255, 23 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các Chỉ thị 17, 45 của Bộ Chính trị (khoá IV) và các nghị quyết của Tỉnh uỷ về xây dựng Đảng, công tác cán bộ đã có chuyển biến mới trong quy hoạch đào tạo và sử dụng. Trong 4 năm (1976 - 1979), Đảng bộ đã lãnh đạo điều động, bổ sung và tăng cường cho cấp huyện và xã 815 cán bộ. Năm 1978 - 1979, Tỉnh uỷ đã điều 4 đồng chí cấp uỷ tỉnh (trong đó có 2 đồng chí là uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ) về làm Bí thư, Phó Bí thư các huyện Võ Nhai, Định Hoá, Phổ Yên và thành phố Thái

Nguyên. Trong 3 năm 1977 - 1979, toàn tỉnh đã đề bạt 1.602 cán bộ giữ các chức vụ từ Giám đốc, Phó Giám đốc xí nghiệp, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Trưởng, Phó phòng các ty, trong đó 63 đồng chí được đề bạt là Trưởng, Phó ty, ban ngành.

Cũng trong thời gian này, toàn tỉnh đã cử hơn 6.000 lượt cán bộ đi học các lớp văn hoá, chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ. Riêng lớp Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch (khoá I) của tỉnh đã có trên 300 cán bộ theo học, trong đó có 130 cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, huyện, thành.

Cùng với công tác xây dựng Đảng, các cấp chính quyền huyện, xã từng bước được tăng cường, kiện toàn về đội ngũ. Các đồng chí Chủ tịch, Phó Chủ tịch không chỉ được bồi dưỡng kiến thức quản lý, mà còn được học tập, nâng cao kiến thức, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp.

Các đoàn thể quần chúng các cấp hoạt động ngày càng tích cực, hướng mạnh về cơ sở. Ngoài những hoạt động thường xuyên trong các nhà máy, xí nghiệp, cơ quan, tổ chức công đoàn đã có nhiều biện pháp, hình thức thiết thực, cung ứng kịp thời vật tư hàng hoá phục vụ nông nghiệp và nông thôn phát triển sản xuất, xây dựng cuộc sống, góp phần củng cố và tăng cường khối

đoàn kết công nông. Đoàn Thanh niên tỉnh đã chỉ đạo các cấp bộ đoàn tập trung vào việc bồi dưỡng, phát huy vai trò xung kích, năng lực sáng tạo của thanh niên trong lao động sản xuất, hoạt động khoa học - kỹ thuật, giảng dạy và học tập. Các cấp bộ đoàn trong toàn tỉnh đã phối hợp với các cấp chính quyền, các ngành tổ chức nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực. Trong 3 năm (1977 - 1979), 11.000 đoàn viên thanh niên trong các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đã tham gia hội thi cấy, thi hái chè; 400 chi đoàn tham gia làm 1.200 ha bèo hoa dâu, làm phân bón cải tạo đồng ruộng, 18.000 đoàn viên thanh niên trong các đơn vị sản xuất công nghiệp hưởng ứng phong trào *Ôn lý thuyết, luyện tay nghề, rèn tác phong, thi thợ giỏi.* Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động đạt kết quả khá. Hoạt động của Đoàn Thanh niên còn tập trung vào thực hiện nhiệm vụ công tác trung tâm của các địa phương trong từng thời kỳ; thường xuyên phối hợp với các ngành chăm sóc, giáo dục, xây dựng củng cố tổ chức đội thiếu nhi, đưa các em tham gia vào các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh, phục vụ thiết thực cho nhiệm vụ học tập.

Cùng với các hoạt động của Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các cấp Hội Phụ nữ trong toàn tỉnh đã tổ

chức phát động phong trào thi đua ***Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc***, phong trào ***Học tập và làm theo gương liệt sỹ Hoàng Thị Hồng Chiên*** được đông đảo các thế hệ phụ nữ hưởng ứng và đã thu được một số thành tích trên mặt trận phát triển kinh tế - văn hoá. Ở khu vực Nhà nước và tập thể, ngoài nhiệm vụ sản xuất, công tác, học tập của đơn vị, hoạt động của phụ nữ đã đóng góp tích cực vào việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh, như công tác động viên tuyển quân, công tác hậu phương quân đội. Trong những tháng đầu năm 1979, Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã động viên chị em đóng góp 77.900 đồng, 64 tấn gạo, 23 tấn rau xanh, 175 kg chè búp, 5 con trâu, 11 con lợn cùng nhiều quà bánh, tặng phẩm khác ủng hộ bộ đội chiến đấu bảo vệ biên giới. Phong trào giúp đỡ bố, mẹ, đỡ đầu con liệt sỹ được các cấp Hội quan tâm triển khai đều khắp.

Mặt trận Tổ quốc từ tỉnh đến cơ sở đã thực sự là cơ quan vận động, xây dựng khối đoàn kết toàn dân. Cùng với phong trào ***Phụ lão ba giỏi***, bài trừ mê tín dị đoan, phối hợp với các ngành, Mặt trận tích cực vận động các tầng lớp nhân dân ủng hộ đồng bào Cao Bằng sơ tán về địa phương, ủng hộ giúp đỡ bộ đội, tham gia thực hiện chính sách hậu phương quân đội... Mặt trận Tổ quốc các cấp đã góp phần thiết

thực vào nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, giữ gìn trật tự trị an trên địa hàn.

Bên cạnh những ưu điểm, thành tích đã đạt được, công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và hoạt động của các đoàn thể còn nhiều yếu kém. Công tác tư tưởng và giáo dục chính trị mới làm được bề rộng, còn thiếu chiều sâu. Do đó, chưa nắm bắt kịp thời những diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng, nên chưa có những biện pháp xử lý kịp thời. Nhiều hiện tượng cán bộ, đảng viên làm sai trái đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng ở cơ sở chưa được các chi bộ, đảng bộ chỉ đạo giải quyết xử lý nghiêm minh[1]. Công tác xây dựng Đảng còn nhiều hạn chế. Một số cơ sở đảng hoạt động đạt hiệu quả tốt (Đảng bộ Xây lắp cơ khí; Đảng bộ Hùng Sơn, Đảng bộ Hà Thượng huyện Đại Từ) chưa được tổng kết rút kinh nghiệm để nhân rộng. Ngược lại, một số chi, đảng bộ yếu kém kéo dài chưa được kịp thời chấn chỉnh, củng cố. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đạt được yêu cầu về số lượng, nhưng yếu về chất lượng. Việc bố trí sử dụng cán bộ còn nhiều lúng túng, bị động do

---

[1] Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng (1977 - 1979) của BCH Đảng bộ tỉnh.

thiếu quy hoạch và kế hoạch đồng bộ. Các đoàn thể quần chúng chủ yếu hoạt động mang tính phong trào, chưa đi sâu vào các lĩnh vực quản lý, kỹ thuật để tổ chức hướng dẫn hội viên trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Hoạt động kiểm tra của các tổ chức quần chúng chưa được đẩy mạnh để góp phần cùng các cơ quan Nhà nước ngăn ngừa những hiện tượng tiêu cực, nhất là trong lĩnh vực kinh tế.

Để phát huy những thành tích đã đạt được và khắc phục những hạn chế, yếu kém trong thời gian từ năm 1976 đến nửa đầu năm 1980, từ ngày 30/6 đến ngày 5/7/1980, Đại hội đại biểu lần thứ III Đảng bộ tỉnh được tổ chức.

Sau sáu ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, trên cơ sở đánh giá đúng ưu, khuyết điểm của nhiệm kỳ thứ II, xuất phát từ đặc điểm tình hình của địa phương và yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới, Đại hội đã quyết định nhiệm vụ, phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ba năm 1980 -1982:

"*Phát huy truyền thống đoàn kết, cách mạng của nhân dân các dân tộc, khai thác mọi thuận lợi, khắc phục mọi khó khăn, quyết tâm đẩy mạnh sản xuất, trước nhất là sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, nguyên liệu cho công*

nghiệp; tăng cường công tác lưu thông phân phối, ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân; tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật; củng cố quan hệ sản xuất trên cơ sở tổ chức lại sản xuất; xây dựng cấp huyện và cải tiến công tác quản lý kinh tế. Đẩy mạnh công tác quân sự địa phương, công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đề cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Chú trọng giáo dục pháp chế xã hội chủ nghĩa, kiên quyết đấu tranh khắc phục các mặt tiêu cực trong quản lý kinh tế và xã hội. Tích cực xây dựng nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật theo quy hoạch. Ra sức xây dựng Đảng vững mạnh về cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền và chất lượng hoạt động của các đoàn thể quần chúng. Phấn đấu xây dựng tỉnh ta trở thành tỉnh nông - lâm - công nghiệp phát triển toàn diện".

Quán triệt nghị quyết của Trung ương và xuất phát từ tình hình thực tế ở địa phương, Đại hội chỉ rõ: "*Phải thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng (cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng văn hoá); trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng*

chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa, lấy xây dựng là trọng tâm, công nghiệp gắn bó chặt chẽ với nông nghiệp, kinh tế Trung ương gắn chặt với kinh tế địa phương, kinh tế gắn với quốc phòng...".

Do lực lượng sản xuất chưa phát triển, khó khăn khách quan còn nhiều, sản xuất vẫn đang ở trong tình trạng nhỏ lẻ, sản phẩm xã hội quá ít, trong khi đó, yêu cầu ổn định đời sống nhân dân, yêu cầu xây dựng công nghiệp, củng cố quốc phòng lại rất lớn, Đại hội đề ra nhiệm vụ cụ thể và các giải pháp chủ yếu cho phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp là: Đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp, phát triển toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nhằm tăng nhanh tốc độ phát triển lương thực, thực phẩm để ổn định đời sống nhân dân, làm cơ sở cho phát triển các loại cây công nghiệp, nghề rừng, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, tạo nguồn hàng xuất khẩu.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 41 uỷ viên chính thức và 4 uỷ viên dự khuyết. Ban Thường vụ gồm 11 đồng chí. Các đồng chí Vũ Ngọc Linh được bầu làm Bí thư, Nguyễn Thế Đạt làm Phó Bí thư Thường trực và Doanh Hằng làm Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Trong 3 năm của nhiệm kỳ thứ III (1980 - 1982), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh vận dụng

và triển khai những chỉ thị, nghị quyết về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội của Trung ương Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương. Trong đó, nổi bật là việc triển khai thực hiện chỉ thị, nghị quyết trong việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp.

III- Lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội (1981 - 1986)

Do yêu cầu đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm đời sống nhân dân và nâng cao hiệu quả kinh tế, trong những năm 1978 - 1980, cũng như một số nơi khác, một số hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh đã tự "bung ra", dùng các hình thức *khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đối với nhiều loại cây trồng, đối với chăn nuôi và đối với các ngành nghề.*

Kịp thời nắm bắt phương thức làm ăn mới, ngay sau khi có Nghị quyết 21 (ngày 20/9/1979) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Thông báo số 22 (ngày 21/10/1980) của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 5/1/1981, Tỉnh uỷ đã ban hành Nghị quyết 03 chỉ đạo các huyện, thành, thị triển khai thực hiện khoán sản phẩm trong các hợp tác xã nông nghiệp. Nghị quyết nêu rõ: Các huyện chọn một số hợp tác xã

chỉ đạo làm thử rút kinh nghiệm, từng bước mở rộng trên địa bàn[1].

Hình thức khoán mới này đã bước đầu phát huy tác dụng tích cực, nhưng vì chưa có sự chỉ đạo và hướng dẫn thống nhất, nên việc thực hiện giao khoán ở một số tỉnh đã có những sai sót, lệch lạc trong quá trình thực hiện.

Trước thực tế đó, tại Hội nghị lần thứ 9 (tháng 12/1980), Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định *mở rộng việc thực hiện và hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm trong nông nghiệp* để kịp thời phát huy những nhân tố tích cực, khắc phục các nhược điểm, uốn nắn những sai sót, phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế, nâng cao đời sống xã viên. Ngày 13/1/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị 100 CT/TW về ***Cải tiến công tác khoán, mở rộng "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động" trong hợp tác xã nông nghiệp***. Sau khi có Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, Tỉnh uỷ tiếp tục lãnh đạo các huyện tăng cường chỉ đạo

[1]Báo cáo số 10 ngày 27/4/1982 của UBND tỉnh về Tình hình thực hiện cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong HTX nông nghiệp.

uốn nắn những lệch lạc, bảo đảm công tác khoán sản phẩm phát triển đúng hướng.

Khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động là một hình thức quản lý mới, quản lý và trả công lao động có gắn trách nhiệm và quyền lợi của người lao động với sản phẩm cuối cùng một cách trực tiếp. Với phương thực khoán này, người nông dân bước đầu được tự chủ trên đồng ruộng.

Do tính chất ưu việt của phương thức quản lý mới, Chỉ thị 100 của Ban Bí thư được đông đảo nhân dân, nhất là xã viên trong các hợp tác xã nông nghiệp đón nhận một cách hồ hởi. Số người tham gia lao động trên đồng ruộng tăng lên trên 20%. Nhiều lao động trước kia chuyên "chạy chợ", nay trở lại nhận ruộng khoán rất tích cực. Thời gian lao động của xã viên trong các hợp tác xã tăng lên gấp đôi, chất lượng lao động cũng tốt hơn, năng suất lao động tăng lên rõ rệt, gieo cấy và thu hoạch lúa, hoa mầu bảo đảm thời vụ. Số hợp tác xã thực hiện khoán cũng tăng nhanh. Ngay trong vụ đông xuân 1980 - 1981, toàn tỉnh đã có 170 hợp tác xã (29,5%) thực hiện khoán mới. Một năm sau, con số này đã tăng lên trên 400 hợp tác xã.

Một số địa phương có số hợp tác xã thực hiện khoán theo Chỉ thị 100 đạt tỷ lệ cao, điển hình là thành phố Thái Nguyên (100%), huyện Phổ Yên (98%), huyện Phú Bình (97%), huyện Phú Lương (63%)[1].

Tại huyện Võ Nhai, trước khi có Chỉ thị 100, tỷ lệ hộ nông dân vào hợp tác xã thấp nhất toàn tỉnh. Nhiều năm liền, Tỉnh uỷ đã cử các đoàn cán bộ, trong đó có cả các uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ trực tiếp chỉ đạo, hoặc trực tiếp làm Bí thư Huyện uỷ, cùng Đảng bộ Võ Nhai củng cố phong trào, nhưng tình hình vẫn chưa được cải thiện bao nhiêu. Từ khi thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, phong trào có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ lệ nông dân vào hợp tác xã tăng, một số hợp tác xã sản xuất phát triển khá.

Khoán sản phẩm theo Chỉ thị 100 có tác dụng thúc đẩy thực hiện thâm canh, đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Nhờ đó, năng suất, sản lượng lúa tăng khá nhanh. Năm 1981, Hợp tác xã Trung Thành (Phổ Yên) tăng 146 tấn, Hợp tác xã Bến Đò (Đồng Hỷ) tăng 76 tấn; Hợp tác xã Yên Lãng (Đại Từ) năng suất bình quân 3 năm 1978 –

[1] Theo số liệu thống kê 1976 - 1982, năm 1982, Thái Nguyên có 480 HTX nông nghiệp.

1980 đạt 20,8 tạ/ha/vụ, đã tăng lên 23,7 tạ/ha/vụ, nhiều hộ xã viên đạt 40 tạ/ha/vụ. Khoán sản phẩm còn tiết kiệm được chi phí về giống. Hợp tác xã Lương Phú (Phú Bình) tiết kiệm được 6 tấn thóc giống, bằng 16%. Hợp tác xã Hùng Sơn (Đại Từ) tiết kiệm được 19 tấn thóc giống, bằng 50% số thóc giống của hợp tác xã những năm trước... Khoán sản phẩm đã thực sự thúc đẩy sản xuất phát triển, sản phẩm nông nghiệp tăng nhanh, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Trong không khí phấn khởi trước những thắng lợi của sản xuất nông nghiệp, từ 21/11/1981 đến 4/1/1982, hơn 700 tổ chức cơ sở đảng, 16 đảng bộ huyện, thành, ngành trực thuộc tỉnh đã tổ chức đại hội, tham gia ý kiến vào các văn kiện của Trung ương sẽ trình bày tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V.

Tiếp theo đại hội cấp cơ sở, từ ngày 6 đến ngày 12/1/1982, Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ IV (vòng 1) được tổ chức, với sự tham gia của 381 đại biểu chính thức, 15 đại biểu dự khuyết. Thông qua việc thảo luận, đóng góp ý kiến vào các văn kiện của Trung ương, các đại biểu vừa nâng cao nhận thức về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, vừa tạo được sự nhất trí cao giữa

Trung ương với địa phương trong quá trình triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội sau này. Đại hội đã bầu 22 đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V.

Đại hội các cấp toàn tỉnh (vòng 1) là đợt sinh hoạt chính trị quan trọng, có tính chất dân chủ rộng lớn trong nội bộ Đảng, tạo một sự chuyển biến mới trong cán bộ, đảng viên và quần chúng đối với công tác xây dựng Đảng.

Trên cơ sở tiếp thu những ý kiến tham gia đóng góp của các địa phương, từ ngày 27 đến ngày 31/3/1982, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V được tổ chức tại Hà Nội. Trên cơ sở phân tích hiện trạng của đất nước, những biến động của tình hình quốc tế, Đại hội xác định: Trong giai đoạn mới của cách mạng, toàn quân, toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, phải đoàn kết một lòng thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đại hội đã quyết định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch Nhà nước 5 năm (1981 - 1985).

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, những vướng mắc, lệch lạc trong quá trình thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư về khoán sản

phẩm trong nông nghiệp ở Thái Nguyên được uốn nắn, điều chỉnh kịp thời. Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển. Năm 1982, tổng sản lượng lương thực đạt 142.938 tấn, tăng 28.156 tấn so với năm 1981[1], vượt chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III đề ra.

Thắng lợi trên là kết quả của một quá trình đúc kết kinh nghiệm chỉ đạo của những năm trước. Đặc biệt là vụ mùa năm 1982, hầu hết các huyện, thành đều đạt và vượt kế hoạch về năng suất và sản lượng lúa. Huyện Đại Từ thắng lợi cả hai vụ, đạt năng suất bình quân 52,9 tạ/ha trên ruộng hai vụ lúa. Toàn tỉnh có 97 hợp tác xã với trên 9.000 ha ruộng (chiếm 20% diện tích ruộng) đạt năng suất bình quân trên 30 tạ thóc/ha một vụ. Những điểm chỉ đạo cấy lúa tăng sản đều đạt năng suất cao. Điển hình là hợp tác xã Đồng Quan (xã Yên Lãng, Đại Từ) năng suất lúa bình quân trên 8 tấn/ha cả năm.

Những thành tích và những điển hình nói trên là những nhân tố tích cực, mở ra nhiều khả năng mới trong thâm canh tăng năng suất cây trồng, đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào đồng ruộng

---

[1] Tài liệu thống kê. Chi cục Thống kê Bắc Thái. 1993. Lưu trữ văn phòng Tỉnh uỷ.

cùng với việc hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm để đẩy mạnh sản xuất, từng bước giải quyết vấn đề lương thực ở Thái Nguyên.

Đi đôi với phong trào thâm canh trên những cánh đồng tăng sản, Tỉnh uỷ tích cực lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu cây trồng, thay giống mới có năng suất cao đối với các loại cây họ đậu (lạc, đỗ tương, đỗ xanh...), tăng diện tích các loại cây công nghiệp (chè, mía, thuốc lá...). Các huyện Định Hoá, Võ Nhai, Đồng Hỷ bước đầu tổ chức có kết quả việc trồng bông, nuôi tằm, ươm tơ dệt vải, tự túc một phần vải mặc ở địa phương. Các vùng tập trung chuyên canh sản xuất lương thực, chè, mía, lạc, đỗ tương, nghề rừng tiếp tục được hình thành.

Cùng với thắng lợi trong trồng trọt, sản xuất thực phẩm cũng đạt được những tiến bộ nhất định. Bình quân 3 năm (1980 - 1982), sản lượng rau xanh tăng 1,5%. Năm 1982 đàn lợn có 195.700 con, tăng 25.300 con so với năm 1980. Sản lượng thịt lợn xuất chuồng đạt gần 6.000 tấn, tăng 900 tấn. Đàn trâu, bò có 102.300 con, tăng 7.000 con; trong đó, đàn trâu, bò cày, kéo được chăm sóc và phát triển mạnh (tỷ lệ đàn trâu, bò ở khu vực tập thể là 53%, ở khu vực gia đình là 47%). Đàn lợn nái và lợn lai có xu hướng tăng nhanh. Phong trào nuôi lợn năng suất cao đang

phát triển trong khu vực phi nông nghiệp, nhất là trong các gia đình công nhân, viên chức. Các trại lợn giống quốc doanh Đắc Sơn (Phổ Yên) và Tân Kim (Phú Bình) từng bước chuyển hướng theo cơ chế quản lý mới. Tuy nhiên, chăn nuôi lợn chủ yếu phát triển ở khu vực gia đình, đàn lợn tập thể không những không tăng mà liên tục giảm từ 4.476 con (năm 1980), xuống còn 1.204 con (năm 1982).

Sản xuất lâm nghiệp trong 3 năm đã hoàn thành những chỉ tiêu chủ yếu của Nhà nước giao, nhất là chỉ tiêu trồng rừng tập trung. Công tác bảo vệ rừng được chú trọng hơn. Việc chỉ đạo mở rộng giao đất, giao rừng cho các xã, hợp tác xã và tổ chức thí điểm giao khoán rừng cho xã viên quản lý, chăm sóc khai thác ở xã Kim Phượng (Định Hoá), Tức Tranh (Phú Lương) bước đầu có kết quả, mở ra hướng kinh doanh tổng hợp nghề rừng và thực hiện nông - lâm kết hợp trong tương lai[1].

Sản xuất công nghiệp trung ương từ chỗ giảm sút nghiêm trọng, đời sống cán bộ, công nhân hết sức khó khăn, nhờ thực hiện cơ chế quản lý mới, tinh thần chủ

---

[1] Báo Bắc Thái số 1829, ngày 18/2/1983. Tài liệu lưu trữ tại Phòng Lịch sử Đảng.

động, sáng tạo của tập thể công nhân, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, được phát huy đã từng bước vượt qua những khó khăn gay gắt để khôi phục sản xuất, ổn định, cải thiện đời sống công nhân viên chức.

Sản xuất công nghiệp địa phương cũng được khôi phục và có chuyển biến bước đầu. Các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp nêu cao ý thức tự lực, tự cường khắc phục khó khăn, thực hiện cơ chế quản lý mới, nên sản xuất, đời sống của xã viên được ổn định. Hợp tác xã Cộng Lực nhiều năm liền giữ vững danh hiệu đơn vị lá cờ đầu của toàn ngành. Hợp tác xã Hồng Hà sản xuất thành công các sản phẩm sắt tráng men, tăng thêm các mặt hàng tiêu dùng trong tỉnh. Năm 1982, tỉnh thực hiện đầu tư theo chiều sâu, năng lực sản xuất các sản phẩm đường kết tinh, cồn, rượu... được nâng cao.

Công tác giao thông vận tải đã cố gắng khắc phục khó khăn về vật tư kỹ thuật, kết hợp sử dụng năng lực vận tải của Trung ương, của các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn, đảm bảo kế hoạch vận chuyển hàng hoá, vật tư, hành khách phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Đối với nhiệm vụ xây dựng cơ bản, trước những khó khăn gay gắt về tiền vốn, vật tư, Tỉnh uỷ đã chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung đầu tư vào những

công trình trọng điểm để giải quyết những vấn đề ăn, mặc, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Một số công trình (cầu Gia Bảy, Nhà triển lãm các thành tựu kinh tế kỹ thuật...) được thi công nhanh, gọn, sớm đưa vào sử dụng. Nhiều công trình thuỷ lợi, hệ thống cầu, đường giao thông nông thôn, bệnh viện, trường học, trạm xá... được hoàn thành theo phương châm *Nhà nước và nhân dân cùng làm*, góp phần thiết thực phục vụ sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

Công tác lưu thông phân phối được cải tiến theo tinh thần Nghị quyết 6 của Trung ương, Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 01 của Tỉnh uỷ. Sản lượng lương thực huy động trong nhân dân tăng từ 13.442 tấn năm 1980 lên 20.010 tấn năm 1982[1]. Kết quả thu mua các sản phẩm chè, lạc, đỗ tương, mía, thuốc lá, thịt lợn của thương nghiệp quốc doanh đều bằng hoặc vượt năm 1980.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, trong 3 năm 1980 - 1982, Thái Nguyên cũng còn nhiều tồn tại, yếu kém. Nhiều mục tiêu về kinh tế - xã hội đề ra chưa thực hiện được. Đặc biệt là việc tập trung nguồn hàng và tiền vào các cơ quan Nhà nước quản lý còn yếu. Lưu

---

[1] Niên giám thống kê, Chi cục Thống kê Bắc Thái năm 1983.

thông phân phối vẫn còn là mặt trận nóng bỏng. Việc phân phối các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân luôn luôn thiếu và chậm. Đời sống của công nhân viên chức nói chung, cán bộ công chức ở khu vực hành chính sự nghiệp và lực lượng vũ trang nói riêng thường xuyên ở trong tình trạng khó khăn, nhiều lúc gay gắt.

Trong hoàn cảnh đó, từ ngày 21 đến ngày 25/2/1983, Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ IV (vòng 2) được tổ chức. 365 đại biểu thay mặt cho hơn 41.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ đã về dự Đại hội. Đồng chí Hoàng Tùng, Bí thư Trung ương Đảng, đến dự và chỉ đạo Đại hội.

Thay mặt Đoàn chủ tịch, đồng chí Vũ Ngọc Linh, uỷ viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ trình bày Báo cáo chính trị trước Đại hội. Đại hội khẳng định những thành tựu, chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội trong nhiệm kỳ thứ ba của Đảng bộ tỉnh.

Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3, căn cứ vào đặc điểm tình hình và những yêu cầu, nhiệm vụ mới của tỉnh, Đại hội xác định: Nhiệm vụ trong 3 năm 1983 - 1985 của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh là: Ổn định sản xuất và từng

bước cải thiện đời sống nhân dân, tạo thêm tiền để để tiến lên mạnh mẽ, vững chắc trong những năm sau; giữ vững trật tự an ninh và an toàn xã hội, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu; từng bước xây dựng tỉnh nhà thành tỉnh công - nông - lâm nghiệp phát triển, thành "*một trong những tỉnh giầu có phồn vinh nhất của nước ta*"[1].

Ngày 24/2, Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khoá IV gồm 41 uỷ viên chính thức, 4 uỷ viên dự khuyết. Tại phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành khoá IV đã bầu các đồng chí Vũ Ngọc Linh giữ chức Bí thư, Nguyễn Thế Dạt làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ; Ban Thường vụ Tỉnh uỷ có 11 đồng chí.

Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu cụ thể trong 3 năm (1983 - 1985) của tỉnh bao gồm 4 nội dung chủ yếu:

1- Ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, nhất là cán bộ, công nhân viên chức và lực lượng vũ trang.

2- Thực hiện xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật tập trung, có trọng điểm, đầu tư theo chiều sâu để tăng nhanh năng lực sản xuất, hiệu quả kinh tế.

---

[1] Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV (vòng 2), tháng 2/1983.

3- Tăng cường củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

4- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đập tan âm mưu phá hoại nhiều mặt của địch. Ngăn chặn, đẩy lùi và loại trừ hiện tượng tiêu cực trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IV, cùng với nhiệm vụ lãnh đạo phát triển nông, lâm, công nghiệp, Tỉnh uỷ lãnh đạo Ban Nông nghiệp xây dựng Đề án phát triển kinh tế gia đình xã viên hợp tác xã và cán bộ công nhân viên chức.

Ngay trong năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khoá IV, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc về phát triển sản xuất, thực hiện nghĩa vụ lương thực, góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng ***Huân chương Lao động hạng Ba***.

Được sự hỗ trợ về vốn của Trung ương, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo xây dựng một số công trình trọng điểm thiết thực phục vụ sản xuất. Vận dụng phương châm *Nhà nước và nhân dân cùng làm*, mở rộng liên kết kinh tế giữa các cấp, các ngành, Thái Nguyên đã hoàn

thành nhiều công trình trọng điểm: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kênh, mương hồ Núi Cốc, đưa diện tích nước tưới chủ động của công trình này từ 4.100 ha (năm 1982), lên 5.500 ha vụ đông - xuân và 8.500 ha vụ mùa (năm 1985); cải tạo và nâng cấp Quốc lộ số 3 và một số tuyến đường nội tỉnh, kể cả đường sông; cải tạo và xây dựng thêm một số đường điện cao thế và trạm biến áp phục vụ sản xuất và đời sống; đồng thời xây dựng thêm một số cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng, tạo thêm nguồn hàng cung cấp cho nhân dân và giải quyết một phần lao động dư thừa ở Thành phố.

Thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về khoán sản phẩm trong nông nghiệp, Thái Nguyên đã tiến hành điều chỉnh quy mô hợp tác xã cho phù hợp với năng lực và trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ ở từng địa phương. Thông qua khoán sản phẩm, người lao động đã phát huy được quyền làm chủ thật sự nên có tác dụng thúc đẩy sản xuất nông - lâm nghiệp phát triển trong các hợp tác xã. Chuyển biến rõ nét nhất là huyện Võ Nhai. Năm 1979, toàn huyện chỉ có 30 hợp tác xã, với 39,82% số hộ nông dân; đến 1985, đã lên 99 hợp tác xã, với 5.144 hộ xã viên trên tổng số 7.005 hộ nông nghiệp (73,5 %).

Để từng bước thực hiện cân đối lương thực trên địa bàn, Đảng bộ chú trọng lãnh đạo thâm canh, tăng vụ, tăng nhanh sản lượng lúa trên đất ruộng. Từ 100 ha thí điểm thâm canh tăng năng suất của hợp tác xã Đồng Quan (xã Yên Lãng, Đại Từ) năm 1983, đến năm 1985 đã mở rộng ra 1 vạn ha lúa 2 vụ trên địa bàn toàn tỉnh. Năng suất lúa thâm canh đạt bình quân 37,3 tạ/ha/vụ, tăng 12,4 tạ/ha/vụ so với diện tích lúa đại trà. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật được quan tâm sử dụng ngày càng có hiệu quả hơn. Chính sách khuyến khích gắn lao động kỹ thuật với năng suất và hiệu quả sản xuất đã kích thích đội ngũ cán bộ kỹ thuật phát huy tính chủ động, sáng tạo. Ngoài lúa, việc thâm canh cây màu lương thực (ngô, khoai lang...) bước đầu được chú ý; một số huyện đã xây dựng mô hình thâm canh giống mới có năng suất cao. Vì vậy, tuy tổng diện tích màu lương thực giảm từ 13.488 ha (năm 1983), xuống 11.809 ha (năm 1985), nhưng sản lượng lại tăng từ 22.630 tấn (năm 1983), lên 26.539 tấn (năm 1985); trong khi diện tích ngô năm 1985 giảm 108 ha so với năm 1983, thì sản lượng lại tăng gần 400 tấn.

Song song với đẩy mạnh phát triển lương thực, Tỉnh uỷ đã quan tâm lãnh đạo phát triển cây công

nghiệp (cả ngắn ngày và lâu năm). Thông qua công tác vận động quần chúng và cơ chế giá cả hợp lý, hầu hết diện tích cây công nghiệp đều tăng. Bình quân 4 năm (1982 - 1985), diện tích lạc tăng 21%, đỗ tương tăng 7%, thuốc lá tăng 40%, chè tăng 2,8% năm. Năm 1985, tổng diện tích cây công nghiệp hằng năm của tỉnh lên tới 7.975 ha, tăng hơn 2 lần so với năm 1979. Đến năm 1985, toàn tỉnh đã có 4. 897 ha chè cho thu hoạch (tăng 797 ha so với năm 1983), với năng suất bình quân 24,4 tạ/ha. Sản lượng chè khô năm 1985 đạt 11.964 tấn[1]. Cây công nghiệp phát triển tạo thêm nguồn nông sản phục vụ tiêu dùng của nhân dân, liên doanh, liên kết trao đổi vật tư hàng hoá và xuất khẩu.

Cùng với thâm canh đẩy mạnh sản xuất, từ năm 1984, Tỉnh ủy lãnh đạo mở rộng trao đổi hàng hoá với các tỉnh bạn để bổ sung thêm nguồn lương thực. Công tác xuất, nhập khẩu hàng hoá cũng chú trọng phục vụ nhiệm vụ phát triển lương thực. Năm 1984, từ kinh phí xuất khẩu nông sản, tỉnh đã nhập thêm 1.000 tấn đạm u-rê để thâm canh lúa.

Nhờ có sự tập trung cao độ trong chỉ đạo và đầu tư thâm canh, sản lượng lương thực quy thóc năm 1985

[1] Số liệu thống kê, Chi cục Thống kê Bắc Thái, tài liệu đã dẫn.

đạt 182.781 tấn[1], tăng 43.716 tấn so với năm 1981. Riêng sản lượng lúa tăng từ 138.755 tấn (năm 1983), lên 156.312 tấn (năm 1985). Đến năm 1985, toàn tỉnh đã nâng mức tự giải quyết lương thực ở khu vực phi sản xuất nông nghiệp từ 2 tháng lên hơn 4 tháng.

Thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư về khoán sản phẩm trong nông nghiệp, người nông dân được tự chủ trên đồng ruộng, nhu cầu về sức kéo phục vụ sản xuất ngày càng tăng. Do đó, đàn trâu, bò được quan tâm chăm sóc nhiều hơn, nhất là trâu, bò sinh sản. Số lượng đàn trâu tăng từ 98.576 con (năm 1983), lên 102.331 con (năm 1985); đàn bò tăng 2.400 con, nâng tổng số lên 7.440 con vào năm 1985. Do sản lượng lương thực tăng cùng với việc điều chỉnh chính sách thu mua theo hướng bảo đảm quyền lợi cho người chăn nuôi ngày càng tốt hơn, nên đàn lợn tăng nhanh cả về số lượng và trọng lượng xuất chuồng. Năm 1985, tổng đàn lợn trên địa bàn tỉnh có 219.000 con, tăng 9.000 con so với năm 1983. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 7.546 tấn, tăng hơn 700 tấn so với năm 1983[2]. Cùng với đàn gia cầm được duy trì ở mức từ 180.000 đến 200.000 con mỗi

[1], [2] Số liệu thống kê, Chi cục Thống kê Bắc Thái, tài liệu đã dẫn

năm, về cơ bản Thái Nguyên đã tự giải quyết được phần lớn nhu cầu thực phẩm.

Sản xuất lâm nghiệp cũng có bước phát triển khá. 7 lâm trường ở 7 huyện cùng với các đội khai thác ở các địa phương mỗi năm khai thác, cung cấp cho tỉnh và Trung ương hàng ngàn mét khối gỗ. Thực hiện Quyết định số 184 của Hội đồng Bộ trưởng và Nghị quyết số 16 của Tỉnh uỷ về việc giao đất, giao rừng cho hợp tác xã và xã viên, tính đến năm 1985, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã nhận trên 150.000 ha rừng và đất rừng. Việc trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng nhờ đó cũng có nhiều tiến bộ. Hàng chục ngàn ha đất trống, đồi núi trọc đã dần dần được phủ xanh bằng các loại cây bạch đàn, keo, mỡ. Một số mô hình sản xuất và kinh doanh rừng đã có kết quả bước đầu ở Yên Trạch (Phú Lương), Phượng Tiến, Phúc Chu (Định Hoá), Văn Lăng, Lâu Thượng (Võ Nhai), Văn Hán, Minh Lập (Đồng Hỷ)...

Do kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất nông - lâm nghiệp với chế biến, khuyến khích các cơ sở tận dụng năng lực sản xuất, khai thác nguyên liệu tại chỗ, tranh thủ sự hỗ trợ của công nghiệp Trung ương và các đơn vị quốc phòng để phát triển mạnh hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, nên giá trị sản xuất công

nghiệp và thủ công nghiệp của tỉnh vẫn duy trì mức tăng 4,5% mỗi năm. Sản phẩm ngày càng phong phú, đa dạng, các mặt hàng mới như vải màn, đồ nhựa, lốp xe đạp, các loại sản phẩm may mặc sản xuất tại địa phương được nhân dân ưa chuộng. Việc đẩy mạnh hợp tác kinh tế với các tỉnh, mở rộng trao đổi hàng hoá để tăng nguồn hàng phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân ngày càng tốt hơn trước.

Tính đến cuối năm 1986, toàn tỉnh đã có 15 trên 32 chỉ tiêu đạt và vượt mức Đại hội Đảng bộ lần thứ IV đề ra, đáng kể nhất là các chỉ tiêu sản xuất và thu mua lạc, chè, thuốc lá, vật liệu xây dựng. Giá trị hàng xuất khẩu bình quân đạt 2,7 USD/người/năm, tăng 1,7 lần so với năm 1980.

Trong điều kiện có nhiều khó khăn, có lúc gay gắt, nhưng sản xuất trên địa bàn tỉnh vẫn phát triển. Trong 5 năm (1981 - 1985), sản phẩm xã hội tăng bình quân mỗi năm 4,27%, thu nhập quốc dân tăng 1,18%. Công tác thu mua, phân phối, xuất khẩu hàng hoá có nhiều tiến bộ. Đời sống nhân dân nói chung, nông dân nói riêng ở trong tỉnh được ổn định.

Thực hiện chủ trương từng bước nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông theo chương trình cải cách giáo dục, coi trọng giáo dục toàn diện, Tỉnh uỷ, Uỷ ban

nhân dân tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các địa phương kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ giáo dục giữa nhà trường với gia đình và xã hội, nên sự nghiệp giáo dục Thái Nguyên ngày càng phát triển tương đối đồng đều giữa các vùng, các ngành học, cấp học. Giáo dục hướng nghiệp bước đầu được chú ý và đã có hiệu quả thiết thực. Số lớp, số giáo viên và học sinh phổ thông các cấp tăng bình quân hằng năm từ 1,02 đến 1,07%. Năm học 1985 - 1986, trên địa bàn Thái Nguyên có 209 trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, với 10.165 giáo viên và 187.929 học sinh. Đời sống của cán bộ, giáo viên, học sinh các trường đại học, trung học chuyên nghiệp được quan tâm. Hệ thống các trường dạy nghề do tỉnh quản lý được sắp xếp lại theo cơ cấu, quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện kinh tế của tỉnh, với yêu cầu phát triển hiện tại và tương lai.

Trong 5 năm 1981 - 1985, Thái Nguyên đã xây dựng được một hệ thống cơ sở khám, chữa bệnh rộng khắp, gồm 10 bệnh viện tỉnh, huyện, ngành[1], 5 phòng khám khu vực, bệnh viện điều dưỡng, trạm bảo vệ bà mẹ trẻ em và 174 trạm y tế xã, phường, với trên 2.000 giường bệnh cùng đội ngũ thầy thuốc đông đảo: 833 y,

[1] Chỉ tính số bệnh viện do tỉnh quản lý trên địa bàn Thái Nguyên.

bác sỹ, 490 y tá và nữ hộ sinh, 318 dược sỹ, dược tá. Trung bình mỗi năm, Ngành Y tế Thái Nguyên đã khám, chữa bệnh cho gần 1 triệu lượt người.

Công tác phòng bệnh, bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân ngày càng tiến bộ. Cán bộ Ngành Y tế thường xuyên bám sát cơ sở, vận động nhân dân phòng, chống, ngăn chặn và dập tắt kịp thời các dịch bệnh. Việc triển khai thực hiện Pháp lệnh ***Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*** ngày càng tốt hơn. Từ sau ngày thành lập Uỷ ban dân số và sinh đẻ có kế hoạch tỉnh (4/7/1984), do làm tốt công tác tuyên truyền, cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Tỷ lệ dân số tăng tự nhiên giảm từ 2,4% (năm 1980) xuống 1,94% (năm 1985). Phụ nữ mang thai và sinh đẻ ngày càng được chăm sóc tốt hơn. Do khó khăn về thuốc tân dược, Ngành Y tế tích cực chỉ đạo khai thác nguồn thuốc nam, nguồn dược liệu địa phương thay thế, bảo đảm đủ thuốc chữa bệnh thông thường cho nhân dân.

Phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục được duy trì phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương. Các ấn phẩm văn hoá (sách, báo, phim, ảnh...) được phát hành ngày càng nhiều, đáp ứng ngày càng tốt hơn đời sống tinh thần

của nhân dân. Riêng hệ thống thư viện cấp tỉnh, huyện quản lý đã có trên 50.000 đầu sách các loại, mỗi năm phục vụ từ 20 đến 25.000 lượt người đọc. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho quần chúng thông qua hệ thống thông tin đại chúng đã được chú ý đẩy mạnh. Chất lượng các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp từng bước được nâng cao, phong trào văn nghệ quần chúng ngày càng phát triển mạnh. Ba rạp chiếu bóng ở thành phố Thái Nguyên cùng với 14 đội chiếu bóng lưu động ở các huyện mỗi năm phục vụ trên một triệu lượt người xem. Nội dung của các hoạt động văn hoá, văn nghệ đều tập trung hướng vào xây dựng nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Việc truy quét các loại văn hoá phẩm lạc hậu, đồi trụy, bài trừ mê tín dị đoan tiếp tục được triển khai ở nhiều nơi, nhất là các huyện Phú Lương, Phổ Yên, Định Hoá, Phú Bình và thành phố Thái Nguyên. Công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng và những người nghỉ hưu được các cấp uỷ Đảng, các ngành, đoàn thể quan tâm thực hiện tốt.

Sau năm 1979, mặc dù chiến tranh biên giới đã kết thúc, nhưng các thế lực thù địch quốc tế vẫn ngấm ngầm hoạt động phá hoại công cuộc xây dựng đất nước của nhân dân ta. Đất nước ta luôn ở trong tình trạng vừa có hoà bình, vừa có thể xảy ra chiến tranh. Trước

tình hình và nhiệm vụ mới, tháng 8/1980, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 92 về ***Cuộc vận động xây dựng lực lượng công an trong sạch, vững mạnh và đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc***. Tiếp đó, ngày 2/12/1980, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 31 về ***Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội***.

Quán triệt yêu cầu và nội dung các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, đầu năm 1981, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Nghị quyết số 07, Uỷ ban nhân dân tỉnh ra Chỉ thị số 11 xác định nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trong tình hình mới.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, các chỉ thị, nghị quyết nói trên đã được tổ chức triển khai thực hiện từ tỉnh xuống cơ sở, từ trong Đảng ra ngoài quần chúng. Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch quốc tế trong những năm 1980 - 1986 luôn luôn được duy trì bằng việc kết hợp phong trào đấu tranh của quần chúng với các hoạt động của lực lượng công an, quân đội, toà án, kiểm sát, thanh tra...

Thực hiện Nghị quyết 03 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), Chỉ thị 128 của Hội đồng Bộ trưởng, từ 1983, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc được thực hiện theo chủ trương lấy xã, phường làm địa bàn thực hiện, gắn công tác củng cố cơ sở Đảng, chính quyền, đoàn thể với việc củng cố các vùng xung yếu, địa bàn trọng điểm. Vì vậy, trong những năm 1981 - 1986, an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh cơ bản được giữ vững. Những hiện tượng tiêu cực trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội tuy có những lúc diễn biến rất phức tạp, nhưng từng bước được ngăn chặn.

Trong tình hình mới, việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch vừa là nhiệm vụ thường xuyên, vừa là nhiệm vụ cấp bách của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong tỉnh. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh thường xuyên chỉ đạo củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng cơ quan quân sự các cấp; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, quản lý bộ đội, duy trì chặt chẽ nền nếp huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu.

Hưởng ứng cuộc vận động ***Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân*** do Ban Bí thư Trung ương Đảng

và Quân uỷ Trung ương phát động, thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về ***Tăng cường đoàn kết quân dân***, tháng 4/1982, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị ***Quân với dân một ý chí***, nhằm thống nhất nhận thức và hành động trong nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, sự động viên, ủng hộ của các đoàn thể và nhân dân, cuộc vận động ***Tăng cường đoàn kết quân dân*** đã đạt được kết quả tốt. Lực lượng vũ trang trong tỉnh không ngừng trưởng thành về nhận thức tư tưởng, thành thạo về kỹ, chiến thuật, sẵn sàng chiến đấu. Mặt khác, các đơn vị bộ đội thường xuyên liên hệ, tranh thủ sự giúp đỡ của chính quyền, nhân dân địa phương để tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống hằng ngày. Liên tục trong nhiều năm, lực lượng vũ trang trong tỉnh tổ chức tăng gia sản xuất lương thực đạt kết quả tốt, vượt chỉ tiêu từ 20 đến 30 kg/người. Ngoài việc tăng gia tự túc cải thiện đời sống của cán bộ, chiến sỹ, trong 2 năm 1983 - 1984, các đơn vị bộ đội thuộc Quân đoàn 3 đóng trên địa bàn Thái Nguyên đã tham gia 375.000 ngày công xây dựng hệ thống kênh, mương hồ Núi Cốc, khai hoang giúp các địa phương

trồng mới hàng trăm ha chè; sửa chữa hàng trăm km đường giao thông liên huyện, liên xã, tạo thuận lợi cho việc đi lại và phát triển kinh tế của nhân dân.

Ý thức được trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, phát huy truyền thống của quê hương cách mạng, lại được các cấp, các ngành kịp thời động viên cổ vũ, đoàn viên thanh niên các dân tộc trong tỉnh thường xuyên hăng hái tham gia lực lượng vũ trang. Nhờ đó, trong giai đoạn này, Thái Nguyên luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển quân, bảo đảm thời gian và chất lượng tốt.

Thành tựu phát triển kinh tế, xã hội ở Thái Nguyên trong những năm 1981 - 1986 đã khẳng định vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp bộ Đảng và chính quyền cũng như sự tham gia tích cực của các đoàn thể quần chúng.

Trước những khó khăn chồng chất về kinh tế và những diễn biến phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, hầu hết các tổ chức Đảng và đảng viên trong Đảng bộ luôn thể hiện lập trường, quan điểm vững vàng, kiên định, tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng, chủ động tìm mọi biện pháp khắc phục nhằm giảm bớt khó khăn trên từng lĩnh vực, ở từng cơ sở để nhanh chóng ổn định sản xuất và đời sống.

Kết qua đó thể hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng đã được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo triển khai một cách toàn diện, liên tục, với nhiều hình thức phong phú. Thông qua các đợt học tập chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3, cán bộ, đảng viên được nâng cao nhận thức về đường lối, quan điểm của Đảng, tạo sự nhất trí cao từ trong Đảng ra ngoài quần chúng, vững vàng trong mọi hoàn cảnh.

Kết quả đó cũng phản ánh công tác củng cố cơ sở đảng, nhất là những cơ sở yếu kém, được các cấp uỷ thường xuyên chăm lo. Gắn việc củng cố cơ sở đảng, củng cố hợp tác xã, xây dựng dề án phát triển kinh tế với việc thực hiện Chỉ thị 83/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương về công tác phát Thẻ đảng và cuộc vận động giữ gìn nền nếp dân chủ, kỷ luật trong Đảng, Tỉnh uỷ đã chỉ đạo tất cả các đảng bộ trực thuộc tổ chức học tập, quán triệt nội dung, yêu cầu của việc phát Thẻ Đảng viên, coi đây là một công tác quan trọng, có ý nghĩa giáo dục chính trị sâu sắc để nâng cao hơn nữa ý thức Đảng và tinh thần phấn đấu cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và đoàn kết nội bộ; thúc đẩy thực hiện cuộc vận động ***Xây dựng Đảng trong sạch và vững***

mạnh, đưa công tác quản lý đảng viên vào nền nếp, ngăn ngừa kẻ địch, phần tử xấu chui vào Đảng.

Trong quá trình triển khai bình xét, xếp loại đảng viên và tổ chức phát Thẻ đảng, các cấp uỷ trong toàn Đảng bộ luôn chú trọng lãnh đạo công tác tư tưởng và công tác tổ chức, giáo dục đảng viên hiểu rõ vinh dự và trách nhiệm, quyết tâm làm tròn nhiệm vụ được giao, khắc phục tư tưởng chủ quan, thoả mãn, ngăn ngừa những biểu hiện tiêu cực, thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình trong Đảng và vận động quần chúng tham gia xây dựng Đảng, phê bình nhận xét cán bộ, đảng viên... Nhờ đó, kết quả công tác phát Thẻ đảng đạt chất lượng tốt. Từ năm 1980 đến năm 1982, toàn Đảng bộ đã tiến hành 12 đợt phát Thẻ đảng viên ở 97,6% số cơ sở đảng, cho 88,5% số đảng viên chính thức, 7,8% số đảng viên dự bị.

Công tác củng cố tổ chức Đảng cũng có tiến bộ rõ nét. Năm 1980, toàn Đảng bộ có 43 đảng bộ cơ sở được công nhận là Đảng bộ vững mạnh. Năm 1981, Đảng bộ Đồng Hỷ được Trung ương trao cờ ***Huyện Đảng bộ vững mạnh***.

Từ sau đại hội Đảng các cấp (trong năm 1982), tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ đã có nhiều

chuyên biến trên nhiều mặt, nhất là nhiệm vụ lãnh đạo sản xuất, củng cố hợp tác xã, ổn định đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội... Tuy nhiên, tình trạng trì trệ, yếu kém ở một số đơn vị vẫn chưa được khắc phục, trong đó có một số cơ sở yếu kém kéo dài nhiều năm, gây trở ngại lớn đến sự phấn đấu vươn lên của toàn Đảng bộ.

Trước tình hình đó, để thực hiện mục tiêu xây dựng Đảng theo tinh thần chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV, ngày 24/3/1983, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Quyết định số 17, thành lập Ban Xây dựng huyện để giúp Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng huyện. Tiếp theo, ngày 19/12/1983, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Chỉ thị 06 ***Về việc xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh***.

Thực hiện Quyết định số 17 và Chỉ thị số 06, các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể trong toàn tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo điều tra, nghiên cứu nắm chắc tình hình, tiến hành phân loại chi, đảng bộ. Trên cơ sở đó, Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo xây dựng chương trình, kế hoạch, chú trọng củng cố những nơi yếu kém, phấn đấu trong 2 năm (1984 - 1985) xoá bỏ cơ sở đảng yếu kém.

Từ kết quả và kinh nghiệm của năm 1984, ngày 1/2/1985, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tiếp tục ban hành Nghị quyết 15, xác định *công tác xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, củng cố những cơ sở yếu kém là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của công tác xây dựng Đảng năm 1985*. Ngay từ đầu năm, các huyện, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc đã tổ chức quán triệt sâu sắc Nghị quyết của Ban Thường vụ, tiến hành rà soát lại tình hình tổ chức cơ sở đảng, đánh giá, xác định những mặt yếu kém của từng cơ sở để có kế hoạch chỉ đạo củng cố; đồng thời phát động phong trào thi đua đăng ký phấn đấu trở thành chi, đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Thực hiện mục tiêu xoá cơ sở kém, với khẩu hiệu ***Năm 1985 là năm củng cố để tạo ra chuyển biến mạnh mẽ từ cơ sở***, các cấp uỷ Đảng đã tập trung lãnh đạo sát sao, với nhiều biện pháp tích cực, sát với thực tế từng nơi. Thông qua các phong trào thi đua lao động sản xuất, đóng góp nghĩa vụ với Nhà nước, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của địa phương, đơn vị, tình hình tổ chức ở cơ sở đã có những tiến bộ rõ rệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý kinh tế - xã hội. Nhiều cơ sở đã thể hiện rõ tính nhạy bén, năng động, mạnh dạn trong sản xuất, kinh doanh phù hợp với cơ chế mới, tạo

được những tiến bộ mới, thúc đẩy sự vươn lên của cơ sở. Đó là một trong những yếu tố quan trọng, tác động tích cực đối với việc xây dựng đảng bộ huyện vững mạnh, gắn với xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện. Qua thực tiễn chỉ đạo, nhiều huyện làm tốt nhiệm vụ củng cố cơ sở, thúc đẩy phong trào đi lên, điển hình là thành phố Thái Nguyên, các huyện Định Hoá, Phú Lương, Đồng Hỷ. Đảng bộ Võ Nhai từ chỗ có nhiều khó khăn, nhiều cơ sở đảng yếu kém kéo dài, đã được củng cố, số cơ sở khá và vững mạnh tăng lên 59%; 55% đảng viên được xác định là đảng viên tiền phong gương mẫu. Tại Phú Lương, sau một năm tập trung củng cố, số cơ sở khá và vững mạnh đạt 75%, tăng gấp 2 lần năm 1984[1].

Đến hết năm 1985, toàn Đảng bộ không còn cơ sở đảng kém nát. Số cơ sở vững mạnh tăng lên. Căn cứ vào kết quả hoàn thành nhiệm vụ của địa phương, đối chiếu với tiêu chuẩn đánh giá xếp loại, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã xét công nhận 122 cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh và đề nghị Ban

---

[1] Báo cáo tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1985 và phương hướng nhiệm vụ năm 1986 của Ban Tổ chức Tỉnh uỷ. Tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng tỉnh.

Bí thư Trung ương Đảng xét, công nhận các Đảng bộ Định Hoá, Phú Bình, Đại Từ, Đồng Hỷ và thành phố Thái Nguyên đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh năm 1985[1].

Một trong những nguyên nhân góp phần làm cho công tác củng cố cơ sở đảng năm 1985 đạt hiệu quả cao là do các cấp uỷ Đảng trong Đảng bộ đã chủ động chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở tiến hành đại hội nhiệm kỳ bảo đảm đúng nguyên tắc, thủ tục; xây dựng được phương hướng, nhiệm vụ và các biện pháp thực hiện. Đặc biệt, trong công tác cán bộ, các đảng bộ đã mạnh dạn đổi mới về nhân sự. Thông qua bầu cử trong nhiệm kỳ 1981 - 1985, đã có 31,5% cấp uỷ viên, 35% Bí thư được thay thế, do sức khoẻ yếu, hoặc năng lực hạn chế, không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Riêng Đảng bộ Võ Nhai, đến hết năm 1985, trong 38 trên tổng số 39 cơ sở mở đại hội, Huyện uỷ đã mạnh dạn bố trí lại cán bộ chủ chốt, thay đổi 64% Bí thư, 71% Thường trực đảng uỷ. Đảng bộ thành phố Thái Nguyên mặc dù mới có hơn 50% cơ sở đại hội, nhưng cũng đã có 51% cấp uỷ viên, trong đó 40% Bí thư được thay thế... Đây

[1]Báo cáo tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1985... Tlđd.

chính là yếu tố cơ bản tạo ra sự chuyển biến tích cực ở cơ sở, thúc đẩy việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội của từng địa phương, đơn vị.

Cũng trong năm 1985, để tháo gỡ những vướng mắc, lúng túng của công tác Đảng trong các cơ sở kinh tế quốc doanh, Tỉnh uỷ đã lãnh đạo các đảng bộ Công ty Gang thép, Luyện kim màu, Liên đoàn Địa chất I, Công ty Xây lắp II và Thành uỷ Thái Nguyên tổ chức nghiên cứu quán triệt Chỉ thị 49, Quyết định 48 của Ban Bí thư trong cấp uỷ và trong toàn cán bộ, đảng viên. Sau đó, Tỉnh uỷ tổ chức chỉ đạo thí điểm rút kinh nghiệm ở cơ sở đảng Xưởng vật liệu chịu lửa của Đảng bộ Gang thép, Đoàn 110 của Đảng bộ Địa chất I, Mỏ than Khánh Hoà của Đang bộ thành phố Thái Nguyên để từng bước mở rộng ra toàn Đảng bộ. Việc thực hiện thí điểm ở các đơn vị nói trên đã thu được kết quả bước đầu, phát huy được vai trò của tổ chức Đảng trong thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, kiểm tra hoạt động của thủ trưởng các đơn vị kinh tế quốc doanh. Mối quan hệ giữa Đảng và chính quyền có những biến đổi tích cực, tạo cho cán bộ làm công tác Đảng, đoàn thể trong các cơ quan kinh tế yên tâm phấn khởi hoạt động.

Công tác phát triển đảng viên mới thường xuyên được các cấp uỷ Đảng quan tâm, từ 1982 đến 1986,

bình quân mỗi năm phát triển được trên 1.000 đảng viên. Nhìn chung, công tác phát triển Đảng đã thực hiện đúng phương châm, phương hướng. Số đảng viên nữ, dân tộc ít người và công nhân ngày càng tăng. Tính riêng năm 1985, toàn Đảng bộ kết nạp được 1.154 quần chúng ưu tú vào Đảng. Trong đó, tỷ lệ đảng viên nữ chiếm 22,6%, đảng viên là dân tộc ít người khoảng 20,7%, đảng viên trẻ ở lứa tuổi thanh niên 52,3%, đảng viên có trình độ văn hoá cấp III chiếm 70%, trình độ chuyên môn kỹ thuật trung, đại học 26%. Các Đảng bộ Phú Bình, Võ Nhai, Đại Từ, Phổ Yên, Định Hoá, Đồng Hỷ, Luyện kim mầu, Xây lắp II, Gang thép, Công an tỉnh là những đơn vị luôn thực hiện tốt công tác phát triển đảng viên.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng là công tác kiểm tra tổ chức Đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng. Dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, công tác kiểm tra trong giai đoạn này đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng và đảng viên; kịp thời phát hiện, uốn nắn những biểu hiện lệch lạc, những việc làm sai trái, góp phần làm trong sạch đội ngũ của Đảng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện công tác kiểm tra, từ năm 1980 đến 1982, Uỷ ban Kiểm tra các cấp trong tỉnh đã tiến hành kiểm tra phát hiện 2.911 vụ đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước; giúp các cấp uỷ xử lý kỷ luật một tổ chức đảng, 1.287 đảng viên; trong đó có 497 trường hợp bị khai trừ ra khỏi Đảng (có 194 cấp uỷ viên các cấp)[1].

Thực hiện cuộc vận động ***Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh***, cùng với việc củng cố, kiện toàn, nâng cao sức mạnh chiến đấu của tổ chức Đảng và đảng viên, Đảng bộ tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm tra ngăn chặn và xử lý những đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật Nhà nước. Trong 2 năm 1984 - 1985, qua kiểm tra đã phát hiện, thu hồi cho công quỹ hàng chục triệu đồng; xử lý kỷ luật dưới các hình thức gần 1.000 đảng viên, cảnh cáo 3 đảng uỷ, chi uỷ [2], góp phần thiết thực vào việc củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên.

---

[1] Báo cáo số 73 ngày 16/6/1983 của UBKT Tỉnh uỷ về việc kiểm điểm tình hình thực hiện công tác kiểm tra 3 năm 1980 - 1982, Cặp 17, Hồ sơ 156, Lưu trữ Tỉnh uỷ.

[2] Báo cáo công tác của UBKT Tỉnh uỷ năm 1983 - 1984, Cặp 17, Hồ sơ 156, Lưu trữ Tỉnh uỷ.

Nhằm không ngừng nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, mỗi năm Tỉnh uỷ đều chỉ đạo chọn cử hàng trăm cán bộ đi học các lớp về lý luận chính trị, quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế ở các trường trong nước và ngoài nước.

Thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo các tổ chức đoàn thể, phát huy sức mạnh tổng hợp của quần chúng vào nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, dưới sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc các cấp tiếp tục góp phần tích cực củng cố khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân - dân, đoàn kết lương - giáo, vận động nhân dân các dân tộc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng. Uỷ ban Mặt trận các cấp phối hợp chặt chẽ với các ngành, các đoàn thể đẩy mạnh hoạt động, động viên mọi thành viên thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước; vận động đẩy mạnh phong trào trồng cây gây rừng, xây dựng nếp sống mới, bài trừ các hoạt động mê tín dị đoan, gửi tiền tiết kiệm, mua công trái xây dựng đất nước... Mặt trận Tổ quốc các cấp còn phối hợp chặt chẽ với chính quyền tổ chức tốt các cuộc bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, các cuộc tiếp xúc giữa đại biểu Hội đồng nhân dân với cử tri,

góp phần nâng cao tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân trong việc tham gia xây dựng, củng cố chính quyền vững mạnh.

Xuất phát từ một tỉnh tập trung nhiều cơ quan, trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp lớn, với đội ngũ cán bộ, viên chức, cán bộ khoa học và công nhân kỹ thuật đông đảo[1], Đảng bộ thường xuyên quan tâm lãnh đạo tổ chức công đoàn các cấp hoạt động, tập hợp, động viên cán bộ, công nhân viên chức nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động, công tác, sản xuất ngày càng nhiều của cải cho xã hội. Từ năm 1981 đến năm 1986, hàng trăm tập thể, cá nhân đã phấn đấu đạt danh hiệu ***Lao động giỏi***, điển hình là Tổ tiện số 2 - Nhà máy Phụ tùng ô tô số 1, đạt nhiều thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, được Nhà nước phong tặng danh hiệu ***Anh hùng lao động***.

Hoạt động của các cấp Hội và phong trào phụ nữ tiếp tục được đẩy mạnh. Hưởng ứng cuộc vận động ***Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*** do

---

[1] Tính đến tháng 11 năm 1982, toàn tỉnh có 42.926 lao động trong khu vực Nhà nước.

Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động, phụ nữ các dân tộc trong tỉnh luôn luôn là lực lượng nòng cốt trong lao động trên đồng ruộng, trong các nhà máy, công, nông trường, xí nghiệp..., hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Nhiều chị đạt danh hiệu ***Lao động tiên tiến***, ***Phụ nữ hai giỏi***. Trải qua thực tiễn sản xuất, hoạt động của các cấp Hội Phụ nữ Thái Nguyên không ngừng mở rộng. Số nữ cán bộ công nhân viên nói chung, nữ cán bộ khoa học kỹ thuật nói riêng ngày càng tăng. Năm 1984, toàn tỉnh có 8.632 chị là cán bộ khoa học kỹ thuật; trong đó, các chị có trình độ đại học tăng 11 lần so với năm 1969. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ lại chiếm tỷ lệ thấp và ngày càng giảm dần. Số cán bộ nữ tham gia Tỉnh uỷ khoá II là 7,4%, đến khoá IV còn 6,6%; cấp uỷ huyện từ 12,4% (năm 1968), giảm xuống 7,8% (năm 1982). Cán bộ nữ trong Uỷ ban nhân dân cấp huyện giảm từ 14,4% (năm 1971), xuống 7% năm (1984), số Phó Chủ tịch huyện là nữ từ 11 đồng chí (năm 1968), chỉ còn 1 đồng chí trong năm 1984. Tỷ lệ đảng viên nữ cũng giảm từ 16,1% (năm 1981), xuống 15,7% (năm 1984).

Để khắc phục tình trạng trên, đầu năm 1985, Tỉnh uỷ đã mở Hội nghị cán bộ chủ chốt toàn tỉnh nghiên cứu, quán triệt sâu sắc Chỉ thị 44 của Ban Bí

thư về công tác cán bộ nữ; đồng thời giao trách nhiệm cho Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh phối hợp với các ngành, các cấp có chính sách thoả đáng, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đề bạt, sắp xếp bố trí cán bộ nữ trong các ngành, các cấp cho phù hợp để phát huy khả năng của phụ nữ vào sự nghiệp bảo vệ và dựng xây đất nước.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, tiếp theo 4 phong trào lớn: ***Phong trào lao động tình nguyện trong khu vực sản xuất***, ***Phong trào quyết thắng trong lực lượng vũ trang***, ***Phong trào học tập và Phong trào rèn luyện thân thể, xây dựng nếp sống mới*** trong những năm 1976 - 1977, từ năm 1978 đến năm 1986, với phong trào ***Ba xung kích làm chủ tập thể***[1] do Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát động, đoàn viên thanh niên Thái Nguyên đã có những đóng góp to lớn vào sự nghiệp bảo vệ, xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Được các cấp uỷ Đảng quan tâm lãnh đạo, Tỉnh Đoàn mở cuộc vận động ***Toàn Đoàn tham gia xây dựng Đảng*** nhằm tăng cường giáo dục và nâng cao

---

[1] Xung kích trong chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu; Xung kích trong lao động sản xuất dựng xây đất nước; Xung kích trong học tập, rèn luyện, xây dựng cuộc sống mới.

nhận thức về Đảng cho đoàn viên thanh niên, tạo ra môi trường thuận lợi để tuổi trẻ phấn đấu theo lý tưởng của Đảng, tu dưỡng rèn luyện để trở thành đảng viên. Từ trong hoạt động thực tiễn, nhiều đoàn viên thanh niên đã trưởng thành, được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Bên cạnh những thành tích to lớn kể trên, trong mười năm xây dựng, phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng của tỉnh cũng còn nhiều khuyết điểm, tồn tại lớn. Sản xuất nói chung tăng chậm và chưa ổn định. Những hiện tượng tiêu cực trong quản lý kinh tế, xã hội chưa giảm, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, có lúc gay gắt. Sản xuất nông nghiệp chưa thoát khỏi tính chất sản xuất nhỏ, lạc hậu, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên; tình trạng quảng canh, độc canh còn phổ biến. Trong khi đó, việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật thiếu tập trung đồng bộ, chưa bảo đảm các điều kiện cần thiết để nông nghiệp phát triển vững chắc, toàn diện. Sản lượng màu giảm sút do chưa có chính sách hợp lý. Cây công nghiệp và chăn nuôi chưa phát triển tương xứng với tiềm năng hiện có. Phương thức nông - lâm kết hợp đã có một số mô hình sản xuất có hiệu quả, nhưng chậm được tổng kết nhân rộng. Việc giao đất, giao rừng cho các đơn vị, cá nhân chỉ mang tính hình thức, tổ chức sản xuất và kinh doanh

nghề rừng ở các hợp tác xã chưa đem lại hiệu quả thiết thực. Khâu chế biến lâm sản trong tình nhìn chung còn rất yếu. Tình trạng khai thác lâm sản và phá rừng bừa bãi vẫn xảy ra ở mức độ nghiêm trọng.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng chậm, năng suất, chất lượng, hiệu quả thấp, chưa quan tâm đúng mức đến việc phát triển công nghiệp phục vụ sản xuất, nhất là phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp. Tài nguyên, khoáng sản, thiết bị máy móc, cán bộ khoa học - kỹ thuật và công nhân lành nghề trên địa bàn khá dồi dào, nhưng chưa được khai thác và sử dụng hợp lý. Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp sử dụng nguyên liệu từ nông nghiệp chưa được chú ý phát triển để từng bước gắn sản xuất với chế biến và phân công lại lao động trong nội bộ hợp tác xã. Chưa có chính sách đầu tư thoả đáng cho phát triển tiểu thủ công nghiệp.

Xây dựng cơ bản còn phân tán, chưa tập trung đầu tư vào những công trình trọng điểm, chưa chú ý đầu tư thoả đáng cho nông nghiệp, cho giao thông và thuỷ lợi miền núi...

Giao thông vận tải chưa đáp ứng yêu cầu của sản xuất, lưu thông hàng hoá và phục vụ đời sống. Công suất của các phương tiện cơ giới chưa được khai thác tốt, tình trạng vận chuyển một chiều còn phổ biến. Các

phương tiện vận tải thô sơ giảm sút nghiêm trọng. Hệ thống giao thông nông thôn chưa được chú ý cải tạo và xây dựng, đã hạn chế giao lưu giữa các vùng. Chất lượng thông tin liên lạc chưa tốt, báo chí, công văn thư tín vận chuyển đến các xã, nhất là miền núi không kịp thời, còn hiện tượng thất lạc, nhầm lẫn.

Mặt trận phân phối lưu thông vẫn là khâu có nhiều khó khăn gay gắt nhất. Các mặt hàng nông, lâm sản làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, như chè búp tươi, mía, thuốc lá, đỗ tương, các loại hạt có dầu... chưa bảo đảm ổn định. Có lúc, nhiều cơ quan cùng tham gia kinh doanh một mặt hàng, một loại sản phẩm, dẫn đến tình trạng tranh mua, tranh bán, gây rối loạn cho quản lý thị trường và giá cả.

Nguồn hàng trong tay Nhà nước đã ít, việc phân phối lại chưa tốt, nên hàng hoá chưa đến tay người tiêu dùng đầy đủ, kịp thời. Một bộ phận cán bộ, nhân viên ngành phân phối lưu thông lợi dụng sơ hở trong quản lý làm giàu bất chính. Một bộ phận cán bộ, nhân viên quản lý thị trường, thuế vụ sa sút phẩm chất, bị kẻ xấu lợi dụng, mua chuộc, làm cho hiệu lực và kỷ cương Nhà nước bị buông lỏng, nhưng không được ngăn chặn, xử lý nghiêm khắc, kịp thời. Nhiều cơ quan, xí nghiệp không nghiêm túc trong sử dụng, quản lý vật tư,

hàng hoá và chấp hành kỷ luật giá cả, đã bán ra ngoài để hưởng chênh lệch giá, lập quỹ đen gây thiệt hại cho sản xuất và tài sản Nhà nước...

Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa tuy được củng cố nhưng chậm được hoàn thiện. Thành phần kinh tế quốc doanh chưa phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Trong các hợp tác xã nông nghiệp, chủ trương khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động theo tinh thần Chỉ thị 100 của Ban Bí thư sau mấy năm phát huy tác dụng tốt, đã xuất hiện những bất hợp lý, thiếu công bằng trong công tác quản lý, điều hành, xây dựng định mức khoán của Ban Quản trị, gây ra tình trạng thắc mắc, suy bì trong các hộ xã viên.

Tình trạng quản lý và sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật trong các hợp tác xã cũng có nhiều diễn biến phức tạp. Do quản lý không tốt, nên vật tư, tài sản bị phân tán, hư hỏng, mất mát nhiều. Một số tài sản có giá trị lớn của hợp tác xã đã bị bán cho xã viên (năm 1983, một hợp tác xã của huyện Đại Từ đã bán cho xã viên 5 máy kéo loại 12 CV). Đàn trâu cày kéo của hợp tác xã cũng bị đem "hoá giá". Tại 5 huyện, thành (Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ, Đại Từ và thành phố Thái Nguyên) có 34 hợp tác xã đã hoá giá đàn trâu cày kéo. Do yếu kém về công tác quản lý, hạch toán

kinh tế trong các hợp tác xã nông nghiệp, nên việc thực hiện 3 lợi ích (lợi ích Nhà nước, lợi ích tập thể, lợi ích nhân dân) trong phân phối sản phẩm gặp nhiều khó khăn, nhất là khâu thu nộp sản phẩm cho Nhà nước. Năm 1984, tại 5 huyện, thành kể trên, có 281 hợp tác xã (38,6% số hợp tác xã) khoán sản phẩm cây lúa đã nợ 3.845 tấn thóc thuế các loại, bình quân mỗi hợp tác xã nợ 15 tấn...

Công tác giáo dục, y tế, thông tin văn hoá, thể dục thể thao, bảo vệ bà mẹ trẻ em, phát thanh, truyền thanh, báo chí... chuyển biến chưa mạnh, nhất là ở vùng núi, nơi xa xôi, hẻo lánh; chất lượng hoạt động còn thấp so với yêu cầu. Trở ngại lớn nhất của Ngành Giáo dục là điều kiện cơ sở vật chất cho giảng dạy và học tập của nhà trường còn hết sức thiếu thốn. Cuộc vận động ***Trường ra trường, lớp ra lớp; thầy ra thầy, trò ra trò*** chưa đạt hiệu quả cao. Đời sống của giáo viên hết sức khó khăn. Chất lượng giáo dục cả phổ thông và chuyên nghiệp có chiều hướng giảm sút. Ngành Y tế tuy có nhiều cố gắng trong việc chăm lo sức khoẻ cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh, nhưng nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn. Trang thiết bị kỹ thuật và thuốc chữa bệnh đều thiếu thốn. Việc thực hiện chính sách đối với các gia đình có công với nước, gia đình liệt sỹ, cán bộ

lão thành, thương binh, cán bộ hưu trí, những người già cả, tàn tật... có lúc, có nơi thiếu chu đáo. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng các đoàn thể quần chúng, chưa gắn với việc xây dựng con người mới, nếp sống văn hoá mới ngay trong từng cơ sở. Các tập tục ma chay tốn kém, cưới xin linh đình, tảo hôn, cờ bạc, mê tín dị đoan có chiều hướng tăng lên ở một số địa phương, có nơi, có mặt khá nghiêm trọng[1].

Nguyên nhân của những khó khăn gay gắt và những khuyết điểm kể trên là do:

- Cơ sở vật chất kỹ thuật cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh còn hết sức nghèo nàn, lạc hậu. Trình độ dân trí, trình độ khoa học kỹ thuật của cán bộ và nhân dân còn thấp kém. Công tác tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân chưa sâu sắc, thiếu nghiêm túc; chưa nắm vững đặc điểm của chặng đường đầu thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội của cả nước là sản xuất nhỏ còn phổ biến, nhiều mặt mất cân đối nghiêm trọng. Nhiều chỉ thị, nghị quyết của Đảng,

[1] Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ tỉnh Bắc Thái tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V (tháng 12/1986). Lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Thái Nguyên.

chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa được đảng viên, cán bộ các cấp, các ngành nghiên cứu một cách sâu sắc, cặn kẽ. "*Cách học tập nặng về phổ biến ở hội nghị, ít dành thì giờ thảo luận, tranh luận kỹ để tìm ra chân lý và tạo sự nhất trí cao. Thậm chí nhiều cán bộ lãnh đạo ngại đọc, ngại đầu tư suy nghĩ nên không hiểu hoặc hiểu chưa đúng quan điểm cơ bản của Đảng. Khá đông cán bộ, đảng viên ở cơ sở ít được học tập đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước*"[1]. Do đó, năng lực vận dụng đường lối, chính sách chưa thật năng động, còn hạn chế. Mặt khác, việc xây dựng đường lối và chỉ đạo phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước ta còn nhiều sai lầm, khuyết điểm trong việc xác định mục tiêu và bước đi về xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lý kinh tế. Việc duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp dẫn tới sản xuất chậm phát triển, mâu thuẫn giữa cung và cầu ngày càng gay gắt.

- Một số chính sách ban hành chưa có tính cách mạng và khoa học, chưa tôn trọng các qui luật khách

---

[1] Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V... Tlđd.

quan, còn cứng nhắc, đã kìm hãm sản xuất và lưu thông, quần chúng không đồng tình, nhất là những chính sách đầu tư cho sản xuất các cây, con, chính sách quản lý thị trường và những chính sách khuyến khích phát triển hàng hoá là thế mạnh của tỉnh.

- Công tác kế hoạch còn chủ quan, áp đặt, thiếu cơ sở khoa học và không sát thực tế; thiếu hệ thống biện pháp thực hiện cụ thể, nên tính pháp lệnh thấp, không phát huy quyền chủ động, sáng tạo của các tổ chức và các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

- Tổ chức điều hành thực hiện nhiệm vụ chính trị còn lúng túng. Phong cách làm việc chưa sâu sát, thiếu cụ thể. Sự phối hợp hoạt động thiếu chặt chẽ, thiếu đồng bộ giữa ngành và cấp, trong từng ngành, từng cấp, cơ chế *Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - Nhân dân làm chủ* giải quyết chưa tốt, còn những biểu hiện bao biện làm thay, chồng chéo, mâu thuẫn nhau hoặc thiếu kiểm đôn đốc, thiếu uốn nắn kịp thời và động viên đúng lúc.

- Chưa quan tâm đúng mức công tác xây dựng Đảng, chưa xem đó là yếu tố quyết định trước tiên để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị. Công tác củng cố tổ

chức cơ sở đảng làm không thường xuyên, liên tục và chuyển biến chậm, cho nên không phát huy được vai trò lãnh đạo của đảng bộ, chi bộ, tổ đảng. Phẩm chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên bị giảm sút, thiếu trách nhiệm trước cuộc sống của quần chúng, đã làm giảm lòng tin của quần chúng đối với Đảng.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng vẫn chủ yếu dừng lại ở hoạt động bề nổi, chưa có chiều sâu. Công tác động viên chính trị, giáo dục tư tưởng chưa nhạy bén và thường xuyên. Nội dung giáo dục chưa phù hợp với từng đối tượng, chưa sâu sắc và triệt để nên chưa phát huy đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và các hội viên đối với nhiệm vụ chung...

Bước vào năm 1986, tình hình kinh tế - xã hội ở Thái Nguyên gặp nhiều khó khăn. Vụ chiêm xuân khô hạn kéo dài, hàng ngàn ha ruộng ở các huyện Định Hoá, Võ Nhai, Phú Lương không có nước cấy, phải bỏ hoang. Đến vụ mùa, gặp trận lũ lớn chưa từng có làm mất trắng trên 4.500 ha và trên 5.000 ha giảm năng suất... Sản xuất công nghiệp – bao gồm cả công nghiệp Trung ương và địa phương đều ở trong tình trạng thiếu nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, tiền vốn... nên sản xuất cầm chừng, công nhân không có việc làm, thu nhập thấp.

Mặt trận phân phối lưu thông vẫn nóng bỏng và có diễn biến phức tạp, nguồn hàng do Trung ương cung cấp (lương thực, thực phẩm, dầu thắp, vải, muối...) chỉ đạt 40 - 45%, thu mua tại tỉnh chỉ đạt từ 15% đến 20%; xuất khẩu đạt 70% kế hoạch. Do không nắm được hàng và tiền, nên ngân sách và tiền mặt của tỉnh trong tình trạng bội chi lớn. Giá cả các mặt hàng thiết yếu (lương thực, thực phẩm, vật tư...) tăng nhanh, đặc biệt tháng 1 và tháng 2 năm 1986, giá cả thị trường Thái Nguyên tăng bình quân 23,5%. Nhà nước không kiểm soát được thị trường; tiền lương thực tế giảm sút nghiêm trọng; thương nhân lợi dụng đầu cơ, buôn lậu gây rối loạn thị trường. Năm 1986, lạm phát tăng vọt tới 700%. Đời sống công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân nơi bị bão lụt gặp nhiều khó khăn gay gắt hơn năm 1985.

Trước tình hình trên, tháng 5/1986, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp bàn biện pháp thực hiện Nghị quyết 31 của Bộ Chính trị, trước hết tập trung lãnh đạo giải quyết tình trạng khó khăn, căng thẳng về lương thực trong 6 tháng cuối năm, thực hiện bù giá 6 mặt hàng định lượng (trừ lương thực) vào lương từ quý IV cho cán bộ, công nhân viên... Sự tập trung lãnh đạo, chỉ

đạo của Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Uỷ ban nhân dân tỉnh, sự phấn đấu nỗ lực của các ngành Lương thực, Thương nghiệp, Tài chính và tinh thần tự lo trong các cơ quan, đơn vị, trong nhân dân được động viên chỉ làm giảm phần nào những căng thẳng trước mắt về đời sống và sản xuất vào những tháng cuối năm.

Kinh tế sa sút, hoạt động của các ngành Y tế, Văn hoá, Giáo dục cũng chững lại. Cán bộ Ngành Y tế tuy rất cố gắng vượt lên khó khăn để làm tốt công tác vận động nhân dân phòng bệnh, tiêm chủng, vệ sinh môi trường, kế hoạch hoá gia đình..., nhưng tình trạng thiếu giường bệnh, thiếu thuốc chữa bệnh trở thành căn bệnh kéo dài. Hệ thống y tế xã, phường, thị trấn nhiều nơi không còn hoạt động, do không có tiền trả lương cho cán bộ y tế cơ sở, không có thuốc phục vụ người bệnh.

Ngành Giáo dục tuy có nhiều cố gắng, đã xây thêm được hơn 100 phòng học (chủ yếu là tre, nứa, lá), nhưng vẫn không khắc phục được tình trạng học sinh phải học ca ba; trang thiết bị (bàn ghế, đồ dùng học tập...) trong các nhà trường còn thiếu; chất lượng giáo dục thấp...

Sơ kết 6 tháng đầu năm 1986, Tỉnh uỷ đã khẳng định tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh nhà vẫn chưa ổn

định, nhiều vấn đề vừa cấp bách vừa cơ bản chưa được giải quyết. Mục tiêu của Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ đề ra không thực hiện được. Hậu quả chiến tranh chưa khắc phục triệt để, nhiều mặt của cơ chế cũ còn tồn tại dai dẳng; cơ chế mới chưa hình thành đồng bộ; trong lãnh đạo, điều hành vẫn còn sai lầm, thiếu sót... kinh tế - xã hội ngày càng lún sâu vào khủng hoảng, đời sống nhân dân lao động ngày càng khó khăn.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, việc chuẩn bị Đại hội đại biểu Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ V được tiến hành khẩn trương.

Ngay từ cuối năm 1985, đầu năm 1986, Tỉnh uỷ đã tập trung chỉ đạo hai đợt sinh hoạt chính trị quan trọng trong Đảng bộ. Một là, đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình từ cấp uỷ tỉnh đến từng đảng viên ở cơ sở. Hai là, tiến hành đại hội đảng các cấp từ chi bộ đến các đảng bộ trực thuộc.

Đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình theo Chỉ thị 79 của Ban Bí thư tập trung vào 3 nội dung chính: Phẩm chất, phong cách lãnh đạo và chính sách cán bộ. Với tinh thần đấu tranh thẳng thắn, trung thực, nhìn thẳng vào thiếu sót, khuyết điểm, có thái độ phê bình và tiếp thu đúng mức, cầu thị, đợt sinh hoạt tự phê bình

và phê bình đã thu được kết quả bước đầu có ý nghĩa quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ[1].

Đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình giúp cho cấp uỷ từ tỉnh đến cơ sở rút ra được nhiều bài học bổ ích, đồng thời nắm chắc được chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên phục vụ cho công tác nhân sự đại hội các cấp sắp tới.

Thực hiện Chỉ thị 80 - CT/TW ngày 11/3/1986 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiến hành đại hội đảng các cấp, Hội nghị Tỉnh uỷ (mở rộng) tháng 5 năm 1986 đã quyết định trọng tâm công tác Đảng 6 tháng cuối năm của Đảng bộ là tổ chức tốt đại hội

---

[1] Trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá IV), có 30% số uỷ viên vi phạm khuyết điểm về phẩm chất, phong cách lãnh đạo và thực hiện chính sách cán bộ, có 2 uỷ viên bị thi hành kỷ luật. Các cấp uỷ huyện, thành, thị và đảng uỷ trực thuộc có 472 uỷ viên tham gia đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình thì có 233 đồng chí (chiếm 48,8%) vi phạm phẩm chất, 293 đồng chí (62%) vi phạm về phong cách lãnh đạo, 140 đồng chí (29,7%) phạm khuyết điểm và thực hiện chính sách cán bộ. Trong số 285 cấp uỷ viên ở 60 cơ sở tham gia tự phê bình và phê bình thì có 23% vi phạm phẩm chất; 16,8% vi phạm về phong cách lãnh đạo. Trong số 2.165 đảng viên ở 67 cơ sở tham gia đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình, có 19% vi phạm về ý thức tổ chức kỷ luật, mê tín dị đoan; 36% tự tư tự lợi, nợ nần dây dưa, kỷ luật lao động lỏng lẻo, tham ô, móc ngoặc, ăn cắp của công.

đảng từ chi bộ trở lên. Tỉnh uỷ chọn Đảng bộ huyện Đại Từ tổ chức Đại hội điểm. Đảng bộ các huyện, thành, thị khác và đảng uỷ trực thuộc chọn 28 đảng bộ cơ sở làm thí điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung trong toàn Đảng bộ.

Nội dung đại hội các cấp lần này, ngoài việc tổng kết nhiệm kỳ, quyết định phương hướng nhiệm vụ và bầu cấp uỷ mới, còn thảo luận, tham gia ý kiến vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá V. Đến cuối tháng 9 năm 1986, tất cả 782 đảng bộ cơ sở trong 23 đảng bộ trực thuộc (trong đó 12 đảng bộ huyện, thành, thị) tổ chức đại hội thành công. Trong Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, thành, thị và các Đảng bộ trực thuộc, số mới tham gia chiếm tỷ lệ 56%, thay đổi 11 Bí thư (47,8%), 8 Chủ tịch huyện (34,7%) và 22 Phó Bí thư (95,6%), số nữ tăng 4,3%, trình độ văn hoá cấp II tăng 17,2%, trình độ đại học và trung học chuyên nghiệp tăng 16,2%.

Luồng gió đổi mới đã tạo nguồn sinh lực mới trong đời sống chính trị ở tỉnh nhà. Đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã sôi nổi đóng góp ý kiến vào bản tóm tắt Dự thảo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc và Đại hội Đảng bộ tỉnh. Chỉ tính riêng trong đại hội Đảng các cấp đã có 67.520 ý kiến tham gia vào văn kiện của Trung ương và của tỉnh.

Trong khi đó, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh thi đua sôi nổi lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc và Đại hội Đảng bộ tỉnh. Nhân dân huyện Định Hoá thi đua diệt trừ sâu rày nâu, rày xanh, cứu được trên 1.000 ha lúa; nhân dân các huyện Phổ Yên, Phú Bình chăm sóc 6.500 ha lúa sau lũ lụt, tu sửa 214 công trình thuỷ lợi, 66,8 km kênh mương. Công nhân Xưởng Luyện kim bột (thuộc Xí nghiệp Liên hiệp luyện kim màu) cải tiến lò chạy điện thành lò phản xạ nhiên liệu đốt bằng than, tiết kiệm mỗi tháng 1.200 kw điện. Phân xưởng thép (Nhà máy cán thép Gia Sàng) đúc thành công trục cán có đường kính 530 mm, trước đây phải mua của nước ngoài, tiết kiệm cho Nhà nước mỗi năm gần 1 triệu USD. Công ty xây dựng thuỷ lợi lấy việc xây dựng hồ chứa nước Phú Xuyên (Đại Từ) là công trình chào mừng Đại hội Đảng...

Từ ngày 13 đến ngày 15/8/1986, hơn 100 cán bộ chủ chốt của tỉnh gồm các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Trưởng, Phó các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Bí thư, Chủ tịch thành phố, thị xã, các huyện và Bí thư các đảng bộ trực thuộc tỉnh đã về dự Hội nghị nghiên cứu, thảo luận, quán triệt các dự thảo văn kiện sẽ trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng và dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá IV trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V.

Đợt sinh hoạt chính trị thảo luận, góp ý kiến vào văn kiện Đại hội VI của Đảng đã khơi dậy không khí cởi mở trong đội ngũ cán bộ cốt cán của tỉnh. Đây cũng là mốc mở đầu sự chuyển biến nhận thức và quan điểm về đường lối đổi mới của Đảng, về cách đánh giá tình hình của Đảng nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật; đánh giá tình hình một cách toàn diện, khách quan, có quan điểm lịch sử, đề cao tự phê bình và phê bình. Hội nghị đã góp phần quan trọng tạo ra chất lượng mới cho Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khoá IV trình bày tại Đại hội đại biểu Đảng bộ toàn tỉnh lần thứ V.

Từ ngày 21 đến ngày 25/10/1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V được tổ chức tại Rạp Chiếu bóng thành phố Thái Nguyên. Dự Đại hội có 350 đại biểu chính thức thay mặt cho hơn 42.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đồng chí Lê Quang Đạo, Bí thư Trung ương Đảng, về dự và chỉ đạo Đại hội.

Với tinh thần: *Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật và thực hiện đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế*, đồng chí Vũ Ngọc Linh, Uỷ viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ, trình bày Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, khẳng định những thành tựu đạt được, đồng thời cũng chỉ rõ những khuyết điểm, yếu kém trên từng lĩnh vực công tác của Đảng bộ trong nhiệm kỳ trước.

Vận dụng những quan điểm đổi mới được trình bày trong dự thảo văn kiện Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra mục tiêu phấn đấu của Đảng bộ trong 5 năm (1986 - 1990):

"Tất cả các ban, ngành, đoàn thể, các cấp trong tỉnh tập trung sắp xếp lại tổ chức và bộ máy, đổi mới tư duy và cơ chế quản lý nhằm nhanh chóng ổn định sản xuất, ổn định thị trường, giá cả, ổn định đời sống của nhân dân, nhất là công nhân viên chức và lực lượng vũ trang.

"Khắc phục hiện tượng tiêu cực xã hội, xây dựng nếp sống văn hoá mới, đặc biệt giải quyết thanh thiếu niên chậm tiến bộ, tăng thêm cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, trước hết là cơ sở hạ tầng của sản xuất; củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa theo hướng chuyển biến nhanh về chất. Hình thành cơ bản về cơ chế quản lý mới trong các lĩnh vực hoạt động kinh tế - xã hội. Thường xuyên đề cao cảnh giác, giữ vững an ninh chính trị và đảm bảo trật tự an toàn xã hội..."[1].

Báo cáo chính trị cũng đặt ra nhiệm vụ nâng cao sức chiến đấu của Đảng bộ, đặc biệt coi trọng công tác

---

[1] Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá IV... Tlđd

cung cố tổ chức cơ sở đảng, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những phần tử cơ hội, thoái hoá, biến chất, làm cho Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh hoàn thành nhiệm vụ kinh tế - xã hội những năm tới.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá V gồm 58 uỷ viên, trong đó số mới tham gia là 38 đồng chí, chiếm tỷ lệ 67,2%, tuổi đời bình quân 44,2, giảm 3,6 tuổi so với khoá trước. Tỷ lệ nữ trong Ban Chấp hành là 13,7% (tăng 7,1% so với khoá IV). Số có trình độ văn hoá cấp III chiếm 94,8%, tăng 27,1%, số có trình độ đại học và trung học chuyên nghiệp tăng 7,6% so với khoá IV...

Ngày 25 tháng 10 năm 1986, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá V họp phiên thứ nhất để bầu Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 11 uỷ viên. Các đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu làm Bí thư, Nguyễn Ngô Hai, Đặng Quốc Tiến làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V có ý nghĩa to lớn trong lịch sử Đảng bộ tỉnh nhà. Đại hội đã khơi dậy bầu không khí dân chủ, cởi mở trong cán bộ, đảng viên tham gia thảo luận, góp ý sôi nổi vào Báo cáo chính trị và công tác nhân sự. Nghị quyết Đại hội đã vạch ra phương hướng, nhiệm vụ cho toàn Đảng bộ và nhân

dân các dân tộc trong tỉnh ra sức xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội theo hướng đổi mới được nêu lên trong Dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá V sẽ trình tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên phấn khởi và tin tưởng bước vào thời kỳ đổi mới, ra sức thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội đề ra.

Chương III
LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (12/1986 - 12/1996)

I- Bước đầu thực hiện công cuộc đổi mới (12/1986 - 1990)

Trải qua 10 năm thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước, nhân dân ta đã giành được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực, cải biến được một phần cơ cấu của nền kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, chúng ta còn gặp nhiều khó khăn và khuyết điểm. Sai lầm về tổng điều chỉnh giá, lương, tiền cuối năm 1985 đã đưa nền kinh tế của đất nước đến những khó khăn mới. Kinh tế - xã hội nước ta lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Tình hình đất nước đòi hỏi Đảng phải tích cực chuẩn bị và tiến hành đại hội theo yêu cầu đổi mới.

Trong bối cảnh lịch sử ấy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng họp tại Hà Nội từ ngày 15 đến ngày 18/12/1986. Tiếp thu ý kiến xây dựng của toàn Đảng, toàn dân và tỏ rõ trách nhiệm của Đảng

đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc, Đại hội đã khẳng định những thành tựu, kiểm điểm sâu sắc những sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện những mục tiêu kinh tế – xã hội trong những năm qua. Đại hội chỉ rõ khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm, đặc biệt là những sai lầm về chính sách kinh tế là *bệnh chủ quan, duy ý chí*, lối suy nghĩ và hành động *giản đơn, nóng vội*, là khuynh hướng *buông lỏng quản lý kinh tế - xã hội.* Đại hội đã tổng kết 5 bài học và đề ra đường lối đổi mới, coi đổi mới là sự nghiệp sống còn của cách mạng nước ta.

Bốn tháng sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, tháng 4 năm 1987, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 2 bàn những giải pháp cấp bách về lưu thông phân phối, đưa ra mục tiêu phấn đấu thực hiện "*bốn giảm*"[1]. Hội nghị cũng đề ra chủ trương thực hiện chính sách thu mua nông sản của nông dân theo giá thoả thuận. Đây là điểm đột phá quan trọng về việc bỏ chính sách hai giá, thực hiện một giá thu mua nông sản.

---

[1] Giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm tốc độ lạm phát, giảm khó khăn trong đời sống nhân dân.

Thái Nguyên triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 trong hoàn cảnh có những khó khăn phức tạp, việc thực hiện các mục tiêu trong 3 chương trình kinh tế lớn không đạt. Sản xuất nông nghiệp do thời tiết xấu từ đầu năm đã bị thất thu tới 3 vạn tấn thóc, sản lượng lương thực giảm 1,9% so với năm 1986. Đàn lợn không đạt kế hoạch. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp thiếu vật tư, nguyên liệu, tiền vốn, giá cả thường xuyên biến động; một số hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp phải ngừng sản xuất.

Mặt hàng xuất khẩu của tỉnh chủ yếu là nông, lâm sản (lạc, chè, mành cọ, đồ dùng mây tre đan), nhưng do định giá thu mua thấp, lợi ích phân phối không công bằng giữa cơ quan xuất khẩu và người làm ra sản phẩm nên người nông dân, thợ thủ công không bán sản phẩm của mình cho công ty xuất khẩu. Do đó, năm 1987 kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 62,5% so với kế hoạch.

Từ ngày15 đến ngày 17/7/1987, Tỉnh uỷ họp bàn *Một số chủ trương, biện pháp thực hiện Nghị quyết 2 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng* và quyết định 3 nội dung lớn:

1- Một số chính sách về phân phối lưu thông, bao gồm: Chính sách cung ứng vật tư cho sản xuất; chính sách về tiêu thụ sản phẩm, chính sách và biện pháp giải quyết vấn đề tiền lương và đời sống cán bộ công nhân

viên chức; chính sách và biện pháp tăng thu, giảm bội chi ngân sách.

2- Đổi mới một bước về cơ chế quản lý và chỉ đạo sản xuất kinh doanh: Thực hiện xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên, đổi mới việc giao chỉ tiêu kế hoạch. Đối với sản xuất nông nghiệp (kể cả tập thể và cá thể), chỉ giao các loại thuế là chỉ tiêu pháp lệnh; việc huy động hàng hoá theo phương thức thoả thuận trên cơ sở hợp đồng kinh tế. Đối với sản xuất công nghiệp, xí nghiệp nào được Nhà nước cung ứng vật tư thì giao 3 chỉ tiêu: Giá trị sản lượng hàng hoá; số lượng và chất lượng sản phẩm (ứng với vật tư được nhận), các khoản nộp ngân sách. Các đơn vị không được Nhà nước cung ứng vật tư, chỉ giao 1 chỉ tiêu nộp ngân sách.

3- Tổ chức chỉ đạo thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất từ trên xuống dưới. Sắp xếp lại hệ thống tổ chức quản lý Nhà nước từ tỉnh xuống huyện, thành, thị, bố trí lại cán bộ theo yêu cầu của đổi mới. Trên cơ sở phổ biến, quán triệt đến tất cả cán bộ, đảng viên trong tỉnh sẽ tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 từ tháng 8/1987[1].

---

[1] Tỉnh uỷ Bắc Thái: Một số chủ trương, biện pháp thực hiện Nghị quyết 2 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Số 02-TUBT-22/7/1987.

Sau Hội nghị Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Uỷ ban nhân dân tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số biện pháp cải tiến phân phối lưu thông, "*trả lương đúng kỳ, bán lương thực đúng tháng*"; bù giá vào lương một số mặt hàng thiết yếu sát với giá thị trường.

Qua hai năm (1987 - 1988) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, dù "... khó khăn khách quan diễn ra liên tiếp và chi phối gay gắt thường xuyên trên tất cả các mặt đời sống kinh tế, xã hội của tỉnh, nhưng sản xuất và đời sống vẫn được giữ vững, không bị giảm sút đến mức nghiêm trọng. Trên một số lĩnh vực và trong từng cấp, từng ngành, từng cơ sở đã có những chuyển biến bước đầu về từng mặt và xuất hiện những nhân tố mới mở hướng thoát ra khỏi trì trệ quan liêu bao cấp của nhiều năm nay"[1].

Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn, trước hết là về lương thực. Từ cuối năm 1987, Tỉnh uỷ chủ trương giải quyết vấn đề lương thực trên địa bàn tỉnh bằng nhiều nguồn: Đẩy mạnh sản xuất

---

[1] Báo cáo tổng kết năm 1987 của Tỉnh uỷ Bắc Thái, ngày 27/1/1988.

lương thực không chỉ trong các đơn vị sản xuất nông nghiệp, mà ở tất cả các cơ quan, đơn vị có điều kiện, phát huy sức mạnh tổng hợp trên lãnh thổ, có chính sách cho phép các cơ quan, đơn vị và cơ sở sản xuất công nghiệp được mở rộng quyền tự trao đổi sản phẩm của mình để lấy lương thực ....

Trong hai năm 1987 - 1988, do thời tiết không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, nên hai vụ lúa chiêm, mùa đều bị thất thu. Tỉnh đã chủ trương mở rộng sản xuất vụ đông và đưa ngô xuân xuống chân ruộng một vụ, nâng cao hệ số sử dụng ruộng đất. Nhờ thế, tổng sản lượng lương thực của Thái Nguyên vẫn đạt bình quân 181.763 tấn/năm, bằng những năm được mùa. Tuy vậy, tình hình cung cấp lương thực trên địa bàn Thái Nguyên thời gian này vẫn rất căng thẳng. Tình trạng thiếu đói diễn ra ở nhiều nơi[1] , Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cứu đói hai đợt (tháng 2 và tháng 5/1988).

Cùng với sản xuất lương thực, Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát huy năng lực hiện có, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng

[1] Báo cáo kết quả trợ cấp cứu đói của UBND tỉnh tháng 5/1988.

phục vụ nhu cầu xã hội. Riêng với các hợp tác xã sản xuất thủ công nghiệp, từ tháng 8/1988, tỉnh cho chuyển mạnh từ phương thức gia công sang bán nguyên liệu, mua thành phẩm; cho phép các hợp tác xã được huy động vốn, kể cả vốn xã viên để phát triển sản xuất; lãi suất tiền vay do hai bên thoả thuận.

Ngoài nguồn vật tư theo kế hoạch, các xí nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp được phép tự tìm kiếm vật tư cho sản xuất; chấn chỉnh lại tổ chức cung ứng vật tư, bỏ những đơn vị trung gian không cần thiết, đảm bảo cung ứng vật tư từ 75% đến 85% nhu cầu cho mỗi cơ sở sản xuất. Nhờ đó, các đơn vị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong tỉnh từng bước đã "*khẳng định được hướng thoát ra để đi lên*"[1].

Thực hiện chương trình xuất khẩu, trong hai năm 1987 - 1988, các mặt hàng thêu, ren, mây tre đan... đã được khôi phục; đồng thời có thêm những mặt hàng mới, như găng tay, quần áo bảo hộ lao động... Kết quả quan trọng hơn là các cấp, các ngành trong tỉnh đã thấy rõ giá trị hoạt động ngoại thương tạo ra vốn ban đầu, có thu nhập cao cho người lao động và làm giàu cho

---

[1] Báo cáo hai năm (1987 - 1988) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Nghị quyết Đại hội lần thứ V Đảng bộ tỉnh Bắc Thái. Số 03/BC/BT - 30/1/1989, tr. 2.

tỉnh. Đời sống của những người lao động ở những cơ sở sản xuất, kinh doanh giỏi từng bước ổn định và được cải thiện nhiều mặt.

Trong hai năm 1987 - 1988, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã mạnh dạn cụ thể hoá nhiều chủ trương, chính sách của Trung ương thành các chính sách của địa phương:

Trong nông nghiệp, Tỉnh uỷ tiếp tục lãnh đạo thực hiện Chỉ thị số 100 (13/1/1981) của Ban Bí thư Trung ương về ***Cải tiến công tác khoán, mở rộng "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động" trong các hợp tác xã nông nghiệp.*** Tuy nhiên, Chỉ thị 100 ngày càng bộc lộ những mặt hạn chế và Tỉnh uỷ *"đã sớm phát hiện mâu thuẫn mới trong quá trình thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư..."*[1].

Sau khi nhận được dự thảo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, đầu năm 1988, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã tiến hành tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 100 và ra Nghị quyết 05 - NQ/BT (tháng 1/1988) nhằm đổi mới mạnh mẽ hơn nữa cơ chế quản lý hợp tác xã và cơ chế quản lý Nhà nước cấp tỉnh đối với nông nghiệp.

---

[1] Báo cáo hai năm (1987 - 1988) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Nghị quyết Đại hội lần thứ V Đảng bộ tỉnh... Tlđd, tr. 2.

Ngày 5/4/1988, Bộ Chính trị chính thức ban hành Nghị quyết ***Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp***, gọi tắt là *Khoán 10*.

Đông đảo nông dân các dân tộc trong tỉnh đồng tình hưởng ứng Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 05 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Vận dụng Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 05 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã đề ra nhiều chính sách đổi mới cơ chế quản lý, trong đó có chủ trương thực hiện chính sách một giá, thương mại hoá vật tư, người nông dân chỉ còn nghĩa vụ nộp thuế và các quỹ cho hợp tác xã, được tự do lưu thông sản phẩm của mình sau khi đã làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và hợp tác xã.

Được sự uỷ nhiệm của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, ngày 22/8/1989, Ban Kinh tế Tỉnh uỷ đã tổ chức Hội nghị sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 05 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Theo báo cáo của Ban Kinh tế, đến vụ Đông - Xuân 1988 - 1989, toàn tỉnh đã có 83,5% số hợp tác xã thực hiện khoán gọn theo tinh thần Nghị quyết 10; riêng thành phố Thái Nguyên, các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Định Hoá, Đại Từ và thị xã Sông Công, tỷ lệ đó là 100%.

Thông qua việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, bộ máy quản lý trong các hợp tác xã (tính từ

Đội phó sản xuất trở lên) được tinh giản[1]. Cũng nhờ đó, số thóc mỗi năm xã viên phải đóng góp chi trả công cho cán bộ trong bộ máy quản lý hợp tác xã đã giảm được hàng ngàn tấn. Lợi ích của người lao động được nâng lên, từ 50% đến 55% sản phẩm làm ra (khoán 100 chỉ từ 26% đến 30%), chưa kể phần vượt khoán. Đối với những hộ nông dân tự túc được giống và sức kéo, thì quyền lợi được hưởng đạt từ 70% đến 80% sản phẩm làm ra. Như vậy, lợi ích của người nhận khoán tăng từ 1,5 đến 3 lần so với trước.

Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Nghị định 169 của Hội đồng Bộ trưởng và Nghị quyết 05 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã giải phóng năng lực sản xuất nông nghiệp của tỉnh ở mọi thành phần kinh tế, trước hết là kinh tế gia đình.

Tính đến tháng 7 năm 1989, kinh tế gia đình ở tỉnh đã đưa lại 99,3% sản lượng thịt lợn, 90% sản lượng rau, 80% sản lượng lạc, 60% sản lượng chè, 100% sản lượng sắn và chiếm từ 63% đến 70% tổng thu nhập của hộ nông dân. Phát triển kinh tế gia đình còn tạo điều kiện giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần

---

[1] Bộ máy cán bộ quản lý hợp tác xã trong toàn tỉnh giảm từ 10.983 người (1986), còn 7.333 người (1988). Huyện Phú Bình giảm 54% (từ 2.976 xuống 1.075 cán bộ), Đồng Hỷ giảm 50%, thành phố Thái Nguyên giảm 43%...

giảm tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn trên địa bàn tỉnh còn 27% (năm 1989).

Thành phần Quốc doanh trong nông, lâm nghiệp là lực lượng nòng cốt, góp phần quan trọng vào việc thực hiện ba chương trình kinh tế lớn của tỉnh. Tuy nhiên, khi chuyển đổi cơ chế quản lý, các nông, lâm trường không theo kịp đà phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh, tỏ ra lúng túng, không đáp ứng kịp thời sản xuất. Năm 1989, tỉnh quyết định tất cả nông, lâm trường[1] trên địa bàn phải chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền tự chủ theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Nghị định 169 của Hội đồng Bộ trưởng và Nghị quyết 05 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; thực hiện rộng rãi chế độ khoán sản phẩm cuối cùng đối với người lao động trong đơn vị. Các công ty dịch vụ phải đổi mới cơ chế hoạt động phù hợp với chế độ khoán mới.

Trong công nghiệp, thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 3 (8/1987) và Quyết định 217 ngày 14/1/1987 của Hội đồng Bộ trưởng về chuyển hoạt động của các đơn vị công nghiệp quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa,

[1] Đến năm 1989, trên địa bàn Thái Nguyên có 4 nông trường Quốc doanh: Sông Cầu, Quán Chu, Bắc Sơn và Phú Lương

Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã từng bước tháo gỡ những rào cản, giao quyền xây dựng kế hoạch cho các cơ sở. Tỉnh chỉ giao chỉ tiêu pháp lệnh tương ứng với những điều kiện vật tư đã cung cấp cho cơ sở. Những đơn vị khó khăn về vốn kinh doanh, sẽ được Ngân hàng tỉnh cho vay. Công ty Gang thép Thái Nguyên, Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, các nhà máy cơ khí của tỉnh được để lại lợi nhuận, được giảm thuế vốn, cho nợ tiền điện để có vốn đầu tư chiều sâu...

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, hầu hết các đơn vị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh đều chuyển hướng sản xuất, thay đổi mặt hàng phù hợp với yêu cầu của thị trường. Nhiều xí nghiệp đã đầu tư hàng trăm triệu đồng thay đổi dây chuyền công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Do nhu cầu của thị trường, trong hai năm 1988 - 1989, tỉnh chủ trương không hạn chế các xí nghiệp trung ương, địa phương, quốc phòng, các trường đào tạo công nhân kỹ thuật (Trường Công nhân kỹ thuật Việt Đức, Trường Việt Bắc, Trường Cơ khí luyện kim, Trường Công nhân kỹ thuật 3...) cùng sản xuất một mặt hàng (máy tuốt lúa, xe cải tiến, phụ tùng xe đạp, đồ dùng gia đình...), khuyến khích tất cả các đơn vị mạnh dạn đầu tư cho phát triển sản xuất, phát triển

mặt hàng, cạnh tranh nhau trên chất lượng, giá thành để tồn tại và phát triển.

Thực hiện Nghị quyết 16 và các Quyết định 27, 28, 29 của Hội đồng Bộ trưởng, Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh chọn thành phố Thái Nguyên làm điểm chỉ đạo để rút kinh nghiệm về đổi mới quan điểm đối với các thành phần kinh tế.

Thực tế cho thấy tình hình hoạt động kinh tế tập thể ở các hợp tác xã và tổ hợp sản xuất kinh doanh tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ trong phạm vi toàn tỉnh nói chung và ở thành phố Thái Nguyên nói riêng đã diễn ra theo bốn hướng: Một số doanh nghiệp thích ứng với cơ chế mới, có khả năng tồn tại và vươn lên (Hợp tác xã Cộng Lực); một số hợp tác xã hoạt động cầm chừng, tìm lối thoát khỏi sự bế tắc (Cơ khí Bắc Nam, Hồng Hà, Thuỷ tinh Dân chủ...); một số hợp tác xã tồn tại trên hình thức dưới vỏ bọc tập thể, nhưng quan hệ sở hữu, quản lý và phân phối đã có thay đổi căn bản (hầu hết là trong hợp tác xã mua bán ở phường, xã); nhiều hợp tác xã bị giải tán (Hợp tác xã Khánh Hoà, nhuộm, làm phấn viết, giấy màu, Hợp tác xã Cửu Long, Việt Bắc...).

Từ thực tế ấy, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ nêu rõ tư tưởng chỉ đạo là các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng với nhau và bình đẳng trước

pháp luật; chính quyền các cấp trong tỉnh tạo ra môi trường thuận lợi cho các hợp tác xã, tổ hợp sản xuất tiểu thủ công nghiệp phát triển.

Tháng 9/1988, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Thành phố Thái Nguyên từ chỗ chỉ có 4 hợp tác xã và 20 tổ hợp, bốn tháng sau khi có chính sách của tỉnh, đã có 20 hợp tác xã và 36 tổ hợp, trong đó có 32 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, 8 cơ sở xây dựng, 16 cơ sở dịch vụ với quy mô đa dạng, thu hút 3.929 lao động với số vốn khoảng 400 triệu đồng (giá cố định năm 1985). Nhiều cơ sở, nhiều gia đình bỏ vốn đầu tư cho sản xuất hàng chục triệu đồng (Tổ hợp cơ khí Phan Đình Phùng, Tổ hợp sản xuất bột màu, Tổ đúc gang Gia Sàng...). Nhiều mặt hàng mới (bìa cát tông, đồ gang đúc, đồ gỗ, vật liệu xây dựng...) được đưa vào lưu thông và người tiêu dùng chấp nhận. Bước chuyển biến quan trọng là tỉnh thay đổi cơ chế quản lý, các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngoài quốc doanh được giao về cho xã, phường trực tiếp quản lý; gắn trách nhiệm của chính quyền cơ sở với việc phát triển kinh tế nhiều thành phần; tạo ra sự năng động, sáng tạo, chủ động ngay từ cơ sở, động viên được đông đảo các tầng lớp nhân dân bỏ vốn ra kinh doanh sản xuất, tạo ra nhiều của cải cho xã hội.

Theo quan điểm chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, thành phố Thái Nguyên là trung tâm thương mại, đầu mối giao lưu kinh tế không chỉ của tỉnh mà còn là của vùng. Việc mở rộng thị trường ở thành phố Thái Nguyên là đòn bẩy thúc đẩy sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân và tăng thu nguồn thu ngân sách cho địa phương. Với quan điểm đó, Tỉnh uỷ chủ trương cho thành phố Thái Nguyên mở rộng thị trường xã hội, kinh doanh tổng hợp của nhiều thành phần kinh tế, động viên mọi người bỏ vốn kinh doanh.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh uỷ, ngày 5/8/1988, Ban Thường vụ Thành uỷ Thái Nguyên đã họp và ra Nghị quyết số 124/NQ - TP về ***Một số vấn đề phát triển kinh tế phường, xã và công tác lưu thông phân phối hiện nay***. Nghị quyết của Ban Thường vụ Thành uỷ là cơ sở cho thị trường thành phố được mở cửa, thị trường xã hội trên địa bàn thành phố trở nên nhộn nhịp. Nguồn hàng từ ngoài đưa vào thành phố ngày càng dồi dào, phong phú, thu hẹp dần sự mất cân đối giữa cung và cầu; giá cả, đặc biệt là giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng dần dần đi vào ổn định.

Đánh giá kết quả sau 2 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng trên địa bàn tỉnh, Tỉnh uỷ cho rằng: *"Tình hình kinh tế - xã hội... vẫn trong tình trạng sản xuất không đủ tiêu dùng, chưa có tích luỹ, hiện tại sống*

được một phần nhờ vào sự hỗ trợ của Trung ương và có nơi ăn cả vào vốn. Điều này được thể hiện tốc độ tăng dân số bình quân 2,11%, lương thực giải quyết tại chỗ giảm 2,87%, ngân sách chi, Trung ương trợ cấp tới 42%, sản xuất hàng tiêu dùng bằng 30% mục tiêu Đại hội đề ra... tỉnh chưa thực hiện được mục tiêu ổn định sản xuất, ổn định thị trường, giá cả và ổn định đời sống nhân dân..."[1].

Song song với lãnh đạo thực hiện đổi mới và phát triển kinh tế, hệ thống chính trị được quan tâm xây dựng và củng cố theo tinh thần Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị và Thông tri 11 của Ban Bí thư Trung Đảng. Ngày 23/10/1987, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đưa ra Kế hoạch số 74 KH - BT *Triển khai thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội.*

Bản Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đặt ra 2 yêu cầu của cuộc vận động: Trước hết cấp uỷ các cấp và đảng viên trong toàn Đảng bộ phải coi cuộc vận động này là một cuộc đấu tranh gay go và rất phức tạp

---

[1] Báo cáo hai năm (1987 - 1988) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI... Tldd, tr. 7.

nhằm xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt đối với việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ V. Do đó, thực hiện cuộc vận động này không chỉ là trách nhiệm của các tổ chức Đảng, mà còn là trách nhiệm của tất cả hệ thống chính trị từ tỉnh xuống đến cơ sở. Hai là, cuộc vận động xây dựng Đảng được tiến hành trong tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh có những diễn biến phức tạp, phải kết hợp đúng đắn giữa "*xây*" và "*chống*", "*chống*" để phục vụ "*xây*" và lấy "*xây*" làm mục đích của cuộc vận động.

Ngay từ cuối năm 1987, thực hiện Kế hoạch 74 của Tỉnh uỷ, các cấp uỷ đã triển khai rộng rãi việc phổ biến Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị gắn với học tập nghiên cứu Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, các Nghị quyết của Trung ương và Tỉnh uỷ về phân phối lưu thông, về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng Đảng, an ninh và quốc phòng. Các Đảng bộ Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên, thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công,Công ty Gang thép, Công ty Xây lắp II, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh... đã tổ chức quán triệt nhiều lần cho nhiều đối tượng.

Thực hiện Chỉ thị 23 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, các Ban chỉ đạo cuộc vận động từ tỉnh xuống đến cơ sở đã tiến hành rà soát, xem xét, xử lý các vụ việc đảm bảo đúng phương châm, nguyên tắc, thủ tục và các bước tiến hành.

Trong 3 năm (1987 - 1989), toàn Đảng bộ đã xử lý kỷ luật 17 tổ chức cơ sở Đảng (khiển trách 12, cảnh cáo 5) về những sai lầm vi phạm chính sách, vi phạm nguyên tắc sinh hoạt Đảng, vi phạm quyền làm chủ của quần chúng; thi hành kỷ luật 1.323 đảng viên, trong đó có 20 đảng viên thuộc diện Tỉnh uỷ quản lý (khiển trách 217 đồng chí, cảnh cáo 327, cách chức 98, khai trừ 389, đưa ra khỏi Đảng 247) do lịch sử chính trị bản thân, vi phạm chính sách pháp luật, vi phạm nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng...[1].

Trong quá trình thực hiện cuộc vận động, các cấp, các ngành đã tổ chức tốt khâu tiếp dân, thực hiện công khai và mở rộng dân chủ trong tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước, các đoàn thể quần chúng; tôn trọng và lắng nghe ý kiến của quần chúng. Những đảng viên, cán bộ có khuyết điểm đã tích cực sửa chữa, được nhân dân tin cậy.

---

[1] Tỉnh uỷ Bắc Thái: B/c tình hình sau hơn 2 năm thực hiện NQ 04 của Bộ Chính trị, 13/2/1990, tr. 5.

Cũng trong 3 năm tiến hành cuộc vận động, Đảng bộ đã kết nạp được 2.939 đảng viên mới. Tuy nhiên, công tác phát triển Đảng ở thời gian này bị xem nhẹ; chỉ có 205/800 tổ chức cơ sở Đảng kết nạp được đảng viên mới.

Thực hiện Thông tri số 11 của Ban Bí thư về ***Sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể***, các cấp uỷ Đảng đã tiến hành đánh giá thực trạng bộ máy, nghiên cứu xây dựng phương án sắp xếp lại tổ chức ở từng đơn vị. Qua đó, bộ máy tổ chức từ tỉnh xuống huyện giảm đáng kể [1]. Cùng với sắp xếp tổ chức là tinh giảm biên chế, có đơn vị giảm tới 30%, bình quân toàn tỉnh giảm gần 20%.

Ngày 8/9/1988, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Thông tri số 19/TT - BT hướng dẫn các đảng bộ trực thuộc thực hiện Chỉ thị 37 CT - TW ngày 17/5/1988 của Ban Bí thư Trung ương về tổ chức đại hội đảng bộ cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở.

Đại hội hai cấp lần này được tiến hành sau gần 3 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và đã qua một bước đợt sinh hoạt chính trị quan trọng theo

---

[1] Cấp huyện, thành từ bình quân 20 phòng, ban, nay còn 12. Cấp tỉnh, khối Đảng từ 10 ban nay còn 7 (kể cả văn phòng cấp uỷ), khối chính quyền từ 28 sở, ban ngành, nay còn 23.

tinh thần Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị, do đó tất cả 23 đảng bộ trực thuộc và 800 tổ chức cơ sở đảng của Đảng bộ đã tiến hành đại hội xong vào cuối tháng 6 năm 1989 có chất lượng cao, "*có sự đổi mới khá rõ nét, không khí dân chủ trong Đảng được nâng lên*"[1].

Trong quá trình theo dõi, chỉ đạo đại hội, Tỉnh uỷ yêu cầu các cấp uỷ phải thực hiện đúng quy trình, bảo đảm dân chủ, công khai, không áp đặt, gò ép, thăm dò tín nhiệm nhiều lần cả trong Đảng và ngoài Đảng; phải đổi mới công tác cán bộ.

Tính đến tháng 6/1989, toàn Đảng bộ có 49.347 đảng viên, trong đó có 2.398 đảng viên dự bị, sinh hoạt ở 800 chi, đảng bộ cơ sở. Đại hội đảng bộ cơ sở lần này đã bầu 3.885 đồng chí vào Ban Chấp hành khoá mới, giảm 36 uỷ viên so với khoá trước (bằng 9%). Số tham gia cấp uỷ mới là 1.146 (bằng 29,5%). Số Bí thư mới có 256 đồng chí (bằng 32%). Riêng Bí thư đảng uỷ phường, xã, thị trấn đổi mới 150 đồng chí (59,2%), thay đổi Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cơ sở 87 đồng chí (33%).

---

[1] Báo cáo tổng kết đại hội đảng bộ cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở của Tỉnh uỷ. Số 09 BC/TU, ngày 26/5/1989, tr. 1.

Số uỷ viên Ban Chấp hành các đảng bộ trực thuộc nhiệm kỳ mới gồm 555 đồng chí (giảm 118 đồng chí so với nhiệm kỳ trước); trong đó có 51 đồng chí nữ (9,1%), 149 đồng chí là dân tộc ít người (26,2%), tuổi đời bình quân là 43, trình độ văn hoá tốt nghiệp cấp III có 374 đồng chí (67%). So với khoá trước, số đồng chí đã học qua lý luận chính trị cao cấp tăng 2,9%, đại học và trung học chuyên nghiệp tăng 14,3%. Nhìn chung, chất lượng so với khoá trước được nâng lên rõ rệt.

Với mục tiêu làm lành mạnh các quan hệ xã hội, trong 2 năm (1988 - 1989), các cấp uỷ Đảng và chính quyền trong tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, nhưng kết quả còn hạn chế. Từ tháng 8 năm 1989 đến 3/1/1990, thực hiện Chỉ thị 135 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Thái Nguyên đã mở chiến dịch truy quét tội phạm, truy bắt 566 tên tội phạm, bắt và xử lý 341 đối tượng tệ nạn xã hội; khám phá 228 vụ án kinh tế, bắt giữ xử lý 1.291 đối tượng; triệt phá 20 ổ nhóm tội phạm, 8 ổ nhóm hoạt động mại dâm... Kết quả đó đã làm cho tình hình trật tự an toàn xã hội bớt căng thẳng hơn, nhưng chưa thành phong trào quần chúng.

Thông qua việc thực hiện các Nghị quyết 2, 3 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết 04 của Bộ

Chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V và các nghị quyết của Tỉnh uỷ, các tổ chức đảng từ đảng bộ trực thuộc xuống chi bộ dưới cơ sở đã thực sự tạo ra được sự chuyển biến bước đầu rất quan trọng.

Năm 1989, năm thứ 3 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V và cũng là năm đầu tiên Thái Nguyên giành thắng lợi trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh dưới ánh sáng đường lối đổi mới của Đảng.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, lần đầu tiên Thái Nguyên đạt 194.873 tấn lương thực; trong đó riêng thóc là 173.859 tấn, tăng 17.929 tấn so với năm 1986 (hơn 12%), bình quân 240 kg lương thực/người/năm. So với nhu cầu còn thấp, nhưng do tỉnh thực hiện chính sách mở cửa, khuyến khích các nơi đưa lương thực vào địa bàn tỉnh, nên thị trường lương thực phong phú, giá cả tương đối ổn định, kể cả lúc giáp hạt, không còn tình trạng thiếu đói gay gắt như nhiều năm trước. *Lần đầu tiên Thái Nguyên giải quyết được vấn đề lương thực ở cả 2 khu vực sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp*[1].

Do giá cả lương thực ổn định, lượng lương thực hàng hoá phong phú, nên chăn nuôi cũng phát triển.

---

[1] Báo cáo công tác năm 1989 của Tỉnh ủy, ngày 18/1/1990, tr.2

Tổng đàn gia súc tăng bình quân hằng năm từ 3 - 12% so với năm 1986 (trong đó đàn bò tăng 12%, đàn trâu và lợn tăng 3%).

Trồng rừng theo dự án đầu tư của PAM được 4.300 ha, trong đó có 3.680 ha tập trung, gấp 4 lần những năm trước, giá thành hạ 50%, số cây sống đạt tỷ lệ 95%. Kết quả này cũng là bài học đầu tư vốn trồng rừng vào các hộ gia đình gắn liền với việc giao đất, giao rừng cho các hộ cùng với chính sách đảm bảo lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài cho người trồng rừng.

Với việc đổi mới cơ chế quản lý theo Quyết định 217 cùng với việc xử lý của tỉnh về tài chính (đã giải quyết 86% nhu cầu về vốn ngân sách cho cả xí nghiệp Trung ương và địa phương), phần lớn trong số 59 xí nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh bước đầu tự mình thoát ra khỏi trì trệ và có hướng đi lên. Xí nghiệp Liên hiệp Gang thép lần đầu tiên sản xuất vượt kế hoạch 55%, xuất khẩu được 4 vạn tấn thép. Công ty Xây lắp II từ 6 mặt hàng, đã vươn lên 20 mặt hàng có chất lượng cao, mẫu mã đẹp, được thị trường chấp nhận. Đặc biệt sản phẩm vật liệu xây dựng là thế mạnh của tỉnh, đã được mở rộng cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển sản xuất, không ngừng thoả mãn nhu cầu xây dựng của nhân dân trong tỉnh.

Thị trường xã hội phong phú, sầm uất, hàng hoá đa dạng, giá cả tương đối ổn định. Văn minh thương nghiệp được nâng cao; đồng tiền bắt đầu có giá trị. Đời sống nhân dân dần dần ổn định; số lao động trong các xí nghiệp một vài năm trước đây phải nghỉ chờ việc, nay đã trở lại đơn vị làm việc, có thu nhập ổn định. Đời sống đại bộ phận nông dân khá dần lên, đã có 10% số hộ giầu, 30% khá và 50% đủ ăn, không còn tình trạng thiếu ăn lúc giáp hạt.

Các ngành Văn hoá, Giáo dục, Y tế có những hoạt động tích cực. Sinh hoạt văn hoá lành mạnh hơn, đã xoá bỏ những tụ điểm chiếu băng hình có nội dung xấu. Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới ở khu dân cư rộng rãi trong toàn tỉnh có tác dụng thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân vào những hoạt động văn minh, tiến bộ. Cấp uỷ Đảng, chính quyền cơ sở sau khi được phân cấp quản lý xây dựng trường lớp đã quan tâm hơn tới việc tạo dựng cơ sở vật chất cho con em học tập. Trừ các huyện Định Hoá, Phú Lương và Võ Nhai gặp khó khăn, các huyện, thành, thị còn lại đã thực hiện ngói hoá trường lớp từ 60 – 100%. So với năm 1986, số học sinh phải học ca 3 giảm 73%. Việc mở hệ B trong giáo dục phổ thông trung học, trường vừa học vừa làm, giáo dục hướng nghiệp trong xí nghiệp công nghiệp... đã thu hút nhiều con em tham gia

học tập, từng bước khắc phục tình trạng thất học cho thanh, thiếu niên.

Bên cạnh những mặt đạt được, một số mục tiêu do Đại hội lần thứ V của Đảng bộ tỉnh đề ra còn đạt kết quả thấp. Vấn đề lương thực chưa được giải quyết một cách vững chắc, lượng dự trữ mỏng; trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn 10% cơ sở chưa thoát khỏi khó khăn, một số phải ngừng sản xuất, 20% trong tổng số công nhân không có việc làm; giá trị tổng sản lượng bằng 68% năm 1988. Ngân sách thất thu lớn (thuế công, thương nghiệp chỉ đạt 40%); thu quốc doanh các xí nghiệp Trung ương trên địa bàn tỉnh đạt 36%... Tỉnh phải vay ngân hàng 3,38 tỷ với lãi suất 6,5% để trả lương cho cán bộ khu vực hành chính sự nghiệp.

Văn hoá, xã hội trên địa bàn tỉnh có một số mặt xuống cấp nghiêm trọng: Chất lượng dạy và học giảm sút, năm học 1988 – 1989 có tới 15% trong tổng số học sinh của tỉnh bỏ học; hoạt động của các đoàn nghệ thuật, các đơn vị chiếu bóng chưa phục vụ tốt nhu cầu văn hoá của nhân dân; chất lượng khám, chữa bệnh ở tuyến huyện và cơ sở giảm sút nhiều...

Mặc dù còn có một số mặt hạn chế, yếu kém, nhưng những thành tựu đạt được trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội trong 3 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới có ý

nghĩa chiến lược. Nó đã tạo ra bầu không khí phấn khởi trong các tầng lớp nhân dân, lòng tin vào Đảng từng bước được khôi phục, cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ thấy rõ hơn trách nhiệm trong sự nghiệp đổi mới, tích cực đổi mới phương pháp lãnh đạo, đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, chăm lo xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Năm 1989, Tỉnh uỷ đã cử 6 cán bộ đi học ở Trường Đảng cao cấp, 109 đồng chí (trong đó có 79 là cán bộ xã, phường) học trung cấp lý luận. Công tác phát triển Đảng được đẩy mạnh. Trong sáu tháng đầu năm, Đảng bộ kết nạp được 488 đảng viên mới, trong đó gần 30% là nữ, đa số có trình độ văn hoá cấp III, số có trình độ đại học và cao đẳng chiếm 20%.

Cùng thời gian trên, Đảng bộ lãnh đạo tổ chức tốt cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp. Nhìn chung, cuộc bầu cử diễn ra đúng luật, an toàn. Thông qua kết quả cuộc bầu cử, bộ máy chính quyền các cấp từ tỉnh xuống xã được củng cố, có đủ năng lực điều hành mọi mặt công tác.

Các đoàn thể quần chúng có nhiều hoạt động thiết thực. Đoàn Thanh niên có phong trào ***Xây dựng chi đoàn mạnh***, Hội Phụ nữ có phong trào ***Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình***, ***Giáo dục kiến thức làm mẹ***... Tuy nhiên, phong trào chưa đều, chưa thu hút

được đông đảo quần chúng để tạo nên sức mạnh tổng hợp thúc đẩy phong trào cách mạng của địa phương...

Có thể khẳng định, đến năm 1989, tình hình kinh tế - xã hội trong tỉnh đã có nhiều mặt phát triển đi lên. Sản xuất nông nghiệp đã có những tín hiệu tốt, nhưng ở các huyện Định Hoá, Phú Lương, Đồng Hỷ, Đại Từ lại xảy ra mâu thuẫn trong nội bộ nông dân, nổi lên là các vụ tranh chấp ruộng đất; có huyện xảy ra tranh chấp rất gay gắt. Riêng Đồng Hỷ, toàn huyện có 18 xã thì 10 xã có 265 vụ tranh chấp, trong đó trầm trọng hơn cả là xã Nam Hoà xảy ra 165 vụ trên diện tích 200 mẫu. Ở những nơi này, một số cán bộ, đảng viên hiểu sai về dân chủ, không nhận thức rõ tính chất phức tạp của vấn đề ruộng đất, cho nên đã buông lỏng lãnh đạo...

Trước tình hình trên, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã kịp thời có chỉ thị yêu cầu các cấp bộ Đảng tăng cường công tác giáo dục đảng viên, kiên trì vận động quần chúng ở những "điểm nóng" (Định Hoá, Đồng Hỷ, Phú Lương...), kiện toàn tổ chức Đảng và chính quyền cơ sở, xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên cố tình vi phạm kỷ luật và pháp luật, vận dụng các giải pháp đúng đắn có lý, có tình, phát huy tình làng nghĩa xóm, đoàn kết giúp nhau đẩy mạnh sản xuất, xây dựng nông thôn mới... Nhờ đó, tình hình ở một số nơi có tranh chấp từng bước được ổn định.

Vào những năm cuối cùng của thập kỷ 80, tình hình quốc tế có những biến động phức tạp. Chế độ Xã hội chủ nghĩa ở nhiều nước Đông Âu lần lượt sụp đổ, khủng hoảng chính trị ở Liên Xô, sự kiện Thiên An Môn ở Trung Quốc (1989)... đã tác động nhiều đến tư tưởng cán bộ và nhân dân trong tỉnh. Không ít cán bộ, đảng viên có biểu hiện mơ hồ, mất cảnh giác với âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Đáng chú ý là bắt đầu nẩy sinh tư tưởng muốn rập khuôn kinh nghiệm cải tổ, cải cách của nước ngoài, đòi dân chủ công khai một cách cực đoan, thực hiện chuyển nhanh sang cơ chế thị trường tự do, tư nhân hoá hoàn toàn nền kinh tế...

Trong bối cảnh ấy, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (15 - 24/8/1989) ra Nghị quyết ***Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay***. Tháng 9/1989, Ban Bí thư ra Chỉ thị chỉ đạo chặt chẽ quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 trong cán bộ cốt cán của Đảng.

Tháng 10/1989, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ triệu tập Hội nghị cán bộ chủ chốt của tỉnh quán triệt Nghị quyết Trung ương 7, nhằm thống nhất nhận thức về chính trị, tư tưởng trên những nội dung cơ bản: Những sai lầm về nguyên tắc trong cải tổ, cải cách ở một số

nước xã hội chủ nghĩa, nguyên nhân khủng hoảng chính trị và sụp đổ của chế độ Xã hội chủ nghĩa ở một số nước Đông Âu; âm mưu, thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc...

Triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đề ra nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân trong tỉnh tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, nâng cao cảnh giác đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội dưới mọi hình thức và chống mọi luận điệu của các thế lực thù địch, tin tưởng vào đường lối và bước đi đúng đắn mà Đảng đã vạch ra.

Nhân kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đã gửi thư tới toàn thể đảng viên và đồng bào cả nước, kêu gọi đẩy mạnh công cuộc đổi mới theo con đường xã hội chủ nghĩa. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ thị cho các huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ và các đảng uỷ trực thuộc tiến hành đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ và trong nhân dân, thảo luận thư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và diễn văn của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, kết hợp góp ý kiến vào dự thảo văn kiện về công tác quần chúng của Đảng.

Đầu tháng 2/1990, Tỉnh uỷ họp Hội nghị lần thứ 14 bàn về ***Phương hướng nhiệm vụ công tác năm 1990***. Hội nghị thông qua nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế - xã hội của Đảng bộ trong năm 1990:

- Tiếp tục phát triển nông nghiệp toàn diện, mục tiêu số một là sản xuất lương thực, thực phẩm. Phấn đấu năm 1990 sản xuất lương thực tại chỗ đạt mức bình quân đầu người 260 kg, xoá dần tình trạng thiếu đói giáp hạt trong nông dân. Gắn kinh tế đồi rừng với kinh tế gia đình, thực sự làm cho đất đồi rừng và chế biến nông sản, lâm sản trở thành một trong những mũi nhọn kinh tế của tỉnh. Gắn sản xuất với thị trường...

- Về sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, khắc phục tình trạng tự bung ra không có định hướng của năm trước, tập trung vào ngành mũi nhọn là chế biến công nghiệp chè, cọ, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác, chế biến khoáng sản, tất cả các cơ sở sản xuất chuyển hẳn sang chế độ hạch toán, kinh doanh; những đơn vị làm ăn thua lỗ kéo dài kiên quyết cho chuyển sang hình thức tập thể hoặc đấu thầu, thu hồi vốn cho ngân sách.

- Về xây dựng cơ bản, quản lý chặt chẽ và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn vốn phục vụ phát triển ba chương trình kinh tế của tỉnh. Đầu tư hợp lý, có trọng điểm một số công trình phục vụ đời sống dân sinh ở thành phố Thái Nguyên và trong các lĩnh vực y tế, giáo dục ở vùng sâu, vùng cao.

- Sắp xếp lại hệ thống thương nghiệp và dịch vụ nhằm phục vụ tốt hơn nữa phát triển sản xuất và đời

sống. Kiên quyết chuyển hướng kinh doanh hoặc chuyển hình thức sở hữu những đơn vị kinh doanh mặt hàng không thiết yếu bị thua lỗ kéo dài. Khắc phục ngay tình trạng tư nhân đội lốt "quốc doanh" để trốn thuế, tất cả các hàng hoá ở các cửa hàng đều phải niêm yết giá.

- Dành ngân sách đầu tư thích đáng cho hoạt động y tế, giáo dục, văn hoá, cho các đối tượng chính sách, vùng sâu, miền núi, vùng cao, khắc phục nhận thức xoá bao cấp tràn lan, phân định rõ giữa hoạt động có tính chất chính sách xã hội với hoạt động phải hạch toán kinh doanh của các đơn vị quốc doanh.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự xã hội. Xây dựng quốc phòng toàn dân, hướng mọi hoạt động quốc phòng an ninh về cơ sở, gắn hoạt động quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế. Duy trì thường xuyên việc truy quét bọn tội phạm hình sự, trừng trị nghiêm minh, kịp thời bọn tội phạm về an ninh, trật tự xã hội, tội phạm kinh tế. Kiên quyết giữ vững an ninh chính trị và lập lại kỷ cương, an toàn xã hội.

Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ khẳng định: Muốn đổi mới thành công, điều quan trọng là phải đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng, điều hành của Nhà nước và

hoạt động của các đoàn thể trên 2 lĩnh vực tư tưởng và tổ chức.

Ngày 21/2/1990, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 28 - CT/TU ***Về việc mở đợt sinh hoạt chính trị nâng cao năng lực lãnh đạo và rèn luyện phẩm chất đảng viên***, nhằm đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng Đảng theo tinh thần Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị; trong đó đổi mới sự lãnh đạo của cấp uỷ và nâng cao phẩm chất đảng viên có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ các mục tiêu khác. Thông qua đợt sinh hoạt chính trị mà đẩy mạnh công tác tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng, tổ chức quần chúng góp ý kiến xây dựng Đảng, kiểm tra đảng viên chấp hành chính sách, pháp luật. Đợt sinh hoạt này tiến hành trong năm 1990.

Tháng 3 năm 1990, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) họp Hội nghị lần thứ 8. Hội nghị đã thảo luận và thông qua hai Nghị quyết quan trọng: Nghị quyết 8A về ***Tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta*** và Nghị quyết 8B về ***Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân***.

Tháng 5/1990, Nghị quyết 8B của Trung ương Đảng được quán triệt sâu rộng trong toàn Đảng bộ và

các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể quần chúng đều có chương trình đổi mới phương thức hoạt động theo tinh thần Nghị quyết 8B. Nhiều hoạt động hướng về cơ sở với nhiều hình thức và nội dung thiết thực.

Thực hiện Quyết định 240-QĐ/HĐBT (ngày 26/6/1990) của Hội đồng Bộ trưởng, ngày 27/7/1990, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 31/CT - TU về ***Thực hiện Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng về đấu tranh chống tham nhũng***. Chỉ thị nêu rõ: "*Tất cả các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị, trường học, bệnh viện, xí nghiệp... kể cả Trung ương và địa phương đóng trên địa bàn tỉnh phải nghiêm túc thực hiện Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng*", "*... phải gắn với việc thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 28 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, với việc rà soát đội ngũ cán bộ đảng viên, đồng thời phải coi đây là việc làm thường xuyên ở mọi cấp, mọi ngành và đơn vị*".

Ngày 2/8/1990, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch ***Triển khai thực hiện Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng*** và quyết định chọn 6 đơn vị làm thí điểm chỉ đạo gồm: Liên hiệp Xí nghiệp chè, Liên hiệp Xí nghiệp chăn nuôi, Công ty Nông sản thực phẩm,

Công ty Xây dựng thuỷ lợi, Công ty Xổ số và Tổng kho A20 (Chi cục Dự trữ lương thực Quốc gia). Đây là những đơn vị có nhiều sai phạm trong sản xuất, kinh doanh, trong quản lý tài sản, tài chính và trong việc thực hiện dân chủ nội bộ...

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng và chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, thách thức, giành được một số thành tích đáng kể trên các mặt kinh tế - xã hội, nhất là an ninh, quốc phòng, duy trì sự ổn định về chính trị.

Sản lượng lương thực tuy có giảm sút, nhưng chăn nuôi gia súc, gia cầm trong khu vực kinh tế gia đình tăng theo hướng sản xuất hàng hoá, xuất hiện hàng ngàn gia đình làm kinh tế giỏi, có thu nhập cao. Diện tích trồng rừng tăng gấp 2 lần so với 1989.

Do đổi mới công nghệ, tích cực khai thác thị trường cả trong và ngoài nước, Xí nghiệp Liên hiệp Gang thép Thái Nguyên đã sản xuất được 6 vạn tấn thép, tăng hơn năm trước 1 vạn tấn, xuất khẩu được 38.000 tấn thép, 5.000 tấn gang, đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 triệu USD. Các đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng, làm xây dựng, chế biến lâm sản, vận tải ô tô... giữ được ổn định sản xuất và đời sống cho công nhân. Bộ mặt của thành phố, thị xã, thị trấn, huyện lỵ trên địa bàn có

nhiều thay đổi, các trung tâm buôn bán, dịch vụ hình thành (Ba Hàng, Đu, Đình Cả, Tràng Xá, Chùa Hang...), kích thích sản xuất và giao lưu kinh tế.

Sự nghiệp giáo dục bắt đầu có chuyển hướng, vừa chú ý phổ cập cấp I, vừa lựa chọn và đào tạo nhân tài thông qua việc mở rộng trường chuyên và trường năng khiếu.

Sáu chương trình quốc gia về y tế được triển khai thực hiện tốt trên địa bàn. Đặc biệt, Ngành Y tế có sự chuyển hướng tích cực, đã đưa việc chăm sóc sức khoẻ ban đầu về cơ sở.

Công tác an ninh quốc phòng có nhiều tiến bộ, từng bước chuyển cơ chế theo hướng quốc phòng toàn dân; lực lượng dân quân, tự vệ và quân dự bị động viên được tăng cường. Công tác huấn luyện đạt 93% số đầu mối quân sự địa phương. Phương án phòng thủ chống bạo loạn đã được xây dựng xong ở cấp tỉnh và huyện. Qua diễn tập cho thấy lực lượng dự bị động viên được quản lý chặt chẽ và sẵn sàng chiến đấu tốt.

Thực hiện Chỉ thị 135/CT/HĐBT, Thái Nguyên bước đầu lập lại trật tự kỷ cương trong quản lý xã hội và trấn áp bọn tội phạm hình sự. Nhiều ổ nhóm chuyên gây án, chứa gái mại dâm, cờ bạc, sử dụng, buôn bán ma tuý... bị khám phá. Việc đưa cán bộ quân đội và công an về công tác ở cơ sở đã có tác dụng đẩy mạnh

công tác quân sự địa phương và giữ gìn an ninh, trật tự trên địa bàn.

Công tác xây dựng Đảng được cấp uỷ các cấp thực sự coi trọng. Đảng bộ đã triển khai nhiều đợt sinh hoạt chính trị, nhiều cuộc vận động nhằm nâng cao chất lượng tổ chức Đảng và đảng viên. Công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng có tác dụng giáo dục và sàng lọc đội ngũ. Tính đến tháng 7/1990, đã có 17.553 đảng viên trong Đảng bộ được kiểm tra trên 3 nội dung: Chấp hành nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng; chấp hành kỷ luật Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; tư cách đảng viên. Kết quả kiểm tra cho thấy, đảng viên chấp hành tốt đạt 85,77% (15.056 đồng chí), chấp hành chưa tốt: 10,84% (1.903 đồng chí), có vi phạm: 3,83% (594 đồng chí, trong đó có 434 trường hợp bị xử lý kỷ luật).

Bên cạnh những tiến bộ và thành tích kể trên, trong năm 1990, nhiều mục tiêu do Hội nghị lần thứ 14 (2/1990) của Tỉnh uỷ đề ra đều đạt ở mức thấp. So với năm 1989, sản lượng lương thực giảm 18.996 tấn (riêng lúa giảm 17.107 tấn). Hầu hết các cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp thuộc huyện quản lý đều bị tê liệt, 73% xí nghiệp do tỉnh quản lý hoạt động cầm chừng, trong đó có 15 xí nghiệp tiếp tục thua lỗ và không có hướng thoát ra; các hợp tác xã tiểu thủ

công nghiệp không tiêu thụ được sản phẩm, hàng trăm lao động không có việc làm, nợ ngân hàng trên 100 triệu đồng chưa có nguồn để trả. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đạt 72,9% kế hoạch. Thu ngân sách đạt 66,6%, kế hoạch, còn nhiều khoản thất thu lớn, bội chi ngân sách 11,4% kế hoạch. Tốc độ tăng giá bình quân 9 tháng đầu năm là 3,9%, cao hơn năm trước 1,1%; riêng những tháng cuối năm, giá gạo tăng 3,5 lần so với đầu năm, trong khi đó, trợ cấp lương chỉ thêm 20%, nên thu nhập thực tế của người ăn lương giảm 60% so với đầu năm. Chủ trương của tỉnh không để thiếu và chậm lương của công nhân viên chức, nhất là cán bộ hưu trí và giáo viên, nhưng có một số huyện không thực hiện được, do đó, chất lượng dạy và học bị ảnh hưởng. Học sinh bỏ học còn nhiều...

Nguyên nhân đưa đến tình hình trên, trước hết là do các cấp uỷ từ tỉnh xuống huyện thiếu chủ động, sáng tạo trong khi vận dụng đường lối, quan điểm của Trung ương vào hoàn cảnh thực tế của địa phương; thứ hai, công tác tổ chức và cán bộ còn nhiều thiếu sót, vừa bảo thủ trì trệ, vừa chủ quan nóng vội, làm cho các mặt chậm phát triển[1]; thứ ba, thiên tai gây thiệt hại cho sản

[1] Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái về nhiệm vụ công tác năm 1991. Số 12 NQ/TU. 29/1/1991.

xuất nông nghiệp ở cả 2 vụ sản xuất xuân - hè và thu - đông; vật tư cho sản xuất công nghiệp và tiểu thu công nghiệp thiếu nghiêm trọng. (Trong gần 60 xí nghiệp lớn nhỏ trên địa bàn tỉnh, chỉ có 6 xí nghiệp (bằng 10%) có vốn để đầu tư cải tiến dây chuyền công nghệ, thay đổi mặt hàng). Cơ chế quản lý kinh tế còn có những bất cập...

II- Tiếp tục đổi mới, bước đầu thực hiện cương lĩnh xây dựng đất nước và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (1991 - 1996).

Giữa lúc tình hình thế giới và trong nước đang có những chuyển biến quan trọng, từ ngày 25 đến ngày 27/4/1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI (vòng 1) được tổ chức với sự có mặt của 321 đại biểu để thảo luận đóng góp ý kiến vào 5 văn kiện chuẩn bị trình Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng và bầu đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc.

Với tinh thần trách nhiệm cao, trong 3 ngày làm việc, Đại hội đã tham gia đóng góp hơn 1.000 ý kiến vào các bản dự thảo văn kiện chuẩn bị cho Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII. Đại hội đã bầu 23 đại biểu chính thức và 2 đại biểu dự khuyết đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng.

Ngày 24 tháng 6 năm 1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng đã khai mạc trọng thể tại thủ

đô Hà Nội. Đại hội có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI; đề ra phương hướng, mục tiêu và các nhiệm vụ chủ yếu cho năm năm (1991 - 1995), thông qua ***Cương lĩnh xây dựng và bảo vệ đất nước*** và ***Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế đến năm 2000***. Đại hội cũng đề ra nhiệm vụ xây dựng Đảng trong những năm tới; sửa đổi Điều lệ Đảng và bầu Ban Chấp hành Trung ương khoá VII.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, thực hiện Chỉ thị của Trung ương, Tỉnh uỷ chỉ đạo đảng bộ các cấp tiến hành đại hội nhiệm kỳ. Đến tháng 10 năm 1991, đã có 80% số đảng bộ trực thuộc và 50% số đảng bộ cơ sở (riêng Đảng bộ thành phố Thái Nguyên và Đảng bộ các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đồng Hỷ có 90%) đã tiến hành xong đại hội vòng 2. Đây là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong Đảng bộ, biểu thị sự thống nhất cao với những quan điểm của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Qua Đại hội và kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, toàn Đảng bộ đã xử lý kỷ luật 501 đảng viên (trong đó khiển trách 49, cảnh cáo 63, cách chức 20, khai trừ 77 và đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức khác 292 người).

Ngày 26/9/1991, tại Rạp chiếu bóng nhân dân thành phố Thái Nguyên, Đại hội đại biểu toàn tỉnh lần thứ VI

(vòng 2) được khai mạc với sự có mặt của 321 đại biểu thay mặt cho hơn 5 vạn đảng viên trong Đảng bộ. Các đồng chí Nguyễn Khánh, Uỷ viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Trần Lum, Uỷ viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và nhiều đồng chí đại diện cho các Ban của Trung ương đã về dự Đại hội. Đại hội có nhiệm vụ thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ khoá V; quyết định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong 5 năm (1991 - 1995); bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ (1991 - 1995).

Từ thực tế đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, trên cơ sở phân tích tình hình quốc tế, trong nước, những yêu cầu khách quan đặt ra trước Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh trên bước đường đổi mới, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát trong 5 năm tới là: "*Ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, hình thành về cơ bản cơ cấu kinh tế hàng hoá nhiều thành phần nhằm cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững ổn định về chính trị; xây dựng Đảng có bản lĩnh, phẩm chất, trí tuệ và sức chiến đấu cao, phát huy hiệu lực quản lý Nhà nước và đổi mới*

phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới "[1].

Để thực hiện được những mục tiêu trên, Đại hội đề ra 5 nhiệm vụ cụ thể:

- Ổn định và phát triển sản xuất, phấn đấu hình thành cơ cấu kinh tế Nông - Công nghiệp - Dịch vụ; hình thành cơ cấu kinh tế phù hợp với điều kiện từng địa bàn huyện, thành, thị.

- Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác.

- Thực hiện tốt các chính sách xã hội bao gồm đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; về dân số và lao động; về phát triển Khoa học công nghệ và Giáo dục - đào tạo...

- Tiếp tục thực hiện việc chuyển cơ chế theo hướng củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc. Nâng cao năng lực, sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang. Phát động quần chúng tấn công liên tục các loại tội phạm, lấy xây dựng và

[1] Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ tỉnh Bắc Thái tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VI, 9/1991, tr.22.

phòng ngừa là chính, xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn, xã, phường vững mạnh. Tiếp tục xây dựng lực lượng công an trong sạch vững mạnh.

- Chỉnh đốn và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước và vai trò của các đoàn thể nhân dân. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động làm trong sạch Đảng và nâng cao chất lượng đảng viên trên cả 3 mặt; bồi dưỡng nâng cao năng lực, phẩm chất đảng viên, đưa những người không còn đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng và kết nạp đảng viên mới; xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở đảng thật sự trong sạch vững mạnh đủ sức lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị trong công cuộc đổi mới. Bộ máy Nhà nước từ tỉnh xuống cơ sở phải được xây dựng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và thật sự có hiệu lực trong quản lý kinh tế - xã hội. Phải mở rộng các hình thức tập hợp quần chúng, đặc biệt là vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có đồng bào các dân tộc thiểu số...

Đại hội tập trung trí tuệ, thảo luận và quyết nghị những nhiệm vụ trọng tâm, những giải pháp chủ yếu để thực hiện có kết quả các mục tiêu nêu trên. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá VI gồm 45 đồng chí. Tại phiên họp thứ nhất ngày 29/9/1991, Ban Chấp hành đã bầu 11 đồng chí vào Ban Thường vụ. Các đồng chí

Nguyễn Ngô Hai được bầu làm Bí thư, Đặng Quốc Tiến và Mai Phúc Toàn làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, ngay từ những tháng cuối năm 1991, Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế cùng với việc xây dựng và tăng cường hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp, đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, mở rộng dân chủ, đề cao cảnh giác, chống "*Diễn biến hoà bình*" giữ vững an ninh chính trị, an toàn xã hội.

Hầu hết các cơ sở sản xuất công nghiệp ở Thái Nguyên đều do Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây giúp đỡ; thiết bị, kỹ thuật và nhiều vật tư quan trọng còn phụ thuộc vào các nước bạn. Liên Xô và các nước Đông Âu cũng là thị trường truyền thống của hàng thủ công mỹ nghệ của tỉnh. Sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã gây nên những khó khăn không nhỏ đối với một số ngành kinh tế ở Thái Nguyên.

Vượt lên khó khăn và thử thách, được Trung ương hỗ trợ về nhiều mặt, các cấp uỷ Đảng và chính quyền trong tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo những việc trọng tâm, cấp bách nổi lên trong từng thời gian, đồng thời biết khơi dậy và phát huy sự nỗ lực của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Nhờ đó, trong những năm 1991 - 1996,

về cơ bản Thái Nguyên đã giữ vững được ổn định về kinh tế - xã hội; đời sống nhân dân tuy có mặt vẫn khó khăn nhưng không bị đảo lộn lớn.

Liên tiếp trong hai năm 1991, 1992, thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp. Riêng năm 1991, thiên tai nặng đã làm thất thu lớn cả hai vụ lúa chiêm, mùa. Trước tình hình đó, năm 1992, Tỉnh uỷ đã có chủ trương tập trung lực lượng cán bộ kỹ thuật, giống, vốn, mở chiến dịch gieo cấy 2 vạn ha lúa mùa sớm, đưa năng suất đạt gần 30 tạ/ha, sản lượng lương thực tăng hơn năm trước trên 40.000 tấn, bù đắp được một phần thất thu vụ xuân và vụ mùa 1991, giải quyết cơ bản thiếu đói giáp hạt trong nông dân, giữ ổn định giá lương thực trên thị trường trong tỉnh.

Tỉnh uỷ cũng có nhiều chính sách khuyến khích phát triển kinh tế đồi rừng, đổi mới cơ chế đầu tư vốn, thay đổi cơ cấu cây trồng, mở rộng diện tích cây ăn quả, cây đặc sản, khuyến khích kinh tế gia đình phát triển... Những chủ trương này đã đẩy nhanh việc hoàn thành kế hoạch trồng 10.000 ha rừng, 1.000 ha cây ăn quả. Hình thức kinh tế trang trại đã xuất hiện và phát triển nhanh ở các huyện Đồng Hỷ, Định Hoá, Đại Từ, Phú Lương, thành phố Thái Nguyên. 25% số hộ nông dân trong tỉnh có thu nhập từ 2 triệu đồng/năm trở lên, trong đó nhiều hộ có thu nhập từ 15 đến 17 triệu đồng,

có hộ nhận trồng tới 15 ha rừng... Đây là những tiến bộ bước đầu nhưng có ý nghĩa rất quan trọng trong sản xuất nông nghiệp Thái Nguyên.

Đối với các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh do địa phương quản lý, Tỉnh uỷ chủ trương sắp xếp lại, chỉ đầu tư vào những xí nghiệp làm ăn có hiệu quả; số còn lại hoặc giải thể hoặc chuyển hình thức sở hữu. Các xí nghiệp chế biến gỗ, chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng, Liên hiệp Gang thép, Luyện kim màu, Y cụ, Công ty Kim khí, than... là những đơn vị sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. So với năm 1991, sản lượng công nghiệp năm 1992 tăng 15% và năm 1993 tăng 20% so với năm 1992.

Thực hiện Nghị quyết 19 (đầu năm 1991) của Tỉnh uỷ (khoá V) về mở rộng thị trường, Thái Nguyên đã huy động được vốn và năng lực kinh doanh của nhiều thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh, tạo ra trên địa bàn tỉnh một thị trường sống động, hàng hoá đa dạng, phong phú, giá cả ổn định, từng bước thoả mãn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân, góp phần thúc đẩy nền kinh tế của tỉnh vốn mang nặng tính tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hoá. Cũng do đó, tổng thu ngân sách của tỉnh không ngừng tăng lên: Năm 1991 tăng 10% so với năm 1990, năm 1992 tăng 58,2% so với

năm 1991, năm 1993 tăng 45% so với năm 1992. Xuất khẩu năm 1992 tăng 51,21% so với năm 1991.

Các hoạt động trên lĩnh vực văn hoá, xã hội cũng thu được những kết qủa quan trọng sau khi Tỉnh uỷ có chủ trương sắp xếp lại hệ thống y tế, giáo dục trên địa bàn, chống xuống cấp các cơ sở y tế, giáo dục, phân cấp quản lý cho huyện, thành, thị, xã, phường và thị trấn.

Ngay từ năm 1991, Ngành Y tế đã thực hiện 19 chương trình quốc gia, trong đó chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em đạt 83%; thành lập 8 trung tâm y tế huyện, thành, thị, đưa 30 bác sỹ về tuyến xã, 100% cán bộ y tế cơ sở được trả lương bằng ngân sách. Công tác vận động kế hoạch hoá gia đình có tiến bộ. Trong những năm sau, Ngành Y tế tiếp tục có những chuyển biến tốt hơn trong phòng, chống dịch và khám, chữa bệnh cho nhân dân. Các cơ sở y tế vùng cao và vùng sâu được chú ý đầu tư nâng cấp. Chất lượng hoạt động y tế, nhất là tuyến cơ sở đã được nâng lên; công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu có kết quả, bảo đảm cung cấp đủ thuốc chữa bệnh cho nhân dân, góp phần chủ động ngăn chặn và kịp thời dập tắt các ổ dịch.

Trong năm học 1991 - 1992, tỉnh đã hoàn thành việc chuyển giao các phòng giáo dục từ trực thuộc Uỷ ban nhân dân các huyện, thành, thị về quản lý theo

ngành dọc, thành lập Trường phổ thông nội trú huyện Võ Nhai; nâng cấp một số cụm trường cấp I, II ở các huyện Định Hoá, Võ Nhai, Đại Từ và Đồng Hỷ; nâng cao chất lượng dạy và học trong các trường chuyên, lớp chọn, khuyến khích phong trào dạy giỏi, học giỏi. Năm 1991, cả tỉnh có 21 học sinh giỏi toàn quốc. Sang năm học 1992 - 1993, Ngành Giáo dục đi dần vào thế ổn định, tạo tiền đề phát triển cho những năm sau. Tỷ lệ học sinh bỏ học giảm dần, đến năm học 1993 - 1994 chỉ còn dưới 2%.

Ngành Văn hoá - Thông tin đã tập trung tuyên truyền kết quả Đại hội Đảng các cấp, sắp xếp và đổi mới hoạt động của các đoàn nghệ thuật, tăng cường các hoạt động văn hoá phục vụ đời sống tinh thần của đồng bào vùng cao, miền núi. Từ đầu những năm 90, Ngành Văn hoá - Thông tin, Thể dục - Thể thao đã có chuyển biến tích cực trên cả 2 mặt đổi mới cơ chế quản lý và đổi mới hoạt động, hướng mạnh về cơ sở. Hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao đã thực sự trở thành nhu cầu của quần chúng, tạo nên phong trào khá rộng rãi ở tất cả các xã, phường, thị trấn trong tỉnh. Những hoạt động này đã góp phần quan trọng đẩy lùi văn hoá độc hại xâm nhập vào địa phương, hạn chế các tập tục lạc hậu trỗi dậy, giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc.

Trong những năm đầu thập kỷ 90, tuy bối cảnh quốc tế và trong nước có những diễn biến phức tạp, song tình hình an ninh chính trị trên địa bàn cơ bản được giữ vững. Công tác an ninh, quốc phòng có những bước chuyển tích cực sang cơ chế mới theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII). Các nhiệm vụ tuyển quân, huấn luyện quân sự đều hoàn thành kế hoạch.

Trước những biến động của tình hình chính trị thế giới, ngay sau khi có Chỉ thị 01 (3/1992) của Bộ Chính trị về phương hướng công tác tư tưởng, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ kịp thời chỉ đạo các cấp uỷ Đảng trong Đảng bộ quan triệt những nhận định và chủ trương của Bộ Chính trị nhằm ổn định về tư tưởng, giữ vững sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong và ngoài Đảng. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh tuy có tâm trạng lo buồn, nhưng cũng thấy được bài học phản diện về hậu quả khôn lường khi Đảng Cộng sản mất vai trò lãnh đạo xã hội và đất nước đi chệch hướng. Tinh thần yêu nước và ý chí tự lực tự cường được khơi dậy. Những thành tựu đổi mới trong 6 năm (1986 - 1991) đạt được ngay trên địa bàn tỉnh càng làm cho đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân thêm vững vàng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, vào chủ nghĩa xã hội.

Trong bối cảnh ấy, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 (1/1992) của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá VI) nêu rõ tư tưởng chỉ đạo: "*Tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu, khai thác mọi tiềm năng và nguồn lực sẵn có của tỉnh, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển sản xuất, chuyển hướng đầu tư để hình thành các cơ sở kinh tế theo cơ cấu kinh tế của địa phương mà Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ VI đã khẳng định*".

Từ ngày 10 đến ngày 13/8/1992, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã họp Hội nghị lần thứ 3 để quán triệt Nghị quyết 3 (6/1992) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Hội nghị đã thảo luận Nghị quyết và liên hệ, phân tích những kết quả công tác xây dựng Đảng, đồng thời chỉ rõ những yếu kém của một bộ phận không nhỏ tổ chức cơ sở đảng và cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ. Đó là sự giảm sút ý chí chiến đấu, phai nhạt lý tưởng cộng sản, thiếu tiên phong gương mẫu, vi phạm ý thức tổ chức và kỷ luật, kèn cựa địa vị, cục bộ địa phương, gây mất đoàn kết, suy thoái về phẩm chất đạo đức, nhất là tệ quan liêu, tham nhũng diễn ra khá phổ biến từ tỉnh đến cơ sở, làm giảm lòng tin của quần chúng với Đảng.

Hội nghị đã đề ra ***Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 3***. Tiếp đến, trong tháng

8/1992, Tỉnh uỷ tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết trong cán bộ chủ chốt; và sau đó, trong hai tháng 9 và 10, tổ chức quán triệt đến đảng viên và đồng bào các dân tộc trong tỉnh.

Về chỉnh đốn Đảng, Tỉnh uỷ nêu rõ yêu cầu đến hết năm 1993, các cấp bộ Đảng phải tập trung chỉ đạo, tất cả các chi bộ phải sinh hoạt đều hằng tháng, nộp Đảng phí đầy đủ. Nội dung sinh hoạt Đảng phải đảm bảo 3 tính chất (lãnh đạo, chiến đấu và giáo dục). Phân loại đảng viên và tổ chức cơ sở đảng theo quy định của Trung ương, xử lý kịp thời những đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước. Khắc phục lối làm việc sự vụ, chồng chéo, thiếu khoa học. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể thực hiện nghiêm túc chế độ làm việc theo quy chế và chương trình công tác. Mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi tổ chức, đoàn thể phải có mô hình chỉ đạo điểm được tổng kết và nhân ra diện rộng, tạo thành phong trào. Xây dựng tiêu chuẩn cán bộ để có kế hoạch quy hoạch đội ngũ cán bộ chủ chốt theo phân cấp quản lý của tỉnh. Phấn đấu đến hết năm 1994, cán bộ cấp Trưởng ban, ngành, sở của tỉnh và những đồng chí đứng đầu cấp huyện và đảng uỷ trực thuộc có trình độ đại học.

Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lấy Đảng bộ huyện Phú Lương làm điểm chỉ đạo cuộc vận động đổi mới và

chỉnh đốn Đảng. Các Đảng bộ trực thuộc cũng chọn từ 3 đến 5 tổ chức cơ sở Đảng chỉ đạo thí điểm trước khi mở ra diện rộng.

Từ tháng 8/1992, bước 1 cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng trong Đảng bộ tỉnh bắt đầu được triển khai thực hiện. Khi bước vào cuộc vận động, toàn Đảng bộ có 49.716 đảng viên, trong đó 12.383 đảng viên là cán bộ hưu (chiếm 24%), tuổi đời dưới 30 chiếm 10%, từ 31 đến 50 tuổi chiếm 54%, từ 51 tuổi trở lên chiếm 35%, số đảng viên có trình độ đại học, cao đẳng chiếm 7%, trung cấp chuyên nghiệp 8%, trình độ lý luận cao cấp 0,8%, trung cấp 16,3%.

Cuộc vận động đổi mới, chỉnh đốn Đảng gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở mỗi cơ sở Đảng, trong đó lấy việc hoàn thành mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ lần thứ VI của tỉnh đề ra để đánh giá kết quả cuộc vận động.

Thông qua công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nhất là cuộc vận động đổi mới, chỉnh đốn Đảng, trình độ chính trị của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ được nâng lên, sự thống nhất trong Đảng và trong nhân dân được củng cố một bước; tính chủ động, năng động, sáng tạo ngày càng được phát huy.

Tuy nhiên, số cơ sở Đảng yếu kém so với năm trước vẫn không giảm, chiếm 30% so với tổng số cơ sở

đảng toàn tỉnh. Việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và kỷ luật Đảng ở một số cơ sở trong Đảng bộ không nghiêm. Công tác kiểm tra Đảng không được tiến hành thường xuyên ở tất cả các cấp. Việc phân loại đảng viên theo quy định không được tiến hành hoặc phân loại không sát...

Trong công tác tổ chức, Tỉnh uỷ đã chỉ đạo đảng đoàn chính quyền thực hiện nghiêm túc Quyết định 315 và Nghị định 388 (20/11/1991) của Hội đồng Bộ trưởng. Trên địa bàn tỉnh, từ 200 doanh nghiệp đã được sắp xếp lại còn 67 doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất, kinh doanh ở nhiều cơ sở sau khi sắp xếp lại đã có hiệu quả, không những trả nợ được ngân hàng, mà còn có tích luỹ, đời sống của người lao động được cải thiện.

Thực hiện Nghị quyết 109 (12/4/1991) và Quyết định 111 (2/1992) của Hội đồng Bộ trưởng về sắp xếp lại bộ máy Nhà nước cấp tỉnh và huyện, đến tháng 12/1992, toàn tỉnh có 30 cơ quan quản lý Nhà nước (tỉnh 21, huyện, thành, thị 9), với số phòng từ 247 xuống 179; số cán bộ, nhân viên giảm 17,25%.

Các đoàn thể quần chúng: Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân đã có nhiều hình thức hoạt động phong phú, tập hợp hàng vạn quần chúng vào

các hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tham gia các lĩnh vực văn hoá, xã hội. Cuộc thi tìm hiểu Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đã có hàng vạn người tham gia. Cuộc thi hoa, quả toàn tỉnh do Hội Nông dân tổ chức đã thu hút hàng ngàn nông dân trên địa bàn. Cuộc vận động phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình đã lôi cuốn 23.885 lượt chị em tham gia, góp được hàng trăm triệu đồng, hơn 100 tấn thóc, 26.393 con lợn giống làm vốn sản xuất.

Ngày 11 tháng 9 năm 1993, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ triệu tập Hội nghị gồm các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư các đảng bộ trực thuộc, các đồng chí lãnh đạo ba ban xây dựng Đảng tỉnh và huyện nhằm kiểm điểm, đánh giá kết quả bước 1 thực hiện cuộc vận động đổi mới, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII) và chuẩn bị thực hiện bước 2. Hội nghị khẳng định: Đảng bộ tỉnh đã tiếp thu, tổ chức triển khai, quán triệt Nghị quyết 3 Ban Chấp hành Trung ương kịp thời, nghiêm túc và có kế hoạch chỉ đạo thực hiện từng bước chặt chẽ. Thông qua việc triển khai học tập Nghị quyết, tất cả các cơ sở đảng trong Đảng bộ đã xây dựng chương trình hành động với những giải pháp và mục tiêu cụ thể...

Nhìn chung, đội ngũ đảng viên của Đảng bộ qua nhiều thế hệ kế tiếp nhau đã luôn giữ vững và phát

huy được tính tiên phong gương mẫu, có bản lĩnh chính trị vững vàng, là chỗ dựa tin cậy của quần chúng lúc thuận lợi cũng như khi gặp khó khăn.

Tuy nhiên, trong Đảng bộ có một bộ phận đảng viên ý thức tổ chức kỷ luật kém, giảm sút ý chí chiến đấu, tha hoá về phẩm chất, không gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong 6 tháng đầu năm 1993, Đảng bộ đã phải xử lý kỷ luật 83 đảng viên, trong đó có 34 trường hợp bị khai trừ ra khỏi Đảng. Công tác phát triển đảng viên mới có xu hướng giảm, 6 tháng đầu năm 1993 kết nạp được 374 đảng viên mới.

Trên cơ sở đánh giá rút kinh nghiệm bước 1, từ tháng 6/1993, cuộc vận động thực hiện đổi mới và chỉnh đốn Đảng chuyển sang bước 2. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tiếp tục tập trung chỉ đạo điểm ở Đảng bộ Phú Lương và đến hết tháng 8 năm 1993, tất cả 46 cơ sở đảng của Đảng bộ Phú Lương đã triển khai sang bước 2. Kết quả phân loại ở 12 cơ sở (trong 46 cơ sở) cho thấy: Tổng số đảng viên của 12 cơ sở là 1.334 đồng chí, có 1.229 đồng chí dự phân loại; trong đó, đảng viên loại I là 45,05%, loại II: 42,9%, loại III: 8,9% và loại IV: 2,98%.

Theo số liệu thống kê của 36 tổ chức cơ sở đảng thuộc các đảng bộ khác trong tỉnh thì tổng số đảng viên

có 3.737 đồng chí, có 519 đồng chí được miễn sinh hoạt; số đảng viên được phân loại là 3.218 đồng chí, trong đó, đảng viên loại I chiếm 58,6%, loại II: 31,6%, loại III: 6,1% và loại IV là 3,6%.

Qua số liệu trên cho thấy, việc phân loại đảng viên ở các điểm chỉ đạo tương đối sát với thực trạng đội ngũ đảng viên, đặt ra cho cấp uỷ những suy nghĩ về công tác xây dựng Đảng. Mặt khác, số đảng viên xin miễn sinh hoạt ở một số đảng bộ quá cao: Đảng bộ Đại Từ chiếm 23,36% so với tổng số đảng viên, Định Hoá 28,1%, Đồng Hỷ 27,4%, Phổ Yên 24,2%...

Một trong những yêu cầu của bước 2 là nâng cao cuộc vận động đổi mới, chỉnh đốn tổ chức cơ sở Đảng, xử lý những đảng viên có khuyết điểm (loại IV). Việc rà soát lại tổ chức bộ máy và cán bộ nhìn chung triển khai còn chậm, trừ Đảng bộ Công ty Gang thép và Đảng bộ thành phố Thái Nguyên. Tại Đảng bộ Công ty Gang thép, sau khi rà soát lại đội ngũ cán bộ cơ sở, Đảng uỷ kết luận 10% số cán bộ không đáp ứng được yêu cầu cần phải thay thế, 50% cần phải bồi dưỡng thêm về kiến thức, phương pháp, phong cách làm việc. Thành uỷ Thái Nguyên quyết định dành 100 triệu đồng chi cho việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Cũng như bước 1, trong bước 2 cuộc vận động, việc phân tích chất lượng, phân loại đảng viên phải gắn với việc kiểm điểm thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm trước của từng địa phương, đơn vị, tạo tiền đề phát triển cho năm sau.

Đến giữa tháng 10/1993, bước 2 cuộc vận động đổi mới, chỉnh đốn Đảng đã được tiến hành ở 11 đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ, bao gồm 4 đảng bộ công nghiệp Trung ương (Công ty Gang thép, Công ty Luyện kim màu, Công ty Xây lắp II, Liên đoàn Địa chất 38), 4 trường Đại học (Sư phạm Việt Bắc, Nông lâm, Y khoa, Công nghiệp), Đảng bộ các cơ quan tỉnh (nay là Đảng bộ khối cơ quan Dân Chính Đảng), Đảng bộ Quân sự tỉnh và Đảng bộ Công an. Tổng số đảng viên của 11 đảng bộ trực thuộc có 6.812 đồng chí, chiếm 13,7% tổng số đảng viên toàn Đảng bộ tỉnh, có 123 tổ chức cơ sở đảng (bằng 16% tổng số cơ sở đảng trong tỉnh) và có 495 chi bộ dưới cơ sở.

Kết quả phân loại đảng viên ở các điểm chỉ đạo của một số đảng bộ trực thuộc cho thấy:

- 4 điểm chỉ đạo của Công ty Xây lắp II có 235 đảng viên dự phân loại; trong đó, đảng viên loại I là 24,6%, loại II: 51,06%, loại III: 20,05%, loại IV: 0,7%.

- 5 điểm chỉ đạo của Đảng bộ các cơ quan tỉnh có 110 đảng viên được phân loại; trong đó, đảng viên loại

I chiếm 83,7%, loại II: 13,51%, loại III: 2,7%, không có loại IV.

- 3 điểm chỉ đạo của Đảng bộ Công an có 80 đảng viên được phân loại; trong đó, đảng viên loại I là 77,5%, loại II: 21% và loại III có 1,2%, không có loại IV.

- Đảng bộ Trường Đại học Y có 297 đảng viên đều đạt loại I (100%), trong đó có 10% đạt 100 điểm (tối ưu).

Những kết quả trên chưa phản ánh đúng thực chất chất lượng đảng viên của khối cơ quan và khối trường; tình trạng vị nể, không dám nói thẳng, nói thật để giúp nhau sửa chữa thiếu sót đã dẫn đến kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (bước 2) ở những cơ sở này còn hạn chế, hiệu quả thấp, chưa đạt yêu cầu của tỉnh đề ra. Do đó, Tỉnh uỷ đã chấn chỉnh lại cách làm của các đảng bộ khối cơ quan và khối trường.

Từ ngày 13 đến ngày 15/1/1994, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá VI) họp Hội nghị lần thứ 7 với 4 nội dung quan trọng: Đánh giá kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm 1993; quyết định mục tiêu, nhiệm vụ năm 1994; góp ý kiến vào bản tự phê bình công tác lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; báo cáo kết quả công tác kiểm tra Đảng năm 1993 của Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ.

Đánh giá kết quả hoạt động năm 1993, Hội nghị khẳng định toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong tỉnh đã có nhiều cố gắng, vượt qua khó khăn và đạt được những kết quả bước đầu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng Đảng, củng cố chính quyền và các đoàn thể nhân dân.

Tổng thu nhập quốc dân so với 1992 tăng 3,2%, bình quân đầu người đạt 192,8 USD (năm 1992 là 177,4 USD). Bảy chỉ tiêu cơ bản do Hội nghị Tỉnh uỷ lần thứ 4 đề ra đều đạt và vượt. Sản xuất phát triển khá, tiền lương cán bộ viên chức được điều chỉnh một bước, giá cả, đời sống nhân dân được ổn định, một bộ phận quan trọng trong dân cư có thu nhập khá.

Công tác quân sự địa phương đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân, huấn luyện dân quân, tự vệ theo chỉ tiêu Quân khu giao. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được đẩy mạnh, góp phần nâng cao ý thức cảnh giác chống âm mưu "*diễn biến hoà bình*" của địch. Kế hoạch chống gây rối, bạo loạn, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân được xây dựng.

Tuy nhiên, trật tự an toàn xã hội có những diễn biến xấu, trong năm xảy ra 2.363 vụ phạm pháp, tăng 339 vụ so với năm 1992. Do trên địa bàn tỉnh có nhiều tụ

điểm khai thác vàng sa khoáng, nên nảy sinh nhiều tệ nạn nghiện hút thuốc phiện, tiêm chích chất ma tuý, cờ bạc, mại dâm, trộm cắp. Các lực lượng chức năng đã tổ chức nhiều đợt truy quét, khởi tố 208 vụ có liên quan đến ma tuý, nhưng tệ nạn vẫn chưa giảm.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được Đảng bộ hết sức coi trọng. Các cấp uỷ Đảng kịp thời tổ chức học tập quán triệt đường lối đổi mới, các quan điểm, chủ trương, chính sách lớn được thể hiện trong các Nghị quyết 3, 4 và 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các Nghị quyết 04, 05, 06, 07 của Bộ Chính trị và các Nghị quyết từ 04, 05, 06 của Tỉnh uỷ. Gần 5 vạn đảng viên và 30 vạn lượt cán bộ, nhân dân được tổ chức sinh hoạt chính trị, tham dự các lớp học ngắn ngày để nghiên cứu các nghị quyết của Đảng. Thông qua đó, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh kịp thời nắm bắt được tình hình quốc tế, trong nước, trong tỉnh, hiểu được đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo được sự nhất trí cao trong Đảng, trong dân.

Công tác kiểm tra Đảng của Đảng bộ có nhiều chuyển biến và mang lại hiệu quả trong việc giữ gìn kỷ luật của Đảng. Năm 1993, Uỷ ban Kiểm tra Đảng các cấp đã kiểm tra 6.378 đảng viên và 21 tổ chức đảng

chấp hành Điều lệ Đảng, đã xử lý kỷ luật 162 đảng viên và cấp uỷ viên, trong đó có 64 trường hợp bị khai trừ ra khỏi Đảng. Công tác phát triển đảng viên mới cũng được chú trọng. Năm 1993, toàn Đảng bộ kết nạp được 922 đảng viên mới (tăng 2 lần so với năm 1992).

Bên cạnh đó, công tác xây dựng Đảng cũng còn những nhược điểm và tồn tại: Số cơ sở đảng yếu kém còn nhiều, tỷ lệ đảng viên chưa phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu còn cao. Việc triển khai bước 2 Nghị quyết Trung ương 3 mới chỉ tập trung vào phân tích chất lượng và phân loại đảng viên, nhưng việc xử lý từng loại đảng viên chưa làm được nhiều và còn lúng túng cả về phương pháp và quan điểm, thái độ xử lý [1].

Để tạo nguồn và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, Tỉnh uỷ chú trọng mở lớp bồi dưỡng chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt. Riêng trong năm 1993, tỉnh mở 79 lớp học với 4.075 học viên, trong đó có 2 lớp trung cấp lý luận, 8 lớp chương trình chính trị phổ thông, 20 lớp bồi

---

[1] Theo Báo cáo tổng kết công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1993, số 01 BC/TC, 25/1/1994, có 269 trường hợp đảng viên không sinh hoạt Đảng, trong đó có 136 trường hợp bỏ hồ sơ không chuyển sinh hoạt Đảng.

dưỡng cấp uỷ cơ sở, 49 lớp đối tượng Đảng. Ngoài ra, tỉnh còn cử 300 cán bộ theo học các chương trình đại học và sau đại học tại Trung tâm giáo dục tại chức.

Thực hiện Chỉ thị 26/CT - TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về ***Tổ chức Hội nghị đại biểu các cấp***, từ ngày 28 đến ngày 30/3/1994, Đảng bộ tỉnh đã tiến hành Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ với sự tham gia của 228 đại biểu. Đồng chí Vũ Oanh, uỷ viên Bộ Chính trị về dự và chỉ đạo Hội nghị.

Báo cáo chính trị trình trước Hội nghị nêu bật những thành tựu to lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đạt được kể từ sau Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12/1986), thể hiện chủ yếu trên bốn mặt: Một là, vượt qua một bước những khó khăn, thách thức, đưa kinh tế - xã hội tỉnh nhà thoát khỏi tình trạng sa sút nghiêm trọng; hai là, tiếp tục giữ vững và củng cố sự ổn định về chính trị, trật tự của toàn xã hội; ba là, chất lượng tổ chức đảng và đảng viên được nâng lên một bước; bốn là, không khí dân chủ được cởi mở hơn, đoàn kết dân tộc, tôn giáo được củng cố.

Báo cáo chính trị cũng nhấn mạnh đến nhiệm vụ trọng tâm là phát triển kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI (9/1991) đã có

Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khóa 6 (1994)

bước tăng trưởng khá. Tổng thu nhập quốc dân trong tỉnh (GDP) qua 2 năm (1992 - 1993) tăng bình quân 8,7%. Sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện. Sản lượng lương thực bình quân mỗi năm tăng 3,4%. Riêng năm 1993 đạt sản lượng cao nhất so với tất cả các năm trước (263.764 tấn). Đàn gia cầm, gia súc tiếp tục phát triển cả về tổng đàn và sản lượng. Cây công nghiệp, cây ăn quả gần đạt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đề ra cho 5 năm 1991 - 1995. Sản xuất công nghiệp đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân 16,8%/năm; trong đó, công nghiệp trung ương tăng 16%, công nghiệp địa phương tăng 17,6%. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản hằng năm tăng 38,7%.

Cơ cấu kinh tế các vùng trong tỉnh từng bước hình thành theo hướng Nghị quyết Đại hội VI của tỉnh Đảng bộ đề ra. Vùng núi chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên đất đồi, tăng nhanh diện tích trồng rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản và phát triển chăn nuôi đại gia súc, hình thành nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, tạo tiền đề để chuyển nền kinh tế từ tự cung tự cấp sang kinh tế hàng hoá.

Vùng trung du cơ bản thoát khỏi tình trạng thuần nông, đẩy mạnh thâm canh, thay đổi cơ cấu cây trồng để tăng vụ, đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo ra

lượng nông sản hàng hoá tập trung, đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm cho nhân dân trong tỉnh.

Vùng đô thị giải phóng được nhiều năng lực sản xuất, kinh tế - xã hội phát triển nhanh. Cơ chế quản lý mới đã thúc đẩy các thành phần kinh tế tham gia tích cực vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, từng bước làm thay đổi bộ mặt đô thị. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần đã hình thành và đang phát triển, nổi bật là kinh tế tư nhân phát triển ở tất cả các lĩnh vực, đóng góp đáng kể vào ngân sách, tạo việc làm cho hàng vạn lao động ở thành phố, thị xã, thị trấn, góp phần tích cực ổn định kinh tế - xã hội của tỉnh.

Khẳng định những thành tích và ưu điểm, Hội nghị giữa nhiệm kỳ cũng chỉ rõ những yếu kém phải ra sức khắc phục. Đó là, nền kinh tế chưa có tích luỹ, sản xuất tăng nhưng chưa vững chắc, nhiều vùng còn mang nặng tính tự cung tự cấp, thuần nông, cơ sở hạ tầng yếu kém. Các mặt công tác xã hội tuy có chuyển biến, nhưng còn nhiều vấn đề bức xúc chưa được giải quyết. Trật tự xã hội vẫn còn diễn biến phức tạp, có mặt phát triển theo chiều hướng xấu. Nhiệm vụ đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của cơ quan Nhà nước và hoạt động của đoàn thể quần chúng chưa đáp ứng được yêu cầu của đổi mới kinh tế.

Trên cơ sở đó, Hội nghị đã đề ra những nhiệm vụ chủ yếu, trọng tâm trước mắt là: "*Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm của GDP từ 8,5% trở lên, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cấp hạ tầng cơ sở phát triển sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế thể dục thể thao, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới chỉnh đốn Đảng*"[1]. Hội nghị thông qua một số chỉ tiêu cụ thể:

- Sản lượng lương thực quy thóc đến năm 1995 đạt 28 vạn tấn.

- Trồng rừng 6.400 ha.

- Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp năm 1995 tăng 25% so với năm 1994.

- Thu ngân sách trên địa bàn năm 1995 tăng 15% so với năm 1994.

- Vốn xây dựng cơ bản tập trung năm 1995 tăng 30% so với 1994....

Hội nghị đã bầu bổ sung 4 uỷ viên Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ khoá VI.

---

[1] Văn kiện Hội nghị giữa nhiệm kỳ Đảng bộ tỉnh Bắc Thái (khoá VI), 3/1994, tr. 27.

Dưới sự chỉ đạo cuả Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, đến tháng 6/1994, các đảng bộ trực thuộc đã tiến hành xong Hội nghị giữa nhiệm kỳ. Thông qua đó, các cấp uỷ Đảng được củng cố và kiện toàn một bước. Các Ban Chấp hành Đảng bộ trực thuộc được bầu bổ sung 65 đồng chí, trong đó có 1 nữ; tuổi đời bình quân của các đồng chí mới được bầu bổ sung và tăng thêm là 41 tuổi, số có trình độ đại học và cao đẳng chiếm 73%, trình độ lý luận trung cấp 58%, dân tộc ít người 27,7%.

Hoà trong không khí sinh hoạt chính trị theo tinh thần ***đổi mới, dân chủ, đoàn kết***, ngày 26/8/1994, Mặt trận Tổ quốc tỉnh tiến hành Đại hội lần thứ VI, nhằm đánh giá tổ chức và hoạt trong 5 năm (1991 - 1995) và đề ra phương hướng hoạt động trong nhiệm kỳ 1996 - 2000.

Đại hội khẳng định: Trong 5 năm (1991 - 1995) Mặt trận Tổ quốc các cấp trong tỉnh cùng các tổ chức thành viên động viên các tầng lớp nhân dân ổn định tư tưởng, giúp nhau vượt qua khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, giữ vững an ninh chính trị, an toàn xã hội; tăng cường đoàn kết dân tộc, chống lại âm mưu phá hoại nhiều mặt của kẻ thù. Phong trào *Tuổi cao ý chí càng cao* đã lôi cuốn 82.700 cụ phụ lão, sinh hoạt ở 1.200 tổ trong hơn 200 cơ sở,

tham gia. Tháng 7/1992, Mặt trận đã động viên được 97,06% cử tri trong tỉnh tham gia bầu được 7 đại biểu vào Quốc hội khoá IX. Tháng 11 năm 1994, đã có 97,7% cử tri trong tỉnh tham gia bầu cử, lựa chọn được 5.951 đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp tỉnh, huyện, xã [1].

Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các thành viên của Mặt trận đã tích cực hưởng ứng và vận động toàn dân xoá đói giảm nghèo. Cuộc vận động đưa đến kết quả tốt đẹp, số hộ giầu từ 1% và hộ nghèo là 50% tổng số hộ (1991), đến năm 1995, số hộ giầu tăng lên 3% và số hộ nghèo giảm xuống còn 20%; số hộ có nhà cấp 4 trở lên chiếm 53,7%...[2]. Ngoài ra, Mặt trận đã xây dựng được 2.300 *Tổ hoà giải* ở cụm dân cư, gần 300 *Hội bảo thọ*, hàng vạn gia đình đăng ký phấn đấu xây dựng *Gia đình văn hoá*... Nổi bật là cuộc vận động lớn *Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư* được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng.

Năm 1994 là năm kết thúc khoá Hội đồng nhân dân 1989 - 1994, đồng thời cũng là năm tiến hành Đại hội Đảng bộ cơ sở nhiệm kỳ 1994 - 1999. Đây là dịp tốt để kiện toàn cấp uỷ, Uỷ ban nhân dân và các đoàn

---

[1] [2] Những số liệu trên tính chung cả Bắc Kạn và Thái Nguyên.

thể quần chúng. Hơn nữa, đây là năm thứ ba Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới, chỉnh đốn Đảng. Bản lĩnh chính trị, nhận thức mọi mặt của cán bộ, đảng viên và nhân dân đã được nâng lên, sinh hoạt dân chủ tiếp tục được mở rộng, ý thức làm chủ được khơi dậy, tư tưởng đổi mới đi vào tiềm thức... Do đó, việc lựa chọn người để bầu vào cấp uỷ, bầu vào Hội đồng nhân dân đã không còn là sự gợi ý, lãnh đạo đắc cử như trước đây.

Kết quả bầu cử cấp uỷ cơ sở nhiệm kỳ 1994 - 1999 ở 245 đơn vị gồm có 2.115 đồng chí, giảm hơn nhiệm kỳ trước 42 đồng chí, do nhiều cơ sở không tìm đủ người có tín nhiệm tham gia cấp uỷ. Số cấp uỷ viên mới tham gia chiếm tỷ lệ 41,3% (874 đồng chí). Số Bí thư mới: 34,8% (85 đồng chí). So với nhiệm kỳ trước, số cấp uỷ viên là nữ, dân tộc ít người, số có trình độ đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các trường chính trị cao, trung, sơ cấp đã tăng lên và tuổi đời bình quân giảm từ 46,6 tuổi xuống 44,9 tuổi.

Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp cũng cho những bài học về nhìn nhận, đánh giá cán bộ của tập thể cấp uỷ, về vai trò làm chủ của nhân dân. Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thông qua Hội nghị hiệp thương, tỉnh giới thiệu 26 đồng chí là Tỉnh uỷ viên

ứng cử, cả 26 đồng chí được bầu vào Hội đồng nhân dân. Trong khi đó, các cấp huyện, thành, thị giới thiệu 174 đồng chí là cấp uỷ viên tham gia ứng cử Hội đồng nhân dân cùng cấp, thì 16 đồng chí không trúng cử. Ở phường, xã, thị trấn, giới thiệu 1.642 đồng chí là cấp uỷ viên tham gia ứng cử Hội đồng nhân dân cùng cấp, thì 182 đồng chí không trúng cử (1.460/1.642); trong đó có 20 đồng chí là Bí thư, 1 Phó Bí thư, 9 đồng chí là Thường trực Đảng uỷ, 37 đồng chí Chủ tịch, 45 Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn (tất cả đều là cấp uỷ viên hoặc đảng viên) đương nhiệm.

Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp Đảng bộ và chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh ra sức thi đua hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Hội nghị Đảng bộ giữa nhiệm kỳ. Nhờ sự nỗ lực của toàn Đảng bộ và toàn dân, trong những năm 1994 - 1996, tình hình kinh tế - chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế từ 8,67% (năm 1994), tăng lên 9 - 10% (năm 1995). Tỷ trọng ngành Công nghiệp, Xây dựng trong GDP là 34,8%, so với năm 1993 tăng thêm 1,05%; tốc độ tăng trưởng của ngành này là 12,28%. Tỷ trọng của ngành Nông, Lâm nghiệp chiếm 40,5% và so với 1993 giảm 1,76% về

tỷ trọng, tốc độ tăng trưởng đạt 4,31%. Tỷ trọng của ngành dịch vụ chiếm 24,7%, so với năm 1993 tăng 07%, tốc độ tăng trưởng là 11,27%.

Quán triệt chủ trương của Hội nghị Tỉnh uỷ ngày 13/1/1994, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Ngành Nông nghiệp kiên quyết chuyển dịch cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ. Diện tích giống lúa mới thực hiện trên 65% diện tích, lúa mùa sớm đạt trên 41% diện tích; cây lương thực vụ đông tăng hơn năm 1993 là 45,3%. Các huyện Võ Nhai, Định Hoá đưa gần 1.000 ha ruộng một vụ thành 2 vụ lúa và màu, trồng mới gần 1.900 ha chè, 1.375 ha cây ăn quả. Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 246.256 tấn, tăng 2,19% so với năm trước và vượt 1,51% so với mục tiêu Tỉnh uỷ đề ra. Đàn gia súc tiếp tục tăng, so với năm 1993, đàn trâu tăng khoảng 3%, đàn bò tăng 9,8%, đàn lợn tăng 4%.

Sản xuất công nghiệp có tốc độ tăng trưởng trên 12%. Riêng công nghiệp địa phương và tiểu thủ công nghiệp tăng 6,24%, trong đó quốc doanh tăng 21,28%, kim ngạch xuất khẩu tăng 53,2%[1] . Thu ngân sách

---

[1] Theo số liệu của Cục Thống kê Bắc Thái, đã trừ phần Bắc Kạn ngày nay.

vượt 19%, vốn xây dựng cơ bản dành chủ yếu cho sự nghiệp phát triển kinh tế và một phần thoả đáng cho phúc lợi xã hội của nhân dân các xã miền núi trong tỉnh. Với quan điểm đẩy nhanh quá trình đô thị hoá, góp phần thúc đẩy kinh tế hàng hoá phát triển, phân công lại lao động, mở rộng ngành nghề ra nhiều trung tâm kinh tế - văn hoá khu vực, Tỉnh uỷ có chủ trương, chính sách thông thoáng dành cho phát triển đô thị. Nhiều trung tâm đô thị trong tỉnh đã hình thành. Tháng 10 năm 1994, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã làm việc với Ban Thường vụ Thành uỷ Thái Nguyên, Thường trực Uỷ ban nhân dân thành phố để kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết 02/NQ - TU ngày 10/10/1992 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về quản lý, xây dựng và phát triển thành phố Thái Nguyên theo hướng hiện đại, xứng đáng là tỉnh lỵ, trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học, giáo dục, quân sự của vùng Việt Bắc... Tuy nhiên, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ cũng chỉ ra một số tồn tại, trong đó việc quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, vệ sinh môi trường chưa được giải quyết đồng bộ, còn lúng túng, chậm chạp, làm ảnh hưởng không tốt đến việc ổn định đời sống và sinh hoạt của một bộ phận nhân dân thành phố.

Như vậy, từ sau Hội nghị đại biểu Đảng bộ giữa nhiệm kỳ (3/1994), tình hình kinh tế - chính trị - xã hội của tỉnh tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Việc chuẩn bị các dự án thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức khu công nghiệp tập trung trên địa bàn thực hiện đạt kết quả thấp, chưa có chính sách tích cực hỗ trợ kinh tế ngoài quốc doanh phát triển; việc giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình kinh tế, đô thị, giao thông còn chậm; việc phân cấp quản lý chưa tốt, trách nhiệm giữa cấp trên và cấp dưới, giữa tập thể và cá nhân không rõ nên hiệu quả thấp. Chính quyền các cấp, nhất là cấp xã, phường hoạt động còn kém hiệu lực, kỷ luật, kỷ cương lỏng lẻo, phép nước không nghiêm...

Trong bối cảnh đó, Hội nghị Tỉnh uỷ lần thứ 10 được triệu tập (15 - 16/12/1994), xác định trọng tâm trong năm 1995 là quán triệt Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7 (họp tháng 7/1994) về phát triển công nghiệp đến năm 2000 và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới; Nghị quyết 8 (1/1995) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính, động viên toàn Đảng toàn dân trong tỉnh phấn đấu thực hiện kế

hoạch kinh tế - xã hội năm 1995 đạt kết quả cao nhất. Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ nhấn mạnh: "*Nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ là tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Đảng bộ giữa nhiệm kỳ về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn. Trước hết là thực hiện chương trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7, gắn việc phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và các ngành dịch vụ để xây dựng cơ cấu kinh tế mới, chuyển từ nông lâm - công nghiệp - dịch vụ sang cơ cấu công - nông, lâm nghiệp - dịch vụ vào cuối giai đoạn 1996 - 2000*"[1].

Tỉnh uỷ đề ra một số chỉ tiêu phát triển kinh tế và 4 chuyên đề chính sẽ bàn và tập trung chỉ đạo thực hiện trong năm 1995:

- Cải cách một bước nền hành chính Nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7.

- Hoàn thiện quy định, chính sách về phân công, phân cấp quản lý ngân sách một cách toàn diện.

- Xây dựng, quản lý và sử dụng một số hạ tầng chủ yếu về giao thông, thuỷ lợi, mạng lưới điện, cơ sở trường, trạm...

---

[1] Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ lần thứ 10 về nhiệm vụ công tác năm 1995 - Số 08 NQ/TU- 22/12/1994, tr. 5

- Tổ chức tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 4 về văn hoá - văn nghệ; chuẩn bị mọi mặt cho đại hội đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh; kết nạp đảng viên mới vào dịp kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Đảng.

Tháng 4/1995, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp Hội nghị lần thứ 11, đề ra kế hoạch thực hiện cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8, khoá VII (1/1995). Hội nghị nhấn mạnh: Phải làm cho tất cả cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh quán triệt quan điểm của Đảng về chuyên chính vô sản, về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở đó, Hội nghị xác định nhiệm vụ trọng tâm trước mắt để cải cách hành chính ở tỉnh là giải quyết tốt những đơn thư khiếu nại, khiếu tố, góp ý của nhân dân, khắc phục tình trạng thư gửi đi vòng vo chậm được xem xét giải quyết; chấn chỉnh và lập lại trật tự kỷ cương xã hội; đổi mới nâng cao chất lượng các cuộc hội nghị, hội thảo, bảo đảm tính hiệu quả và thực hành tiết kiệm; tích cực chuẩn bị để thực hiện một bước hoàn thiện tổ chức và viên chức Nhà nước.

Thực hiện kế hoạch của Tỉnh uỷ, ngày 11 tháng 5 năm 1995, Uỷ ban nhân dân tỉnh đề ra ***Chương trình***

công tác triển khai kế hoạch của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương [1].

Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cải cách thủ tục hành chính, điều chỉnh tổ chức và các mối quan hệ trong bộ máy hành chính; xây dựng, đào tạo đội ngũ công chức và cán bộ chính quyền cơ sở. Ban chỉ đạo cải cách hành chính được thành lập, do đồng chí Mai Phúc Toàn, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, làm Trưởng ban. Sau một năm thực hiện, cải cách hành chính đã đạt được kết quả ban đầu. Các ngành, các cấp trong tỉnh đã xây dựng được quy chế làm việc, những văn bản có liên quan đến hoạt động của các ngành, các cấp được rà soát lại, loại bỏ các văn bản không còn phù hợp, bổ sung, hoàn chỉnh các văn bản pháp quy vẫn còn giá trị thực hiện; trật tự kỷ cương xã hội, trước hết là quản lý đô thị và trật tự an toàn giao thông ở thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và thị trấn huyện lỵ bước đầu được chấn chỉnh. Lịch tiếp dân được thông báo công khai nhiều lần trên các phương tiện thông tin đại chúng; nội quy,

---

[1] Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Thái: *Chương trình công tác...* - Số 2.461, ngày 11/5/1995.

quy chế tiếp dân được hầu hết các ngành, các cấp thực hiện nghiêm túc.

Tỉnh đã mở nhiều lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và kinh nghiệm quản lý cho 1.644 cán bộ xã, phường giữ chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân và Hội đồng nhân dân. Tỉnh còn mở thêm 5 lớp bồi dưỡng cao cấp và trung cấp về quản lý Nhà nước cho cán bộ chủ chốt các ngành ở tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân huyện...

Từ quý III năm 1995 trở đi, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tập trung lãnh dạo các ngành, các cấp phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 1995, tạo tiền đề thuận lợi cho giai đoạn 1996 - 2000.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh, sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp và nhân dân các dân tộc, mọi mặt kinh tế - xã hội trên địa bàn Thái Nguyên đều có nhiều bước tiến mới. Tính chung trong thời gian 1991 - 1995, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân mỗi năm là 8,8%. Riêng năm 1995, tốc độ tăng trưởng lớn nhất, đạt 9,6%. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá. Tỷ trọng công nghiệp trong GDP từ 25,3% (năm 1991), tăng lên 35,5% (năm 1995). Hoạt động kinh tế

đối ngoại từng bước được mở rộng, kim ngạch xuất khẩu của địa phương tăng gần 3 lần.

Sản lượng lương thực quy thóc năm 1995 đạt 249.297 tấn, tăng 3,01% so với 1994, cao nhất so với tất cả các năm trước. Các huyện, thành, thị trên địa bàn Thái Nguyên trồng được 4.174 ha rừng, vượt 4,35% so với kế hoạch. Chăn nuôi tiếp tục phát triển khá, tổng đàn trâu tăng 1%, đàn lợn tăng 2,5%, đàn bò tăng 12,55% so với năm trước. Nhiều mô hình chăn nuôi giỏi xuất hiện.

Giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tăng 9,4%; giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng 28,4%; thu ngân sách tại địa phương tăng 2,8% so với năm trước. Tỷ lệ sinh đẻ giảm xuống còn 0,8%.

Dư nợ tín dụng tăng 29%, trong đó cho nông dân vay phát triển sản xuất tăng 51,8% lượt hộ so với năm 1994. Chương trình ***Xoá đói giảm nghèo*** theo Quyết định 120 của Chính phủ đã tạo việc làm cho trên 20.000 người.

Tổng mức bán lẻ trên thị trường xã hội năm 1995 tăng 31% so với năm 1994, trong đó kinh tế quốc doanh tăng 44,4% và chiếm tỷ trọng 23,5% trong tổng mức bán lẻ toàn xã hội. Công tác quản lý thị trường đã góp phần ổn định giá cả thị trường, không gây đột biến

anh hưởng tới sản xuất và đời sống của nhân dân. Mức sống của gần 70% dân số được cải thiện rõ rệt, 10% số hộ có tích luỹ.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo có bước phát triển mới. Đến năm 1995, tất cả các xã trên địa bàn Thái Nguyên đều có trường tiểu học, 98,8% số xã có trường trung học cơ sở; các huyện đều có trường trung học phổ thông. 94% tổng số xã, phường đạt tiêu chuẩn quốc gia về phổ cập tiểu học và chống tái mù chữ. Năm 1995, Thái Nguyên chỉ còn 7.366 người (độ tuổi từ 15 đến 35) mù chữ (chiếm 2,38% số người trong độ tuổi). Hằng năm, số học sinh vào học tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề, đều tăng lên đáng kể. Chất lượng giáo dục và đào tạo có mặt tiến bộ. Số học sinh giỏi bình quân từ 0,7% (năm 1991), tăng lên 3,2% (năm 1995), học sinh tiên tiến từ 17% tăng lên 41% trong khoảng thời gian trên. Bình quân mỗi năm, Thái Nguyên đều có trên dưới 30 giải học sinh giỏi toàn quốc, trong đó có giải cao (giải nhì, ba)...

Đa số giáo viên ở các trường của tỉnh đều yêu nghề, chất lượng giáo viên từng bước được nâng cao. Tính đến năm học 1995 - 1996, Thái Nguyên đã có 50% giáo viên mầm non, 97% giáo viên tiểu học, 78% giáo

viên trung học cơ sở và 90% giáo viên trung học phổ thông đạt chuẩn đào tạo.

Sự nghiệp Y tế có nhiều tiến bộ, không để dịch bệnh lớn xảy ra, thực hiện có hiệu quả các chương trình Y tế quốc gia, góp phần chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân. Tính đến năm 1995, trên địa bàn Thái Nguyên có 18 bệnh viện, 186 trạm y tế xã, phường với 3.445 giường bệnh (tăng hơn năm 1991 trên 500 giường), với đội ngũ thầy thuốc bao gồm 2.725 người. Trong đó, nhiều người có trình độ trên đại học về Y và dược, đủ khả năng phục vụ, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Sự nghiệp văn hoá - thể thao có bước phát triển quan trọng cả về bề rộng và chiều sâu. Trong nửa đầu thập kỷ 90, Ngành Văn hoá - Thông tin, Thể dục - Thể thao tỉnh đã có những đóng góp quan trọng vào việc xây dựng con người có lối sống văn hoá. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, hoạt động văn hoá của tỉnh đã tạo ra môi trường phát triển con người mới, đồng thời cải thiện đáng kể đời sống văn hoá của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Đáng chú ý trong năm 1995, cùng với việc tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn, tỉnh đã tổ chức thành công Đại hội Văn hoá - Thể thao lần thứ II và Hội diễn sân khấu toàn quốc.

Công tác quân sự địa phương đã có nhiều chuyển biến tích cực. Đảng bộ đã coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục ý thức và kiến thức quốc phòng, an ninh cho toàn dân, trước hết là đội ngũ cán bộ, đảng viên, góp phần tạo nên sức mạnh chính trị - tinh thần to lớn, phòng chống có hiệu quả chiến lược "*Diễn biến hoà bình*" cũng như sẵn sàng đối phó với các tình huống khác. Trong năm 1995, có 80% lực lượng dân quân, tự vệ tham gia huấn luyện, trên 90% đơn vị cơ sở hoàn thành chương trình huấn luyện. Công tác tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu được giao. Việc tổ chức và kết quả diễn tập PT - 95 được Quân khu I đánh giá cao.

Các ngành trong khối Nội chính có nhiều cố gắng thực hiện Chỉ thị 31 của Tỉnh uỷ đấu tranh trấn áp bọn tội phạm, song nhìn chung tình hình trật tự an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp, có chiều hướng năm sau tăng hơn năm trước (trong 10 tháng năm 1995, số vụ phạm pháp đã tăng hơn cả năm 1994 là 1,5%, trọng án tăng 51,6%).

Năm 1995 là năm có nhiều ngày lễ lớn: 65 năm thành lập Đảng, 50 năm thành lập Nước, 105 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 20 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, tuyên dương Bà mẹ Việt Nam anh hùng... Hướng vào những sự kiện đó, công tác

tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng được đẩy mạnh và dưới nhiều hình thức phong phú, sinh động, góp phần cổ vũ, động viên, hướng dẫn cán bộ, đảng viên nhân dân các dân tộc trong tỉnh nêu cao truyền thống yêu nước và cách mạng, quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ lần thứ VI đề ra.

Bên cạnh đó, tỉnh mở 18 lớp bồi dưỡng lý luận, gồm 1.283 học viên theo học, trong đó có 7 lớp trung, cao cấp về lý luận cho 545 cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành trong tỉnh và 11 lớp bồi dưỡng kiến thức về quản lý Nhà nước, về công tác Đảng, đoàn thể cho 738 cán bộ. Ngoài ra, còn hàng trăm cán bộ, đảng viên được cử đi đào tạo các trường của Trung ương.

Công tác xây dựng Đảng từ năm 1995 cũng được tăng cường hơn, nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng được thực hiện tốt hơn, chất lượng đảng viên được chú ý nâng cao, vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng, nhất là ở cơ sở nhìn chung được củng cố và nâng cao một bước[1] "*Nhìn một cách tổng quát, đảng viên trong Đảng bộ vững vàng, tin tưởng vào*

[1] Tỉnh uỷ Bắc Thái: Báo cáo tổng kết công tác năm 1995, ngày 28/11/1995, tr. 12.

đường lối chủ trương của Đảng, ủng hộ và tích cực tham gia vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng khối đoàn kết thống nhất. Qua kiểm tra phân tích chất lượng hằng năm, số đảng viên chấp hành tốt chiếm từ 80% đến 92%, số đảng viên còn vi phạm chiếm 10% và số phải xử lý chiếm từ 4% đến 5%, đó vừa là kết quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng vừa là nguyên nhân góp phần vào quá trình thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội trong những năm qua" [1].

Công tác phát triển Đảng cũng được đẩy mạnh. Tính riêng trong năm 1995, Đảng bộ kết nạp được 2.037 đảng viên mới, so với năm 1994 tăng 65,20%; trong đó, đảng viên nữ chiếm 31,27% (tăng 0,44%), dân tộc ít người: 35,44% (tăng 8,19%). Số tổ chức cơ sở Đảng có kết nạp đảng viên mới đạt tỷ lệ 60,07% (483/804 cơ sở), tăng hơn năm trước 12,47%.

Tổng số đảng viên toàn Đảng bộ tính đến 30/11/1995 có 50.280 đồng chí, trong đó có:

- 2.310 đảng viên dự bị = 4,59%
- 8.529 đảng viên nữ = 16,96%

[1] Dự thảo báo cáo chính trị của BCHĐB khoá VI tại Hội nghị Tỉnh uỷ lần 13 (13 - 14/9/95).

- 13.867 đảng viên là dân tộc ít người = 27,57%
- 4.172 đảng viên còn sinh hoạt Đoàn Thanh niên = 8,29%
- 3.583 đảng viên được miễn sinh hoạt = 7,12%
- 4.372 đảng viên dưới 30 tuổi = 8,69%
- 5.826 đảng viên từ 61 tuổi trở lên = 11,58% [1].

Thực hiện Chỉ thị 51/CT-TW ngày 9/3/1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiến hành Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, Tỉnh uỷ đã ra Nghị quyết số 10 NQ/TU về công tác nhân sự cấp uỷ tỉnh và cấp uỷ huyện, thành, thị và Đảng bộ trực thuộc nhiệm kỳ 1996 – 2000 và Kế hoạch 02/KH - TU về đại hội đảng bộ các cấp trong Đảng bộ tỉnh. Tỉnh uỷ đã chọn 5 đảng bộ cơ sở: Hà Châu (Phú Bình), Công ty Xây dựng số I, Đảng bộ phường Đồng Quang (thành phố Thái Nguyên), Đảng bộ thị trấn Đu và Đảng bộ xã Ôn Lương (Phú Lương) tiến hành đại hội trước để rút kinh nghiệm chỉ đạo.

Đến tháng 2/1996, đã có 91,46% tổ chức cơ sở Đảng trong Đảng bộ đã tiến hành đại hội. Tỷ lệ đảng viên dự đại hội đạt trên 90% so với tổng số đảng viên.

---

[1] Những số liệu trên tính chung cả tỉnh Bắc Thái.

Công tác dân vận trong nửa đầu thập kỷ 90 có những chuyển biến tích cực. Các cấp uỷ Đảng đã thực sự quan tâm đến công tác dân vận, hệ thống Ban Dân vận các cấp được củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng. Tất cả 9 huyện, thành, thị đều có Ban Dân vận do đồng chí Thường vụ cấp uỷ làm Trưởng ban. Nhìn chung, hoạt động của Ban Dân vận các cấp đã làm tốt chức năng tham mưu cho cấp uỷ về công tác dân vận, giúp cấp uỷ thường xuyên kiểm tra việc triển khai công tác dân vận, nắm tình hình quần chúng, phát hiện và phản ánh những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của quần chúng đặt ra.

Bộ máy chính quyền từ tỉnh xuống đến cơ sở đã làm tốt hơn việc phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức các phong trào quần chúng, tạo cơ chế thuận lợi nhằm phát huy quyền dân chủ của nhân dân trong việc tham gia vào các chương trình kinh tế - xã hội của tỉnh, tham gia củng cố và bảo vệ chính quyền. Các cấp chính quyền cũng đã quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và kinh phí cho Mặt trận và các đoàn thể hoạt động.

Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp đã gắn chức năng, nhiệm vụ của mình với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, với quyền lợi của đoàn

viên, hội viên; đề ra được nội dung, hình thức hoạt động sát hợp, thực hiện có hiệu quả chương trình công tác trong từng giai đoạn.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, trong 5 năm (1991 - 1995), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực, từng bước đưa tỉnh nhà thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội để cùng cả nước phát triển đi lên chặng đường mới.

Trong không khí lạc quan và tin tưởng trước những thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đất nước, bước vào năm 1996, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên càng thêm vui mừng, phấn khởi hướng về các sự kiện có ý nghĩa to lớn trong đời sống chính trị tinh thần của địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

Ngày 5 tháng 5 năm 1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII đã khai mạc trọng thể tại Rạp chiếu bóng nhân dân thành phố Thái Nguyên. Dự đại hội có 321 đại biểu thay mặt cho hơn 50.000 đảng viên của Đảng bộ. Đại hội có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kinh tế - chính trị - xã hội giai đoạn 1996 -

2000; bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ khoá mới và bầu đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng.

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VI, Đại hội khẳng định: Trong 5 năm (1991 - 1995), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh kiên trì với sự nghiệp đổi mới, tạo nên sự chuyển biến toàn diện trên tất cả các mặt kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, củng cố xây dựng hệ thống chính trị, cho đến nay hầu hết các mục tiêu, chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ lần thứ VI đề ra đã hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Đại hội cũng nêu rõ: Tốc độ tăng trưởng kinh tế giữa các vùng không đều và chưa vững chắc. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng nhưng còn chậm. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể chưa khai thác được các lợi thế, một số lĩnh vực chưa giữ được vai trò chủ đạo. Vấn đề xã hội còn nhiều tồn tại rất đáng phải quan tâm, đời sống của đồng bào vùng cao, vùng sâu còn khó khăn. Quản lý vốn ngân sách còn nhiều khuyết điểm, đầu tư còn dàn trải, hiệu quả thấp. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng chưa cao. Hiệu lực quản lý bộ máy Nhà nước và hoạt động các đoàn thể nhân dân chưa theo kịp với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới...

Đại hội đã phân tích những nguyên nhân yếu kém, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh. Trên cơ sở đó, Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội trong 5 năm 1996 - 2000:

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm từ 9 - 10%.

- Sản lượng lương thực đến năm 2000 đạt 30 vạn tấn.

- Mỗi năm trồng mới 4.000 ha rừng.

- Giá trị sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp địa phương đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm từ 20% trở lên.

- Giá trị hàng xuất khẩu địa phương đầu năm 2000 đạt từ 13 đến 15 triệu USD.

- Ngân sách đạt tỷ lệ huy động 15% GDP. Phấn đấu đến năm 2000 tự cân đối được thu chi thường xuyên trên địa bàn.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2000 đạt từ 450 đến 500 USD.

- Giảm tỷ suất sinh hằng năm 0,08% trở lên để đến năm 2000 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức dưới 1,8%[1].

---

[1] Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VII... Tlđd, tr. 16.

Các đại biểu đã thảo luận những vấn đề cơ bản của Báo cáo chính trị, trong đó, tập trung nhiều hơn cả là phương hướng, mục tiêu, giải pháp tiếp tục phát huy thuận lợi, tranh thủ thời cơ, phấn đấu thực hiện thành công đường lối đổi mới, hình thành cơ cấu kinh tế mới theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo cơ sở vững chắc để Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh cùng cả nước bước vào thời kỳ phát triển đầu thế kỷ XXI.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá VII gồm 47 uỷ viên. Đồng chí Nguyễn Ngô Hai được tái cử giữ chức Bí thư, các đồng chí Đặng Quốc Tiến, Mai Phúc Toàn được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 13 đồng chí. Đại hội bầu 18 đồng chí tiêu biểu của Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng.

Từ ngày 28/6 đến ngày 1/7/1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng được tổ chức tại Hà Nội. Đại hội kiểm điểm kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII; tổng kết 10 năm đổi mới; đề ra những mục tiêu, phương hướng và nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong thời kỳ mới - Thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Dưới ánh ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh

lần thứ VII, Tỉnh uỷ khẩn trương triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội chưa được bao lâu thì tình hình có những chuyển biến mới.

Ngày 6/11/1996, tại kỳ họp lần thứ 10, Quốc hội (khoá IX) nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra nghị quyết chia tách và điều chỉnh địa giới một số tỉnh trong cả nước. Tỉnh Bắc Thái được tách thành hai tỉnh: Bắc Kạn và Thái Nguyên, có địa giới như trước khi hợp nhất (7/1965) và hoạt động theo đơn vị hành chính mới kể từ ngày 1/1/1997.

Ngay sau khi có nghị quyết của Quốc hội, Tỉnh uỷ Bắc Thái đã kịp thời đề ra chủ trương lãnh đạo việc thực hiện chia tách tỉnh. Ngày 20/11/1996, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp để quán triệt chỉ thị của Bộ Chính trị, Nghị quyết kỳ họp thứ 10 của Quốc hội khoá IX và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc chia tách tỉnh Bắc Thái thành hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên. Hội nghị nêu rõ phải làm tốt công tác tư tưởng để cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh nhận thức rõ yêu cầu khách quan những lợi ích lâu dài cũng như các khó khăn ban đầu của việc chia tách tỉnh. Trong quá trình tiến hành chia tách tỉnh, phải bảo đảm các mặt kinh tế, xã hội phát triển bình thường, đầy

mạnh sản xuất, giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc trong từng tỉnh. Hội nghị nhấn mạnh phải tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết hơn 30 năm hợp nhất tỉnh, tăng cường đoàn kết hợp tác, giúp đỡ nhau trong thời gian chia tỉnh cũng như sau này để hai tỉnh cùng phát triển, kiên quyết khắc phục mọi biểu hiện của tư tưởng và hành động mang tính cục bộ, bản vị, hẹp hòi, địa phương chủ nghĩa. Hội nghị đề ra yêu cầu chia tách tỉnh là *Đoàn kết - Tiết kiệm - Phát triển.*

Ngày 22/12/1996, Bộ Chính trị ra Quyết định số 131/QĐNS/TW về việc kết thúc hoạt động của Đảng bộ và Tỉnh uỷ Bắc Thái; đồng thời thành lập Đảng bộ Thái Nguyên và chỉ định Ban Chấp hành lâm thời, gồm 35 uỷ viên, do đồng chí Nguyễn Ngô Hai làm Bí thư. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lâm thời gồm 11 đồng chí. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 1/1/1997. Từ đó, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, nhân dân các dân tộc trong tỉnh bước vào thời kỳ mới: Thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Chương IV

TIẾP TỤC LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ (12/1996 - 12/2000)

I- Lãnh đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XV Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên

Bước vào nửa sau những năm 90, tình hình thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến rất phức tạp. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào. Nguy cơ chiến tranh thế giới tuy bị đẩy lùi, nhưng xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về dân tộc, sắc tộc và tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển với trình độ ngày càng cao, tăng nhanh lực lượng sản xuất. Cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề bức xúc mang tính toàn cầu (bảo vệ môi trường, hạn

chế sự bùng nổ dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo...). Sự tham gia của các quốc gia vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại cũng như nhiều lĩnh vực khác ngày càng tăng, nhưng đồng thời sự cạnh tranh cũng rất gay gắt...

Tình hình thế giới và khu vực tác động sâu sắc đến các mặt đời sống xã hội nước ta, đưa đến những thời cơ thuận lợi lớn, đồng thời cũng làm xuất hiện những thách thức lớn.

Trải qua 10 năm thực hiện đổi mới, nhân dân ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Đất nước ta đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng và kéo dài, tạo tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Quan hệ giữa nước ta với các nước trên thế giới được mở rộng. Tuy nhiên, bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu Đảng giữa nhiệm kỳ (1/1994) nêu lên đến lúc này vẫn là những thách thức lớn. Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Những thế lực thù địch vẫn tiếp tục mưu toan thực hiện "*diễn biến hoà bình*", thường xuyên dùng chiêu bài "*dân chủ*", "*nhân quyền*" hòng can thiệp vào nội bộ nước ta. Một số vấn đề văn hoá, xã hội bức xúc và gay

gắt chậm được giải quyết. Cơ chế, chính sách không đồng bộ và chưa tạo động lực mạnh để phát triển. Tình trạng tham nhũng suy thoái ở một bộ phận không nhỏ trong cán bộ, đảng viên rất nghiêm trọng.

Xuất phát từ tình hình nói trên và căn cứ vào ***Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội***, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6/1996) của Đảng khẳng định "*Cần tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá*"[1].

Tỉnh Thái Nguyên, sau hơn 30 năm hợp nhất với tỉnh Bắc Kạn thành tỉnh Bắc Thái, đã được lập lại, gồm 9 đơn vị hành chính trực thuộc: Các huyện Định Hoá, Võ Nhai, Phú Lương, Đại Từ, Đồng Hỷ, Phổ Yên, Phú Bình, thị xã Sông Công và thành phố Thái Nguyên, với 177 xã, phường, thị trấn (trong đó có 16 xã vùng cao, 110 xã, thị trấn miền núi, chiếm 71,18%). Dân số của tỉnh vào thời điểm cuối năm 1997 là 1.040.123 người[2], thuộc 8 thành phần dân tộc chính: Kinh, Tày, Nùng,

---

[1] Đảng CSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII.Nxb Chính trị quốc gia, H. 1996, tr. 80.

[2] Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV - 11/1997, tr. 3, 4.

Sán Dìu, Dao, Cao Lan, HMông và Hoa. Toàn Đảng bộ có 44.449 đảng viên sinh hoạt ở 651 đảng bộ cơ sở [1].

Là một tỉnh miền núi và trung du với diện tích tự nhiên là 3.541,1 km^2 [2], Thái Nguyên có tiềm năng phát triển kinh tế phong phú, đa dạng. Đất nông nghiệp là 76.745 ha (bằng 21,6%), đất đồi rừng là 166.453 ha (bằng 47,1%); trong đó diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng là 113.453 ha, độ che phủ 33%. Thái Nguyên có nguồn tài nguyên khoáng sản và tiềm năng đất đai khá lớn, đã và đang được khai thác có hiệu quả. Trong lòng đất Thái Nguyên có 4 nhóm khoáng sản:

- Nhóm khoáng sản nhiên liệu: 10 điểm mỏ than.

- Nhóm khoáng sản kim loại: Sắt (39 điểm quặng), mănggan, tytan, đồng, chì, thiếc, vàng sa khoáng.

- Nhóm nguyên liệu và vật liệu xây dựng: Đá vôi, đất sét, cuội, sỏi, cao lanh, cát...

- Nhóm khoáng sản phi kim loại: Pirýt, barít...

Khí hậu Thái Nguyên tương đối thuận lợi cho việc phát triển cây trồng, vật nuôi.

---

[1] Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh...TLđd.tr3,4

[2] Cục Thống kê Thái Nguyên: Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1997 - 2001-Nxb Thống kê, Hà Nội, 2002, tr. 11.

Tỉnh Thái Nguyên có nhiều cơ sở công nghiệp lớn của Trung ương, trong đó đáng chú ý có Khu Công nghiệp Gang thép Thái Nguyên, các nhà máy cơ khí Sông Công, Phổ Yên, công nghiệp khai mỏ, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến, gia công, các nhà máy quốc phòng...

Thái Nguyên là một trong những trung tâm giáo dục - đào tạo của cả nước, bao gồm 4 trường đại học, 20 trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, 8 trạm trại nghiên cứu... với một lực lượng trí thức và đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật đông đảo.

Là trung tâm của vùng Việt Bắc, tỉnh Thái Nguyên nằm sát vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, có hệ thống đường giao thông thuận lợi. Kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh được xây dựng tương đối đồng bộ, bao gồm mạng lưới giao thông nông thôn và đô thị, điện lưới quốc gia, hệ thống thủy lợi, nước sinh hoạt đô thị, các công trình phúc lợi công cộng về văn hoá, xã hội như trường học, bệnh viện, công sở làm việc của bộ máy hành chính từ tỉnh đến cơ sở.

Tỉnh Thái Nguyên cũng là trung tâm quân sự của Quân khu I, có nhiều đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn (Bộ Tư lệnh Quân khu I, Sư đoàn 346, nhiều trung đoàn và lữ đoàn trực thuộc).

Bên cạnh những thế mạnh nêu trên, Thái Nguyên vẫn là một tỉnh nghèo, thu không đủ chi. Nền kinh tế của tỉnh phát triển chưa đều và chưa vững chắc, thiếu vốn đầu tư cho phát triển. Cơ sở hạ tầng tuy đã được đầu tư ban đầu nhưng chất lượng còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới. Các cơ sở công nghiệp của Trung ương, chủ yếu là công nghiệp nặng, được xây dựng từ những năm 60 - 70 của thế kỷ XX, thiết bị, công nghệ đã lạc hậu, chậm đổi mới đầu tư, cho nên hiệu quả kinh tế thấp, sức cạnh tranh trên thị trường yếu. Mặt bằng dân trí tuy cao hơn so với một số tỉnh miền núi, nhưng phân bố không đều. Một bộ phận trong cán bộ, đảng viên và phần lớn nông dân ở các vùng nông thôn, miền núi dù đã trải qua 10 năm đổi mới, nhưng vẫn còn mang nặng nếp nghĩ, cách làm thời bao cấp cùng với tập quán canh tác lạc hậu... Đó chính là những khó khăn không nhỏ đối với một tỉnh mới được chia tách, lại phải san sẻ một bộ phận cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành cho tỉnh bạn.

Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã biết khai thác thế mạnh, phát huy mọi nội lực, từng bước khắc phục khó khăn. Nhờ đó, trong gần một năm kể từ ngày mới được thành lập, nhịp độ phát triển kinh tế trong tỉnh vẫn bảo đảm tốt; an ninh chính trị được giữ vững; văn hoá, y tế, giáo dục, thể dục thể

thao có những tiến bộ khá không những về số lượng mà cả về chất lượng; hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch năm 1997 đều tăng hơn năm 1996...

Trong bối cảnh lịch sử ấy, theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ quyết định tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV từ ngày 11 đến ngày 14/11/1997. Tham dự Đại hội có 250 đại biểu thay mặt cho gần 45.000 đảng viên sinh hoạt ở 19 đảng bộ trực thuộc. Đại hội này vừa có ý nghĩa kế thừa 7 nhiệm kỳ của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên trước đây và 31 năm xây dựng, trưởng thành của Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, vừa là đại hội mở đầu thời kỳ tiến vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Đánh giá tình hình sản xuất nông - lâm nghiệp, Đại hội khẳng định hầu hết các huyện, thành, thị tiếp tục có chuyển biến tích cực trong việc áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công nghệ, phát triển mạnh trồng trọt và chăn nuôi, trồng và bảo vệ rừng. Điều đáng chú ý là tập đoàn giống cây, con tương đối phù hợp và cho năng suất cao bước đầu được xác định vững chắc trên địa bàn tỉnh. Kinh tế

đồi rừng, cây công nghiệp và cây ăn quả tiếp tục phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hoá.

Ngành công nghiệp tuy còn gặp nhiều khó khăn, nhưng các doanh nghiệp - kể cả khu vực Trung ương và địa phương, có nhiều cố gắng giữ vững nhịp độ sản xuất. Một số mặt hàng (xi măng, thép, các sản phẩm xuất khẩu của Nhà máy Y cụ, động cơ điêzen...) tăng trưởng khá. Chất lượng sản phẩm được nâng cao và mẫu mã mặt hàng được cải tiến, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của thị trường trong nước và ngoài nước.

Trong cơ chế mới, các thành phần kinh tế đã phát huy được vai trò, tác dụng của mình. Thương nghiệp quốc doanh thực hiện được nhiệm vụ cung ứng các mặt hàng chính sách, phục vụ tốt đời sống nhân dân, góp phần giữ vững và ổn định giá cả thị trường.

Công tác khám, chữa bệnh chăm lo sức khoẻ cho nhân dân, công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình có nhiều tiến bộ: 100% số xã trong tỉnh có trạm y tế; trung tâm y tế các huyện tiếp tục được xây dựng hoàn thiện. Công tác giáo dục - đào tạo bước đầu được xã hội hoá và đạt được những thành tích quan trọng...

Đánh giá tổng quát tình hình trong gần một năm kể từ khi thành lập lại tỉnh Thái Nguyên, Đại hội khẳng

định: "*... dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp cùng với tinh thần phấn đấu tích cực của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, các mặt kinh tế - xã hội tiếp tục có tiến bộ, nhiều chỉ tiêu chủ yếu đạt và tăng so với năm 1996. Công tác chia tách tỉnh đã đảm bảo thực hiện tốt phương châm Đoàn kết - Tiết kiệm - Cùng phát triển*"[1].

Đại hội cũng nêu rõ các mặt tồn tại, khuyết điểm và nguyên nhân dẫn tới những khuyết điểm ấy.

Trên cơ sở đánh giá tình hình, đồng thời quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (6/1996), Đại hội lần thứ XV Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2000 là: "*Tập trung mọi nguồn lực, tranh thủ thời cơ, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tạo sự phát triển về kinh tế - xã hội với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững, xây dựng tỉnh Thái Nguyên giàu đẹp với cơ cấu kinh tế Công - Nông, Lâm nghiệp - Dịch vụ; cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an*

[1] Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV - 11/1997, tr. 24.

ninh; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh để cùng với cả nước tiến vào thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hoá, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn sau năm 2000"[1].

Đại hội nhất trí thông qua phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội từ năm 1997 đến năm 2000 với các mục tiêu chủ yếu:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 9 - 10%/năm, trong đó ngành công nghiệp - xây dựng cơ bản tăng 14 - 15%, ngành nông - lâm nghiệp tăng 3,5 - 4%, ngành dịch vụ tăng 14 - 15%.

- Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp địa phương đạt tốc độ tăng bình quân hằng năm từ 15% trở lên.

- Sản lượng lương thực quy thóc đạt bình quân 27 vạn tấn năm. Phấn đấu đạt giá trị sản xuất hằng năm trên 1 ha canh tác từ 12 triệu đồng trở lên đối với đất ruộng, 20 triệu đồng đối với đất vườn đồi đã được đầu tư thâm canh. Trồng rừng mới và cây ăn quả mỗi năm 4.000 ha.

---

[1] Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV... Tlđd, tr. 25 - 26, 52, 53.

- Xuất khẩu trên địa bàn đạt 27 triệu USD, trong đó xuất khẩu địa phương đạt 13 - 14 triệu USD.

- Về ngân sách: Phấn đấu đến năm 2000, về cơ bản bảo đảm tự cân đối nhu cầu chi thường xuyên của địa phương.

- Tổng sản phẩm (GDP) bình quân đầu người đến năm 2000 tăng 1,5 lần so với năm 1996.

- Giảm tỷ suất sinh thô hằng năm 0,08%[1].

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 47 uỷ viên; trong đó, có 4 đồng chí nữ (8,51%), 11 đồng chí là dân tộc ít người (23,4%), 44 đồng chí có trình độ chuyên môn từ cao đẳng, đại học trở lên (93,62%), 36 đồng chí có trình độ lý luận cao cấp (76,6%). Đồng chí Nguyễn Ngô Hai được bầu làm Bí thư; các đồng chí Mai Phúc Toàn và Chu Văn Cường được bầu làm Phó Bí thư. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 12 uỷ viên.

Đại hội đại biểu Đảng bộ Thái Nguyên lần thứ XV là một sự kiện quan trọng trong đời sống chính trị tinh thần của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Nghị quyết Đại hội đã vạch ra phương

---

[1] Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV... Tlđd, tr. 52, 53.

hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trên địa bàn, tạo tiền đề cho tỉnh tiếp tục phát triển đi lên.

Khi bắt đầu triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XV, cũng như các địa phương khác trong cả nước, nền kinh tế Thái Nguyên gặp khó khăn, thách thức gay gắt. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, một phần do công nghệ, thiết bị của hầu hết các doanh nghiệp nhà nước đã trở nên lạc hậu, cũ kỹ; chất lượng và giá thành sản phẩm cao nên sức cạnh tranh thấp; mặt khác còn do những yếu kém trong quản lý và tác động của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực châu Á diễn ra từ giữa năm 1997. Cuộc khủng hoảng đã gây nên những ảnh hưởng xấu trên nhiều mặt đối với nền kinh tế ở địa phương, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và thương mại. Nhìn chung, sản xuất công nghiệp trên địa bàn thiếu ổn định. Nếu 6 tháng đầu năm 1998, sản xuất công nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng 9,3% so với cùng kỳ, trong đó khối quốc doanh Trung ương tăng gần 12%, thì đến quý III, sản xuất bị chững lại và giảm sút khá nhiều ở hầu hết các lĩnh vực và các thành phần kinh tế. Sang quý IV, nhiều đơn vị tăng nhịp độ sản xuất, nhưng cũng không bù đắp lại sự giảm sút so với cùng

Nhà máy luyện gang - Công ty Gang thép Thái Nguyên

kỳ năm 1997. Giá trị sản xuất các doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý nằm trên địa bàn năm 1998 giảm 3,5% so với năm 1997; năm 1999 tiếp tục giảm 5,6% so với năm 1998. Khó khăn nhất là Công ty Gang thép Thái Nguyên. Đến cuối năm 1998, Công ty còn tồn kho gần 30.000 tấn thép, lượng phôi thỏi cũng tồn đọng gần 10.000 tấn. Sản xuất ở nhiều đơn vị thành viên trong Công ty chỉ ở mức cầm chừng, dẫn đến tình trạng trên 2.500 công nhân nghỉ chờ việc luân phiên, đời sống gặp nhiều khó khăn. Các công ty Điêzen Sông Công, Cốp pha thép Việt - Trung, gạch Cao Ngạn... tuy mức độ khó khăn không gay gắt như Công ty Gang thép, nhưng cũng nằm trong tình trạng tương tự.

Trước khó khăn của sản xuất công nghiệp, Ban Chấp hành Đảng bộ, trước hết là Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã dành nhiều thời gian đi sát cơ sở, lắng nghe ý kiến và thảo luận với các doanh nghiệp để cùng tìm ra những giải pháp tháo gỡ. Đối với các doanh nghiệp địa phương, Tỉnh uỷ đã có chương trình đổi mới cơ chế quản lý, kịp thời thông qua đề án sắp xếp và chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp nhà nước. Nhờ có những chủ trương và giải pháp tích cực của tỉnh, các doanh nghiệp từng bước được củng cố, đi dần vào thế ổn định và phát

triển; giá trị sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp địa phương hằng năm tăng trung bình 13%; riêng trong 9 tháng đầu năm 2000, tăng 19% so với cùng kỳ năm 1999. Một số sản phẩm tăng khá, như xi măng, tấm lợp, giấy đế, hàng may mặc xuất khẩu...

Đối với các doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn, Tỉnh uỷ và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã tích cực và chủ động thảo luận với các bộ, ngành Trung ương, đề nghị Bộ Chính trị và Chính phủ có cơ chế, chính sách để phục hồi sản xuất. Tỉnh uỷ kiến nghị với Chính phủ và các ngành Trung ương có biện pháp tháo gỡ tích cực giúp Công ty Gang thép và một số doanh nghiệp khác về cơ chế, chính sách tiêu thụ sản phẩm, điều chỉnh chính sách xuất nhập khẩu, hoãn hoặc kéo dài thời gian trả nợ, hạ lãi suất tín dụng, hoãn hoặc giảm thuế, cho vay vốn lưu động.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh đã góp phần giải quyết khó khăn cho các đơn vị sản xuất, giúp cho các doanh nghiệp giữ vững và duy trì sản xuất, ổn định đời sống cán bộ công nhân viên.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII), Tỉnh uỷ Thái

Nguyên đã rà soát lại các doanh nghiệp nhà nước thuộc địa phương quản lý, đồng thời lãnh đạo việc sắp xếp lại một số doanh nghiệp. Theo sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, một số doanh nghiệp làm ăn kém hiệu quả, mất vốn hoặc không có điều kiện phát triển, đã được giải thể.

Từ năm 1998, quán triệt tinh thần Chỉ thị 68 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về thực hiện chuyển đổi và thành lập hợp tác xã theo Luật, Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo các đơn vị làm thí điểm để rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, việc lãnh dạo chuyển đổi và thành lập hợp tác xã mới theo Luật nhìn chung triển khai chậm; cấp uỷ và chính quyền các cấp ở một số địa phương, đơn vị chưa thực sự quan tâm. Trong quá trình thực hiện, việc phối hợp giữa các ngành thiếu đồng bộ; các cấp lãnh đạo chưa làm cho mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận rõ tính tất yếu của kinh tế hợp tác và hợp tác xã; chưa tập trung chỉ đạo sát sao và thiếu hướng dẫn cụ thể cho các cơ sở... Do đó, đến cuối năm, toàn tỉnh mới có 23/158 hợp tác xã thực hiện chuyển đổi và thành lập được 10 hợp tác xã theo Luật. Trong đó, số hợp tác xã hoạt động có hiệu quả khá mới chiếm 27%, số còn lại chỉ hoạt động ở mức trung bình hoặc kém hiệu quả, nặng về hình thức.

Công tác lãnh đạo sản xuất nông, lâm nghiệp có những chuyển biến tốt. Được sự lãnh đạo sát sao của các cấp Đảng bộ từ tỉnh xuống xã, các địa phương tích cực chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu cây trồng, đưa giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất. Công tác phòng, chống bão lụt, chống hạn được triển khai một cách chủ động và tích cực hơn. Riêng trong năm 2000, tỉnh tập trung đầu tư và hoàn thành một số công trình thủy lợi quan trọng; trong đó, đáng chú ý là đập - cầu Thác Huống, hồ Gò Miếu, kiên cố hoá kênh Tây hồ Núi Cốc và 4 hồ chứa nước. Đến cuối năm 2000, trong toàn tỉnh đã có 85 phường, xã triển khai chương trình kiên cố hoá kênh mương nội đồng, xây dựng kiên cố thêm được trên 100 km kênh mương[1]. Tỉnh còn có chính sách trợ giá, trợ cước vận chuyển phân bón, các loại giống cây trồng, vật nuôi, trợ giá bơm điện chống hạn, hỗ trợ lúa cao sản, cân đối vốn ngân hàng người nghèo... Những chính sách đó cùng với việc áp dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học - kỹ thuật đã có tác dụng thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Sản lượng lương thực quy thóc năm sau đạt cao hơn năm trước, bình quân hằng năm đạt gần 30

[1] Tỉnh uỷ Thái Nguyên: *Báo cáo công tác năm 2000* - Số 67 - BC/TU ngày 2/1/2001, tr. 3.

vạn tấn, vượt hơn 10% so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ XV đề ra[1]. Năng suất và sản lượng lúa trong các năm đều tăng lên [2].

Các chỉ tiêu về sản xuất nông nghiệp đạt kết quả khá. Điểm nổi bật là sự chuyển dịch cơ cấu trong kinh tế nông nghiệp có bước tiến mới theo hướng phát triển kinh tế hàng hoá.

Các loại hoa màu (khoai lang, sắn) nhìn chung đều tăng cả về diện tích và sản lượng. Diện tích trồng khoai lang từ 10.416 ha, với sản lượng 49.888 tấn (năm

---

[1] Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI - 1/2001, tr.8

[2] Diện tích gieo trồng và sản lượng cây lương thực có hạt qua các năm:

	Năm 1997	Năm 1999	Năm 2000
Diện tích (ha)	75.511	75.564	79.331
Sản lượng (tấn)	249.853	279.432	296.365

Năng suất, sản lượng lúa qua các năm:

	Năm 1997	Năm 1999	Năm 2000
Năng suất (tạ/ha)	33,74	38	38,71
Sản lượng (tấn)	220.482	248.137	265.579

1997), đã tăng lên 11.841 ha với sản lượng 54.482 tấn (năm 2000).

Các loại cây công nghiệp tuy phát triển, nhưng không đều[1]. Cây chè là một thế mạnh và có giá trị kinh tế ổn định nhất trên vườn đồi của tỉnh Thái Nguyên. Những năm trước đây, chè Thái Nguyên không những có uy tín lớn ở thị trường trong nước, mà còn được xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Đài Loan. Nhằm phát huy thế mạnh mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ yếu này, Tỉnh uỷ chủ trương mở rộng diện tích trồng chè trên đất vườn đồi, coi đó là hướng chiến lược quan trọng để đến năm 2000, tỉnh Thái Nguyên có 11.000 ha chè tập trung (ở các huyện Đại Từ, Phú Lương, Định Hoá, Đồng Hỷ, Phổ Yên và thành phố Thái Nguyên). Việc mở rộng diện tích trồng chè không những phát huy thế mạnh cây kinh tế mũi nhọn của tỉnh, giải quyết công ăn việc làm cho người lao

(1)

Loại cây	Năm 1997		Năm 2000	
	Diện tích (ha)	S.lượng (tấn)	Diện tích (ha)	S.lượng (tấn)
Mía	1.009	443.884	1.075	47.905
Lạc	5.681	5.290	5.492	5.401
Thuốc lá	146	157	144	180
Đậu tương	2.587	2.626	3.368	3.800

động, mà còn có tác dụng phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ môi trường sinh thái.

Cùng với việc mở rộng diện tích, Tỉnh uỷ chủ trương đưa các giống chè mới vào sản xuất và áp dụng các biện pháp thâm canh để đưa năng suất chè từ 35 tạ/ha lên trên 50 tạ/ha. Mặt khác, cần phải có các biện pháp sử dụng hoá chất hợp lý để có chè sạch, chế biến nâng cao chất lượng để chè Thái Nguyên có sức cạnh tranh mạnh trên thị trường trong và ngoài nước.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, Đảng bộ và Uỷ ban nhân dân các cấp trong tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo mở rộng diện tích trồng chè. Liên tục trong các năm 1997 - 2000, diện tích chè trồng mới đều đạt và vượt kế hoạch: Năm 1997 đạt 100% kế hoạch; đến năm 2000, toàn tỉnh trồng mới được 533 ha chè, vượt kế hoạch 6%. Nhờ có sự quan tâm chỉ đạo chặt chẽ của các cấp Đảng bộ, trong những năm 1997 - 2000, diện tích, năng suất và sản lượng chè không ngừng tăng lên. Nếu năm 1997, trên phạm vi toàn tỉnh, diện tích chè thu hoạch là 9.556 ha, năng suất 39,65 tạ/ha, sản lượng 38.284 tấn, thì đến năm 2000, đã tăng lên 11.331 ha với năng suất 58,61 tạ/ha và sản lượng đạt 66.412 tấn[1].

[1] Dẫn theo Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1997 - 2000, tr. 66.

Cũng như cây chè, Tỉnh uỷ coi việc mở rộng diện tích trồng các loại cây ăn quả ở đất vườn đồi là một hướng chiến lược quan trọng để đến năm 2000 có 10.000 ha cây ăn quả ở các huyện, thành, thị, chủ yếu là trên diện tích 14.000 ha đất vườn tạp hiện có trên địa bàn tỉnh.

Theo phương hướng chỉ đạo của Tỉnh uỷ, các địa phương đã rà soát lại đất vườn đồi; trên cơ sở đó, tiến hành quy hoạch diện tích trồng cây ăn quả, xây dựng đề án triển khai thực hiện chủ trương khai thác đất vườn đồi theo hướng ưu tiên phát triển chè và cây ăn quả. Diện tích cây ăn quả trồng mới trong các năm đều tăng nhanh và vượt mức kế hoạch: Năm 1997 là 804 ha, đạt 100,3% kế hoạch, đến năm 2000 đã tăng lên 1.956 ha, vượt kế hoạch 30,4%. Do đó, chỉ sau vài năm, diện tích và sản lượng cây ăn quả trên địa bàn tỉnh tăng lên nhanh chóng[1].

(1)

Loại cây	Năm 1997		Năm 2000	
	Diện tích	Sản lượng	Diện tích	Sản lượng
Cam, chanh	213	428	625	2.190
Dứa	62	275	81	505
Nhãn, vải	2.695	2.350	6.034	3.915

Trong quá trình thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, một trong những điểm mới của Thái Nguyên là sự hình thành kinh tế trang trại. Tính đến năm 2000, toàn tỉnh có khoảng 1.000 trang trại, với quy mô vừa và nhỏ. Nhiều hộ gia đình đã xây dựng được mô hình kinh tế trang trại, có tích tụ vốn và ruộng đất ở mức độ khác nhau, có ý chí làm giàu và biết ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Trong số đó, có 28,3% số hộ có người là đảng viên.

Được các cấp Đảng bộ và chính quyền động viên, khuyến khích, tuỳ theo từng địa phương, kinh tế trang trại ở Thái Nguyên có nhiều loại mô hình khác nhau:

- Kinh tế vườn rừng kết hợp chăn nuôi gia súc.
- Kinh tế vườn đồi: Trồng chè kết hợp cây ăn quả.
- Kinh tế tổng hợp: Trồng hoa, mầu, chăn nuôi, thả cá.
- Kinh tế vườn hoa cây cảnh.
- Kinh tế chăn nuôi đặc thù: Ong, chim cút.

Là một tỉnh miền núi và trung du, Thái Nguyên có tiềm năng lớn về rừng. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV (11/1997) đề ra chủ trương "*Phát triển kinh tế đồi rừng gắn với việc ổn định và cải thiện đời sống nhân dân miền núi, trước mắt cần tập trung khoanh nuôi tái*

sinh rừng, trồng rừng mới, giao đất giao rừng để chăm sóc bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng trồng, kết hợp giữa trồng rừng với trồng cây công nghiệp, cây ăn quả"[1].

Theo phương hướng trên, trong những năm 1997 - 2000, cùng với việc đẩy mạnh thực hiện giao đất, giao rừng, xác lập quyền làm chủ rừng và đất rừng cho nông dân, công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Tình trạng vi phạm lâm luật, đốt phá rừng làm nương rẫy, buôn bán, vận chuyển lâm sản trái phép giảm hơn các năm trước. Việc chỉ đạo trồng rừng mới cũng được đẩy manh và thu nhiều kết quả. Nếu năm 1997, diện tích trồng rừng mới là 2.175 ha, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước, thì đến năm 2000, đã tăng lên 1.848 ha, trong đó rừng trồng theo ***Chương trình 661*** là 1.156 ha (100,5% kế hoạch)[2], đưa độ che phủ rừng từ 28% (năm 1996) lên 39% (năm 2000)[3].

---

[1] Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV... Tlđd, tr. 29.

[2] Những số liệu trên đều dẫn theo các báo cáo công tác của Tỉnh uỷ trong các năm 1997, 1998, 1999 và 2000.

[3] Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên: Văn kiện Đại hội đại biểu tỉnh lần thứ XVI... Tlđd, tr. 8.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, công tác quy hoạch cơ cấu cây trồng trên đất lâm nghiệp được triển khai. Với diện tích trồng thêm 43.000 ha rừng sản xuất, trên địa bàn Thái Nguyên dần dần hình thành 4 vùng cây trồng:

- Vùng sản xuất gỗ lớn nằm trên các huyện Định Hoá, Võ Nhai và một phần huyện Đồng Hỷ.

- Vùng nguyên liệu giấy thuộc các huyện Phú Lương, Định Hoá.

- Vùng gỗ nhỏ, gỗ trụ mỏ thuộc các huyện Đại Từ, Phú Bình, Phổ Yên.

- Vùng cây đặc sản (thông nhựa) thuộc các huyện Phú Bình, Phổ Yên.

Như vậy, từ khi bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, trên địa bàn Thái Nguyên đã bắt đầu hình thành 5 vùng sản xuất nông sản chính:

- Vùng sản xuất lương thực tập trung chủ yếu ở các huyện Phú Bình, Đại Từ, Định Hoá, Phổ Yên.

- Vùng thực phẩm ven đô thị, chủ yếu tập trung ở thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công, các huyện Phổ Yên, Phú Bình và các thị trấn huyện.

- Vùng chè bao gồm các huyện Đại Từ, Phú Lương, Định Hoá, Đồng Hỷ, thành phố Thái Nguyên và huyện Phổ Yên.

- Các tiểu vùng cây ăn quả có ở tất cả các huyện, thành, thị trong tỉnh.

- Vùng rừng nguyên liệu bao gồm các huyện Võ Nhai, Định Hoá, Đồng Hỷ.

Chăn nuôi cũng là một ngành quan trọng trong cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp của tỉnh Thái Nguyên. Nghị quyết Đại hội lần thứ XV Đảng bộ tỉnh nêu rõ: *"Phát triển chăn nuôi toàn diện và theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm, thay đổi cơ cấu giống trong chăn nuôi để đạt giá trị kinh tế cao..."*[1]. Mục tiêu chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh là đẩy nhanh tốc độ sản xuất ngành chăn nuôi để đến năm 2000, tỷ trọng chăn nuôi chiếm khoảng 30% tổng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp. Trong những năm 1997 - 2000, theo sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã hình thành hai vùng chăn nuôi tương đối rõ rệt:

---

[1] Những số liệu trên đều dẫn theo các báo cáo công tác của Tỉnh uỷ trong các năm 1997, 1998, 1999 và 2000.

- Vùng miền núi, trung du, gồm các huyện Định Hoá, Võ Nhai, bắc Đồng Hỷ, bắc Đại Từ, có thế mạnh chăn nuôi trâu, bò, dê, lợn.

- Vùng ven đô thị, bao gồm thành phố Thái Nguyên, nam Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên, thị xã Sông Công, nam Đại Từ, có khả năng phát triển các hình thức chăn nuôi trang trại cùng với tập đoàn cây thực phẩm. Cơ cấu vật nuôi chủ yếu là lợn, gia cầm, cá, bò. Ngoài ra, nhân dân trong tỉnh còn tận dụng diện tích ao, hồ và mặt nước ruộng lúa để thả cá.

Nhờ có sự đầu tư chăm sóc và phòng dịch bệnh tốt, đàn gia súc và gia cầm trên địa bàn tỉnh trong những năm 1997 - 2000 nhìn chung đều phát triển[1].

[1] Theo niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1997 - 2001, tr.68

Năm	Trâu (con)	Bò (con)	Lợn (con)	Gia cầm (con)
1997	134.600	19.000	377.900	4.211.000
1998	135.800	20.800	390.900	4.217.000
1999	135.200	22.000	393.600	4.511.000
2000	131.600	23.300	404.500	4.418.000

Có thể nói, trong 4 năm (1997 - 2000), *"lĩnh vực sản xuất nông - lâm nghiệp có bước phát triển rõ và có những chuyển biến tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Sản lượng lương thực quy thóc liên tục đạt và vượt chỉ tiêu. Diện tích cây công nghiệp, cây ăn quả hằng năm tăng nhanh, cây chè vươn lên chiếm vị trí quan trọng đối với cả nước (mấy năm qua mỗi năm trồng mới khoảng 500 ha chè). Cơ cấu mùa vụ có chuyển hướng tích cực. Nhiều mô hình tốt về kinh tế trang trại xuất hiện. Các vùng kinh tế của tỉnh được hình thành rõ nét theo hướng sản xuất hàng hoá"*[1].

Để tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế - xã hội phát triển, Đảng bộ rất coi trọng việc xây dựng cơ sở kết cấu hạ tầng. Tỉnh uỷ chủ trương khắc phục tình trạng xuống cấp của hệ thống đường giao thông hiện có; nâng cấp các tuyến quốc lộ, duy trì bảo dưỡng chống xuống cấp các tuyến đường huyện; đồng thời phát triển hệ thống giao thông nông thôn, phấn đấu đến năm 2000, các xã có đường ô tô thông suốt.

Thực hiện chủ trương trên, trong nhiệm kỳ 1997 - 2000, Tỉnh uỷ huy động mọi nguồn vốn đầu tư cho xây

---

[1] Tỉnh uỷ Thái Nguyên: Báo cáo tóm tắt tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên (Tài liệu báo cáo với Chủ tịch nước Trần Đức Lương), 27/3/2000 - Tr. 4.

dựng và sửa chữa các tuyến giao thông do địa phương quản lý. Mặt khác, tỉnh cũng tranh thủ tối đa các nguồn vốn viện trợ, vốn vay ODA (*Quỹ giúp đỡ phát triển nước ngoài*), đóng góp của các tổ chức kinh tế, xã hội và sức dân để phát triển mạnh giao thông nông thôn theo phương châm *Nhà nước và nhân dân cùng làm*, chú trọng ưu tiên các xã miền núi, vùng cao, các phường, xã điển hình... Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản các công trình giao thông được triển khai: Cải tạo nâng cấp Đường số 37 Phú Bình - Thái Nguyên, đường vào 3 xã vùng cao huyện Võ Nhai (Nước Hai - Thần Sa, Nghinh Tường - Sảng Mộc), Đường Cách mạng tháng Tám...

Hệ thống thông tin liên lạc trên địa bàn tiếp tục được hiện đại hoá, bảo đảm thông tin ở trong nước và quốc tế thông suốt. Mạng lưới điện cũng được mở rộng tới phần lớn các xã trên địa bàn, góp phần cải thiện đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Hệ thống cấp nước ở đô thị và các khu công nghiệp được cải tạo nâng cấp. Trong những năm 1997 - 2000, tỉnh đã đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước các thị trấn, thị tứ theo dự án; tiếp tục thực hiện chương trình nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường...

Nhờ có các biện pháp tích cực, kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh được tăng cường cả về lượng và chất. Trong 4 năm (1997 - 2000), tỉnh đã nâng cấp và làm mới hơn 800 km đường và 40 cầu giao thông các loại; tất cả các xã đã có đường ô tô đến trung tâm. Gần 200 km kênh mương nội đồng được xây kiên cố. Từ 83 xã có điện vào cuối năm 1996, đến năm 2000, đã có 122/145 xã đã có điện lưới quốc gia, 46,2% số xã có điểm bưu điện - văn hoá; mật độ điện thoại đạt 1,8/100 dân[1].

Những năm 1997 - 2000 cũng đánh dấu bước phát triển mới của sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế của tỉnh Thái Nguyên. Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Trung ương 2, xác định mục tiêu của giáo dục - đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, Tỉnh uỷ Thái Nguyên coi trọng cả ba mặt: Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và phát huy hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XV (11/1997) đề ra chủ trương "*Đẩy mạnh xã*

---

[1] Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI... Tlđd tr.9

Trường THPT Lương Ngọc Quyến
Đơn vị Anh hùng lao động năm 2000

hội hoá giáo dục - đào tạo, đa dạng hoá các loại hình trường, lớp trên cơ sở bảo đảm hệ công lập giữ vai trò chủ đạo. Mở rộng đào tạo nghề, quản lý tốt các lớp dạy nghề, tại chức, các trung tâm tin học và ngoại ngữ... Điều chỉnh, bố trí, nâng cấp mạng lưới các trường phổ thông, các trung tâm đào tạo, các trường trung, đại học trên địa bàn phù hợp và đáp ứng được yêu cầu phát triển của giáo dục - đào tạo..."[1].

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XV, được sự lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ của các cấp Đảng bộ và chính quyền, công tác giáo dục - đào tạo có nhiều chuyển biến tích cực trên các mặt. Hệ thống trường, lớp, các cấp học, ngành học phát triển và mở rộng theo phương châm đa dạng hoá các loại hình giáo dục, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của con em nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Tính đến năm 2000, tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đến trường mẫu giáo chuẩn bị vào lớp 1 đạt 96,5%, tăng 3,5% so với năm học trước; huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 98,8%. Cũng vào thời

---

[1] Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên: Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV... TLđd, tr.40,41

điểm này, toàn tỉnh có 393 trường phổ thông, 7.427 lớp học với 10.665 giáo viên và 238.759 học sinh[2].

Cùng với sự phát triển về số lượng, chất lượng giáo dục trong tỉnh cũng có nhiều tiến bộ. Trong năm học 1999 - 2000, số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tăng 3,12%, tốt nghiệp trung học phổ thông tăng 10% so với năm học trước. Số học sinh giỏi các cấp học đều tăng. 100% số xã, phường đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và xoá mù chữ. Công tác xã hội hoá giáo dục ngày càng được toàn xã hội quan tâm và tham gia, mang lại hiệu quả thiết thực. Đến năm 2000, toàn tỉnh đã xây dựng mới được 328 phòng học, sửa chữa 200 phòng học bằng các nguồn vốn đóng góp của nhân dân và vốn vay của ADB (*Ngân hàng phát triển châu Á*), chấm dứt được tình trạng học "ca 3". Nhiều địa phương có cách làm sáng tạo vận dụng cơ chế *Nhà nước và nhân dân cùng làm*, xây dựng mới và kiên cố hoá nhiều trường học, điển hình là xã Tức Tranh (huyện Phú Lương). Mục tiêu xoá phòng học tạm do Đại hội Đảng bộ lần thứ XV đề ra đã được hoàn thành

[2] Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1997 - 2001... Sđd, tr.133

vượt mức, đưa số phòng học tạm trong toàn tỉnh xuống còn 17,8% [1].

Công tác nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, quan sát và bảo vệ môi trường được đẩy mạnh. Riêng trong năm 1998, toàn tỉnh có 33 đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ tập trung vào những nội dung điều tra cơ bản, xác định cơ sở khoa học cho các đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó hướng trọng tâm vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Đến năm 2000, tỉnh tiếp tục triển khai 30 đề tài, chương trình, dự án thử nghiệm. Nhiều kết quả nghiên cứu đã được áp dụng tại địa phương, phục vụ công tác quản lý kinh tế, xã hội, phát triển sản xuất.

Hoạt động văn hoá, thể thao, báo chí, phát thanh, truyền hình có những chuyển biến mới. Toàn tỉnh có 3 Trung tâm văn hoá, 3 Đoàn nghệ thuật và 9 Trung tâm văn hoá đặt ở 9 huyện, thành, thị [2]. Phong trào văn

---

[1] Báo cáo công tác năm 2000 của Tỉnh ủy Thái Nguyên... Tlđd, tr.7

[2] Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1997 - 2001... Sđd, tr. 153

hoá, văn nghệ ngày càng mang tính quần chúng rộng rãi; nội dung và hình thức hoạt động khá phong phú, đa dạng, có tác dụng khơi dậy và phát huy mọi tiềm năng và giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Các đoàn nghệ thuật của tỉnh đã chú trọng nâng cao chất lượng vở diễn; các đội chiếu bóng lưu động khắc phục mọi khó khăn, tăng cường phục vụ nhân dân các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa. Thông qua các hoạt động văn hoá, Đảng bộ và chính quyền các cấp trong tỉnh đã khéo kết hợp lồng ghép nội dung của hai cuộc vận động ***Xây dựng đời sống mới ở khu dân cư*** và ***Phong trào xây dựng làng bản, gia đình văn hoá*** thành cuộc vận động ***Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư***. Cuộc vận động đã được mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh hưởng ứng và thực hiện có kết quả, góp phần tạo ra môi trường xã hội lành mạnh. Thành phố Thái Nguyên là một trong những địa phương triển khai thực hiện cuộc vận động sớm nhất và đạt kết quả tốt. Đến năm 1999, Thành phố đã có 261 khu dân cư trong tổng số 280 khu dân cư hưởng ứng cuộc vận động. Trong số đó, có 46 Khu dân cư tiên tiến và 81 cá nhân tiêu biểu, gần 10.000 Gia đình văn hoá cấp phường, xã, 75 Gia đình văn hoá cấp thành phố và 7 Gia đình văn hoá cấp tỉnh.

Các cơ quan báo chí, Đài Phát thanh - Truyền hình thường xuyên bám sát nhiệm vụ chính trị, đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền, nâng cao chất lượng tin, bài, tăng kỳ phát hành, tăng thời lượng phát sóng, mở rộng diện phủ sóng nhằm chuyển tải kịp thời các chủ trương, đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đến với mọi người dân. Đảng bộ cũng quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật cho hệ thống báo chí, Đài Phát thanh - Truyền hình, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Công tác y tế và dân số - kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc bảo vệ trẻ em đạt được nhiều tiến bộ. Trong những năm 1997 - 2000, các chương trình y tế quốc gia tiếp tục được triển khai đến từng cơ sở và đem lại hiệu quả thiết thực. Chương trình y tế thôn bản cũng đạt được nhiều tiến bộ mới. Đến năm 2000, toàn tỉnh Thái Nguyên đã có 214 cơ sở y tế (trong đó có 19 bệnh viện, 14 phòng khám đa khoa khu vực, 1 trạm điều dưỡng, 180 trạm y tế xã, phường), với tổng số 2.461 giường bệnh và 2.822 cán bộ y tế (trong đó có 832 bác sỹ và trên đại học, 834 y sỹ và kỹ thuật viên, 889 y tá, hộ lý

và nữ hộ sinh)[1]. Cùng thời điểm này, hơn 80% thôn bản, cụm dân cư trên địa bàn tỉnh đã có cán bộ y tế; bình quân trên 1 vạn dân đã có gần 18 y, bác sỹ và 33 giường bệnh [2]. Công tác khám, chữa bệnh cho người nghèo và nhân dân các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa được quan tâm, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các bệnh dịch. Hệ thống tổ chức dân số - kế hoạch hoá gia đình được kiện toàn đến thôn bản. Tỷ lệ sinh thô giảm 0,06%. Chủ trương *xã hội hoá sự nghiệp y tế, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, giúp đỡ trẻ em tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn* được thực hiện rộng rãi trong toàn dân.

Bên cạnh những ưu điểm, tiến bộ kể trên, sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với công tác văn hoá - giáo dục, y tế còn bộc lộ một số hạn chế. Những kết quả đạt được trên lĩnh vực văn hoá - xã hội chưa đồng đều. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá ở miền núi, vùng sâu, vùng xa vẫn còn nhiều khó khăn cả về cơ sở vật chất và chất lượng chuyên môn. Công tác khám, chữa bệnh ở các

---

[1] Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 1997 - 2001... Sđd, tr. 148.

[2] Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI... Tlđd, tr.9.

tuyến cơ sở mới chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu của nhân dân. Người nghèo vẫn gặp khó khăn trong việc khám, chữa bệnh. Tỷ lệ sinh con thứ ba ở một số vùng còn ở mức cao. Việc triển khai thực hiện cuộc vận động thực hành tiết kiệm và xây dựng đời sống văn hoá ở nhiều cơ sở còn chậm. Những thủ tục cưới xin, ma chay, tổ chức lễ hội ở một số nơi vẫn diễn ra nặng nề, tốn kém. Một số cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu chấp hành chỉ thị của Đảng, quy định của Nhà nước về thực hành tiết kiệm và xây dựng nếp sống văn hoá lành mạnh. Các tệ nạn xã hội chưa giảm, nhất là tệ buôn bán và sử dụng chất ma tuý, tệ mại dâm... trở thành mối lo lắng của toàn xã hội và gây nên sự bất bình trong nhân dân. Công tác đào tạo hướng nghiệp cho thanh niên còn hạn chế; tư tưởng ngại lao động chân tay, kén chọn nghề nhàn hạ và có thu nhập cao khá phổ biến trong lớp trẻ...

Nguyên nhân của những tồn tại trên một phần do ảnh hưởng và tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, một phần do công tác quản lý thiếu chặt chẽ, chưa có những giải pháp kiên quyết và hữu hiệu để ngăn chặn các tệ nạn xã hội.

Quán triệt quan điểm: *Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng*

bước và trong suốt quá trình phát triển, Đảng bộ và Uỷ ban nhân dân tỉnh thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ giải quyết việc làm và xoá đói giảm nghèo. Trong năm 1999, tỉnh đã triển khai Chương trình 135 ở 11 xã vùng cao đặc biệt khó khăn của huyện Võ Nhai với tổng số tiền 4.435 triệu đồng; cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 12.546 người/58.601 người thuộc diện đói nghèo (đạt tỷ lệ 21,4%), với tổng số tiền 407 triệu đồng[1]. Sang năm 2000, bằng các nguồn vốn hỗ trợ, tỉnh đã giải quyết việc làm cho gần 6.000 lao động và thu hút thêm gần 4.000 lao động mới. Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Đảng bộ và chính quyền các cấp từ tỉnh xuống xã, tỷ lệ đói nghèo (theo tiêu chí cũ) từ 10,3% (năm 1999) đã giảm xuống còn 8,34% [2].

Hoạt động bảo trợ xã hội cũng được các cấp uỷ Đảng và chính quyền quan tâm. Hằng năm, các cơ quan bảo hiểm trong tỉnh thường xuyên bảo đảm nguồn kinh phí chi trả đúng kỳ hạn cho hàng chục ngàn người có công với cách mạng. Ngoài ra, trong năm 2000, tỉnh còn cấp phiếu khám, chữa bệnh cho 27.400 người nghèo, điều

---

[1] Báo cáo công tác năm 1999 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên... Tlđd, tr. 3.

[2] Báo cáo công tác năm 1999 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên... Tlđd, tr. 8.

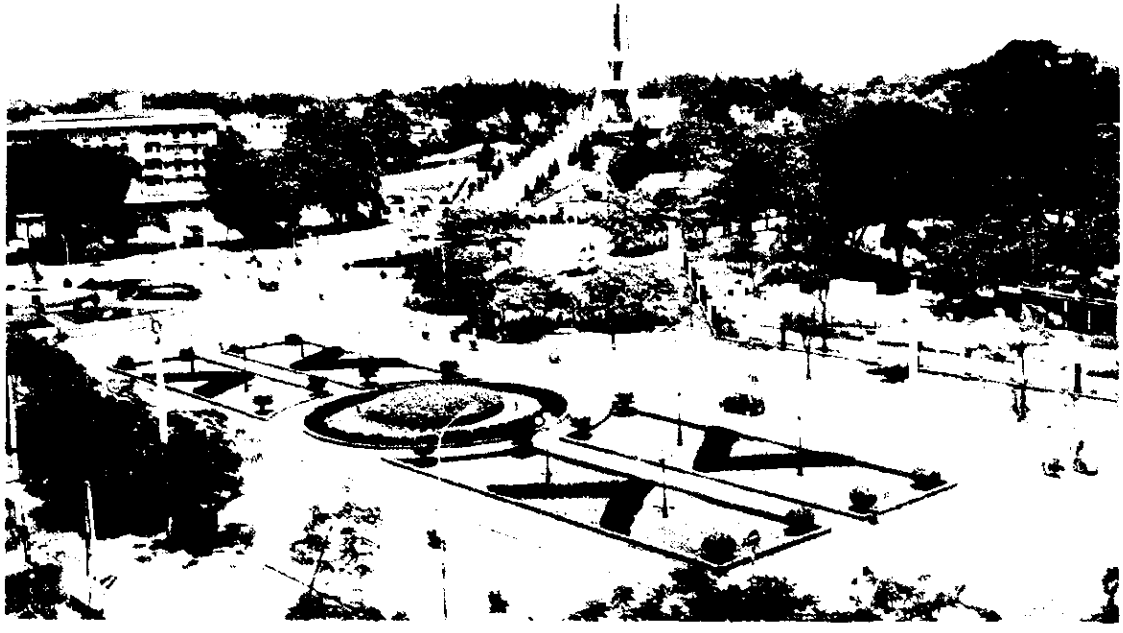

Trung tâm thành phố Thái Nguyên (20

tra và duyệt trợ cấp cho 1.400 đối tượng bị ảnh hưởng chất độc mầu da cam, quyên góp được 1.800.000 đồng ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt; đồng thời tiếp tục triển khai Chương trình 135 ở 18 xã vùng cao đặc biệt khó khăn thuộc các huyện Võ Nhai, Đồng Hỷ, Định Hoá[1]. Những hoạt động quyên góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ giúp đỡ các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn, chăm sóc thương binh, phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam anh hùng... đã trở thành phong trào và phát triển rộng khắp trong toàn tỉnh.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, Đảng bộ đặc biệt coi trọng công tác giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, củng cố quốc phòng.

Trong nhiệm kỳ 1997 - 2000, Đảng bộ tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong toàn Đảng, toàn dân và các lực lượng vũ trang, làm cho mọi người nhận rõ âm mưu "*diễn biến hoà bình*" của các thế lực thù địch. Trên cơ sở đó, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng dập tan mọi âm mưu phá hoại của địch và làm tốt công tác an ninh chính trị,

[1]Báo cáo công tác năm 1999 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên... Tlđd, tr. 8.

trật tự an toàn xã hội, bảo đảm yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân sự tỉnh nhiệm kỳ 1997 - 2000, các cơ quan quân sự địa phương có nhiều cố gắng trong xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân gắn với xây dựng khu vực phòng thủ trên địa bàn, đặc biệt là những huyện, xã vùng cao, miền núi, vùng sâu, vùng xa, khu căn cứ địa cách mạng. Đảng uỷ quân sự và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng thường trực thường xuyên duy trì nghiêm túc chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo đủ quân số, vũ khí, trang bị kỹ thuật theo quy định. Các lực lượng quân báo, trinh sát phối hợp với lực lượng công an và nhân dân thường xuyên quản lý, theo dõi, nắm chắc tình hình, kết hợp cùng với cấp uỷ, chính quyền cơ sở đấu tranh kiên quyết và xử lý kịp thời các vụ việc xảy ra trên địa bàn. Hằng năm, tỉnh đều tổ chức có kết quả việc diễn tập phòng thủ khu vực kết hợp với việc làm đường giao thông nông thôn, bảo vệ trật tự trị an, truy quét tội phạm và tệ nạn xã hội, góp phần làm trong sạch địa bàn. Kết quả này đã khẳng định quan điểm gắn

kinh tế với quốc phòng an ninh ở địa phương là đúng đắn.

Trước tình hình địa giới hành chính của các huyện Phổ Yên, Đại Từ và thị xã Sông Công có sự thay đổi[1], Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các huyện, thành, thị điều chỉnh và bổ sung kế hoạch tác chiến phòng thủ cho phù hợp. Trên cơ sở các phương án đã được phê chuẩn, từ năm 1998, cơ quan quân sự các cấp từ tỉnh xuống các huyện, thành, thị tổ chức luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu 8 lần, mỗi lần 5 giờ. Cơ quan Bộ chỉ huy quân sự tỉnh được chọn làm

---

[1] Ngày 10/4/1999, Chính phủ ra Nghị định số 18/1999/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính và thành lập các xã, phường thuộc các huyện Đại Từ, Phổ Yên và thị xã Sông Công:

- Thành lập xã Tân Linh thuộc huyện Đại Từ trên cơ sở 2,344 ha diện tích tự nhiên và 4.876 nhân khẩu của xã Phục Linh.

- Thành lập phường Phố Cò thuộc thị xã Sông Công trên cơ sở 465 ha diện tích tự nhiên và 4.898 nhân khẩu của xã Cải Đan.

- Thành lập xã Vinh Sơn thuộc thị xã Sông Công trên cơ sở 410 ha diện tích tự nhiên, 904 nhân khẩu của xã Bá Xuyên; và 382 ha diện tích tự nhiên, 1.119 nhân khẩu của xã Cải Đan.

- Thành lập phường Cải Đan thuộc thị xã Sông Công trên cơ sở 533 ha diện tích tự nhiên và 4.336 nhân khẩu (phần còn lại) của xã Cải Đan.

- Chuyển giao xã Bình Sơn thuộc huyện Phổ yên về thị xã Sông Công quản lý.

mẫu việc tổ chức luyện tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu cho lớp tập huấn cán bộ của Quân khu I đạt kết quả tốt.

Nhận thức rõ huấn luyện cán bộ là một khâu quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng của lực lượng vũ trang địa phương, dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, trong 2 năm (1998 - 1999), Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và Ban chỉ huy quân sự các huyện, thành, thị trong tỉnh tổ chức 58 lớp tập huấn quân sự cho 2.625 lượt cán bộ từ tiểu đội trưởng dân quân, tự vệ đến chỉ huy trưởng quân sự các huyện, thành, thị và trưởng, phó ban cơ quan Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

Để chủ động đối phó mọi tình huống do những thay đổi bất thường của thời tiết gây ra, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương chỉ đạo thực hành diễn tập phòng, chống lụt, bão ở các huyện Phổ Yên, Đại Từ, Định Hoá và thành phố Thái Nguyên.

Cùng với các nhiệm vụ huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, công tác tuyển quân và tuyển sinh quân sự được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Các cấp uỷ Đảng, chính quyền và đoàn thể thực hiện tốt công tác giáo dục Pháp lệnh, Luật Nghĩa vụ Quân sự đến mọi tầng lớp nhân dân. Nhờ đó, công tác tuyển quân hằng năm đều đạt

100% kế hoạch, bảo đảm số lượng, chất lượng, bàn giao nhanh gọn, đúng luật và an toàn. Công tác huấn luyện dân quân, tự vệ và lực lượng dự bị động viên đạt 100% quân số, bảo đảm đúng kế hoạch thời gian.

Công tác an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được coi trọng nhằm phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, các cơ quan chức năng thường xuyên tiến hành đấu tranh chống các loại tội phạm hình sự, chống tham nhũng có kết quả. Riêng trong năm 1997, tỉnh đã tổ chức được hơn 200 cuộc thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực kinh tế - xã hội[1].

Nhằm góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn toàn tỉnh, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, Ban chỉ huy quân sự chỉ đạo 75 xã thuộc 9 huyện, thành, thị tổ chức diễn tập hoạt động tác chiến trị an ở cơ sở. Từ ngày 22 đến ngày 27/11/1998, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo hai huyện Phú Bình và Đồng Hỷ thực hành diễn tập phòng thủ khu vực với 2 nội dung chủ yếu: Một là, thực hiện cơ chế Nghị quyết 02/BCT của Bộ Chính trị về công tác tổ chức và hoạt động tác chiến ở các khu vực huyện và xã;

---

[1] Báo cáo công tác năm 1997 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên... Tlđd, tr. 6.

cùng với sự tham gia của cấp uỷ Đảng, chính quyền và đoàn thể thực hành giải quyết các tình huống phòng, chống gây rối, bạo loạn, biểu tình, lật đổ. Hai là, huy động lực lượng của toàn Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương truy quét tội phạm và các tệ nạn xã hội, làm trong sạch địa bàn kết hợp với việc sửa chữa và xây dựng đường giao thông nông thôn, làm thủy lợi.

Từ năm 2000, Tỉnh uỷ triển khai thực hiện Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị về bảo vệ an ninh quốc gia tới các cấp, các ngành trong tỉnh; đồng thời phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trên một số địa bàn trọng điểm. Từ đó, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc có bước phát triển mới, góp phần giữ vững an ninh trật tự, nhất là an ninh nông thôn, xây dựng lực lượng công an trong sạch vững mạnh, xây dựng phường, xã, cơ quan, đơn vị an toàn. Sự liên kết, phối hợp giữa các cơ quan nội chính với các ngành, các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội trong việc giữ vững ổn định chính trị, an toàn xã hội cũng được tăng cường hơn trước.

Như vậy, cùng với thành tựu kinh tế - văn hoá, trong những năm 1997 - 2000, *"Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, sức mạnh tổng hợp về thế và lực của nền quốc phòng toàn dân*

và an ninh nhân dân được tăng cường. Công tác tuyển quân, huấn luyện quân thường trực, dân quân, tự vệ, dự bị động viên đạt kết quả cao. Nhiệm vụ phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn và xử lý tội phạm đã đạt được nhiều kết quả"[1].

Những thành tựu đạt được trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác củng cố tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân trên địa bàn tỉnh.

II- Xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, vấn đề căn bản là phải xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh về mọi mặt, đủ sức lãnh đạo và chỉ đạo tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV.

Nội dung xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh bao gồm các mặt: Bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, quản lý điều hành của chính quyền và hoạt động của các đoàn thể nhân dân các cấp có hiệu quả cao, nhằm động viên, thúc đẩy phong trào cách mạng của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh thực hiện

[1] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI... Sđd, tr. 10.

thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng trong tình hình mới, đưa tỉnh Thái Nguyên phát triển với tốc độ nhanh, vững chắc trong những năm tới; trong đó, công tác xây dựng Đảng là nội dung quan trọng nhất. Những thành tựu và yếu kém trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng.

Nhận thức rõ sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định dẫn đến thắng lợi của sự nghiệp cách mạng nói chung, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nói riêng, Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XV đã có nhiều cố gắng trong việc quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách của Trung ương. Trên cơ sở đó, Tỉnh uỷ và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định các chủ trương và nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của địa phương. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã họp 16 kỳ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp trên 50 kỳ, triệu tập 7 hội nghị cán bộ chủ chốt toàn tỉnh để quán triệt và cụ thể hoá đường lối, chủ trương của Trung ương và Nghị quyết Đại hội lần thứ XV của Đảng bộ tỉnh.

Để lãnh đạo thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn, Đảng bộ phải

thực sự vững mạnh về mọi mặt. Bởi vậy, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành lâm thời tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV (11/1997) nêu rõ: *"Để làm tròn trọng trách của mình, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn để nâng cao vai trò lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng từ tỉnh đến cơ sở và tính tiền phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên nhằm xây dựng Đảng bộ vững mạnh về mọi mặt, coi đây là nhiệm vụ then chốt trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ đối với nhân dân các dân tộc trong tỉnh"*[1]. Báo cáo chính trị nhấn mạnh: *"Trọng tâm của công tác xây dựng Đảng là công tác xây dựng tổ chức Đảng, rèn luyện đảng viên và xây dựng đội ngũ cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 3 (khoá VIII)"* [2].

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XV, Tỉnh uỷ chú trọng xây dựng Đảng vững mạnh về các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, trong 2 năm 1997 - 1998, trước những diễn biến phức tạp của thời cuộc, Tỉnh uỷ tăng cường công tác

---

[1], [2] Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV... Tlđd, tr. 47.

giáo dục chính trị tư tưởng. Các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương được kịp thời chuyển tải đến đảng viên trong toàn Đảng bộ và nhân dân bằng nhiều hình thức. Thông qua đó, đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân yên tâm, không dao động trước tình hình, vững tin vào đường lối đổi mới của Đảng. Hầu hết các cấp đảng bộ đều xây dựng chương trình hành động thực hiện các nghị quyết của Đảng. Nhiều đảng bộ trực thuộc, với sự nhạy bén về chính trị, nhân dịp các ngày lễ kỷ niệm lớn (3/2, 30/4, 19/5, 2/9...), thường xuyên tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị theo từng chủ đề cho phù hợp. Những hình thức sinh hoạt này có tác dụng bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm cách mạng, nâng cao lòng tự hào, ý thức trách nhiệm trong mỗi cán bộ, đảng viên và quần chúng.

Trọng tâm công tác giáo dục chính trị tư tưởng của Đảng bộ trong 2 năm (1997 - 1998) là triển khai học tập Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 2 (khoá VIII) về ***Công tác giáo dục - đào tạo*** và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 3 (khoá VIII) tháng 6/1997 về ***Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh*** và về ***Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại***

hoá đất nước. Sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VIII) về công tác giáo dục - đào tạo, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ đã chủ động cùng một số đảng bộ tiến hành điều tra khảo sát tình hình công tác Đảng và đảng viên trong Ngành Giáo dục - Đào tạo trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở tổng hợp tình hình, đánh giá thực trạng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ trình lên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ***Đề án củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và phát triển đảng viên trong Ngành Giáo dục - Đào tạo***; đồng thời trực tiếp chuẩn bị giúp Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 02 - NQ/TU về ***Xây dựng và củng cố tổ chức Đảng trong Ngành Giáo dục - Đào tạo đến năm 2000***.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 về ***Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước***, Tỉnh uỷ cho tiến hành điều tra tổng hợp chất lượng đội ngũ cán bộ toàn tỉnh. Trên cơ sở đó, xây dựng ***Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh***, Quyết định về phân cấp quản lý cán bộ và một số quy định trong công tác cán bộ: Quy định về quy trình đề bạt cán bộ; Quy định tuyển chọn cán bộ, nhân viên vào khối Đảng, đoàn thể; Quy định tuyển chọn cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng, bước đầu chuẩn bị cho

công tác quy hoạch cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ 3.

Sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đòi hỏi đội ngũ cán bộ phải có đầy đủ phẩm chất chính trị và kiến thức, phải hết sức kiên định, vững vàng, đồng thời rất thông minh, sáng tạo. Nhận rõ những yêu cầu ấy, thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ: "*Cán bộ là cái gốc của mọi công việc, ... công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém*", trong suốt nhiệm kỳ (1997 - 2000), công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được thực hiện tích cực ở các cấp, các ngành. Riêng trong năm 1997, Trường Chính trị tỉnh đã đào tạo, bồi dưỡng được 1.340 cán bộ; trong đó, có 170 chuyên viên chính, 170 cán bộ cán bộ lý luận trung cấp, 200 cán bộ quản lý Nhà nước, 160 cán bộ làm công tác Phụ nữ, 240 cán bộ Đoàn, 100 cán bộ Mặt trận, 200 cán bộ chính quyền cơ sở và 100 cán bộ Hội Nông dân[1] . Sang năm 1998, các Trung tâm giáo dục chính trị cấp huyện, thành, thị đã mở được 115 lớp cho 9.700 lượt học viên [2] học tập các chương trình lý luận và nghiệp vụ. Cùng năm này, tỉnh mở lớp cử nhân chính trị tại

[1] Báo cáo công tác tổ chức xây dựng Đảng năm 1997 và một số nhiệm vụ chủ yếu năm 1998 số 02/BC - TC ngày 16/1/1998, tr.8.

[2] Báo cáo công tác năm 1998 của Tỉnh uỷ... Tlđd, tr. 9.

chức cho 128 học viên; cử 63 cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị của Trung ương; đồng thời phối hợp với Trường Chính trị và các cơ quan chức năng mở 5 lớp đào tạo được 597 học viên, 8 lớp bồi dưỡng 634 cán bộ chủ chốt [1]. Những năm sau đó, năm nào Tỉnh uỷ cũng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng hàng ngàn cán bộ chủ chốt cho các cấp, các ngành. Trong các cơ quan, đơn vị, trường học..., phong trào học tập để nâng cao trình độ cũng được đẩy mạnh. Nhiều đảng bộ bình quân mỗi năm có khoảng 30% số cán bộ, đảng viên và công chức theo học các chương trình lý luận chính trị, quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước, ngoại ngữ, vi tính..., phấn đấu từng bước đạt tiêu chuẩn công chức, viên chức Nhà nước.

Nhờ đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, trong những năm 1997 - 2000, trình độ của cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ ngày càng được nâng lên. Đảng bộ các cơ quan tỉnh là một trong những đảng bộ cơ sở làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đến năm 2000, trong Đảng bộ các cơ quan tỉnh, số cán bộ Trưởng, Phó phòng trở lên có trình độ đại học chiếm trên 82%, trung

[1] Báo cáo công tác xây dựng Đảng năm 1997 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy ngày 16/1/1998

cấp gần 14%; trong số đó có 0,2 là thạc sỹ, tiến sỹ; gần 60% có trình độ lý luận chính trị trung, cao cấp 50% số cán bộ có trình độ trung, cao cấp quản lý Nhà nước[1].

Cùng với việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, trong nhiệm kỳ 1997 - 2000, Ban Tổ chức Tỉnh uỷ và các Ban Tổ chức huyện, thành, thị uỷ, các đảng uỷ trực thuộc đã làm tốt công tác tham mưu cho các cấp uỷ sắp xếp, kiện toàn bộ máy và cán bộ đáp ứng từng bước yêu cầu nhiệm vụ của từng địa phương, đơn vị. Những trường hợp cán bộ được bổ nhiệm, đề bạt đều đảm bảo tiêu chuẩn phẩm chất, năng lực, thực hiện đúng quy trình công tác cán bộ.

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức Đảng, cùng với việc chỉ đạo kiện toàn cấp uỷ ở các Đảng bộ: Thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công, Phú Bình, Đồng Hỷ, Đại Từ, Công ty Gang thép Thái Nguyên, Đại học Thái Nguyên..., Tỉnh uỷ tiến hành khảo sát đánh giá thực trạng các chi bộ đảng. Trên cơ sở đó, Tỉnh uỷ đề ra giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng. Trong năm 1999, Tỉnh uỷ đã tổ chức đánh giá 30 chi bộ thuộc các loại hình: Chi bộ nông thôn, chi bộ đường phố, chi bộ khối cơ quan, chi bộ khối doanh

---

[1] Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ các cơ quan tỉnh tại Đại hội lần thứ IV-3/1996, tr. 7.

nghiệp địa phương, khối văn hoá - xã hội, khối lực lượng vũ trang.

Qua khảo sát, đánh giá, Tỉnh uỷ nhận thấy điểm yếu của các chi bộ là chất lượng sinh hoạt còn yếu, nội dung chưa sâu sắc, chưa bám sát vào nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị để bàn biện pháp lãnh đạo cụ thể. Nguyên nhân của những mặt yếu kém này chủ yếu là năng lực công tác Đảng của các đồng chí trong Ban chi uỷ, nhất là của đồng chí Bí thư chi bộ còn nhiều hạn chế. Đây là vấn đề được đặt ra cho các cấp đảng bộ trên địa bàn tỉnh quan tâm đến công tác bồi dưỡng cán bộ cấp uỷ về năng lực công tác Đảng.

Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ cách mạng và chất lượng ngày càng cao của các tổ chức cơ sở đảng, Tỉnh uỷ rất coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp uỷ cơ sở. Nhiều đảng bộ trực thuộc đã tổ chức các lớp bồi dưỡng Bí thư chi bộ, điển hình là Đảng bộ Khối cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh. Vào năm 2000, Đảng bộ các cơ quan tỉnh (từ ngày 1/7/2003, gọi là Đảng bộ Khối cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh) có 57 chi, đảng bộ trực thuộc (trong đó có 16 đảng bộ cơ sở với 105 chi, đảng bộ bộ phận dưới đảng bộ cơ sở). Trong số này, 84% Bí thư các chi, đảng bộ có trình độ từ đại học trở lên; gần 100 Bí thư là cán bộ lãnh đạo

Trưởng, Phó ban, ngành, đoàn thể của tỉnh... Trong thời gian từ năm 1997 đến năm 2000, Đảng uỷ các cơ quan tỉnh đã tổ chức 2 lớp bồi dưỡng cho 150 Bí thư chi bộ trực thuộc và Bí thư chi bộ dưới đảng bộ cơ sở [1]. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đã giúp cho các cấp uỷ đảng cơ sở thực hiện tốt hơn các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng.

Thực hiện Kế hoạch số 03 - KH/TW ngày 10/2/1999, số 04 - KH/TW ngày 13/5/1999 của Bộ Chính trị, trong những năm 1999 - 2000, Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo tổ chức học tập quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Ngày 28/6/1999, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đề ra ***Kế hoạch số 13 - KH/TU*** và ***Hướng dẫn số 15 - HD/TU về việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong toàn Đảng bộ***. Trong ***Kế hoạch*** và ***Hướng dẫn***, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ nêu rõ mục đích, yêu cầu cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng là nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí lãnh đạo của các tổ chức Đảng, của từng đảng viên đối với sự nghiệp

[1] Dẫn theo Lịch sử Đảng bộ Khối cơ quan Dân - Chính - Đảng tỉnh Thái Nguyên (1954 - 2004)- Xuất bản 2004, tr. 161.

cách mạng của Đảng ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay; thông qua tự phê bình và phê bình, mỗi cán bộ, đảng viên, từng cấp uỷ, tổ chức Đảng từ tỉnh đến cơ sở thấy được những ưu điểm, khuyết điểm để có biện pháp khắc phục, sửa chữa kịp thời, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ, các chi, đảng bộ; củng cố mối quan hệ mật thiết, gắn bó giữa Đảng với quần chúng nhân dân lao động, củng cố lòng tin vững chắc của quần chúng đối với sự lãnh đạo, chỉ đạo của từng cấp uỷ, chi, đảng bộ trong tỉnh, cũng như tin tưởng vào mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước...

Thực hiện Kế hoạch và Hướng dẫn của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, các cấp uỷ Đảng, Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn trong toàn Đảng bộ đã phổ biến tới cán bộ, đảng viên những nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); quán triệt và cung cấp các tài liệu phục vụ cho cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Trong quá trình thực hiện, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ban hành Công văn số 355-CV/TU ngày 20/9/1999, Công văn số 488-CV/TU ngày 14/3/2000... để chỉ đạo, uốn nắn kịp thời những lệch lạc, thiếu sót, đảm bảo tốt yêu cầu do Trung ương và Tỉnh uỷ đề ra.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Để đảm bảo cuộc vận động thu được kết quả tốt đẹp, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), lập Tổ công tác giúp Ban chỉ đạo hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp thông tin, phản ánh kịp thời những việc làm được, chưa làm được, những khó khăn, vướng mắc ở các địa phương, đơn vị để Tỉnh uỷ chỉ đạo sâu sát, kịp thời hơn. Cơ quan Tỉnh uỷ và một số địa phương, đơn vị còn có hộp thư để nhân dân góp ý kiến về công tác xây dựng Đảng, góp ý kiến cho cán bộ, đảng viên. Đảng bộ huyện Phú Lương và Đảng bộ Công an tỉnh được Tỉnh uỷ chọn làm điểm chỉ đạo sinh hoạt tự phê bình và phê bình để rút kinh nghiệm cho toàn Đảng bộ. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã gợi ý kiểm điểm cho 38/70 (54,28%) tập thể Ban Thường vụ cấp uỷ, Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn và tập thể lãnh đạo ở các đảng bộ trực thuộc; đồng thời gợi ý kiểm điểm cho 92 đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ chốt thuộc diện quản lý của Tỉnh uỷ.

Có thể nói, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phổ biến quán triệt, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, công tác chuẩn bị kiểm

điểm, tự phê bình và phê bình của các tổ chức đảng trong toàn Đảng bộ nghiêm túc, có tinh thần trách nhiệm và theo quy trình chặt chẽ. Đến ngày 15/6/2000, tất cả các cơ sở đảng trực thuộc Đảng bộ đã hoàn thành đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình với tinh thần dân chủ, thẳng thắn.

Sau hơn một năm triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), qua 2 bước thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Đảng bộ Thái Nguyên đã thu được những kết quả bước đầu:

- Đã tạo được bước chuyển biến tích cực trong nhận thức, tư tưởng của cán bộ, đảng viên về xây dựng Đảng và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

- Các tổ chức Đảng hiểu rõ hơn tình hình và những vấn đề nổi cộm ở từng tập thể, cá nhân; các cấp uỷ hiểu rõ hơn tình hình đội ngũ cán bộ, đảng viên ở đơn vị mình.

- Những thiếu sót trong đạo đức, lối sống của nhiều cán bộ, đảng viên được đưa ra phê phán, ngăn chặn. Thông qua cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, 79 cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã bị xử lý kỷ luật; trong đó có 28 cán bộ thuộc diện Tỉnh uỷ quản lý.

- Công tác tổ chức bước đầu được củng cố, đoàn kết nội bộ ở nhiều nơi được tăng cường.

- Đã tập trung giải quyết một số việc bức xúc, giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại gắn với việc chuẩn bị nội dung các văn kiện và công tác nhân sự phục vụ đại hội đảng bộ, chi bộ ở từng cấp. Thông qua đợt triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Ban Thường vụ Tỉnh uỷ có đủ cơ sở để sắp xếp, điều chỉnh đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời gian trước mắt.

Bên cạnh những kết quả đạt được, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong Đảng bộ vẫn còn một số hạn chế, thiếu sót:

- Trong chuẩn bị tự kiểm điểm cũng như kiểm điểm bổ sung, một số ít tập thể, cá nhân chưa nghiêm túc, còn hời hợt, chưa thấy hết trách nhiệm của chính mình.

- Trong tự phê bình và phê bình, còn có biểu hiện né tránh, chưa nêu rõ địa chỉ, chưa vạch rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân đối với những thiếu sót, khuyết điểm.

- Việc xây dựng chương trình, biện pháp sửa chữa khuyết điểm của tập thể và cá nhân ở một số đơn vị chưa sát thực và thiếu cụ thể.

Những mặt tồn tại trên đây từng bước được khắc phục trong quá trình thực hiện bước 3 cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng và nhất là cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã góp phần nâng

cao chất lượng tổ chức đảng và đảng viên. Trong nhiệm kỳ 1997 - 2000, số cơ sở đảng trong sạch vững mạnh qua các năm nhìn chung đều tăng lên. Năm 1997, số cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh mới đạt 65,03% (424 cơ sở), số cơ sở đạt loại khá là 31,74% (207 cơ sở) và số cơ sở yếu kém chiếm 3,22% (21 cơ sở) trong tổng số 652/653 cơ sở được phân loại. Đến năm 2000, số cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh đã chiếm 75,6% (508 cơ sở), số cơ sở đạt loại khá là 22,61% (152 cơ sở) và số cơ sở loại yếu, kém chỉ còn 1,49% (10 cơ sở) trong tổng số 672/673 cơ sở được phân loại[1]. Số đảng viên đủ tư cách qua các năm cũng tăng lên[2].

---

[1] Những số liệu trên do Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Thái Nguyên cung cấp.

[2] Năm 1998, toàn Đảng bộ có 42.553 trong tổng số 46.148 đảng viên được phân loại. Trong số đó, có 37.208 đảng viên (87,41%) đủ tư cách, 5.001 đảng viên (1,77%) đủ tư cách nhưng có hạn chế từng mặt, 219 đảng viên (8,51%) có vi phạm tư cách, 97 đảng viên (0,22%) không đủ tư cách phải đưa ra khỏi Đảng. Đến năm 1999, số đảng viên đủ tư cách đã tang lên 90,88%. Sang năm 2000, theo tiêu chuẩn mới, trong số 45.216/48.338 đảng viên được phân loại, số đảng viên đủ tư cách loại I chiếm 83,96% (40.583 đảng viên), đủ tư cách loại II là 8,81% (4.261 đảng viên), đủ tư cách loại III là 0,64% (310 đảng viên), số đảng viên không đủ tư cách phải đưa ra khỏi Đảng giảm xuống còn 0,12%.

Cùng với việc tăng cường bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận và chuyên môn cho cán bộ và đảng viên, công tác phát triển đảng viên được các cấp uỷ trong Đảng bộ thường xuyên quan tâm và đạt kết quả tốt.

Số lượng đảng viên mới kết nạp hằng năm trong nhiệm kỳ đều vượt chỉ tiêu [1].

Phần lớn số đảng viên mới đều là những thanh niên trẻ, nhiệt tình, có trình độ học vấn cao và đã từng được thử thách trong thực tiễn lao động, học tập và công tác. Những đảng viên này được bồi dưỡng chương trình lý luận chính trị cơ bản và hầu hết trong số đó đều giữ vững phẩm chất đạo đức, được giao trọng trách, phát huy được vai trò tiền phong gương mẫu trong các cơ quan, đơn vị.

Nhận thức rõ kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng, trong nhiệm kỳ 1997 - 2000, công tác kiểm tra và hoạt động của Uỷ ban Kiểm tra các cấp

---

[1] - Năm 1997, kết nạp 1.682 đảng viên (tăng 16,73% so với năm 1996).

- Năm 1998, kết nạp 2.008 (tăng 19,44% so với năm 1997).

- Năm 1999, kết nạp 1.890 (vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội và nghị quyết của Tỉnh uỷ đầu năm).

- Năm 2000, kết nạp 1.990 (vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội và nghị quyết của Tỉnh uỷ đầu năm).

trong Đảng bộ có nhiều chuyển biến tích cực. Được sự quan tâm chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Uỷ ban Kiểm tra các cấp trong Đảng bộ tích cực hoạt động. Ngoài công tác kiểm tra theo chuyên đề và kiểm tra thường xuyên theo kế hoạch của Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ, các tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ thường xuyên duy trì công tác kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chính trị trong đơn vị, kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Đảng, các chỉ thị, nghị quyết của đảng bộ cấp trên. Riêng trong năm 2000, toàn Đảng bộ đã tiến hành kiểm tra được 224 đảng viên và 141 tổ chức cơ sở đảng có dấu hiệu vi phạm Điều lệ Đảng; thi hành kỷ luật 187 đảng viên, 5 tổ chức đảng; giải quyết đơn thư tố cáo 281 đảng viên, 3 tổ chức đảng; giải quyết khiếu nại kỷ luật 13 đảng viên. Ngoài ra, Tỉnh uỷ còn tiến hành kiểm tra tài chính ở 457 đơn vị[1].

Nhờ đẩy mạnh công tác kiểm tra, Tỉnh uỷ kịp thời chấn chỉnh, uốn nắn những biểu hiện lệch lạc, vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên, các thiếu sót trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý... Thông qua kiểm tra, Tỉnh uỷ có thêm cơ sở để đánh giá chính xác hơn tình hình thực

[1] Báo cáo công tác năm 2000... Tlđd, tr. 12.

hiện các nguyên tắc, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong các tổ chức cơ sở đảng cũng như trong cán bộ, đảng viên. Những tổ chức cơ sở đảng, những cán bộ, đảng viên có dấu hiệu vi phạm hoặc có khuyết điểm được kịp thời xử lý, góp phần nâng cao chất lượng Đảng bộ. Từ đầu nhiệm kỳ (năm 1997) đến ngày 30/9/2000, Đảng bộ tỉnh đã thi hành kỷ luật 17 tổ chức đảng, gồm 2 Ban Thường vụ huyện uỷ và tương đương, 3 đảng uỷ cơ sở, 7 Ban Thường vụ Đảng uỷ cơ sở, 4 chi bộ và 1 chi uỷ; trong đó có 7 trường hợp bị khiển trách, 10 trường hợp bị cảnh cáo do vi phạm về chấp hành đường lối chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, về đoàn kết nội bộ[1]. Cùng thời gian trên, số đảng viên bị thi hành kỷ luật là 806 trường hợp (chiếm tỷ lệ 1,86% so với tổng số đảng viên trong Đảng bộ); trong đó có 246 trường hợp bị khiển trách, 310 trường hợp bị cảnh cáo, 80 trường hợp bị cách chức, 170 trường hợp bị khai trừ[2]. Trong số đảng viên bị xử lý kỷ luật, có 2 Tỉnh uỷ viên, 30 huyện uỷ viên và tương đương, 213 đồng chí là uỷ viên đảng uỷ cơ sở.

---

[1] [2] Dự thảo Báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của BCH Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khoá XV tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI - Ngày 17/11/2000, tr. 7.

Trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, việc nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy chính quyền Nhà nước cũng là một nội dung quan trọng trong công tác lãnh đạo của Đảng. Nhận thức rõ điều đó, Nghị quyết Đại hội lần thứ XV (11/1997) Đảng bộ tỉnh chỉ rõ phải "*Kiện toàn Hội đồng nhân dân các cấp từ tỉnh đến cơ sở theo luật định, đề cao vai trò của các đại biểu, tiếp tục đổi mới hoạt động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan quyền lực địa phương... Tiến hành sắp xếp bộ máy quản lý Nhà nước ở cấp tỉnh, huyện theo hướng tinh gọn. Thực hiện cải cách nền hành chính theo yêu cầu: Phát huy vai trò và khuyến khích tính chủ động, sáng tạo của các địa phương trên cơ sở nâng cao trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các cấp. Tiếp tục thực hiện đơn giản hoá các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội...*"[1] . Theo phương hướng trên, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các cấp từ tỉnh xuống đến cơ sở được củng cố và kiện toàn. Ngày 5/5/1997, Hội đồng nhân dân tỉnh họp phiên thứ nhất, đã bầu chức Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân

[1] Dự thảo báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của BCH Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khoá XV... Tlđd, tr. 7.

dân tính. Song, do yêu cầu của công tác cán bộ, đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công nhận nhiệm vụ ở Tỉnh uỷ. Vì vậy, kỳ họp thứ hai (từ ngày 14 đến ngày 16/1/1998) đã bầu bổ sung chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh và kiện toàn Ban Kinh tế - Ngân sách, bầu chức danh Trưởng ban Kinh tế và Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá IX. Cũng tại kỳ họp này, Hội đồng nhân dân tỉnh đã quyết định các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, thông qua 3 nghị quyết chuyên đề:

- Quy định về mức thu tiền học phí, tiền xây dựng ở các trường phổ thông quốc lập, bán công dân lập, tư thục.

- Quy định chế độ của Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc và phó các đoàn thể ở cấp xã.

- Quy định việc thực hiện nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp uỷ Đảng, Hội đồng nhân dân 3 cấp trong tỉnh đã thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Luật và quy chế. Là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân 3 cấp trong tỉnh đã quyết

định những vấn đề quan trọng của địa phương trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng... Mọi hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp từ tỉnh xuống đến xã từng bước được đổi mới, đặc biệt là đổi mới hình thức giám sát, hình thức tiếp xúc cử tri, lấy điểm tiếp xúc cử tri là thôn xóm, bản và cụm dân cư. Các nghị quyết của Hội đồng nhân dân đã được Uỷ ban nhân dân và các cơ quan Nhà nước, các tổ chức kinh tế, xã hội ở địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả. Nhiều chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội được hoàn thành, góp phần ổn định và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng. Đời sống của đa số nhân dân các dân tộc trong tỉnh được nâng lên rõ rệt.

Nhằm củng cố và nâng cao năng lực điều hành của hệ thống chính quyền, ngày 13/7/1998, Uỷ ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 1673/1998/QĐ - UB về việc ban hành Quy chế làm việc của Uỷ ban nhân dân tỉnh. Bản Quy chế quy định phạm vi và quan hệ phối hợp giải quyết công việc; lập và thực hiện chương trình công tác của Uỷ ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh; trình tự giải quyết công việc của Chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh... Từ đó, hoạt động của Uỷ ban nhân dân các cấp trong tỉnh ngày càng đi vào nền nếp, có quy củ. Công tác điều hành của bộ máy chính

quyền có bước tiến bộ rõ rệt, đã bám sát chủ trương, nghị quyết của cấp uỷ Đảng, chỉ đạo có kết quả tốt các Chương trình 135, xoá đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn - nông nghiệp, chỉnh trang đô thị...

Thực hiện Nghị quyết lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII), Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo thực hiện cải cách hành chính. Ngay từ ngày 30/5/1997, Uỷ ban nhân dân lâm thời tỉnh Thái Nguyên đã có Quyết định số 1234/QĐ - UB thành lập Ban chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh gồm có đại diện Ban Tổ chức chính quyền, Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Sở Tài chính - Vật giá, do Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban. Các sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân các huyện, thành, thị đều thành lập Ban chỉ đạo cải cách hành chính tại đơn vị.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, công cuộc cải cách hành chính được tiến hành có kết quả. Thông qua cuộc cải cách, bộ máy các cơ quan chuyên môn giúp Uỷ ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước ở địa phương gồm có 21 sở, ban, ngành và 9 huyện, thành, thị, 1 đơn vị sự nghiệp là Đài Phát thanh và Truyền hình, 5 Hội nghề nghiệp có hưởng quỹ lương

thuộc tỉnh (Liên minh các hợp tác xã, Hội Văn nghệ, Hội Đông y, Hội Chữ thập đỏ, Hội Làm vườn). Tổng số đầu mối các đơn vị thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh, có quỹ lương do ngân sách trả, gồm 36 đơn vị. Trong số đó, có 6 đơn vị quản lý Nhà nước trực thuộc sở, 77 đơn vị sự nghiệp thuộc các ngành và cấp huyện quản lý.

Trên phạm vi toàn tỉnh, bộ máy chuyên môn được tổ chức, sắp xếp lại theo hướng gọn nhẹ. Theo quyết định của Tỉnh, Uỷ ban Dân số - Gia đình và Trẻ em được thành lập trên cơ sở hợp nhất Uỷ ban Dân số - Kế hoạch hoá gia đình và Uỷ ban bảo vệ, chăm sóc trẻ em; các bộ phận Công tác Dân số, Gia đình và Trẻ em, Định canh định cư và Kinh tế mới... từ tỉnh được chuyển về cấp huyện quản lý; thành lập Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; thành lập Chi cục phát triển lâm nghiệp và tổ chức lại 5 chi cục làm nhiệm vụ quản lý Nhà nước trực thuộc sở; tổ chức lại 122 phòng thuộc sở thành 115 phòng mới, đồng thời quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và chức danh từng công chức, viên chức của phòng; tổ chức lại 92 phòng thuộc cấp huyện thành 82 phòng mới, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và chức danh từng công chức, viên chức của phòng...

Các cơ quan chuyên môn tham mưu cho Uỷ ban nhân dân cấp huyện cũng được sắp xếp, bố trí lại:

Thành phố Thái Nguyên có 10 phòng; cấp huyện có 9 phòng; thị xã Sông Công có 9 phòng, nhưng khác các huyện là có thêm Phòng Quản lý đô thị, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sáp nhập với Phòng Công thương thành Phòng Quản lý sản xuất.

Trong quá trình lãnh đạo sắp xếp lại bộ máy của một số ban, ngành của tỉnh và các huyện, thành, thị theo hướng giảm đầu mối, hợp lý về cơ cấu tổ chức theo tinh thần Nghị quyết lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII), Tỉnh uỷ coi trọng việc thực hiện tiêu chuẩn hoá các chức danh cán bộ, công chức trong các tổ chức của hệ thống chính trị. Tỉnh cho rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị hành chính sự nghiệp và xây dựng Đề án tinh giản biên chế báo cáo Chính phủ, đồng thời điều chỉnh phân cấp quản lý cán bộ phù hợp với yêu cầu của tình hình mới. Đến năm 2000, tỉnh Thái Nguyên đã hoàn chỉnh quy định về số lượng cán bộ và chế độ trợ cấp đối với cán bộ cấp xã, tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp sau bầu cử đạt kết quả tốt. Ngoài ra, tỉnh còn mở nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, quản lý Nhà nước cho cán bộ xã, phường, công chức, viên chức.

Cùng với bộ máy chính quyền, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cũng đi vào chiều sâu, phối kết hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan triển khai kịp thời mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Hầu hết các đoàn thể đã chú trọng đến việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động để tập hợp quần chúng; chú ý chăm lo và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động, góp phần tích cực thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương.

Thông qua các đoàn thể, nhiều phong trào vận động quần chúng được triển khai sâu rộng. Đáng chú ý là cuộc vận động ***Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư***, phong trào ***Thanh niên lập nghiệp. Tuổi trẻ giữ nước***; ***Chương trình hỗ trợ phụ nữ tạo thêm việc làm tăng thu nhập*** ... đã góp phần làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội ở cơ sở. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh đã mở nhiều cuộc thi tìm hiểu các vấn đề về kinh tế, chính trị và lịch sử của đất nước, của dân tộc, có tác dụng giáo dục tư tưởng, tình cảm sâu rộng trong tuổi trẻ. Đặc biệt, trong cuộc thi tìm hiểu ***Đất nước trên con đường công nghiệp hoá - hiện đại hoá tiến lên chủ nghĩa xã hội***, với sự tham gia đông đảo của mọi lứa tuổi, Thái Nguyên là tỉnh dẫn đầu toàn quốc về số lượng và chất lượng bài thi. Các

hoạt động từ thiện, các quỹ hội được duy trì và phát triển, góp phần tích cực vào việc cứu trợ các nạn nhân bị chất độc mầu da cam, phụng dưỡng ***Bà mẹ Việt Nam anh hùng***, hỗ trợ cho nông dân nghèo làm kinh tế, ủng hộ đồng bào miền Trung và Tây Nguyên khắc phục hậu quả bão, lụt... Cán bộ, đảng viên, công chức trong các cơ quan tỉnh luôn luôn là lực lượng đi đầu trong các phong trào do các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh phát động. Riêng trong năm 1998, bình quân mỗi cán bộ, công chức ủng hộ 10 ngày lương cho ***Quỹ vì trẻ thơ, vì phụ nữ nghèo***, ***Quỹ đền ơn đáp nghĩa***, ***Quỹ bảo trợ sông Cầu***, v.v...

Tuy nhiên, hoạt động của một số đoàn thể quần chúng (Đoàn Thanh niên) ở nhiều xã, thôn, bản vùng sâu, vùng xa vẫn còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng cả về nội dung và phương thức hoạt động. Một số cấp uỷ cơ sở còn coi nhẹ công tác dân vận; sự phoi hợp giữa chính quyền với các đoàn thể quần chúng chưa đồng bộ; năng lực cán bộ còn hạn chế, lại phải kiêm nhiệm nhiều việc, nên kết quả hoạt động chưa cao.

Như vậy, trong nhiệm kỳ 1997 - 2000, "*Toàn Đảng bộ đã tập trung nhiều hơn cho công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; quán triệt nghiêm túc*

Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu thăm và làm việc
tại tỉnh Thái Nguyên năm 2000

các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cụ thể hoá thành các chương trình, kế hoạch hành động để tổ chức thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra của các cấp uỷ và nâng cao hiệu quả hoạt động của uỷ ban kiểm tra các cấp... Nhìn chung, công tác xây dựng hệ thống chính trị đã thực hiện được những yêu cầu, nội dung và chỉ tiêu mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đã đề ra"[1].

Sự vững mạnh của hệ thống chính trị là một trong những nhân tố cơ bản, có tính quyết định làm chuyển biến tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đến năm 2000, hoạt động của các ngành kinh tế quan trọng đã cơ bản ở thế ổn định và phát triển với tốc độ đạt xấp xỉ mức bình quân chung của cả nước: GDP tăng 6,3%, vượt kế hoạch đề ra và cao hơn nhiều so với năm trước; giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng 14,5%; nông nghiệp tăng 4,7%; dịch vụ tăng 8%, xuất khẩu địa phương tăng 18% so với năm 1999. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ có nhiều chuyển biến tích cực; sản lượng lương thực quy thóc đạt trên 32 vạn tấn là mức cao nhất từ trước

---

[1] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI - 1/2001, tr. 10, 11.

đến lúc đó. Các chương trình kinh tế - xã hội được thực hiện với quy mô rộng hơn, tạo ra sự phát triển nhanh hơn về kết cấu hạ tầng, nhất là về giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế.

Thành tựu đạt được trong 4 năm (1997 - 2000) là quan trọng, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển và chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh. Những khó khăn, yếu kém về kinh tế - xã hội trong thời kỳ trước chưa được khắc phục.

Kinh tế tuy phát triển nhưng tốc độ chậm và chưa vững chắc. Nhịp độ tăng trưởng GDP, tăng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ đạt thấp so với chỉ tiêu Đại hội XV và mức trung bình của cả nước (tốc độ tăng GDP bình quân hằng năm là 4,1% so với chỉ tiêu Đại hội XV là 9 - 10%, toàn quốc đạt hơn 6%). Trình độ công nghệ, hiệu quả sản xuất kinh doanh, khả năng cạnh tranh của từng sản phẩm, từng doanh nghiệp, từng ngành còn thấp. Hoạt động của Công ty Gang thép Thái Nguyên và nhiều đơn vị sản xuất công nghiệp của Trung ương trên địa bàn bị đình trệ, sa sút trong những năm 1997 - 1998 đã làm hạn chế tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của tỉnh. Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân còn lúng túng trong việc sắp xếp, củng cố, đổi mới doanh nghiệp nhà nước và chậm chuyển đổi hợp tác xã

Xây dựng tuyến phòng thủ bảo vệ Tổ quốc (1979)

theo Luật. Việc phát triển lực lượng sản xuất chưa đồng đều, đầu tư còn manh mún, phân tán, chưa tạo được môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn, chưa huy động tốt đầu tư phát triển của toàn xã hội.

Nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt. (Tình trạng không có việc làm, thiếu việc làm còn phổ biến cả ở thành thị và nông thôn. Tệ nạn xã hội, nhất là nạn ma tuý gia tăng, tệ quan liêu, tham nhũng ở một bộ phận cán bộ, công chức vẫn tiếp diễn, gây nhiều băn khoăn, lo lắng, bất bình trong nhân dân). Việc quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường còn nhiều khuyết điểm. Một số vụ việc tiêu cực chưa được xử lý kịp thời, thiếu kiên quyết. Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa.

Hoạt động của hệ thống chính trị còn nhiều mặt yếu. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân chưa được thường xuyên, chưa chủ động và sâu sắc. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, luân chuyển, đề bạt, kỷ luật cán bộ còn thiếu sót...

Nguyên nhân dẫn đến những khuyết điểm, yếu kém trên đây một phần là do xuất phát điểm về kinh tế của tỉnh thấp, nguồn vốn để phát triển hạn hẹp lại chịu sự tác động của khủng hoảng tài chính, tiền tệ trong khu

vực, của thiên tai... Nhưng nguyên nhân chính là do Tỉnh uỷ nhận thức đường lối đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Đảng chưa sâu sắc và sự vận dụng đường lối ấy *"chưa sáng tạo, còn thụ động, thiếu những hình thức và biện pháp phù hợp để phát huy nội lực, phát huy trí tuệ của cán bộ, đảng viên và sức mạnh tổng hợp của các tầng lớp nhân dân"*[1], *"... Sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng và công tác điều hành của bộ máy chính quyền thiếu kiên quyết, không dứt điểm, còn phân tán và kém hiệu lực. Tư tưởng ỷ lại, bao cấp, trông chờ còn nặng nề..."*[2].

Bên cạnh những mặt hạn chế, yếu kém trên đây, kết thúc năm 2000, chuẩn bị bước vào năm đầu tiên của thế kỷ XXI, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên cũng đứng trước những khó khăn, thách thức rất gay gắt. Đó là, phải đi lên từ một tỉnh nghèo, kinh tế kém phát triển, công nghệ và thiết bị sản xuất lạc hậu; khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế của tỉnh so với cả nước còn lớn; năng lực của đội ngũ cán bộ còn yếu so với yêu cầu đổi mới, lực cản của nếp nghĩ cũ, cách làm ăn cũ còn nhiều...

---

[1], [2] Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI... Tlđd, tr. 15.

Tình hình đó đặt ra yêu cầu cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên tiếp tục phấn đấu mạnh hơn để phát triển đi lên cùng với đất nước, tiến tới thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Với bề dầy kinh nghiệm lãnh đạo, lại ra đời và lớn lên ở một địa phương có truyền thống đấu tranh cách mạng và có nhiều tiềm năng, chắc chắn rằng, trong tương lai không xa, Đảng bộ Thái Nguyên sẽ lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh xây dựng Thái Nguyên trở thành một tỉnh giàu có về kinh tế, vững mạnh về an ninh quốc phòng.

KẾT LUẬN

Từ năm 1965 đến năm 2000, thời gian đã trôi qua trên một phần ba thế kỷ. Trong thời gian ấy, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Thái Nguyên đã chứng kiến bao sự đổi thay và trải qua những chặng đường lịch sử quan trọng.

Năm 1965, tỉnh Thái Nguyên hợp nhất với tỉnh Bắc Kạn thành tỉnh Bắc Thái. Đó cũng là năm bắt đầu diễn ra cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ trên địa bàn Thái Nguyên. Quân và dân Thái Nguyên vừa đẩy mạnh sản xuất, giữ vững sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống cuộc chiến tranh phá hoại, lại vừa phải tăng cường chi viện chiến trường miền Nam. Phát huy truyền thống của quê hương căn cứ địa cách mạng, thủ đô kháng chiến, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Thái Nguyên đã hoàn thành xuất sắc cả ba nhiệm vụ to lớn ấy, góp phần cùng quân dân cả nước làm nên Đại thắng mùa Xuân 1975.

Từ sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước đến năm 1986 là chặng đường 10 năm

cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Dù còn nhiều mặt hạn chế, yếu kém, nhưng dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, nhân dân Thái Nguyên đã đạt được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng.

Bước vào năm 1987, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986), Đảng bộ và nhân dân Thái Nguyên tích cực thực hiện công cuộc đổi mới. Sau 10 năm kiên trì thực hiện, biết vận dụng đường lối chung vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, Đảng bộ cùng nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã thu được nhiều thành tựu ngày càng to lớn, từng bước làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội tỉnh nhà.

Năm 1997, tỉnh Thái Nguyên được tái lập. Đó cũng là năm cách mạng nước ta bước vào thời kỳ mới - Thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Trước thời cơ vận hội lớn, đồng thời cũng phải đối mặt với những nguy cơ thách thức lớn, một lần nữa, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, biết nắm bắt cơ hội, tận dụng thời cơ, từng bước đẩy lùi nguy cơ để vươn tới giành thắng lợi lớn hơn.

Trên những chặng đường lịch sử đã trải qua, Đảng bộ Thái Nguyên không ngừng lớn mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Từ 112 đảng bộ, chi bộ trực thuộc với 13.862 đảng viên vào thời điểm khi hợp nhất với tỉnh Bắc Kạn (7/1965), đến khi tái lập tỉnh (1/1997), Đảng bộ Thái Nguyên đã có 651 đảng bộ

cơ sở với 44.449 đảng viên. Giữa hai thời điểm ấy, quá trình vận động cách mạng trên cả hai địa bàn Bắc Kạn và Thái Nguyên đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Thái. Trong những hoàn cảnh mới đầy khó khăn, phức tạp trên chặng đường dài 32 năm (1965 - 1997), Đảng bộ đã làm tròn vai trò là người tổ chức và lãnh đạo mọi mặt hoạt động thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội ở địa phương. Nhìn chung trong suốt quá trình lãnh đạo, Đảng bộ đã biết vận dụng đường lối chung vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, đưa phong trào toàn tỉnh phát triển đi lên. Song, cũng có lúc, có nơi, trên một số mặt công tác cụ thể, sự lãnh đạo của Đảng bộ gặp khó khăn, trở ngại, phong trào dẫm chân tại chỗ, thậm chí bị giảm sút nghiêm trọng.

Những kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo của Đảng bộ Bắc Thái trước đây đã được Đảng bộ Thái Nguyên kế thừa, vận dụng và phát huy trong những điều kiện mới kể từ sau ngày chia tách tỉnh.

Thứ nhất, *trên cơ sở quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và quần chúng, biết vận dụng một cách sáng tạo, đúng đắn vào tình hình cụ thể của địa phương và biết lựa chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm có tính đột phá để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.*

Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước bao giờ cũng xuất phát từ tình hình thực tiễn của cách mạng cả nước trong từng thời kỳ lịch sử cụ thể. Những chủ trương, chính sách này chỉ mang lại hiệu quả thực tế khi được đảng bộ các cấp địa phương quán triệt đầy đủ, sâu sắc, tạo nên sự nhất trí cao trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; đồng thời phải được cụ thể hoá bằng các chính sách và biện pháp cụ thể, sát hợp với thực tế của địa phương. Nếu nói cách mạng là sáng tạo, thì hơn bất cứ lĩnh vực nào khác, ở đây càng đòi hỏi phải có sự sáng tạo.

Nhận thức rõ điều ấy, nhìn chung trong 35 năm (1965 - 2000), Đảng bộ thường xuyên duy trì chế độ báo cáo tình hình thời sự; tổ chức học tập quán triệt các nghị quyết không chỉ trong các cấp uỷ Đảng, Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, mà cả trong cán bộ, đảng viên và quần chúng. Thông qua học tập, Đảng bộ đã tạo được sự chuyển biến quan trọng về nhận thức, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với công tác được giao. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, nếu không nghiem chỉnh quán triệt nghị quyết của Đảng một cách sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, các mặt công tác sẽ không được tiến hành thuận lợi, thậm chí thất bại. Sự tổn thất nặng về người và của trong trận máy bay Mỹ ném bom cầu Gia Bảy ngày 17/10/1965 là một ví dụ.

Trên cơ sở nâng cao nhận thức, Ban Chấp hành Đảng bộ họp toàn thể, bàn bạc dân chủ nhằm phát huy trí tuệ tập thể để định ra những nội dung và biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo cho phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương. Đối với một số nghị quyết quan trọng của Trung ương, như Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Đảng bộ đề ra kế hoạch và hướng dẫn cụ thể về việc triển khai thực hiện. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết, lập tổ công tác giúp Ban chỉ đạo hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp thông tin, phản ánh kịp thời những việc làm được, chưa làm được, những khó khăn, vướng mắc ở các địa phương, đơn vị để Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ đạo sâu sát, kịp thời hơn. Cơ quan Tỉnh uỷ và một số địa phương, đơn vị đã có hộp thư để nhân dân góp ý kiến về công tác xây dựng Đảng, góp ý kiến cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện các mặt công tác, căn cứ vào tình hình cụ thể và yêu cầu của cách mạng ở mỗi thời kỳ, Đảng bộ biết xác định trọng tâm, trọng điểm để tập trung giải quyết dứt điểm, chuẩn bị cho những bước tiếp sau. Đối với một số nghị quyết quan trọng, những cuộc vận động lớn, Tỉnh uỷ thường chọn điển hình (tốt hoặc kém) để chỉ đạo rút kinh nghiệm trước khi triển khai trong toàn Đảng bộ.

Thứ hai, *thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố khối đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ; trên cơ sở đó, không ngừng mở rộng khối đoàn kết nhân dân các dân tộc trong tỉnh.*

Lịch sử dân tộc ta đã chứng minh: Đoàn kết, đại đoàn kết là sức mạnh để vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong chiến tranh cũng như trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bài học lịch sử này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh khái quát thành một trong những nhân tố cơ bản thường xuyên có tính quyết định đến mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam: "*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*"[1]. Đây cũng là một chân lý đã được ông cha ta đúc kết từ trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước.

Thấm nhuần chân lý ấy, trong suốt quá trình lãnh đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, Đảng bộ luôn coi trọng vấn đề xây dựng và củng cố sự đoàn kết trong nội bộ các tổ chức Đảng, trước hết là trong Ban Chấp hành Đảng bộ và trong Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Mặt khác, khi mới thành lập (1965), Đảng bộ Bắc Thái là sự hợp nhất hai Đảng bộ vốn đã tồn tại độc lập; Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời tỉnh Bắc Thái cũng là sự hợp nhất hai Ban Chấp hành Đảng bộ của hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên.

---

[1] Hồ Chí Minh: Tuyển tập. Tập 2 (1955 - 1969). Nxb Sự thật, Hà Nội 1980, tr. 280.

Trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, tỷ lệ người dân tộc có khoá chiếm 35% số uỷ viên. Xuất phát từ tình hình thực tế này, vấn đề củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ càng được đặc biệt coi trọng hơn bất cứ thời kỳ nào trước và sau đó.

Quan tâm đến vấn đề đoàn kết, Đảng bộ thường xuyên duy trì chế độ sinh hoạt dân chủ, đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình trong các cấp uỷ và các tổ chức cơ sở đảng. Những biểu hiện của tư tưởng cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa, tự tư tự lợi... được kịp thời phê phán và loại trừ. Những tư tưởng ngại gian khổ, hữu khuynh, tự mãn, trung bình chủ nghĩa... cũng từng bước được khắc phục. Mặc dù "*... ở từng cấp, từng nơi, từng thời kỳ cũng còn xảy mất đoàn kết, có nơi nghiêm trọng*"[1], nhưng nhìn chung trong 35 năm đã qua (1965 - 2000), khối đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ vẫn được giữ vững và không ngừng được củng cố. Đây chính là một trong những nhân tố hết sức quan trọng, giúp cho Đảng bộ nêu cao được vai trò là người tổ chức và lãnh đạo thành công mọi mặt công tác ở địa phương.

Xuất phát từ một tỉnh có nhiều thành phần dân tộc, nhất là từ khi hợp nhất hai tỉnh, trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng không đồng đều, trên cơ sở

---

[1] Báo cáo của Tỉnh uỷ Thái Nguyên tại phiên họp thứ nhất của Tỉnh uỷ lâm thời tỉnh Bắc Thái, ngày 6/6/1965.

tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong các tổ chức Đảng, Đảng bộ đặc biệt quan tâm lãnh đạo thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết toàn dân.

Đảng bộ ngày càng nhận thức rõ hơn vấn đề xây dựng, mở rộng khối đoàn kết toàn dân phải gắn với việc phát huy dân chủ, đem lại lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các tầng lớp nhân dân các dân tộc trong tỉnh; phải xây dựng và củng cố mối quan hệ bình đẳng, tương trợ giúp nhau cùng phát triển. Vì vậy, nhìn chung trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ luôn coi trọng củng cố và kiện toàn tổ chức Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tạo điều kiện cho Mặt trận và các đoàn thể thực hiện tốt chức năng giám sát, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân. Những đồng chí trong cấp uỷ có tinh thần trách nhiệm được cử sang phụ trách các tổ chức quần chúng. Mặt khác, Đảng bộ lãnh đạo đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo hướng sát dân. Thông qua Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, các phong trào thi đua thường xuyên được phát động, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Thông qua đó, khối đoàn kết, gắn bó giữa mọi tầng lớp nhân dân các dân tộc trong tỉnh không ngừng được vun đắp. Đây chính là một trong những nhân tố có tính quyết định dẫn đến sự thành công mọi mặt công tác của tỉnh.

Thứ ba, *thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ để không ngừng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của cách mạng.*

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên căn dặn: *"Cán bộ là người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ để đặt chính sách cho đúng.*

Vì vậy, cán bộ là gốc của mọi công việc.

Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng...", *"Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém"*[1] .

Thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong 35 năm qua, Đảng bộ luôn quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ các ngành, các giới và các cấp, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt từ cấp huyện trở lên. Ngoài các lớp bổ túc văn hoá, Đảng bộ thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị và chuyên môn cho cán bộ cấp uỷ, cán bộ lãnh đạo các ban, ngành... Trong thời kỳ đổi mới, nhất là trong những năm đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Tỉnh uỷ nêu rõ yêu

---

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập 1945 - 1947, T. IV. NXB Sự thật, Hà Nội, 1984, tr. 487, 492.

cầu đối với cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên phải có bằng đại học về một chuyên ngành nhất định và trình độ lý luận chính trị cao cấp.

Đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, phải vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, gắn bó với nhân dân. Ban Chấp hành Đảng bộ coi đây là những tiêu chuẩn cần có đối với một cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý. Vì vậy, nhìn chung trong tất cả các thời kỳ, Đảng bộ đều quan tâm lãnh đạo công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, có cơ chế, chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, trọng dụng và đãi ngộ những người có đức, có tài; đồng thời thay thế những cán bộ kém năng lực, phẩm chất, không đủ uy tín, có khuyết điểm nghiêm trọng. Đảng bộ đã lãnh đạo thực hiện tốt chủ trương luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý theo quy hoạch ở các ngành và các địa phương; mạnh dạn trẻ hoá đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển.

Nhờ có những biện pháp tích cực và chủ động, Đảng bộ Bắc Thái trước đây và nay là Đảng bộ Thái Nguyên đã xây dựng được cho mình một đội ngũ cán bộ có đủ năng lực và bề dày kinh nghiệm; đồng thời còn tạo nguồn cung cấp cán bộ lãnh đạo cho Trung ương Đảng và Nhà nước.

***Thứ tư**, không ngừng đổi mới và tự chỉnh đốn Đảng để đảm đương vai trò lãnh đạo cách mạng trong tình hình mới.*

Đảng ta, Đảng của giai cấp công nhân, đi theo đường lối cách mạng của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đã từng lãnh đạo thành công sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, đưa cả nước từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội không thông qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Trong hoàn cảnh lịch sử mới, với yêu cầu mới của cách mạng, Đảng ta đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi cơ sở tổ chức của Đảng phải có tư duy mới về chủ nghĩa xã hội, về công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, về quan hệ quốc tế trên cơ sở vận dụng phát triển những kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng trong các thập kỷ trước.

Đảng bộ tỉnh Bắc Thái trước đây, nay là Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, trong tất cả các thời kỳ, tuỳ theo yêu cầu cụ thể của cách mạng, đã biết tự điều chỉnh, đổi mới phương thức lãnh đạo, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, coi đó là nguyên tắc quan trọng nhất chỉ đạo mọi hoạt động tổ chức, sinh hoạt nội bộ và phong cách làm việc. Do đó, khi bước vào thời kỳ đổi mới, trong khi xoá bỏ chế độ quản lý tập trung quan liêu bao cấp, Đảng bộ hết sức coi trọng và có những biện pháp ngăn ngừa, khắc phục những biểu hiện tự do, phân tán, cục bộ, địa phương, giữ vững kỷ cương của Đảng, duy trì nghiêm phép nước. Đây là

Hội thảo Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên
tập II (1965-2000) ngày 9/3/2005

một thành công rất lớn của Đảng bộ trong thời kỳ chuyển đổi cơ chế quản lý.

Những biểu hiện của tư tưởng ngại khó, dao động trong một số cán bộ, đảng viên được kịp thời phê phán, chấn chỉnh. Cho nên, nhìn chung trong mọi thời kỳ, kể cả những lúc tình hình quốc tế và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, nhất là khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, đất nước nói chung và địa phương nói riêng lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, đời sống khó khăn, thiếu thốn, tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ đã tỏ rõ lập trường vững vàng, không mất niềm tin vào con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn.

Trong suốt quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong thời chiến cũng như trong thời bình, trong chiến đấu cũng như trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ thường xuyên quan tâm đến công tác phát triển Đảng, kết nạp những quần chúng ưu tú vào Đảng; đồng thời đưa ra khỏi Đảng những người không còn đủ tư cách đảng viên, làm trong sạch nội bộ Đảng. Đảng bộ luôn coi trọng công tác kiểm tra Đảng, coi đó là một biện pháp tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Nhờ đó, những hiện tượng vi phạm Điều lệ Đảng, làm sai nguyên tắc tổ chức của Đảng được kịp thời khắc phục. Sức chiến đấu của Đảng bộ được tăng cường.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của cách mạng, Đảng bộ luôn coi trọng việc bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, đảng viên không chỉ về văn hoá, chuyên môn và nghiệp vụ, mà cả về lý luận chính trị. Việc xây dựng và củng cố hệ thống các Trường Đảng từ tỉnh xuống các huyện trong những năm 60, sau này là hệ thống Trường Chính trị ở tỉnh và các Trung tâm bồi dưỡng chính trị ở các huyện, chính là nhằm mục đích ấy. Ngoài ra, hằng năm, Đảng bộ còn cử hàng trăm cán bộ theo học các khoá bồi dưỡng, đào tạo tại các Phân hiệu Trường Nguyễn Ái Quốc... Nhờ đó, đội ngũ cán bộ chủ chốt của Đảng bộ, trước hết là trong Ban Chấp hành Đảng bộ, số cán bộ có trình độ trung, cao cấp về lý luận chính trị ngày càng tăng.

Để không ngừng nâng cao hiệu quả lãnh đạo, nhìn chung trong tất cả các thời kỳ, nhất là trong thời kỳ thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng bộ rất quan tâm việc đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng. Vì vậy, cùng với đổi mới việc ban hành các nghị quyết, chỉ thị, đề án... của cấp uỷ theo hướng thiết thực, sát với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, Đảng bộ từng bước hoàn thiện các quy chế, quy trình làm việc của các cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp, tạo điều kiện cho chính quyền phát huy được vai trò quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng.

Thứ năm, *thường xuyên chăm lo củng cố và kiện toàn bộ máy chính quyền ngày càng trong sạch vững mạnh, có đủ khả năng tổ chức chỉ đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của cách mạng.*

Chính quyền Nhà nước là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, nay là Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là kết quả của phong trào cách mạng của nhân dân. Đó là một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

Nắm chắc các quan điểm, đường lối của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước kiểu mới, trong 35 năm (1965 - 2000), Đảng bộ tỉnh - trước hết là Ban Thường vụ Tỉnh uỷ - đặc biệt quan tâm xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền từ tỉnh xuống đến cơ sở. Cơ cấu Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân các cấp trong tỉnh đã thể hiện được chính sách đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo và liên minh công nông.

Vào những năm đầu trực tiếp chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, theo sự chỉ đạo của Trung ương, các cấp uỷ Đảng trong Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo việc xây dựng, củng cố, kiện toàn chính quyền cấp xã, thị trấn. Đảng bộ coi đây là công tác có ý nghĩa quan trọng bảo đảm cho việc xây dựng, củng cố hậu phương vững mạnh. Bởi vậy, *cuộc vận động kiện toàn chính*

quyền xã giới toàn diện do Bộ Nội vụ phát động nhằm tăng cường công tác phòng không nhân dân, cũng như việc phổ biến tài liệu *Công tác chính quyền xã*... được nhanh chóng triển khai ở hầu khắp các địa phương trên địa bàn tỉnh.

Một trong những nội dung quan trọng trong công tác củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp là nâng cao trình độ cán bộ chính quyền cơ sở. Điều này càng có ý nghĩa quan trọng đối với một tỉnh trung du - miền núi, có nhiều thành phần dân tộc như tỉnh Bắc Thái trước đây và nay là tỉnh Thái Nguyên. Nhận thức được điều đó, Đảng bộ lãnh đạo các cấp chính quyền triển khai kế hoạch huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ chính quyền xã, phường về lề lối làm việc, nghiệp vụ công tác của Chủ tịch và Uỷ viên thư ký Uỷ ban...

Là cơ quan chấp hành, cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra, Uỷ ban nhân dân các cấp trong tỉnh đều duy trì hoạt động theo chế độ tập thể, kết hợp chặt chẽ với trách nhiệm cá nhân của mỗi thành viên về phần công việc của mình. Hằng tháng, Uỷ ban nhân dân các cấp đều họp bàn và đưa ra những quyết sách phù hợp để tổ chức chỉ đạo thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Hội đồng nhân dân các cấp từ tỉnh xuống xã, phường vừa là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, vừa là cơ

quan đại diện cho nhân dân địa phương tích cực thực hiện chức năng tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện các quyết định đã được thông qua.

Để không ngừng nâng cao hiệu quả công tác của bộ máy chính quyền các cấp, các đại biểu Hội đồng nhân dân và uỷ viên Uỷ ban nhân dân, nhất là những cán bộ chủ chốt, thường xuyên được bồi dưỡng để nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn và nghiệp vụ. Đồng thời, Đảng bộ cũng hết sức coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện phẩm chất, tư cách đạo đức cho cán bộ, nhân viên trong bộ máy chính quyền từ tỉnh xuống đến cơ sở. Lề lối làm việc trong bộ máy chính quyền các cấp được cải tiến từng bước. Cuộc đấu tranh chống tham nhũng theo tinh thần Chỉ thị 240 QĐ/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (26/6/1990) và Chỉ thị số 31/CT - TU (27/7/1990) của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ được các cấp uỷ Đảng trong Đảng bộ và các cấp chính quyền triển khai tích cực, bước đầu đem lại những kết quả nhất định. Những biểu hiện quan liêu, vô trách nhiệm, hách dịch, cửa quyền, lãng phí và những biểu hiện tiêu cực khác trong cơ quan, cán bộ, viên chức Nhà nước... được kịp thời ngăn chặn. Hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp ngày càng đi vào nền nếp, có quy củ, nhất là từ sau khi ban hành ***Quy chế làm việc của Uỷ ban nhân dân tỉnh*** (7/1998).

Trong quá trình chuyển đổi cơ chế từ kế hoạch hoá tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng bộ tập trung lãnh đạo thực hiện cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết 38/CP của Chính phủ: Xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hoá, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực để đáp ứng được yêu cầu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.

Nhìn lại chặng đường lịch sử 35 năm qua, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đã có quá trình phát triển, trưởng thành, làm tròn vai trò là người tổ chức và lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, góp phần to lớn vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

Trong giai đoạn cách mạng mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta vẫn tiếp tục thực hiện sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Sự nghiệp cách mạng trong những năm trước mắt sẽ đặt ra nhiều yêu cầu mới cao hơn, to lớn hơn. Với những thành tích đã đạt được, vận dụng những kinh nghiệm được đúc kết từ trong thực tiễn cách mạng 35 năm qua, Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tiếp tục phấn đấu vươn lên, thực hiện tốt vai trò lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

PHẦN PHỤ LỤC

DANH SÁCH
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
(1965 - 2005)*

1- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá lâm thời (1965 - 1970), 40 uỷ viên:

** Ban Thường vụ:*

1- Lê Hoàng - Bí thư Tỉnh uỷ
2- Nguyễn Việt Vinh - Phó Bí thư TT Tỉnh uỷ
3- Doanh Hằng - Phó Bí thư, Chủ tịch UBHC tỉnh
4- Nguyễn Thế Đạt - Phó Bí thư
5- Triệu Văn Tịnh
6- Lý Ngọc Tuân
7- Hoàng Khải Giáp
8- Nguyễn Hữu Uẩn
9- Trần Tường
10- Lê Nguyên Kính
11- Nguyễn Hồng An

** Ban Chấp hành:*

12- Ngô Thượng Thạch
13- Nguyễn Văn Lịch
14- Nguyễn Đức Thọ
15- Trịnh Văn Chấn
16- Đôn Văn Cước
17- Triệu Văn Hồng
18- La Văn Liền
19- Nguyễn Đình Chất
20- Nguyễn Đại Hải
21- Nông Thị Mai Hương
22- Dương Văn Thơ
23- Nguyễn Thị Phong
24- Trương Văn Thiết
25- Phạm Khánh Vân
26- Nông Văn Hoả
27- Trần Đình Sam
28- Âu Văn Mạ
29- Lê Đình Nhậm
30- Hoàng Thanh Bảo
31- Hồ Ích Hậu
32- Đồng Thị Hạnh

---

* *Hiện Ban biên soạn mới sưu tầm được danh sách Ban Thường vụ và những biến động của các đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ trong các khoá từ 1965 - 2005; danh sách Uỷ viên Ban Chấp hành được bầu dầu nhiệm kỳ các khoá từ 1965 - 2005.*

33- Ma Văn Tòng
34- Hoàng Cao Chung
35- Hà Nhân Đại
36- Nông Sơn Hà
37- Nông Văn Hà
38- Nông Văn Giáp
39- Đặng Đình Cầm
40- Đồng Quang Tuân

- Tháng 9/1965, đồng chí Vũ Hạnh - Phó Chủ nhiệm Công ty Xây lắp 2 (Bộ Công nghiệp nặng) về tham gia Tỉnh ủy Bắc Thái và được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phụ trách Ban Công nghiệp thay đồng chí Lê Nguyên Kính chuyển công tác khác.

2- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá I (1970 - 1977), 27 uỷ viên:

**** Ban Thường vụ:***

1- Lê Hoàng - Bí thư Tỉnh uỷ
2- Nguyễn Việt Vinh - Phó Bí thư TT Tỉnh uỷ
3- Doanh Hằng - Phó Bí thư, Chủ tịch UBHC tỉnh (từ tháng 8/1976 đổi tên là UBND tỉnh)
4- Lê Quảng
5- Hoàng Thanh Tiến
6- Ngô Thượng Thạch
7- Nguyễn Duy An

**** Ban Chấp hành:***

8- Hoàng Thanh Bảo
9- Dôn Văn Cước
10- Nguyễn Thị Cần
11- Đặng Dũng
12- Nguyễn Thế Đạt
13- Hoàng Khải Giáp
14- Nông Sơn Hà
15- La Văn Liền
16- Nguyễn Tấn Phúc
17- Dương Văn Thơ
18- Nguyễn Thị Thanh
19- Mã Kim Thành

20- Phạm Khánh Vân

21- Nông Văn Hà

22- Vũ Hạnh

23- Triệu Văn Hồng

**** Uỷ viên dự khuyết BCH:***

24- Huỳnh Hữu Ích

25- Nông Văn Sảo

26- Ngô Thế Thuật

27- Lâm Văn Thơ

- Tháng 4/1972 đồng chí Lê Hoàng - Bí Thư Tỉnh uỷ chuyển công tác về Trung ương, đồng chí Hoàng Bắc Dũng được cử giữ chức Bí thư Tỉnh uỷ.

- Từ tháng 3/1974 đồng chí Nguyễn Việt Vinh - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ nghỉ chữa bệnh, đồng chí Nguyễn Duy An được phân công làm Uỷ viên Thường trực Tỉnh uỷ.

- Đầu năm 1976 đồng chí Vũ Ngọc Linh - Phó Bí thư Khu uỷ Việt Bắc, Bí thư Tỉnh uỷ Cao Bằng được Trung ương điều động về làm Bí thư Tỉnh uỷ Bắc Thái thay đồng chí Hoàng Bắc Dũng sang làm Chủ tịch Uỷ ban Hành chính tỉnh. Đồng chí Doanh Hằng - Chủ tịch Uỷ ban Hành chính tỉnh chuyển sang làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ.

3- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá II (1977 - 1980), 39 uỷ viên:

**** Ban Thường vụ:***

1- Vũ Ngọc Linh - Bí thư Tỉnh uỷ

2- Doanh Hằng - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh

4- Nguyễn Duy An - Thường trực Tỉnh uỷ

3- Nguyễn Thế Đạt

5- Hoàng Thanh Tiến

6- Lê Quảng

7- Phan Thành

8- Trịnh Văn Uy

9- Đôn Văn Cước

10- Huỳnh Hữu Ích

11- Ngô Thượng Thạch

** Ban Chấp hành:*

12- Ngô Thế Thuật
13- Phạm Khánh Vân
14- Lâm Văn Thơ
15- Bùi Kiến Truy
16- Trần Quốc Thu
17- Nguyễn Văn Nhỡ
18- Nguyễn Ngô Hai
19- Nguyễn Thị Nữ
20- Trần Duy Hậu
21- Đồng Văn Dương
22- Hoàng Chu
23- Nguyễn Văn Tuế
24- Nông Đức Mạnh
25- La Văn Ngâm
26- Hà Văn Tân
27- Mai Phúc Toàn
28- Nguyễn Đức Tân
29- Dương Kim Uyên
30- Bàn Tiến Minh
31- Nguyễn Khắc Chín
32- Hoàng Từ
33- Phan Huy Trác
34- Nguyễn Dậu
35- Nông Văn Ngự

** Uỷ viên dự khuyết BCH:*

36- Lý Văn Đinh
37- Ngô Thị Thuý Hoà
38- Nguyễn Thị Bình
39- Nguyễn Văn Lâm

- Tháng 3/1978, đồng chí Ngô Thượng Thạch được phân công làm Thường trực Tỉnh uỷ; đồng chí Nguyễn Duy An được phân công làm Bí thư Thành uỷ Thái Nguyên.

4- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá III (1980 - 1983), 45 uỷ viên:

** Ban Thường vụ:*

1- Vũ Ngọc Linh - Bí thư Tỉnh uỷ

2- Nguyễn Thế Đạt - Phó Bí thư TT Tỉnh uỷ

3- Doanh Hằng - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh

4- Nguyễn Duy An

5- Đôn Văn Cước

6- Huỳnh Hữu Ích

7- Lê Quảng

8- Hoàng Thanh Tiến

9- Phan Thành

10- Ngô Thế Thuật

11- Trịnh Văn Uy

** Ban Chấp hành:*

12- Dương Thị Bình

13- Nguyễn Khắc Chín

14- Đồng Văn Dương

15- Nguyễn Đậu

16- Trịnh Văn Dông

17- Nguyễn Văn Hiếu

18- Đinh Công Hoà

19- Nguyễn Văn Lâm

20- Nguyễn Thế Luân

21- Nông Đức Mạnh

22- Bàn Tiến Minh

23- Nguyễn Thị Nữ

24- La Văn Ngâm

25- Nông Văn Ngự

26- Hoàng Căn Nguyên

27- Nguyễn Văn Nhỡ

28- Nguyễn Văn Nhung

29- Phan Công Nhượng

30- Nông Đình Quảng

31- Dương Văn Sào

32- Mai Phúc Toàn
33- Nguyễn Văn Tuế
34- Hoàng Từ
35- Hà Nhân Thăng
36- Lâm Văn Thơ
37- Bùi Kiến Truy
38- Vũ Trượng
39- Dương Kim Uyên
40- Nguyễn Văn Việt
41- Nguyễn Ngọc Yến

** Uỷ viên dự khuyết BCH:*

42- Lâm Thị Bjoóc
43- Nguyễn Chính
44- Vũ Thế Tân
45- Nguyễn Tiêu

5- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá IV (1983 - 1986), 45 uỷ viên

** Ban Thường vụ:*

1- Vũ Ngọc Linh - Bí thư Tỉnh uỷ
2- Nguyễn Thế Đạt - Phó Bí thư TT Tỉnh uỷ
3- Nông Đức Mạnh
4- Đôn Văn Cước
5- Hoàng Thanh Tiến
6- Nguyễn Duy An
7- Lê Quảng
8- Ngô Thế Thuật
9- Mai Phúc Toàn
10- Nguyễn Ngô Hai
11- Trần Duy Hậu

** Ban Chấp hành:*

12- Lâm Thị Bjoóc
13- Nguyễn Chính
14- Chu Cường
15- Đồng Văn Dương
16- Nguyễn Hữu Dung
17- Trịnh Văn Đông

18- Nguyễn Dậu
19- Mạc Văn Dạt
20- Nguyễn Văn Hiếu
21- Đinh Công Hoà
22- Nguyễn Đăng Hoà
23- Huỳnh Hữu Ích
24- Nguyễn Thế Luân
25- Lý Xuân Lai
26- Đặng Phúc Lường
27- Nguyễn Thị Nữ
28- Nguyễn Văn Nhung
29- La Văn Ngâm
30- Nông Văn Ngự
31- Nguyễn Công Ngoan
32- Đỗ Đức Ngọ
33- Nông Đình Quảng
34- Dương Văn Sáo
35- Hoàng Sửu
36- Nguyễn Tuấn Sinh
37- Hà Nhân Thăng
38- Nguyễn Văn Tuế
39- Bùi Kiến Truy
40- Trần Toại
41- Nguyễn Văn Việt

** Uỷ viên dự khuyết BCH:*

42- Ngô Thị Bích Lựu
43- Lê Thạc Ngạn
44- Đặng Quốc Tiến
45- Vũ Đức Thịnh

- Từ Đại hội đại biểu tỉnh Bắc Thái khoá IV (2 1983), đồng chí Doanh Hằng - Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch UBND tỉnh không tham gia BCH Đảng bộ tỉnh, tuy nhiên đồng chí vẫn giữ chức Chủ tịch UBND tỉnh đến tháng 9 1983.

- Từ tháng 9 1983 đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Thái.

- Tháng 1 1986 đồng chí Nguyễn Đăng Hoà, Nguyễn Công Ngoan, Đặng Quốc Tiến được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

6- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá V (1986 - 1991), 58 uỷ viên:

** Ban Thường vụ:*

1- Nông Đức Mạnh - Bí thư Tỉnh uỷ

2- Nguyễn Ngô Hai - Phó Bí thư TT Tỉnh uỷ

3- Đặng Quốc Tiến - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh

4- Chu Văn Cường - Chủ tịch HĐND tỉnh[1]

5- Nguyễn Ân

6- Nguyễn Văn Tuế

7- Nguyễn Ngọc Yến

8- Nguyễn Văn Tính

9- Mai Phúc Toàn

10- Nguyễn Đăng Hoà

11- Nguyễn Công Ngoan

12- Bùi Điệp

13- Vũ Đức Thịnh

** Ban Chấp hành:*

14. Lý Xuân Lai

15-Nguyễn Văn Sứ

16- Lâm Thị Bjoóc

17- Hoàng Văn Pao

18- Phan Thế Ruệ

19- Phan Sum

20- Hoàng Sửu

21- Nguyễn Ngọc Sơn

22- Tiêu Thị Điểm

23- Lương Thị Định

24- Nguyễn Văn Đức

25- Nguyễn T. Phương Thảo

26- Lô Thị Tiềm

27- Mạc Văn Đạt

28- Dương Văn Hào

29- Hồ Đình Điều

---

[1] - Đồng chí Chu Văn Cường được bầu làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VIII (1989 - 1994).

30- Lê Ngọc Trọng
31- Nguyễn Hoài Khiêm
32- Hoàng Thị Thậm
33- Ngô Thị Bích Lựu
34- Nguyễn Văn Việt
35- Nguyễn Thế Luân
36- Đặng Phúc Lường
37- Vũ Xuân Lừ
38- Dương Văn Lương
39- Lương Đình Lũng
40- Phạm Văn Mai
41- Đỗ Đức Ngọ
42- Nông Thái Nghiệp
43- Nguyễn Văn Nhung
44- Nguyễn Sơn Oanh
45- Hà Văn Phụng

** Ủy viên dự khuyết BCH:*

46- Đào Thị Bé
47- Doãn chí Cao
48- Nguyễn Văn Chiến
49- Nguyễn Văn Chất
50- Vi Trọng Hiền
51- Đặng Văn Lâm
52- Hứa Đức Nhị
53- Ngô Quang Ngọ
54- Đàm Đức Oánh
55- Ma Đình Quáng
56- Phạm Xuân Thảo
57- Lê Văn Văn
58- Thăng Viết Vinh

- Tháng 10/1989 đồng chí Nông Đức Mạnh - Bí thư Tỉnh uỷ chuyên công tác về Trung ương, đồng chí Nguyễn Ngô Hai được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ.

- Tháng 11/1990 đồng chí Nguyễn Đăng Hoà, Nguyễn Văn Tuế nghỉ hưu, đồng chí Lý Xuân Lai được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

7- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá VI (1991 - 1996), 45 uỷ viên: [1]

** Ban Thường vụ:*

1- Nguyễn Ngô Hai - Bí thư Tỉnh uỷ

2- Đặng Quốc Tiến - Phó Bí thư TT Tỉnh uỷ

3- Mai Phúc Toàn - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh

4- Chu Văn Cường - Chủ tịch HĐND tỉnh

5- Nguyễn Ân

6- Hoàng Văn Pao

7- Lý Xuân Lai

8- Bùi Diệp

9- Phan Thế Ruệ

10- Hà Văn Phụng

11- Nông Ngọc Toản

** Ban Chấp hành:*

12- Ma Khánh Bào

13- Hà Sĩ Toàn

14- Triệu Quang

15- Ngô Thị Bích Lựu

16- Nguyễn Hoài Khiêm

17- Hứa Đức Nhị

18- Lương Thị Định

19- Lê Văn Văn

20- Hoàng Thị Thậm

21- Nguyễn Văn Chiến

22- Nông Thái Nghiệp

23- Nông Văn Kỉnh

24- Lê Quang Dực

25- Lâm Văn Việt

26- Đồng Huy Xuyên

27- Nguyễn Sơn Oanh

---

[1] Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ tỉnh bầu bổ sung vào Ban chấp hành khoá VI các đồng chí: Nguyễn Văn Bền, Nguyễn Thành Kính, Lương Đức Tính, Hoàng Đức Văn.

28- Chu Văn Nhẫn
29- Nguyễn Văn Đức
30- Nguyễn Văn Thanh
31- Dương Văn Hào
32- Nguyễn Thị Phương Thảo
33- Lê Xuân Hùng
34- Nông Văn Thụ
35- Đinh Xuân Thặng
36- Phan Sum
37- Lâm Thị Bjoóc
38- Đặng Phúc Lường
39- Nguyễn Văn Việt
40- Đinh Quang Ấn
41- Đàm Đức Oánh
42- Nghiêm Xuân Hiếu
43- Dương Văn Lương
44- Lê Ngọc Trọng
45- Đào Văn Phùng

8- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá VII (1996 - 2000), 47 uỷ viên[1]:

** Ban Thường vụ:*

1- Nguyễn Ngô Hai - Bí thư Tỉnh uỷ

2- Đặng Quốc Tiến - Phó Bí thư TT Tỉnh uỷ, Chủ tịch HĐND tỉnh

3- Mai Phúc Toàn - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh

4- Chu Văn Cường

5- Hà Văn Phụng

---

[1] - Ngày 22/12/1996, Bộ Chính trị ra Quyết định số 131/QĐNS/TW về việc kết thúc hoạt động của Đảng bộ và Tỉnh uỷ Bắc Thái, đồng thời thành lập Đảng bộ và Ban Chấp hành lâm thời Thái Nguyên (Quyết định này có hiệu lực từ ngày 1/1/1997). Trên thực tế Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái khoá VII chỉ hoạt động đến hết năm 1996.

6- Lý Xuân Lai
7- Bùi Diệp
8- Nguyễn Ân
9- Hoàng Văn Pao
10- Phan Thế Ruệ
11- Hà Sĩ Toàn
12- Ma Khánh Bào
13- Nguyễn Văn Khang

** Ban Chấp hành:*

14- Đặng Phúc Lường
15- Nguyễn Thị Phương Thảo
16- Nguyễn Thành Kính
17- Lê Quang Dực
18- Nguyễn Ngọc Lân
19- Nông Thái Nghiệp
20- Hoàng Thị Thậm
21- Nông Văn Thụ
22- Đỗ Mạnh Hùng
23- Ngô Sĩ Hưởng
24- Đinh Quang Ân
25- Lê Xuân Hùng
26- Lương Đức Tính
27- Ngô Thị Bích Lựu
28- Dương Văn Hào
29- Hứa Đức Nhị
30- Nguyễn Văn Bền
31- Nguyễn Văn Đức
32- Hoàng Đức Văn
33- Triệu Quang
34- Chu Văn Nhẫn
35- Dương Văn Lương
36- Lâm Văn Việt
37- Nông Văn Kinh
38- Nghiêm Xuân Hiếu
39- Nguyễn Quang Huy
40- Vi Văn Thư
41- Đoàn Đình Thế
42- Lèng Văn Tý
43- Nguyễn Văn Kim
44- Nguyễn Hoài Khiêm
45- Dương Thế Huấn
46- Nguyễn Văn Vượng
47- Lường Thị Ba

9- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khoá lâm thời (1/1/1997 - 11/1997), 35 uỷ viên:

** Ban Thường vụ:*

1- Nguyễn Ngô Hai - Bí thư Tỉnh uỷ

2- Chu Văn Cường - Phó Bí thư TT Tỉnh uỷ

3- Mai Phúc Toàn - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh

4- Nông Thái Nghiệp - Chủ tịch HĐND tỉnh

5- Nguyễn Ân

6- Đinh Quang Ấn

7- Ma Khánh Bào

8- Bùi Điệp

9- Nguyễn Văn Khang

10- Lý Xuân Lai

11- Hoàng Văn Pao

** Ban Chấp hành:*

12- Lê Quang Dực

13- Nguyễn Văn Đức

14- Dương Văn Hào

15- Nghiêm Xuân Hiếu

16- Dương Thế Huấn

17- Lê Xuân Hùng

18- Đỗ Mạnh Hùng

19- Nguyễn Quang Huy

20- Ngô Sĩ Hưởng

21- Nguyễn Hoài Khiêm

22- Nguyễn Thành Kính

23- Nguyễn Văn Kim

24- Nguyễn Ngọc Lân

25- Dương Văn Lương

26- Ngô Thị Bích Lựu

27- Chu Văn Nhẫn

28- Hứa Đức Nhị

29- Triệu Quang

30- Nguyễn T. Phương Thảo
31- Hoàng Thị Thậm
32- Đoàn Đình Thế
33- Vi Văn Thư
34- Lương Đức Tính
35- Nguyễn Văn Vượng

10- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khoá XV (1997 - 2001), 47 uỷ viên:

** Ban Thường vụ:*

1- **Nguyễn Ngô Hai** - Bí thư Tỉnh uỷ
2- **Chu Văn Cường** - Phó Bí thư TT Tỉnh uỷ
3- **Mai Phúc Toàn** - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh
4- **Nông Thái Nghiệp** - Chủ tịch HĐND tỉnh
5- **Nguyễn Ân**
6- **Đinh Quang Ấn**
7- **Bùi Điệp**
8- **Lê Xuân Hùng**
9- **Nguyễn Văn Khang**
10- **Lý Xuân Lai**
11- **Hoàng Văn Pao**
12- **Lương Đức Tính**

** Ban Chấp hành:*

13- **Vũ Hồng Bắc**
14- **Nguyễn Văn Chiến**
15- **Trịnh Thị Cúc**
16- **Lê Quang Dực**
17- **Nguyễn Văn Đề**
18- **Nguyễn Văn Đức**
19- **Dương Văn Hào**
20- **Nghiêm Xuân Hiếu**

21- Đỗ Mạnh Hùng
22- Dương Thế Huấn
23- Nguyễn Quang Huy
24- Ngô Sỹ Hưởng
25- Nguyễn Hoài Khiêm
26- Nguyễn Văn Kim
27- Nguyễn Thành Kính
28- Lý Ngọc Kính
29- Nguyễn Ngọc Lân
30- Nguyễn Thành Luận
31- Dương Văn Lương
32- Ngô Thị Bích Lựu
33- Đàm Thanh Nghị
34- Chu Văn Nhẫn
35- Hứa Đức Nhị
36- Triệu Quang
37- Hoàng Văn Sinh
38- Phạm Văn Tân
39- Nguyễn T. Phương Thảo
40- Hoàng Thị Thậm
41- Lê Cao Thăng
42- Vi Văn Thư
43- Dương Vương Thử
44- Đoàn Đình Thế
45- Chu Hồng Việt
46- Lê Duy Vỵ
47- Nguyễn Văn Vượng

- Tháng 10/1999, đồng chí Nguyễn Ngô Hai - Bí thư Tỉnh uỷ chuyển công tác về Trung ương, đồng chí Hồ Đức Việt được Trung ương điều về làm Bí thư Tỉnh uỷ.

- Ngày 29/11/1999 đồng chí Hứa Đức Nhị được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

- Tháng 3/2000 đồng chí Mai Phúc Toàn - Chủ tịch UBND tỉnh nghỉ hưu, đồng chí Lương Đức Tính được bầu giữ chức Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tháng 7/2000 đồng chí Hoàng Văn Pao nghỉ hưu. Tháng 8/2000 đồng chí Nguyễn Văn Vượng được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

11- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên khoá XVI (2001 - 2005), 47 uỷ viên:

** Ban Thường vụ:*

1- Hồ Đức Việt - Bí thư Tỉnh uỷ
2- Hứa Đức Nhị - Phó Bí thư TT Tỉnh uỷ, Chủ tịch HĐND tỉnh
3- Lương Đức Tính - Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh
4- Lê Xuân Hùng
5- Nguyễn Văn Vượng
6- Dương Văn Lương
7- Nguyễn Thành Kính
8- Chu Hồng Việt
9- Nguyễn Văn Kim
10- Trương Đình Đường
11- Nguyễn Văn Trình
12- Vi Văn Thư
13- Trịnh Thị Cúc

** Ban Chấp hành:*

14- Đàm Thanh Nghị
15- Nguyễn Ngọc Lân
16- Đỗ Đức Trọng
17- Lương Thị Đài
18- Hà Thị Xoan
19- Chu Văn Nhẫn
20- Ngô Sỹ Hường
21- Nguyễn Thị Hằng
22- Ma Thị Nguyệt
23- Nguyễn Xuân Sang
24- Nguyễn Thành Luận
25- Nguyễn Đình Bàng
26- Lý Ngọc Kính
27- Dương Văn Khanh
28- Đỗ Cao Khanh
29- Bùi Quang Huân
30- Phạm Văn Tân
31- Nhữ Văn Tâm
32- Dương Vương Thử
33- Lê Duy Vỵ
34- Đặng Văn Ngự
35- Hoàng Thị Điệp
36- Nguyễn Văn Chiến
37- Lê Quang Dực
38- Nguyễn Tài Hà
39- Đỗ Mạnh Hùng
40- Hoàng Văn Sinh
41- Phùng Đình Thiệu
42- Ngô Xuân Triệu
43- Vũ Hồng Bắc
44- Phạm Xuân Đương
45- Nguyễn Văn Đức
46- Lê Cao Thăng
47- Nguyễn Trí Dũng

- Tháng 9/2002, đồng chí Hồ Đức Việt, Bí Thư Tỉnh uỷ chuyển công tác về Trung ương, đồng chí Lương Đức Tình được phân công làm Bí thư Tỉnh uỷ kiêm Chủ tịch HĐND tỉnh; đồng chí Hứa Đức Nhị - Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ chuyển sang làm Chủ tịch UBND, tỉnh thôi giữ chức Chủ tịch HĐND tỉnh.

- Ngày 6/3/2003, đồng chí Nguyễn Bắc Sơn được Trung ương điều động về làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ.

- Tháng 12/2003, đồng chí Nguyễn Thành Kính được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ; đến tháng 5/2004, đồng chí được bầu giữ chức Chủ tịch HĐND tỉnh thay đồng chí Lương Đức Tình thôi giữ chức Chủ tịch HĐND tỉnh.

- Tháng 5/2004, đồng chí Nguyễn Văn Kim được bầu làm Chủ tịch UBND tỉnh; đồng chí Hứa Đức Nhị được điều động về Trung ương nhận công tác mới.

- Tháng 11/2004, đồng chí Lê Xuân Hùng nghỉ hưu. Ngày 3/3/2005, đồng chí Phạm Xuân Đương, Hà Thị Xoan được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

DANH SÁCH
CÁC TẬP THỂ VÀ CÁ NHÂN TỈNH THÁI NGUYÊN ĐƯỢC TUYÊN DƯƠNG DANH HIỆU "ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN", "ANH HÙNG LAO ĐỘNG" VÀ PHONG TẶNG, TRUY TẶNG DANH HIỆU "BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG"

A- Danh sách 81 tập thể được tuyên dương danh hiệu "Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân":

I- Thời kỳ chống Pháp: 63 tập thể

1- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

2- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Võ Nhai.

3- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Thượng , huyện Võ Nhai.

4- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai.

5- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã La Hiên, huyện Võ Nhai.

6- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai.

7- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Liên Minh, huyện Võ Nhai.

8- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Định Hoá.

9- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Đình, huyện Định Hoá.

10- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá.

11- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bảo Linh, huyện Định Hoá.

12- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Quy Kỳ, huyện Định Hoá.

13- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Điềm Mặc, huyện Định Hoá.

14- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Định Biên, huyện Định Hoá.

15- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thanh Định, huyện Định Hoá.

16- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Thành, huyện Định Hoá.

17- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Đồng Thịnh, huyện Định Hoá.

18- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phượng Tiến, huyện Định Hoá.

19- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bộc Nhiêu, huyện Định Hoá.

20- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Kim Phượng, huyện Định Hoá.

21- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Sơn Phú, huyện Định Hoá.

22- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Tiến, huyện Định Hoá.

23- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Yên, huyện Định Hoá.

24- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Trung Lương, huyện Định Hoá.

25- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ.

26- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Cù Vân, huyện Đại Từ.

27- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Yên Lãng, huyện Đại Từ.

28- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ.

29- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Lục Ba, huyện Đại Từ.

30- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ.

31- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã La Bằng, huyện Đại Từ.

32- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Minh Tiến, huyện Đại Từ.

33- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã An Khánh, huyện Đại Từ.

34- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Quân Chu, huyện Đại Từ.

35- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ.

36- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Văn Yên, huyện Đại Từ.

37- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Bình.

38- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Lương Phú, huyện Phú Bình.

39- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Kha Sơn, huyện Phú Bình.

40- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân T.T Hương Sơn, huyện Phú Bình.

41- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Hoà, huyện Phú Bình.

42- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hà Châu, huyện Phú Bình.

43- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Đức, huyện Phú Bình.

44- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình.

45- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Dương Thành, huyện Phú Bình.

46- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phổ Yên.

47- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên.

48- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đồng Hỷ.

49- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ.

50- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ.

51- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương.

52- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Động Đạt, huyện Phú Lương.

53- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương.

54- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Ôn Lương, huyện Phú Lương.

55- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hợp Thành, huyện Phú Lương.

56- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Yên Trạch, huyện Phú Lương.

57- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phú Lý, huyện Phú Lương.

58- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Vô Tranh, huyện Phú Lương.

59- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên.

60- Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ.

61- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên.

62- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Thịnh Dán (nay là phường Thịnh Dán), thành phố Thái Nguyên.

63- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Sơn, thị xã Sông Công.

II- Thời kỳ chống Mỹ, cứu nước: 15 tập thể

1- Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ Công ty Gang thép Thái Nguyên.

2- Cán bộ, công nhân và Lực lượng tự vệ Nhà máy điện Cao Ngạn (nay là Điện lực Thái Nguyên).

3- Lực lượng tự vệ Ty Bưu điện Thái Nguyên.

4- Công an thành phố Thái Nguyên.

5- Phòng Bảo vệ chính trị 4 (Công an tỉnh Thái Nguyên).

6- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân thành phố Thái Nguyên.

7- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên.

8- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

9- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên.

10- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Quán Triều, thành phố Thái Nguyên.

11- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên.

12- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên.

13- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Bình Thành, huyện Định Hoá.

14- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phúc Chu, huyện Định Hoá

15- Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hà Thượng, huyện Đại Từ.

III- Thời kỳ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và đổi mới: 3 tập thể

1- Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Đại Từ.

2- Phòng Cảnh sát Hình sự (Công an tỉnh Thái Nguyên).

3- Trại cải tạo Phú Sơn 4 (lần thứ nhất năm 1985).

B- Danh sách 3 tập thể được tuyên dương danh hiệu "Anh hùng Lao động":

1- Tổ tiện nữ số 2 (bạc đồng) Công ty Phụ tùng Máy Nông nghiệp số 1 Sông Công (1985).

2- Hợp tác xã Tức Tranh huyện Phú Lương (1985).

3- Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến (2000).

C- Danh sách 21 cá nhân (có sinh quán, trú quán và công tác tại Thái Nguyên) được tuyên dương danh hiệu: "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" và "Anh hùng Lao động":

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Thời gian tuyên dương Anh hùng
	Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân		
1	Dương Quảng Châu	1927	7/5/1956
2	Đàm Văn Nguỵ	1928	7/5/1956
3	Triệu Văn Báo	1932	7/5/1956
4	Hoàng Văn Nghiên	1939	1/1/1967
5	Phạm Thanh Ngân	1939	18/6/1969
6	Ma Văn Viên	1941	25/8/1970
7	Phạm Viết Đức	1936	1/10/1971
8	Ngô Văn Sơn	1947	3/6/1976
9	Trần Xuân Thiện	1954	6/11/1978
10	Trần Thế Lại	1933	20/12/1979
11	Âu Văn Hùng	1945	20/12/1979

12	Nguyễn Duy Nhất	1959	20/12/1979
13	Liệt sĩ Dương Như Thực	1957	22/7/1998
14	Liệt sĩ Nguyễn Văn Tiến	1961	22/7/1998
15	Liệt sĩ Nguyễn Văn Nhất	1959	22/7/1998
Anh hùng Lao động			
1	Nguyễn Mai Tâm	1933	4/5/1962
2	Trương Văn Nho	1910	1966
3	Nguyễn Văn Tý		1967
4	Trần Văn Trung	1936	29/8/1985
5	Đặng Đăng Lý	1949	20/10/2000
6	Nguyễn Khánh Quắc	1942	24/8/2000

D- Danh sách 131 "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng":

Số TT	Họ và tên	Quê quán	Số con hy sinh
Huyện Đại Từ: 29			
1	Lê Thị Thêm	Xã Yên Lãng	Có con độc nhất là liệt sỹ
2	Lê Thị Vo	Xã Bình Thuận	Có con độc nhất là liệt sỹ
3	Triệu Thị Bòng	Thị trấn Đại Từ	Có con độc nhất là liệt sỹ
4	Nguyễn Thị Nghênh	Xã Bình Thuận	Có con độc nhất là liệt sỹ
5	Trần Thị Tỵ	Xã kỳ Phú	Có con độc nhất là liệt sỹ
6	Đào Thị Lự	Xã Mỹ Yên	Có con độc nhất là liệt sỹ
7	Nguyễn Thị Năm	Xã Bản Ngoại	Có 3 con là liệt sỹ
8	Vũ Thị Gái	Xã Lục Ba	Có 3 con là liệt sỹ
9	Nguyễn Thị Ngần	Xã Lục Ba	Có cả 2 con là liệt sỹ
10	Trần Thị Tự	Xã Lục Ba	Có con độc nhất là liệt sỹ

11	Lương Thị Nhất	Xã Phục Linh	Có con độc nhất là liệt sỹ
12	Trần Thị Lai	Xã Minh Tiến	Có con độc nhất là liệt sỹ
13	Trần Thái Ninh	Xã Minh Tiến	Có con độc nhất là liệt sỹ
14	Nguyễn Thị Ngọt	Xã Hùng Sơn	Có con độc nhất là liệt sỹ
15	Nguyễn Thị Xuân	Xã Bình Thuận	Có con độc nhất là liệt sỹ
16	Phạm Thị Mầu	Xã Hà Thượng	Có con độc nhất là liệt sỹ
17	Nguyễn Thị Thanh	Xã Bình Thuận	Có con độc nhất là liệt sỹ
18	Nguyễn Thị Gái	Xã Cù Vân	Có con độc nhất là liệt sỹ
19	Nguyễn Thị Lai	Xã Cù Vân	Có con độc nhất là liệt sỹ
20	Nguyễn Thị Chất	Xã Na Mao	Có con độc nhất là liệt sỹ
21	Nguyễn Thị Lai	Xã Bình Thuận	Có con độc nhất là liệt sỹ
22	Dương Thị Từ	Xã Mỹ Yên	Có con độc nhất là liệt sỹ
23	Nguyễn Thị Viết	Xã Yên Lãng	Có con độc nhất là liệt sỹ
24	Hoàng Thị Dẹt	Xã Bình Thuận	Có con độc nhất là liệt sỹ
25	Vi Thị Ly	Xã Bình Thuận	Có con độc nhất là liệt sỹ
26	Nguyễn Thị Lĩnh	Xã Mỹ Yên	Có con độc nhất là liệt sỹ
27	Đinh Thị Bé	Xã Phục Linh	Có con độc nhất là liệt sỹ
28	Lê Thị Mạc	Xã Bình Thuận	Có con độc nhất là liệt sỹ
29	Ngô Thị Chất	Xã Phục Linh	Có con độc nhất là liệt sỹ
	Huyện Phú Bình: 24		
1	Trần Thị Nguyên	Xã Tân Kim	Có con độc nhất là liệt sỹ
2	Dương Thị Thịnh	Xã Xuân Phương	Có con độc nhất là liệt sỹ

3	Nguyễn Thị Kính	Xã Tân Hoà	Có con độc nhất là liệt sỹ
4	Lê Thị Ong	Xã Dương Thành	Có 3 con là liệt sỹ
5	Dương Thị Đào	Xã Thượng Đình	Có 2 con là liệt sỹ
6	Nguyễn Thị Thu	Xã Dương Thành	Có con độc nhất là liệt sỹ
7	Trần Thị Bốn	Xã Kha Sơn	Có con độc nhất là liệt sỹ
8	Nguyễn Thị Nhữ	Xã Kha Sơn	Có con độc nhất là liệt sỹ
9	Vũ Thị Sung	Xã Lương Phú	Có con độc nhất là liệt sỹ
10	Nguyễn Thị Nhất	Xã Hà Châu	Có con độc nhất là liệt sỹ
11	Dương Thị Xay	Xã Úc Kỳ	Có con độc nhất là liệt sỹ
12	An Thị Hà	Xã Tân Kim	Có con độc nhất là liệt sỹ
13	Dương Thị Liễn	Xã Điềm Thuỵ	Có con độc nhất là liệt sỹ
14	Nguyễn Thị So	Xã Hương Sơn	Có con độc nhất là liệt sỹ
15	Dương Thị Quýt	Xã Bao Lý	Có con độc nhất là liệt sỹ
16	Nguyễn Thị Đài	Xã Lương Phú	Có con độc nhất là liệt sỹ
17	Trần Thị Khuyên	Xã Đào Xá	Có con độc nhất là liệt sỹ
18	Hoàng Thị Tuế	Xã Xuân Phương	Có con độc nhất là liệt sỹ
19	Phạm Thị Hai	Xã Lương Phú	Có con độc nhất là liệt sỹ
20	Phạm Thị È (tức Đào)	Xã Tân Kim	Có con độc nhất là liệt sỹ
21	Vũ Thị Cân	Xã Thanh Ninh	Có con độc nhất là liệt sỹ
22	Vũ Thị Nghếch	Xã Tân Kim	Có con độc nhất là liệt sỹ
23	Dương Thị Vững	Xã Nga My	Có con độc nhất là liệt sỹ
24	Nguyễn Thị Hạt	Xã Nga My	Có con độc nhất là liệt sỹ

Thành phố Thái Nguyên: 20			
1	Hoàng Thị Dân	P. Đồng Quang	Có con độc nhất là liệt sỹ
2	Đàm Thị Thìn	Xã Thịnh Đán	Có 3 con là liệt sỹ
3	Trần Thị Tý	P. Phan Đình Phùng	Có 2 con đẻ và 1 con nuôi là liệt sỹ
4	Nguyễn Thị Vân	Phường Gia Sàng	Có ca 2 con là liệt sỹ
5	Trương Thị Hồi	Phường Cam Giá	Có con độc nhất là liệt sỹ
6	Nguyễn Thị Sáu	Xã Phúc Trìu	Có con độc nhất là liệt sỹ
7	Hoàng Thị Đằng	Xã Tích Lương	Có con độc nhất là liệt sỹ
8	Ngô Thị Chén	Xã Tân Cương	Có con độc nhất là liệt sỹ
9	Trần Thị Bây	Xã Phúc Hà	Có con độc nhất là liệt sỹ
10	Lê Thị Chắt	Xã Tích Lương	Có con độc nhất là liệt sỹ
11	Lê Thị Bốn	Xã Tích Lương	Có con độc nhất là liệt sỹ
12	Nguyễn Thị Ngoại	P. Tân Thịnh	Có con độc nhất là liệt sỹ
13	Nguyễn Thị Cải	P. Hương Sơn	Có con độc nhất là liệt sỹ
14	Nguyễn Thị Thục	P. Trưng Vương	Có con độc nhất là liệt sỹ
15	Nguyễn Thị Hứa	Phường Cam Giá	Có con độc nhất là liệt sỹ
16	Đồng Thị Rỡ	P. Trưng Vương	Có con độc nhất là liệt sỹ
17	Nguyễn Thị Nuôi	P. Túc Duyên	Có con độc nhất là liệt sỹ
18	Nguyễn Thị Tập	Phường Gia Sàng	Có con độc nhất là liệt sỹ
19	Nguyễn Thị Bình	P. Túc Duyên	Có con độc nhất là liệt sỹ
20	Phạm Thị Gái	P. Phan Đình Phùng	Có con độc nhất là liệt sỹ

	Huyện Phổ Yên: 18		
1	Phan Thị Hơn	Xã Đông Cao	Có con độc nhất là liệt sỹ
2	Nguyễn Thị Dần	Xã Tân Hương	Có 3 con là liệt sỹ
3	Trương Thị Hạ	Xã Nam Tiến	Có cả 2 con là liệt sỹ
4	Nguyễn Thị Lý	Xã Tân Hương	Có con độc nhất là liệt sỹ
5	Nguyễn Thị Sao	Xã Tân Hương	Có con độc nhất là liệt sỹ
6	Nguyễn Thị Tý	Xã Tân Hương	Có con độc nhất là liệt sỹ
7	Nguyễn Thị Tân	Xã Đồng Tiến	Có con độc nhất là liệt sỹ
8	Trần Thị Hựu	Xã Đồng Tiến	Có con độc nhất là liệt sỹ
9	Nguyễn Thị Bưởi	Xã Đồng Tiến	Có con độc nhất là liệt sỹ
10	Nguyễn Thị Chức	Xã Đắc Sơn	Có con độc nhất là liệt sỹ
11	Vũ Thị Đào	Xã Đắc Sơn	Có con độc nhất là liệt sỹ
12	Lê Thị Liên	Xã Nam Tiến	Có con độc nhất là liệt sỹ
13	Lê Thị Cưu	Xã Nam Tiến	Có con độc nhất là liệt sỹ
14	Nguyễn Thị Võ (Tức Yến)	Xã Nam Tiến	Có con độc nhất là liệt sỹ
15	Lê Thị Thái	Xã Vạn Phái	Có con độc nhất là liệt sỹ
16	Vũ Thị Sách	Xã Vạn Phái	Có con độc nhất là liệt sỹ
17	Dương Thị Nhị	Xã Thành Công	Có con độc nhất là liệt sỹ
18	Hoàng Thị Hân	Xã Tiên Phong	Có con độc nhất là liệt sỹ

		Huyện Đồng Hỷ: 10	
1	Hà Thị Nhe	Xã Hoá Thượng	Có 3 con là liệt sỹ
2	Lê Thị Bé	Xã Cao Ngạn	Có 3 con là liệt sỹ
3	Nguyễn Thị Mỹ	Xã Cao Ngạn	Có con độc nhất là liệt sỹ
4	Nguyễn Thị Vượng	Xã Cao Ngạn	Có con độc nhất là liệt sỹ
5	Đỗ Thị Gái	Xã Đồng Bẩm	Có con độc nhất là liệt sỹ
6	Nguyễn Thị Hồng	Xã Đồng Bẩm	Có con độc nhất là liệt sỹ
7	Nguyễn Thị Phú	Xã Đồng Bẩm	Có con độc nhất là liệt sỹ
8	Bùi Thị Hẹn	Xã Cao Ngạn	Có con độc nhất là liệt sỹ
9	Nguyễn Thị Khánh	X. Huống Thượng	Có con độc nhất là liệt sỹ
10	Đặng Thị Thăng	Thị trấn Trại Cau	Có con độc nhất là liệt sỹ
		Huyện Định Hoá: 10	
1	Nguyễn Thị Huệ	Xã Điềm Mặc	Có con độc nhất là liệt sỹ
2	Trần Thị Chinh	Xã Bộc Nhiêu	Có con độc nhất là liệt sỹ
3	Lộc Thị Siêu	Xã Đồng Thịnh	Có con độc nhất là liệt sỹ
4	Đào Thị Mai	Thị trấn Chợ Chu	Có con độc nhất là liệt sỹ
5	Nguyễn Thị Mong	Xã Trung Lương	Có 3 con là liệt sỹ
6	Nguyễn Thị Định	Xã Phượng Tiến	Có 3 con là liệt sỹ
7	Nguyễn Thị Khuyên	Xã Trung Lương	Có 3 con là liệt sỹ
8	Đàm Thị Lá	Thị trấn Chợ Chu	Có con độc nhất là liệt sỹ
9	Lò Thị Muồn	Xã Tân Thịnh	Có con độc nhất là liệt sỹ
10	Nguyễn Thị Anh	Xã Sơn Phú	Có con độc nhất là liệt sỹ

		Huyện Võ Nhai: 9	
1	Phan Thị Sây	Xã Phú Thượng	Có 4 con là liệt sỹ
2	Lương Thị Mặc	Xã Thần Xa	Có 3 con là liệt sỹ
3	Lưu Thị Châu	Xã Tràng Xá	Có 3 con là liệt sỹ
4	Hứa Thị Pit	Xã Bình Long	Có con độc nhất là liệt sỹ
5	La Thị Sau	Xã La Hiên	Có con độc nhất là liệt sỹ
6	Lý Thị Tự	Xã Cúc Đường	Có con độc nhất là liệt sỹ
7	Ma Thị Tiêu	Xã Thượng Nung	Có con độc nhất là liệt sỹ
8	Lý Thị Vãng	Xã Thượng Nung	Có con độc nhất là liệt sỹ
9	Nguyễn Thị Ngát	Xã Liên Minh	Có con độc nhất là liệt sỹ
		Huyện Phú Lương: 8	
1	Nguyễn Thị Mùi	Xã Võ Tranh	Chồng và 2 con là liệt sỹ
2	Vũ Thị Ba	Xã Phấn Mễ	Có con độc nhất là liệt sỹ
3	Phó Thị Thanh	Xã Sơn Cẩm	Có con độc nhất là liệt sỹ
4	Nguyễn Thị Tèo	Xã Sơn Cẩm	Có con độc nhất là liệt sỹ
5	Dương Thị Lễ	Xã Sơn Cẩm	Có con độc nhất là liệt sỹ
6	Nguyễn Thị Nhượng	Xã Cổ Lũng	Có con độc nhất là liệt sỹ
7	Hoàng Thị Soi	Xã Cổ Lũng	Có con độc nhất là liệt sỹ
8	Đồng Thị Mịt	Xã Tức Tranh	Có con độc nhất là liệt sỹ
		Thị xã Sông Công: 3	
1	Lương Thị Tường	Xã Tân Quang	Có con độc nhất là liệt sỹ
2	Nguyễn Thị Hoành	Xã Bình Sơn	Có con độc nhất là liệt sỹ
3	Cao Thị Hợi	Xã Bá Xuyên	Có con độc nhất là liệt sỹ

DANH MỤC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HOÁ VÀ DANH LAM THẮNG CẢNH CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN ĐƯỢC XẾP HẠNG CẤP QUỐC GIA

Số TT	Tên di tích đã xếp hạng	Số Quyết định, thời gian
	DI TÍCH KHẢO CỔ HỌC	
1	Khu di tích khảo cổ học thời đại đồ đá cũ ở Thần Sa, xã Thần Sa, huyện Võ Nhai, bao gồm hang Phiêng Tung, Mái đá Ngườm, và một số hang khác.	Số 147/VH-QĐ ngày 24-12-1982
	DI TÍCH LỊCH SỬ	
2	Khu di tích núi Văn, núi Võ thuộc xã Ký Phú, Vân Yên, huyện Đại Từ. Cảnh đẹp và là nơi có nhiều dấu tích về Lưu Nhân Chú, một tướng có công trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi Chỉ huy đánh giặc Minh đầu thế kỷ XV (1428).	Số 10-VHTT/QĐ ngày 9/2/1981
3	Một số địa điểm của An toàn khu (ATK) Trung ương: nơi ở và làm việc của Bác Hồ, Trung ương Đảng, Chính phủ trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954): Tín Keo, Khuôn Tát (xã Phú Đình); nơi ở và làm việc của đồng chí Trường Chinh	Số 10-VHTT/QĐ ngày 9/2/1981

	xóm Phụng Hiến, xã Điềm Mặc, huyện Định Hoá.	
4	Di tích lịch sử cách mạng xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên	Số 1539-QĐ/BT ngày 27/12/1990
5	Di tích lịch sử và nghệ thuật Đền Lục Giáp (Miếu Vật), xã Đắc Sơn, huyện Phổ Yên.	Số 774-QĐ/BT ngày 21/6/1993
6	Di tích lịch sử và thắng cảnh Đền Đuổm, xã Động Đạt, huyện Phú Lương.	Số 774-QĐ/BT ngày 21/6/1993
7	Di tích lịch sử: Nơi thành lập Việt Nam giải phóng quân, xã Định Biên, huyện Định Hoá.	Số 1034-QĐ/VH ngày 12/8/1993
8	Di tích lịch sử: Địa điểm thành lập Đội Cứu quốc quân II ngày 15/9/1941 (rừng Khuôn Mánh), xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai.	Số 3211-QĐ/BT ngày 12/12/1994
9	Di tích lịch sử: Địa điểm Căng Bá Vân, xã Bình Sơn, huyện Phổ Yên (nay thuộc thị xã Sông Công).	Số 3211-QĐ/BT ngày 12/12/1994
10	Di tích lịch sử: Cụm di tích Kha Sơn (Chùa Mai Sơn, Rừng Rác, Nhà ông Cao Nhật, địa điểm Rừng Mấn, Đình Kha Sơn Hạ, Chùa làng Ca, Đình Kha Sơn Hạ), xã Kha Sơn, huyện Phú Bình.	Số 985-QĐ/VH ngày 7/5/1997

11	Di tích lịch sử: Địa điểm công bố ngày Thương binh liệt sỹ toàn quốc (27/7/1947) xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ.	Số 2205-QĐ/VH ngày 17/7/1997
12	Di tích lịch sử: Một số địa điểm của cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917 (Dinh Công sứ, Trại lính khố xanh, Nhà lao Thái Nguyên (phường Trưng Vương), Phòng tuyến Gia Sàng (phường Phan Đình Phùng) và Đền thờ Đội Cấn (phường Hoàng Văn Thụ), thành phố Thái Nguyên.	Số 2619-QĐ/BT ngày 27/8/1997
13	Di tích lịch sử: Nhà tù Chợ Chu, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá.	Số253/QĐ/BVHTT ngày 25/12/1998
14	Di tích lịch sử: Nơi thành lập cơ sở Đảng Cộng sản đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên năm 1936, tại xã La Bằng, huyện Đại Từ.	Số 05/1999-QĐ-BVHTT ngày 12/ 2/1999
15	Di tích lịch sử: Địa điểm thành lập cơ quan Chỉ huy Chiến khu Nguyễn Huệ, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ.	Số 05/1999-QĐ-BVHTT ngày 12/ 2/1999
16	Di tích lịch sử: Địa điểm cơ quan Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam (1949 - 1954) xã Bảo Linh, huyện Định Hóa.	Số 43/1999 - BVHTT ngày 12/7/1999.

17	Di tích lịch sử: Địa điểm lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm khu Công nghiệp Gang thép Thái Nguyên, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên.	Số 62/2003/QĐ-BVHTT ngày 27/11/2003
18	Di tích lịch sử: Địa điểm thành lập Hội Nhà báo Việt Nam, xã Điềm Mặc, huyện Định Hoá.	Số 74/2004/QĐ-BVHTT ngày 23/8/2004
19	Di tích lịch sử: Địa điểm Đại hội chiến sỹ thi đua toàn quốc lần thứ nhất (1952) xã Hợp Thành, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.	Số 98/2004/QĐ-BVHTT ngày 15/12/2004
20	Di tích lịch sử: Địa điểm Xưởng Quân giới, nơi chế tạo thành công súng Bazoka(1947) thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.	Số 98/2004/QĐ-BVHTT ngày 15/12/2004
21	**DI TÍCH KIẾN TRÚC- NGHỆ THUẬT** Di tích kiến trúc - nghệ thuật: Đình Phương Độ, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình.	Số 774-QĐ/BT ngày 21/6/1993
22	Di tích kiến trúc - nghệ thuật: Đình Hộ Lệnh, xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình.	Số 04/2001-QĐ/BVHTT ngày 19/1/2001

23	Di tích kiến trúc - nghệ thuật: Đình Xuân La, xã Xuân Phương, huyện Phú Bình.	Số 53/2001/QĐ-BVHTT ngày 28/12/2001
24	Di tích kiến trúc - nghệ thuật: Chùa úc Kỳ, xã úc Kỳ, huyện Phú Bình.	Số 98/2004/QĐ-BVHTT ngày 15/12/2004
25	Di tích kiến trúc - nghệ thuật: Chùa Ha, xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình.	Số 98/2004/QĐ-BVHTT ngày 15/12/2004
	DI TÍCH THẮNG CẢNH	
26	Di tích lịch sử và thắng cảnh: Hang Phượng Hoàng, hang và suối Mó Gà, xã Phú Thượng, huyện Võ Nhai.	Số 3211-QĐ/BT ngày 12/12/1994
27	Di tích thắng cảnh: Động Linh Sơn, xã Linh Sơn, huyện Đồng Hỷ.	Số 07/1999-QĐ/BVHTT ngày 6/2/1999.
28	Di tích thắng cảnh: Chùa Hang, thị trấn Chùa Hang, huyện Đồng Hỷ.	Số 07/1999-QĐ/BVHTT ngày 6/2/1999.
29	Thắng cảnh: Thác Khuôn Tát, xã Phú Đình, huyện Định Hoá.	Số 53/2001/QĐ-BVHTT ngày 28/12/2001

DANH MỤC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HOÁ VÀ DANH LAM THẮNG CẢNH ĐÃ ĐƯỢC UBND TỈNH THÁI NGUYÊN XẾP HẠNG

STT	Tên di tích đã xếp hạng	Số Quyết định, thời gian
1	Di tích lịch sử và thắng cảnh: Chùa Hang, thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá	Số 181/UB-QĐ ngày 31/ 3/1994
2	Di tích lịch sử: Đền Tăng*(đền Na Thức)*, xã Phú Lạc, huyện Đại Từ.	Số 181/UB-QĐ ngày 31/3/1994
3	Di tích kiến trúc - nghệ thuật: Chùa Tây Phúc, xã Tân Phú, huyện Phổ Yên.	Số 1719/QĐ-UB ngày 22/7/2004
4	Di tích lịch sử: Chùa Phú Mỹ, xã Lương Phú, huyện Phú Bình.	Số 1718/QĐ-UB ngày 22/7/2004
5	Di tích lịch sử: Địa điểm khai sinh Ngành Điện ảnh và Nhiếp ảnh cách mạng Việt Nam (1953) xã Điềm Mặc, huyện Định Hoá.	Số 1720/ QĐ-UB ngày 22/7/2004

6	Di tích lịch sử và nghệ thuật Đền Giá, xã Đông Cao, huyện Phổ Yên.	Số 2777/QĐ-UB ngày 12/11/2004
7	Di tích lịch sử: Địa điểm Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Trường Thiếu nhi rẻo cao Khu Tự trị Việt Bắc, phường Quang Vinh, thành phố Thái Nguyên.	Số 2779/QĐ-UB ngày 12/11/2004
8	Di tích lịch sử văn hoá: Chùa Đồi Cao, xã Tân Hương, huyện Phổ Yên.	Số 2775/ QĐ-UB ngày12/ 11/2004
9	Di tích lịch sử văn hoá: Đình Thù Lâm, xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên.	Số 2774/ QĐ-UB ngày 12/11/2004
10	Di tích lịch sử văn hoá: Đền Đồng Thụ, xã Thuận Thành, huyện Phổ Yên.	Số 2774/ QĐ-UB ngày 12/11/2004
11	Di tích lịch sử văn hoá: Đền Đan Hà, xã Thành Công, huyện Phổ Yên.	Số 2773/ QĐ-UB ngày 12/11/2004

MỤC LỤC

- Lời giới thiệu 3

- **Chương I:** Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu và chi viện chiến trường (7/1965 - 5/1975) 6

- **Chương II:** Lãnh đạo thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ tổ quốc (5/1975 - 12/1986) 139

- **Chương III:** Lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới (12/1986 - 12/1996) 224

- **Chương IV:** Tiếp tục lãnh đạo thực hiện đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (12/1996 - 12/2000) 333

- Kết luận 406

- Phần phụ lục 423

Sửa bản in:

- **VŨ THANH KHÔI**
- **ĐỖ THỊ THÌN**
- **NGUYỄN THU HUYỀN**
- **LÊ VIỆT HÀ**

In 1800 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty in Thái Nguyên. Giấy phép XB số 29/GP SVHTT Thái Nguyên cấp ngày 15-11-2005. In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2005.